HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

NGUYỄN NHỊ HÀ

GIÁO DỤC PHÁP LUẬT CHO ĐỒNG BÀO DÂN TỘC RAGLAI Ở VIỆT NAM

LUẬN ÁN TIẾN SĨ
NGÀNH: LÝ LUẬN VÀ LỊCH SỬ NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT

HÀ NỘI - 2026

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

NGUYỄN NHỊ HÀ

GIÁO DỤC PHÁP LUẬT CHO ĐỒNG BÀO DÂN TỘC RAGLAI Ở VIỆT NAM

LUẬN ÁN TIẾN SĨ
NGÀNH: LÝ LUẬN VÀ LỊCH SỬ NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT
Mã số: 9 38 01 06

Người hướng dẫn khoa học: **PGS.TS. Đoàn Thị Tố Uyên**
PGS.TS. Dương Thị Tươi

HÀ NỘI - 2026

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu độc lập của riêng mình. Các số liệu được sử dụng trong luận án là trung thực, có nguồn gốc rõ ràng và được trích dẫn theo đúng quy định.

Tác giả



Nguyễn Nhị Hà

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

CNXH	: Chủ nghĩa xã hội
CB,CC	: Cán bộ, công chức
DTTS	: Dân tộc thiểu số
GDPL	: Giáo dục pháp luật
KT-XH	: Kinh tế - xã hội
XHCN	: Xã hội chủ nghĩa
VBQPPL	: Văn bản quy phạm pháp luật

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU 1

CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA CẦN TIẾP TỤC NGHIÊN CỨU .8

1.1. Tình hình nghiên cứu liên quan đến luận án 8

1.2. Một số nhận xét, đánh giá và những vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu trong luận án 22

1.3. Giả thuyết khoa học, câu hỏi nghiên cứu và khung phân tích lý thuyết 24

TIỂU KẾT CHƯƠNG 1 26

CHƯƠNG 2. CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ GIÁO DỤC PHÁP LUẬT CHO ĐỒNG BÀO DÂN TỘC RAGALAI 27

2.1. Khái niệm, đặc điểm, vai trò giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Raglai ..27

2.2. Các thành tố của giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Raglai..... 49

2.3. Các điều kiện bảo đảm giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Raglai.... 60

2.4. Kinh nghiệm giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc thiểu số của một số quốc gia trên thế giới và giá trị tham khảo cho Việt Nam 66

TIỂU KẾT CHƯƠNG 2..... 79

CHƯƠNG 3. CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG VÀ THỰC TRẠNG GIÁO DỤC PHÁP LUẬT CHO ĐỒNG BÀO DÂN TỘC RAGLAI Ở VIỆT NAM..... 80

3.1. Các yếu tố ảnh hưởng đến thực trạng giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Raglai ở Việt Nam..... 80

3.2. Thực trạng giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Raglai ở Việt Nam hiện nay 94

TIỂU KẾT CHƯƠNG 3..... 125

CHƯƠNG 4. DỰ BÁO VÀ QUAN ĐIỂM, GIẢI PHÁP BẢO ĐẢM GIÁO DỤC PHÁP LUẬT CHO ĐỒNG BÀO DÂN TỘC RAGLAI Ở VIỆT NAM..... 126

4.1. Dự báo tình hình..... 126

4.2. Quan điểm bảo đảm giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Raglai ở Việt Nam 133
4.3. Các giải pháp bảo đảm giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Raglai ở Việt Nam 138
TIỂU KẾT CHƯƠNG 4 160
KẾT LUẬN 161
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO
PHỤ LỤC

DANH MỤC BẢNG

Bảng 3.1: Số lượng người có uy tín ở khu vực Nam Trung Bộ..... 90
Bảng 3.2: Cơ cấu đồng bào dân tộc Raglai ở khu vực Nam Trung Bộ 91
Bảng 3.3: Thống kê phạm nhân đang chấp hành án phạt tù là đồng bào dân tộc Raglai là tại Trại giam Sông Cái, Bộ Công an..... 93

DANH MỤC BIỂU ĐỒ

Biểu đồ 3.1: Hạn chế chủ yếu trong công tác giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Raglai ở Việt Nam..... 117
Biểu đồ 3.2: Những hạn chế của báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luậtcho đồng bào dân tộc Raglai ở Việt Nam..... 119

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài luận án

Giáo dục pháp luật là quá trình tác động thường xuyên, liên tục, hệ thống và có mục đích tới nhận thức của con người nhằm nâng cao hiểu biết, hình thành tri thức pháp luật phù hợp với các chủ thể, hình thành thói quen xử sự theo pháp luật với động cơ tích cực, góp phần xây dựng xã hội trật tự, kỷ cương, an toàn, lành mạnh. Một trong những nhiệm vụ chiến lược được Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV xác định là: *"Tập trung ưu tiên xây dựng đồng bộ thể chế phát triển, trọng tâm là hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách nhằm tháo gỡ kịp thời, dứt điểm các nút thắt, điểm nghẽn…*" [23, tr.384]. Việt Nam là quốc gia đa dân tộc, trong đó 53/54 DTTS, chiếm 14,7% dân số cả nước [76]; với địa bàn cư trú chủ yếu ở khu vực miền núi, biên giới, vùng sâu, vùng xa, có điều kiện KT-XH khó khăn. Đây là những địa bàn *"phên dậu",* có vị trí chiến lược trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN. Vì vậy, trong quá trình xây dựng, phát triển đất nước, Đảng, Nhà nước ta luôn đặc biệt quan tâm xây dựng, thực hiện chính sách cho vùng đồng bào DTTS; xác định công tác dân tộc, đoàn kết dân tộc có vị trí đặc biệt quan trọng của cách mạng Việt Nam.

Theo kết quả Tổng điều tra dân số và nhà ở Việt Nam, năm 2019, đồng bào dân tộc Raglai có khoảng 146.613 người, xếp thứ 19/54 dân tộc ở nước ta và phân bố tại 18/63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, tập trung chủ yếu ở khu vực Nam Trung Bộ [76]. Trong quá trình sinh sống, làm việc, đa số đồng bào dân tộc Raglai đã tuân thủ các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và của địa phương nơi cư trú, đóng góp quan trọng vào quá trình phát triển KT-XH của đất nước. Tuy nhiên, vẫn còn một bộ phận đồng bào dân tộc Raglai do nhiều nguyên nhân khác nhau cả yếu tố khách quan, chủ quan còn có hành vi vi phạm pháp luật. Trong giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025, có 125 đối tượng là người dân tộc Raglai đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam Sông Cái, Cục Cảnh sát quản lý trại giam, cơ sở giáo dục bắt buộc, trường giáo dưỡng, Bộ Công an [Bảng 2].

Thực hiện Quyết định số 1163/QĐ-TTg ngày 08/8/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án đẩy mạnh công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và tuyên truyền, vận động đồng bào dân tộc thiểu số, giai đoạn 2017-2021 *(Đề án số 1163)*, cấp ủy, chính quyền địa phương đã ban hành nhiều chủ trương, biện pháp đồng bộ nhằm nâng cao nhận thức, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về ý thức, thực hiện pháp luật cho đồng bào DTTS nói chung, đồng bào dân tộc Raglai ở Việt Nam nói riêng. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đã đạt được là cơ bản, nhất là trong bối cảnh cả hệ thống chính trị đang đẩy mạnh triển khai thực hiện mô hình chính quyền địa phương hai cấp, công tác GDPL cho đồng bào Raglai ở Việt Nam đã bộc lộ một số tồn tại, hạn chế, như: mục tiêu GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai đôi khi chưa cụ thể, rõ ràng; nhận thức của một bộ phận cán bộ, đảng viên về vị trí, vai trò của công tác GDPL nói chung, GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai nói riêng chưa đầy đủ; nội dung, hình thức GDPL đôi khi còn chậm được đổi mới, chưa phong phú, đa dạng; công tác sơ kết, tổng kết trong một số trường hợp cụ thể còn mang tính hình thức, chưa bám sát yêu cầu thực tiễn…

Mặc dù, những vấn đề lý luận về công tác GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai đã được các nhà khoa học, các chuyên gia thực tiễn ở trong nước và ở ngoài nước bước đầu quan tâm, nghiên cứu. Tuy nhiên, chưa có một công trình khoa học đã được công bố nào nghiên cứu một cách trực diện, hệ thống, khoa học và toàn diện về công tác GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai ở Việt Nam. Trong quá trình tổ chức thực hiện công tác GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai nhiều vấn đề lý luận đòi hỏi cần phải được tiếp tục nghiên cứu, bổ sung, hoàn thiện nhằm đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới, như: khái niệm, nội dung, hình thức, biện pháp và các điều kiện bảo đảm. Đây là những vấn đề quan trọng trong việc tạo sự thống nhất về mặt nhận thức, định hướng hoạt động thực tiễn của các chủ thể, đối tượng có liên quan nhằm hiện thực hoá các mục tiêu chiến lược đã được Đảng, Nhà nước ta xác định trong kỷ nguyên mới của dân tộc.

Trong bối cảnh nước ta đang tích cực triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng, *"cơ đồ, vị thế và uy tín của đất nước ngày càng được nâng cao trên trường quốc tế*", thời cơ, thuận lợi và khó khăn, thách thức đan xen, tiềm ẩn nhiều nguy cơ gây mất an ninh, trật tự. Các thế lực

thù địch, các loại tội phạm sẽ triệt để lợi dụng những sơ hở, thiếu sót trong việc ban hành, tổ chức thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nhất là lợi dụng sự thiếu hiểu biết để mua chuộc, dụ dỗ, lôi kéo, kích động đồng bào DTTS nói chung, đồng bào Raglai ở Việt Nam nói riêng gây mất an ninh, trật tự trên địa bàn, xâm hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của các tổ chức, cá nhân nhằm chống phá công cuộc đổi mới đất nước, đi lên xây dựng CNXH ở nước ta. Vì vậy, việc nâng cao hiệu quả công tác GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai ở Việt Nam là vấn đề mang tính cấp thiết trong bối cảnh, tình hình mới.

Trên cơ sở các lý do trên, tác giả đã nghiên cứu, lựa chọn đề tài ***"Giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Raglai ở Việt Nam"*** làm luận án Tiến sĩ.

2. Mục đích, nhiệm vụ nghiên cứu

2.1. Mục đích nghiên cứu

Trên cơ sở phân tích, làm rõ những vấn đề lý luận và thực tiễn công tác GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai ở Việt Nam, tác giả đề xuất quan điểm, giải pháp bảo đảm GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai ở Việt Nam trong thời gian tới.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để thực hiện mục đích nghiên cứu trên, luận án cần tập trung thực hiện tốt một số nhiệm vụ cơ bản sau:

- Tổng quan tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài; chỉ ra những vấn đề có thể tham khảo, kế thừa, hoặc những vấn đề cần phải tiếp tục nghiên cứu, bổ sung, đồng thời, tập trung làm rõ và câu hỏi, giả thuyết nghiên cứu, khung phân tích lý thuyết cơ bản.

- Hệ thống hóa cơ sở lý luận về GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai, như: khái niệm, đặc điểm, vai trò, nội dung, hình thức, các điều kiện bảo đảm; kinh nghiệm GDPL cho đồng bào DTTS ở một số quốc gia trên thế giới và giá trị tham khảo cho Việt Nam.

- Phân tích đặc điểm tình hình có liên quan và thực trạng GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai ở Việt Nam. Trên cơ sở đó, chỉ ra những ưu điểm, những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân.

- Đưa ra các dự báo, đề xuất các quan điểm chỉ đạo, giải pháp nhằm bảo đảm GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai ở Việt Nam trong bối cảnh tình hình mới.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Luận án tập trung nghiên cứu các quan hệ pháp luật và các quan hệ xã hội có liên quan đến việc tổ chức thực hiện GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai ở Việt Nam.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

- *Về nội dung:* Luận án tập trung nghiên cứu lý luận và thực trạng GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai ở Việt Nam.

- *Về không gian:* Luận án tập trung nghiên cứu ở Việt Nam, chủ yếu ở khu vực Nam Trung Bộ *(Khánh Hòa, Bình Thuận),* từ sau ngày 01/7/2025 là tỉnh Khánh Hòa, Lâm Đồng.

- *Về thời gian:* Luận án nghiên cứu từ năm 2017 đến nay *(Quyết định số 1163/QĐ-TTg, ngày 08/8/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án Đẩy mạnh công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và tuyên truyền, vận động đồng bào dân tộc thiểu số, giai đoạn 2017-2021)*

4. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

4.1. Cơ sở lý luận

Luận án được nghiên cứu dựa trên cơ sở phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước và pháp luật; các quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác dân tộc, xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc, về GDPL cho đồng bào DTTS, trong đó có đồng bào dân tộc Raglai ở Việt Nam.

4.2 Phương pháp nghiên cứu

Trong quá trình triển khai nghiên cứu luận án, tác giả đã sử dụng một số phương pháp nghiên cứu cơ bản như:

- *Phương pháp thống kê - so sánh:* được tác giả sử dụng trong Chương 1 để tổng quan các công trình nghiên cứu điển hình có liên quan; trong Chương 2 để hệ thống hóa cơ sở lý luận của GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai; làm rõ các điều kiện bảo đảm, kinh nghiệm của một số quốc gia trên thế giới trên lĩnh vực này và giá trị tham khảo cho Việt Nam; trong Chương 3 để làm rõ các yếu tố ảnh hưởng, đánh giá thực trạng GDPL cho đồng bào Raglai ở Việt Nam thời gian qua.

- *Phương pháp phân tích - tổng hợp:* được tác giả sử dụng trong Chương 1 để tổng quan các công trình nghiên cứu điển hình có liên quan; trong Chương 2 để làm rõ những vấn đề lý luận và các điều kiện bảo đảm; kinh nghiệm của một số quốc gia trên thế giới và những giá trị có thể nghiên cứu, vận dụng vào thực tiễn nước ta; trong Chương 3 để chỉ ra những yếu tố ảnh hưởng; phân tích, đánh giá những kết quả đạt được, những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân; trong Chương 4 để đưa ra dự báo, đề xuất các quan điểm, hệ thống các giải pháp bảo đảm GDPL cho đồng bào Raglai ở Việt Nam trong điều kiện mới.

- *Phương pháp lịch sử - cụ thể:* được tác giả sử dụng ở Chương 2 để làm rõ quá trình phát triển về tư duy nhận thức đối với các nội hàm khái niệm có liên quan đến GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai ở Việt Nam. Trong Chương 3 để phân tích, làm rõ các yếu tố ảnh hưởng và những kết quả đạt được và nguyên nhân; những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân trong GDPL cho đồng bào Raglai ở Việt Nam thời gian qua.

- *Phương pháp chuyên gia:* được tác giả sử dụng để xin ý kiến góp ý của 15 đồng chí lãnh đạo, quản lý, cán bộ thực tiễn có nhiều kinh nghiệm trong tham mưu, lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện GDPL cho đồng bào DTTS nói chung, đồng bào dân tộc Raglai nói riêng; các chuyên gia, nhà khoa học với các hình thức xin ý kiến chủ yếu, là: góp ý bằng văn bản, phỏng vấn trực triếp, phỏng vấn qua điện thoại…

- *Phương pháp nghiên cứu điển hình:* được tác giả sử dụng chủ yếu ở Chương 2 để phân tích, làm rõ những điểm nổi bật về đặc điểm tình hình có liên quan *(thuận lợi, khó khăn)* và thực trạng GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai thời gian qua trên các phương diện cụ thể như: mục tiêu, hình thức, nội dung. Qua đó, rút ra những kết quả đã đạt được, những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân.

- *Phương pháp điều tra xã hội học:* được tác giả sử dụng chủ yếu ở Chương 3 để xây dựng, phát ra 200 phiếu khảo sát nhằm thu thập thông tin, số liệu liên quan đến GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai ở Việt Nam dành cho các đối tượng như: (1) cán bộ quản lý, báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật; (2) đồng bào

dân tộc Raglai. Kết quả khảo sát là căn cứ thực tiễn quan trọng giúp tác giả đưa ra những phân tích, đánh giá thực trạng GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai ở Việt Nam; đưa ra các dự báo, đề xuất quan điểm chỉ đạo, giải pháp mang tính hiệu quả, khả thi gắn với yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới.

- *Phương pháp của khoa học dự báo:* Được sử dụng chủ yếu ở Chương 3 để dự báo các yếu tố tác động đến công tác GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai ở Việt Nam (thuận lợi, khó khăn). Trên cơ sở đó, đề xuất các quan điểm chỉ đạo, giải pháp góp phần bảo đảm công tác này thời gian tới.

5. Những điểm mới của luận án

- *Những điểm mới về lý luận:* tổng quan được các công trình nghiên cứu điển hình có liên quan; xây dựng được khái niệm GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai và làm sâu sắc hơn những vấn đề lý luận khác, như: vai trò, đặc điểm, nội dung, hình thức và các thành tố cấu thành của GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai; các điều kiện bảo đảm, kinh nghiệm của một số quốc gia trên thế giới và những giá trị có thể nghiên cứu, vận dụng vào thực tiễn ở Việt Nam.

- *Những điểm mới về thực tiễn:* chỉ ra các yếu tố ảnh hưởng (thuận lợi, khó khăn) và phân tích, đánh giá được thực trạng GDPL của đồng bào dân tộc Raglai ở Việt Nam một cách khoa học, hệ thống, toàn diện bám sát khung lý luận.

- *Những điểm mới về giải pháp:* đưa ra được các dự báo, quan điểm chỉ đạo, giải pháp cơ bản góp phần bảo đảm GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai ở Việt Nam trong kỷ nguyên mới của dân tộc.

6. Ý nghĩa về mặt lý luận và thực tiễn

6.1. Ý nghĩa về mặt lý luận

Kết quả nghiên của cứu luận án góp phần bổ sung, từng bước hoàn thiện hệ thống lý luận về GDPL cho đồng bào DTTS nói chung, GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai ở Việt Nam nói riêng.

6.2. Ý nghĩa về mặt thực tiễn

- Kết quả nghiên cứu của luận án góp phần làm rõ thực trạng GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai ở Việt Nam thời gian qua. Đồng thời, cung cấp, gợi mở những

chỉ dẫn khoa học quan trọng giúp các bộ, ngành, địa phương có thể nghiên cứu, tham khảo và vận dụng hiệu quả vào thực tiễn.

- Kết quả nghiên cứu của luận án có thể được sử dụng để làm tài liệu tham khảo phục vụ công tác nghiên cứu, giảng dạy trong các cơ sở đào tạo về luật học và những người quan tâm đến vấn đề này.

7. Kết cấu của luận án

Ngoài phần mở đầu, kết luận, phụ lục và danh mục tài liệu tham khảo, luận án được cấu trúc gồm 04 chương, 12 tiết.

Chương 1.
TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA CẦN TIẾP TỤC NGHIÊN CỨU

1.1. Tình hình nghiên cứu liên quan đến luận án

1.1.1. Nhóm các công trình nghiên cứu liên quan đến giáo dục pháp luật

**** Sách, giáo trình***

- Sách, *Bàn về giáo dục pháp luật,* do GS.TS Trần Ngọc Đường và TS Dương Thanh Mai - Đồng chủ biên, nhà xuất bản Chính trị quốc gia, năm 1995 [61]. Trong đó, tác giả đã bước đầu làm rõ nội hàm các khái niệm cơ bản về GDPL, như: khái niệm, bản chất, mục đích, vai trò, chủ thể, khách thể, nội dung, hình thức, phương pháp. Đồng thời, khảo sát mối quan hệ giữa GDPL với giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức và các hình thức giáo dục khác. Qua đó, rút ra ý nghĩa đặc biệt quan trọng của GDPL đối với việc tạo ra khả năng cải cách các quan hệ xã hội, hình thành các yếu tố góp phần nâng cao hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả vấn đề quản lý nhà nước, xã hội gắn với xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền Việt Nam XHCN. Để đạt được hiệu quả cao, công tác GDPL cần có sự tương tác thường xuyên và hệ thống giữa chủ thể với đối tượng GDPL. Đây là công trình khoa học giúp tác giả trong việc làm rõ những vấn đề lý luận và các điều kiện bảo đảm GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai ở Việt Nam.

- Sách, *Legal Education in the Digital Age - Giáo dục pháp luật trong thời đại kỹ thuật số* của tác giả Edward Rubin, xuất bản năm 2012 [91]. Nội dung cuốn sách là tập hợp các bài viết về GDPL trong bối cảnh phát triển mạnh mẽ của công nghệ kỹ thuật số. Qua đó, tác giả đã khẳng định rằng: "*Sự phát triển vượt bậc của khoa học kỹ thuật, đặc biệt là cuộc cách mạng kỹ thuật số sẽ tác động mạnh mẽ đến việc cải cách và thay đổi phương thức giáo dục nói chung, giáo dục pháp luật nói riêng",* phân tích ảnh hưởng của quá trình sản xuất và phân phối tài liệu kỹ thuật số đối với nội dung, phương pháp giảng dạy, học tập trong lĩnh vực GDPL. Trên cơ sở kết quả khảo sát thực tế để đánh giá tác động của tài liệu số đối với việc giảng dạy, học tập và sự đổi mới trong GDPL tại các cơ sở giáo dục. Đây là

cơ sở khoa học quan trọng giúp tác giả trong việc phân tích, làm rõ các yếu tố tác động đến GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai ở Việt Nam trong thời gian tới.

- Sách, *Nghiệp vụ, kỹ năng tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật trong Công an nhân dân,* do Bộ Công an làm chủ biên, nhà xuất bản Lao động, năm 2016 [4]. Nội dung cuốn sách đã khái quát những vấn đề chung về tuyên truyền, phổ biến, GDPL, như: khái niệm, vị trí, vai trò, đối tượng, nội dung, hình thức và trách nhiệm thực hiện công tác này của lực lượng Công an nhân dân. Đồng thời, hệ thống hóa một số văn bản về công tác phổ biến, GDPL ở Việt Nam hiện nay, từ đó làm rõ về nghiệp vụ, kỹ năng tổ chức một số hình thức tuyên truyền, phổ biến, GDPL trong Công an nhân dân. Đây là công trình khoa học quan trọng giúp tác giả trong việc phân tích, làm rõ lý luận về GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai ở Việt Nam.

- Sách, *Giáo dục pháp luật cho trẻ em ở Việt Nam hiện nay*, do TS. Lê Thị Phương Nga làm chủ biên, nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, năm 2018 [49]. Trong đó, tác giả đã hệ thống hóa nhận thức chung về GDPL cho trẻ em, như: khái niệm, đặc điểm, mối quan hệ giữa GDPL với giáo dục đạo đức, quyền con người và khả năng vận dụng vào thực tiễn cuộc sống. Đồng thời, chỉ ra các yếu tố tác động và những điều kiện cần thiết để bảo đảm chất lượng, hiệu quả GDPL cho trẻ em tại Việt Nam. Qua đó, rút ra khẳng định rằng: *"để đạt được hiệu quả cao trong công tác giáo dục pháp luật cho trẻ em, cần lồng ghép với giáo dục đạo đức, quyền con người và các kỹ năng sống"*. Trên cơ sở đó, đề xuất các giải pháp cơ bản nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả GDPL cho trẻ em, góp phần quan trọng vào sự nghiệp đổi mới căn bản, toàn diện nền giáo dục của đất nước trong bối cảnh tình hình mới. Đây là công trình khoa học quan trọng giúp tác giả trong việc xây dựng các khái niệm công cụ và những vấn đề lý luận có liên quan đến GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai ở Việt Nam.

- Sách, *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về phổ biến, giáo dục pháp luật ở Việt Nam*, của PGS.TS Phạm Tất Viễn làm chủ biên, nhà xuất bản Bộ Tư pháp, năm 2021 [58]. Trong đó, đã hệ thống hoá các vấn đề lý luận, như: khái niệm, đặc điểm,

nội dung, biện pháp; làm rõ những kết quả đã đạt được, những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân. Trên cơ sở đó, đề xuất các quan điểm, giải pháp tăng cường phổ biến, GDPL ở Việt Nam. Đây là công trình khoa học quan trọng giúp tác giả trong việc hệ thống hoá lý luận về GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai; làm rõ thực trạng GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai ở Việt Nam thời gian qua.

- Sách, *Lý luận nhà nước và pháp luật* (tái bản lần thứ hai), do tác giả N. I. Matuzova, A. V. Malưko làm chủ biên [92]. Trên cơ sở phân tích, làm rõ các vấn đề về ý thức pháp luật và GDPL, tác giả đã khẳng định rằng: *"Giáo dục pháp luật là hoạt động có chủ đích của nhà nước, các tổ chức xã hội và mỗi công dân nhằm truyền đạt các kinh nghiệm pháp luật; sự tác động lên ý thức và hành vi của con người nhằm bảo đảm hình thành quan niệm, định hướng giá trị, cách nhìn nhận tích cực, bảo đảm cho việc thực hiện và sử dụng pháp luật"*. Đồng thời, còn góp phần nâng cao ý thức pháp luật, điều chỉnh hành vi của người dân theo khuôn khổ của pháp luật. Đây là những cơ sở khoa học quan trọng giúp tác giả trong việc xây dựng các khái niệm công cụ có liên quan; nhận diện được vai trò, nội dung GDPL đối với đồng bào dân tộc Raglai ở Việt Nam.

- Sách, *Lý luận nhà nước và pháp luật, giáo dục pháp luật ở Liên bang Nga* [93]. Trên cơ sở phân tích, làm rõ nhiều khía cảnh khác nhau, tác giả đã đưa ra khái niệm: *"Giáo dục pháp luật làm hình thành quan hệ, cách xử sự tôn trọng với pháp luật, coi trọng pháp luật như một giá trị xã hội lớn lao, có liên quan mật thiết đến mỗi cá nhân, phát triển tình cảm, trách nhiệm không khoan nhượng với thói chuyên quyền, nạn tham nhũng".* Đây là công trình khoa học quan trọng giúp tác giả trong việc xây dựng, hoàn thiện khung lý luận cơ bản về GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai gắn với tình hình thực tiễn ở Việt Nam.

- Sách, *Legal Education in the globe context - Giáo dục pháp luật trong bối cảnh toàn cầu,* của tác giả Cristopher Gane, Robin Hui Huang, Pub.Location, London, năm 2016 [94]. Nội dung cuốn sách đã khái quát được những cơ hội, thách thức đối với công tác GDPL trong bối cảnh hội nhập quốc tế, toàn cầu hóa; xác định những kiến thức, kỹ năng cơ bản cần trang bị cho sinh viên luật trước

khi ra trường; làm rõ sự thay đổi của tình hình và yêu cầu đặt ra cho công tác GDPL ở trong nhà trường và ở ngoài xã hội. Đây là công trình khoa học quan trọng giúp tác giả xác định được vai trò, đặc điểm của GDPL nói chung, GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai ở Việt Nam nói riêng.

- Sách, "*Phổ biến, giáo dục pháp luật cho nhân dân ở khu vực biên giới biển của Bộ đội Biên phòng các tỉnh Tây Nam Bộ"* của tác giả Trần Đức Hưng, Nhà xuất bản Quân đội nhân dân, năm 2023 [63]. Trong đó, tác giả đã hệ thống hóa một số vấn đề lý luận về phổ biến, GDPL cho nhân dân ở khu vực biên giới biển của Bộ đội biên phòng, như: khái niệm, đặc điểm, vai trò; các yếu tố tác động; chủ thể, nội dung, hình thức, phương pháp. Qua đó, tác giả đã phân tích, đánh giá những ưu điểm, hạn chế và nguyên nhân trong phổ biến, GDPL cho nhân dân ở khu vực biên giới biển của Bộ đội biên phòng các tỉnh Tây Nam Bộ. Từ đó, tác giả đề xuất các quan điểm, giải pháp góp phần tăng cường phổ biến, GDPL cho nhân dân ở khu vực biên giới biển của Bộ đội Biên phòng các tỉnh Tây Nam Bộ. Đây là cơ sở khoa học quan trọng, giúp tác giả trong việc làm rõ các vấn đề lý luận, đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai ở Việt Nam trong thời gian tới.

- Giáo trình, *Phổ biến, giáo dục pháp luật,* do Học viện Biên phòng, Bộ Quốc phòng làm chủ biên, nhà xuất bản Quân đội nhân dân, năm 2016 [30]. Trên cơ sở xác định công tác phổ biến, GDPL là hoạt động đầu tiên để đưa pháp luật vào cuộc sống và có vai trò hết sức quan trọng trong việc tăng cường pháp chế XHCN, xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân, tác giả đã khái quát những vấn đề chung về phổ biến, GDPL; nội dung, hình thức, phương pháp và trách nhiệm phổ biến, GDPL; phổ biến, GDPL trong Quân đội nhân dân Việt Nam. Đây là công trình khoa học quan trọng giúp tác giả xây dựng, hoàn thiện khung lý luận cơ bản về GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai ở Việt Nam.

- Giáo trình, *Lý luận chung về nhà nước và pháp luật,* của Trường Đại học Luật Hà Nội (tái bản lần thứ nhất, có sửa đổi, bổ sung), năm 2017 [24]. Tại

Chương XX - Ý thức pháp luật và văn hóa pháp luật, giáo trình đã đưa ra khái niệm, mục tiêu, biện pháp giáo dục nhằm nâng cao ý thức pháp luật cho nhân dân. Qua đó, khẳng định: "*Giáo dục pháp luật là sự tác động một cách có hệ thống, có mục đích và thường xuyên tới nhận thức của con người nhằm trang bị cho mỗi người một trình độ kiến thức pháp lý nhất định để từ đó có ý thức đúng đắn về pháp luật, tôn trọng và tự giác xử sự theo yêu cầu của pháp luật"*. Đồng thời, xác định mục tiêu của việc nâng cao ý thức pháp luật cho nhân dân và các biện pháp giáo dục nhằm nâng cao ý thức pháp luật cho nhân dân. Đây là cơ sở khoa học quan trọng để tác giả nghiên cứu, tham khảo trong việc xây dựng hệ thống khái niệm về GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai ở Việt Nam.

**** Luận án***

- Luận án, *Giáo dục pháp luật trong Quân đội nhân dân Việt Nam,* của tác giả Nguyễn Văn Vi, Học viện Khoa học xã hội, Viện Hàn lâm khoa học xã hội Việt Nam, năm 2017 [37]. Trong đó, tác giả đã trình bày một cách khá toàn diện các cơ sở lý luận về GDPL, như: khái niệm, đặc điểm, các thành tố cơ bản của GDPL trong Quân đội nhân dân Việt Nam; làm rõ sự cần thiết và vai trò quan trọng của GDPL, phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến việc triển khai công tác GDPL trong Quân đội nhân dân Việt Nam. Trên cơ sở đánh giá thực trạng triển khai GDPL, rút ra những bài học kinh nghiệm, chỉ ra các yêu cầu đặt ra từ thực tiễn công tác GDPL trong Quân đội nhân dân Việt Nam, từ đó đề xuất các quan điểm, giải pháp chiến lược nhằm nâng cao hiệu quả GDPL trong Quân đội nhân dân Việt Nam, phù hợp với bối cảnh hội nhập quốc tế và xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam. Đây là cơ sở khoa học quan trọng để tác giả có thể nghiên cứu, tham khảo trong việc hệ thống hóa lý luận về GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai ở Việt Nam.

- Luận án, *Phổ biến, giáo dục pháp luật cho ngư dân biển ở Việt Nam hiện nay,* của tác giả Lý Nam Hải, Trường Đại học Luật Hà Nội, năm 2021 [53]. Trong đó, tác giả đã làm rõ những vấn đề lý luận về phổ biến, GDPL cho ngư dân biển ở Việt Nam; đưa ra những phân tích, đánh giá về thực trạng cơ sở pháp lý, thực trạng về phổ biến, GDPL cho đối tượng này và nguyên nhân của những kết quả

đã đạt được, những tồn tại, hạn chế. Trên cơ sở đó, đề xuất các quan điểm, giải pháp tăng cường phổ biến, GDPL cho ngư dân biển ở Việt Nam trong thời gian tới. Đây là cơ khoa học quan trọng giúp tác giả trong việc xây dựng khung lý luận về GDPL cho đồng bào DTTS; phân tích, đánh giá thực trạng và đê xuất các quan điểm, giải pháp tăng cường GDPL cho đồng bào Raglai ở Việt Nam trong bối cảnh, tình hình mới.

- Luận án, *Chất lượng giáo dục pháp luật cho học viên ở các nhà trường Quân đội nhân dân Việt Nam*, của tác giả Trịnh Văn Hưng, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, năm 2023 [77]. Trong đó, tác giả đã làm rõ những vấn đề lý luận về chất lượng GDPL cho học viên ở các nhà trường Quân đội nhân dân; khái quá tình hình các nhà trường Quân đội nhân dân và thực trạng chất lượng GDPL cho học viên ở các nhà trường trong Quân đội nhân dân, rút ra những kết quả đã đạt được, những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân. Trên cơ sở đó, đề xuất các quan điểm, giải pháp bảo đảm công tác này trong thời gian tới. Đây là công trình khoa học quan trọng giúp tác giả trong việc phân tích, đánh giá thực trạng và đề xuất các quan điểm, giải pháp bảo đảm GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai ở Việt Nam trong thời gian tới.

- Luận án, *Giáo dục pháp luật trong điều kiện xây dựng Nhà nước pháp quyền*, của tác giả Strailaieva [95]. Trong đó, tác giả đã hệ thống hóa những vấn đề lý luận cơ bản về GDPL, như: khái niệm, vai trò, phân loại, chức năng, cấu trúc, nội dung, hình thức, biện pháp; phân tích, đánh giá về thực trạng tổ chức GDPL ở xã hội Nga đương đại trên các phương diện, như: (1) hệ thống xã hội hóa GDPL; (2) GDPL cho các nhóm đối tượng khác nhau; (3) GDPL trong hệ thống định hướng nghề nghiệp cho đội ngũ luật gia; (4) nội dung, hình thức, phương pháp GDPL. Đây là những cơ sở khoa học quan trọng giúp tác giả trong việc hệ thống khóa những vấn đề lý luận, đề xuất các giải pháp bảo đảm GDPL trong đồng bào dân tộc Raglai ở Việt Nam trong kỷ nguyên mới.

* ***Tài liệu, bài báo khoa học***

- Tài liệu, *Quy trình cơ bản phổ biến, giáo dục pháp luật ở cấp cơ sở*, do Bộ Tư pháp - Liên minh châu Âu - Chương trình phát triển Liên hợp quốc - Đồng

chủ biên, nhà xuất bản Lao động, năm 2024 [7]. Trong đó, đã giới thiệu, hướng dẫn áp dụng quy trình cơ bản phổ biến, GDPL ở cấp cơ sở, hướng dẫn tập trung vào các bước thực hiện và sử dụng các công cụ cần thiết hỗ trợ cho công tác chuẩn bị, tổ chức thực hiện và tổng kết, đánh giá một hoạt động phổ biến, GDPL ở cấp cơ sở. Mặc dù, tài liệu chưa nghiên cứu trực tiếp đến GDPL cho đồng bào DTTS nói chung, dân tộc Raglai ở Việt Nam nói riêng nhưng đây là công trình khoa học quan trọng giúp tác giả làm rõ các vấn đề lý luận về GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai ở Việt Nam.

- Tài liệu, *Hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật ở một số quốc gia trên thế giới,* do Vụ Phổ biến, giáo dục pháp luật, Bộ Tư pháp làm chủ biên, năm 2016 [6]. Nội dung cuốn sách đã phân tích kinh nghiệm phổ biến, GDPL của một số quốc gia trên thế giới, như: Vương quốc Anh, Cộng hòa Pháp, Cộng hòa Liên bang Nga, Cộng hòa dân chủ nhân dân Trung Hoa, Liên bang Australia, Thái Lan, Vương quốc Singapore về thể chế, chính sách, cơ cấu tổ chức, nội dung, hình thức. Đây là công trình khoa học quan trọng giúp tác giả nghiên cứu kinh nghiệm GDPL của các quốc gia trên và rút ra những giá trị tham khảo cho Việt Nam.

- Bài báo khoa học, *"Giáo dục pháp luật hay giáo dục ý thức pháp luật?"* của tác giả Ngọ Văn Nhân, Tạp chí Nhà nước và Pháp luật, số tháng 8/2019 [45]. Trên cơ sở đối sánh về mục đích, mục tiêu, chủ thể, đối tượng, nội dung, phương pháp, hình thức GDPL và giáo dục ý thức pháp luật, tác giả đã khẳng định rằng: cần thống nhất sử dụng khái niệm *"giáo dục pháp luật"* làm khái niệm chuẩn; không nên sử dụng khái niệm *"giáo dục ý thức pháp luật",* bởi vì không rõ nội hàm. Vì vậy, khi muốn nhấn mạnh ý thức pháp luật thì có thể sử dụng cách diễn đạt như: "*GDPL nhằm nâng cao ý thức pháp luật"* cho một đối tượng, hoặc nhóm đối tượng cụ thể. Đây là cơ sở khoa học quan trọng giúp tác giả trong việc xác định rõ nội dung, phương pháp, hình thức GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai ở Việt Nam.

- Bài báo khoa học, *Tăng cường giáo dục pháp luật về quyền sở hữu tài sản cho sinh viên các trường đại học trong giai đoạn hiện nay*, tác giả Trần Thị Thu

Hằng, Tạp chí Công Thương, số ngày 18/01/2025 [43]. Trên cơ sở phân tích vị trí, vai trò và thực trạng công tác GDPL về quyền sở hữu tài sản trong các trường đại học hiện nay, tác giả đã đề xuất 04 giải pháp nhằm góp phần tăng cường GDPL về quyền sở hữu tài sản cho sinh viên các trường đại học trong bối cảnh tình hình mới. Đây là công trình khoa học quan trọng giúp tác giả trong việc nghiên cứu, đề xuất các giải pháp góp phần nâng cao hiệu quả GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai ở Việt Nam trong thời gian tới.

1.1.2. Nhóm các công trình nghiên cứu liên quan đến giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc thiểu số

**** Sách***

- Sách, *Một số vấn đề về giáo dục pháp luật ở miền núi và vùng dân tộc thiểu số,* của tác giả Nguyễn Duy Lãm chủ biên, xuất bản năm 1996 [33]. Cuốn sách đã làm rõ một số vấn đề lý luận về GDPL nói chung, GDPL ở miền núi và vùng DTTS nói riêng. Bên cạnh đó, tác giả đã tập trung nghiên cứu về thực tiễn công tác GDPL trên địa bàn mang tính đặc thù là khu vực miền núi và vùng DTTS với những khó khăn về điều kiện kinh tế, xã hội, trình độ nhận thức của đồng bào các DTTS. Đồng thời, tác giả cũng đã chỉ rõ những khó khăn, hạn chế từ thực tiễn thực hiện GDPL ở miền núi và vùng DTTS và những vấn đề cần đặt ra đối với công tác GDPL trên các địa bàn này. Từ đó, tác giả đưa ra các giải pháp cụ thể góp phần khắc phục những hạn chế đó, nhằm từng bước nâng cao ý thức và trình độ hiểu biết các kiến thức pháp luật cho nhân dân ở khu vực miền núi và vùng DTTS. Đây là công trình khoa học quan trọng giúp tác giả trong việc phân tích, làm rõ lý luận về GDPL cho đồng bào DTTS nói chung; thực trạng GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai ở Việt Nam thời gian qua.

- Sách, *Tăng cường giáo dục pháp luật cho đội ngũ cán bộ, công chức hành chính của tỉnh Đắk Lắk,* do tác giả PGS.TS Nguyễn Quốc Sửu làm chủ biên, năm 2014 [34]. Trong đó, tác giả đã đi sâu làm rõ những nét đặc thù của GDPL đối với đối tượng là đội ngũ cán bộ, công chức hành chính của tỉnh Đắk Lắk với sự tác động và ảnh hưởng của các phong tục, tập quán, bản sắc văn hóa của cán bộ, công chức là người DTTS, thông qua quá trình điều tra, khảo sát, đánh giá thực tiễn

công tác GDPL cho cán bộ, công chức hành chính đang công tác trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk để thấy được những kết quả đạt được và nguyên nhân. Từ đó, tác giả đưa ra một số yêu cầu, giải pháp cơ bản nhằm tăng cường GDPL cho phù hợp với đối tượng GDPL, góp phần nâng cao chất lượng GDPL đối với đội ngũ cán bộ, công chức hành chính của tỉnh Đắk Lắk. Đây là công trình khoa học quan trọng giúp tác giả trong việc nghiên cứu, đề xuất các giải pháp góp phần nâng cao hiệu quả GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai ở Việt Nam trong thời gian tới.

- Sách, *Nâng cao hiệu quả phổ biến, giáo dục chính sách, pháp luật về an ninh, trật tự trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số tỉnh Lâm Đồng,* của tác giả TS Mai Kim Săng, nhà xuất bản Công an nhân dân, năm 2023 [32]. Trong đó, tác giả đã làm rõ những vấn đề cơ bản về công tác phổ biến, giáo dục chính sách, pháp luật về an ninh, trật tự trong vùng đồng bào DTTS, như: khái niệm, vai trò, mục đích, nội dung, hình thức và cơ sở lý luận, cơ sở chính trị; phân tích đặc điểm tình hình và những vấn đề phức tạp về an ninh, trật tự cùng đồng bào DTTS tỉnh Lâm Đồng liên quan đến công tác phổ biến, giáo dục chính sách, pháp luật về an ninh, trật tự và thực tiễn công tác phổ biến, giáo dục chính sách, pháp luật trong vùng đồng bào DTTS. Trên cơ sở đó, tác giả đề xuất các phương hướng và 07 giải pháp góp phần nâng cao hiệu quả công tác phổ biến, giáo dục chính sách, pháp luật về an ninh, trật tự trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng. Đây là cơ sở khoa học quan trọng giúp tác giả hệ thống hóa các vấn đề lý luận và đề xuất các giải pháp cơ bản nhằm bảo đảm GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới.

**** Luận án***

- Luận án, *Giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc thiểu số ở tỉnh Bolykhamsay, nước Cộng hoà dân chủ nhân dân Lào*, của tác giả Inpeng Younkham, Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia, năm 2013 [65]. Trên cơ sở phân tích làm rõ cơ cấu, đặc điểm dân tộc của nước Cộng hòa Dân chủ nhân dân Lào, tác giả đã hệ thống hóa cơ sở lý luận; phân tích, đánh giá thực trạng GDPL cho đồng bào DTTS ở tỉnh Bolykhamsay, nước Cộng hoà dân chủ nhân dân Lào

thời gian qua. Đồng thời, đưa ra những quan điểm, giải pháp để bảo đảm GDPL cho đồng bào DTTS trên địa bàn trong thời gian tới. Đây là công trình khoa học quan trọng giúp tác giả trong việc làm rõ những vấn đề lý luận về GDPL cho đồng bào DTTS; phân tích, đánh giá thực trạng GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai ở Việt Nam. Qua đó, đưa ra các dự báo, đề xuất các quan điểm, giải pháp bảo đảm công tác này đáp ứng yêu cầu của thực tiễn trong thời gian tới.

- Luận án, *Giáo dục pháp luật cho công chức hành chính ở nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào hiện nay*, của tác giả Xilay Philavong, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, năm 2017 [75]. Trong đó, tác giả đã làm rõ những vấn đề lý luận, đặc điểm tình hình có liên quan và thực trạng công tác GDPL cho công chức hành chính ở nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào thời gian qua; chỉ ra những kết quả đã đạt được và nguyên nhân; những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân. Trên cơ sở đó, tác giả đã đề xuất các quan điểm, giải pháp bảo đảm công tác này trong thời gian tới. Đây là cơ sở khoa học quan trọng giúp tác giả trong việc xây dựng khung lý luận, đưa ra dự báo và đề xuất các quan điểm, giải pháp bảo đảm GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai ở Việt Nam trong thời gian tới.

- Luận án, *Giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Khmer ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long, Việt Nam*, của tác giả Dương Thành Trung, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, năm 2016 [20]. Trong đó, tác giả đã tập trung phân tích cơ sở lý luận GDPL cho đồng bào dân tộc Khmer, như: khái niệm, đặc trưng, vai trò; các yếu tố cấu thành của GDPL cho đồng bào dân tộc Khmer ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long; phân tích, đánh giá thực trạng GDPL cho đồng bào dân tộc Khmer, như: các yếu tố tác động; những kết quả đạt được, những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân, bài học kinh nghiệm. Trên cơ sở đó, tác giả đã đề xuất 06 quan điểm, 04 nhóm giải pháp cơ bản góp phần bảo đảm GDPL cho đồng bào dân tộc Khmer ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long trong thời gian tới. Đây là công trình khoa học quan trọng giúp tác giả trong việc xây dựng, hoàn thiện khung lý luận cơ bản; làm rõ những ưu điểm, hạn chế và nguyên nhân của thực trạng GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai ở Việt Nam.

- Luận án, *Phổ biến, giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Thái ở Tây Bắc Việt Nam hiện nay,* của tác giả Lò Châu Thoả, Trường Đại học Luật Hà Nội, năm 2020 [52]. Trong đó, tác giả đã tổng quan tình hình nghiên cứu, làm rõ cơ sở lý luận về phổ biến, GDPL cho đồng bào dân tộc Thái, như: khái niệm, đặc điểm, vai trò, mục đích, chủ thể, đối tượng, nội dung, hình thức và các yếu tố ảnh hưởng; chỉ ra đặc điểm tình có liên quan và thực trạng phổ biến, GDPL cho đối tượng này. Trên cơ sở đó, đề xuất quan điểm chỉ đạo và các giải pháp cơ bản nhằm tăng cường phổ biến, GDPL cho đồng bào dân tộc Thái ở Tây Bắc Việt Nam. Đây là công trình khoa học quan trọng giúp tác giả trong việc đề xuất các quan điểm; đề xuất các nhóm giải pháp cơ bản góp phần nâng cao hiệu quả GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai ở Việt Nam trong thời gian tới.

**** Tài liệu, bài báo khoa học***

- Bài báo khoa học, *Thực trạng và các yếu tố tác động đến công tác phổ biến, giáo dục pháp luật về văn hóa, thể thao và du lịch cho đồng bào dân tộc thiểu số vùng biên giới phía Bắc,* của tác giả Nguyễn Thanh Sơn, Tạp chí Dân chủ và pháp luật, số tháng 8/2023 [43]. Trong đó, tác giả đã tập trung làm rõ vị trí, vai trò và khái quát thực trạng và các yếu tố tác động đến công tác phổ biến, GDPL về văn hóa, thể thao và du lịch cho đồng bào DTTS vùng biên giới phía Bắc. Trên cơ sở đó, đề xuất 03 giải pháp cơ bản để góp phần nâng cao hiệu quả công tác phổ biến, GDPL về lĩnh vực này trong thời gian tới. Đây là cơ sở khoa học quan trọng giúp tác giả trong việc xác định các yếu tố tác động đến GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai ở Việt Nam.

- Bài báo khoa học, *Phổ biến pháp luật cho đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Bình Thuận và giải pháp hoàn thiện,* của tác giả Huỳnh Văn Thông, Tạp chí Nghiên cứu lập pháp, số tháng 11/2023 [31]. Trong đó, tác giả đã khái quát về hoạt động phổ biến pháp luật cho đồng bào DTTS; phân tích, làm rõ những hạn chế khái quát về hoạt động phổ biến pháp luật cho đồng bào DTTS. Trên cơ sở đó, tác giả đề xuất 02 nhóm giải pháp góp phần bảo đảm phổ biến pháp luật trên địa bàn trong thời gian tới, gồm: (1) nhóm giải pháp về xây dựng, hoàn thiện pháp luật; (2) nhóm giải pháp về tổ chức thực hiện pháp luật. Đây là cơ sở khoa

học quan trọng giúp tác giả trong việc làm rõ các yếu tố ảnh hưởng và giải pháp bảo đảm GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai ở Việt Nam.

- Bài báo khoa học, *Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi - Thực trạng và giải pháp,* của TS Lê Vệ Quốc - TS Lê Vệ Đức, Tạp chí Dân chủ và Pháp luật, Kỳ 1, số 410, tháng 8/2024 [51]. Trong đó, tác giả đã tập trung khái quát thể chế, chính sách về tuyên truyền, phổ biến, GDPL và những bất cập, hạn chế trong thực tiễn áp dụng. Từ đó, đề xuất 09 giải pháp nâng cao hiệu quả tuyên truyền, phổ biến, GDPL ở vùng đồng bào DTTS và miền núi. Đây là công trình khoa học quan trọng giúp tác giả trong việc chỉ ra những vấn đề hạn chế, bất cập và các giải pháp hoàn thiện thể chế, chính sách trong GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai ở Việt Nam trong thời gian tới.

- Bài báo khoa học, *Công tác phổ biến, giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi,* của TS Lê Vệ Quốc - Nguyễn Thành Huy, Tạp chí Dân chủ điện tử Luật sư Việt Nam, số ngày 10/9/2024 [50]. Trên cơ sở phân tích, làm rõ thực trạng công tác phổ biến, GDPL cho người dân vùng đồng bào DTTS và miền núi, tác giả đã chỉ ra những kết quả đã đạt được, những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân. Từ đó, đề xuất 04 giải pháp cơ bản nhằm góp phần nâng cao hiệu quả công tác này trong thời gian tới. Đây là công trình khoa học quan trọng giúp tác giả trong việc phân tích, đánh giá thực trạng và đề xuất các quan điểm, giải pháp bảo đảm GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai ở Việt Nam.

1.2.3. Nhóm các công trình nghiên cứu liên quan đến giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Raglai ở Việt Nam

**** Sách***

- Sách chuyên khảo, *Hôn nhân và gia đình của dân tộc Raglai ở Khánh Hòa,* của tác giả Nguyễn Ngọc Thanh làm chủ biên, nhà xuất bản Khoa học xã hội, năm 2018 [41]. Nội dung cuốn sách đã phân tích, làm rõ lý luận và thực tiễn về hôn nhân và gia đình của dân tộc Raglai ở Khánh Hoà, từ đó đề xuất các giải pháp bảo tồn, phát huy các yếu tố tích cực; đề xuất hướng khắc phục những hạn chế trong hôn nhân và gia đình của dân tộc Raglai ở tỉnh Khánh Hòa. Bên cạnh

đó, cung cấp thêm nguồn tư liệu về tộc người Raglai để củng cố cơ sở khoa học giúp các nhà quản lý hoạch định chính sách về dân số và kế hoạch hóa gia đình, xây dựng quy mô gia đình, văn hóa gia đình phù hợp với đặc điểm riêng của tộc người này. Đây là cơ sở khoa học quan trọng giúp tác giả trong việc đề xuất các quan điểm, giải pháp bảo đảm GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai ở Việt Nam đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong bối cảnh tình hình mới.

- Sách chuyên khảo, *Luật tục Chăm và luật tục Raglai,* của tác giả PGS.TS Phan Đăng Nhật làm chủ biên, nhà xuất bản Văn hóa Dân tộc, năm 2023 [57]. Trong đó, các tác giả đã sưu tầm, hệ thống, biên dịch các điều luật tục cổ truyền và nghiên cứu, kế thừa luật tục truyền thống trong việc xây dựng các quy ước của buôn làng mới *(làng Bình Nghĩa của người Chăm ở Ninh Thuận, thôn Bá Cụm Bắc của người Raglai ở Khánh Sơn, Khánh Hòa)*, coi đó là sự thể nghiệm việc ứng dụng luật tục trong việc quản lý cộng đồng DTTS nói chung. Đặc biệt, các văn bản luật tục cũ, quy ước mới đều được các tác giả thể hiện bằng song ngữ Chăm - Việt và Raglai - Việt. Những bản quy ước mới này đã được cấp chính quyền địa phương thẩm định, phê duyệt và cho phép thực hiện trong thực tiễn. Đây là cơ sở khoa học quan trọng giúp tác giả trong việc xác định các yếu tố ảnh hưởng, đặc điểm của công tác GDPL cho đồng bào DTTS nói chung, đồng bào dân tộc Raglai ở Việt Nam nói riêng.

**** Luận án***

- Luận án, *Biến đổi kinh tế, xã hội, văn hóa của người Raglai ở tỉnh Ninh Thuận, từ năm 1975 đến năm 2015*, của tác giả Nguyễn Thị Tuyết Hạnh, Đại học Đà Lạt, năm 2019 [38]. Trong đó, tác giả hệ thống hóa về cơ sở lý luận, tổng quan về tộc người Raglai ở tỉnh Ninh Thuận; những chuyển biến về kinh tế, văn hóa, xã hội của người Raglai ở tỉnh Ninh Thuận, từ năm 1975 đến năm 2015. Trên cơ sở đó, tác giả đã chỉ ra những thành tựu, hạn chế và nguyên nhân, bài học kinh nghiệm và xu hướng phát triển của người Raglai ở tỉnh Ninh Thuận trong thời gian tới. Đây là cơ sở khoa học quan trọng giúp tác giả trong việc đề xuất các quan điểm, giải pháp bảo đảm GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai ở Việt Nam nhằm đáp ứng yêu cầu của thực tiễn.

- Luận án, *Đặc điểm sử thi dân tộc Raglai,* của tác giả Nguyễn Thanh Tùng, Đại học Đà Lạt, năm 2024. Trong đó, tác giả đã hệ thống hóa các vấn đề lý luận về sử thi nói chung, văn hóa Raglai nói riêng và phân tích, đánh giá thực trạng sử thi của dân tộc Raglai thời gian qua. Trên cơ sở đó, tác giả đưa ra các quan điểm, giải pháp nhằm góp phần tăng cường truyền đạt các kiến thức về di sản văn hóa, trong đó có sử thi cho thế hệ tương lai; giúp hình thành ý thức giữ gìn, bảo tồn những giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của dân tộc; tinh thần thượng tôn pháp luật góp phần xây dựng xã hội trật tự, kỷ cương, an toàn, lành mạnh để phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của đất nước. Đây là cơ sở khoa học quan trọng giúp tác giả trong việc làm rõ đặc điểm của đồng bào dân tộc Raglai ở Việt Nam.

- Luận án, *Giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa của dân tộc Raglai ở tỉnh Khánh Hòa hiện nay,* của tác giả Nguyễn Văn Hạnh, Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh, năm 2025 [45]. Tác giả đã phân tích, làm rõ các vấn đề lý luận về văn hóa, bản sắc văn hóa dân tộc, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc trên các phương diện, như: khái niệm, vị trí, vai trò, nội dung, điều kiện hình thành; làm rõ các yếu tố tác động và thành tựu, hạn chế trong việc giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc của dân tộc Raglai ở tỉnh Khánh Hòa. Trên cơ sở đó, tác giả đề xuất các phương hướng, giải pháp giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc của dân tộc Raglai ở tỉnh Khánh Hòa gắn với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh, quốc phòng của đất nước. Đây là cơ sở khoa học quan trọng giúp tác giả trong việc làm rõ các yếu tố tác động đến thực trạng GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai ở Việt Nam thời gian qua.

**** Tài liệu, bài báo khoa học***

- Bài báo khoa học, *Giá trị giáo dục trong luật tục của người Raglai ở Khánh Hoà,* của tác giả Nguyễn Thị Nga, Cổng thông tin điện tử Trường Đại học Khánh Hoà, số ngày 17/12/2018 [26]. Trong đó, tác giả đã trình bày khái lược về đặc điểm tình hình có liên quan; phân tích, làm rõ nội dung giáo dục trong luật tục của người Raglai ở Khánh Hoà trên các phương diện cơ bản, như: (1) luật tục trong gia đình; (2) giáo dục hành vi ứng xử. Đây là công trình khoa học quan trọng

giúp tác giả trong việc làm rõ hình thức, nội dung, đặc điểm tình hình có liên quan đến GDPL cho đồng bào DTTS nói chung, dân tộc Raglai ở Việt Nam nói riêng.

- Bài báo khoa học, *Công tác xây dựng mô hình tự quản bảo đảm an ninh, trật tự trong cộng đồng người Raglai, tỉnh Ninh Thuận*, Cổng thông tin điện tử Trường Đại học Cảnh sát nhân dân, năm 2019 [38]. Trên cơ sở khái quát những vấn đề có liên quan đến mô hình tự quản bảo đảm an ninh, trật tự trong cộng đồng người Raglai ở Việt Nam, tác giả đã làm rõ những kết quả đã đạt được, những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân. Từ đó, đề xuất các giải pháp góp phần đổi mới nội dung, hình thức tuyên truyền, phổ biến, GDPL, gợi mở các chỉ dẫn khoa học nhằm hướng dẫn thành viên các mô hình tự quản bảo đảm an ninh, trật tự; nâng cao nhận thức về vai trò, trách nhiệm trong công tác bảo đảm an ninh, trật tự. Đây là cơ sở khoa học quan trọng để tác giả đề xuất các nhóm giải pháp về đổi mới nội dung, hình thức GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai ở Việt Nam trong bối cảnh tình hình mới.

- Bài báo khoa học, *Dân tộc thiểu số tại chỗ ở các tỉnh vùng cực Nam Trung Bộ trong phát triển bền vững hiện nay - Một số vấn đề thực tiễn và giải pháp*, của tác giả Phú Văn Hân, Tạp chí Khoa học xã hội, số tháng 8/2022 [55]. Trên cơ sở khái quát thực trạng về đời sống xã hội của các DTTS tại chỗ ở vùng cực Nam Trung Bộ *(thuận lợi, khó khăn)*, tác giả đã đưa ra dự báo, đề xuất các giải pháp nhằm tăng cường công tác tuyên truyền chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước có liên quan; gắn kết hơn giữa tăng trưởng kinh tế với phát triển văn hoá, xã hội bảo đảm bình đẳng, an sinh xã hội trong phát triển bền vững. Đây là cơ sở khoa học quan trọng giúp tác giả trong việc nghiên cứu, làm rõ các yếu tố tác động đến thực trạng GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai ở Việt Nam thời gian qua.

1.2. Một số nhận xét, đánh giá và những vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu trong luận án

1.2.1. Một số nhận xét, đánh giá

Một là, những vấn đề về lý luận. Các công trình nghiên cứu trên bước đầu đã đề cập đến một số nội dung liên quan đến GDPL cho đồng bào DTTS nói chung, đồng bào dân tộc Raglai ở Việt Nam nói riêng. Đây là những cơ sở khoa

học quan trọng mà tác giả có thể tham khảo, kế thừa trong quá trình nghiên cứu. Tuy nhiên, đa số các công trình trên đều chưa tiếp cận một cách trực diện, hoặc chưa hệ thống hóa được lý luận về GDPL trên lĩnh vực này, hoặc nếu có chủ yếu là mang tính giới thiệu khía cạnh mà chưa có cách tiếp cận lý luận về GDPL gắn với triển khai thực hiện mô hình chính quyền địa phương hai cấp. Lý luận về GDPL cho đồng bào DTTS chưa được chưa được đối sánh với thực tiễn một cách khoa học, toàn diện; chưa chỉ rõ những điểm lý thuyết mới cần tiếp tục được nghiên cứu, bổ sung, hoàn thiện nhằm đáp ứng yêu cầu của thực tiễn.

Hai là, những vấn đề về thực tiễn. Các công trình khoa học đã được công bố trên đa số chưa phân tích, làm rõ được các yếu tố ảnh hưởng đến thực trạng GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai ở Việt Nam, như: điều kiện tự nhiên, kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội và cơ cấu tổ chức, nguồn lực và tình hình GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai so với khung lý luận cơ bản. Việc phân tích, làm rõ các kết quả đã đạt được, những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân trong GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai ở Việt Nam chưa mang tính hệ thống, tổng hợp, khái quát cao, hoặc chưa gắn với đặc thù của đồng bào dân tộc Raglai trong bối cảnh tình hình mới.

Ba là, các công trình nghiên cứu trên đã đưa ra ra các được các quan điểm, giải pháp nhưng chưa gắn trực tiếp đến GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai; một số ít công trình có đề cập nhưng chủ yếu là giải pháp bảo đảm GDPL nói chung, hoặc là các giải pháp cụ thể trong GDPL cho đồng bào DTTS chưa gắn với các đặc điểm cụ thể của đồng bào dân tộc Raglai ở Việt Nam trong bối cảnh hội nhập quốc tế, toàn cầu hóa.

1.2.2. Những vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu trong luận án

Trong quá trình nghiên cứu, luận án cần tiếp tục phân tích, làm rõ một số vấn đề cụ thể sau:

Một là, hệ thống hóa, bổ sung cơ sở lý luận về GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai.Trong đó, tập trung phân tích, so sánh, bổ sung những luận điểm mới, như: khái niệm, đặc điểm, vai trò, nội dung; phương pháp GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai và các điều kiện bảo đảm.

Hai là, phân tích, đánh giá các yếu tố ảnh hưởng và những kết quả đã đạt được, những hạn chế, bất cập trong GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai ở Việt

Nam và nguyên nhân so với khung lý luận cơ bản, yêu cầu đặt ra trong kỷ nguyên mới của dân tộc.

Ba là, trên cơ sở phân tích, đánh giá khách quan về cơ sở lý luận và cơ sở thực tiễn, tác giả đề xuất các giải pháp bảo đảm GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai gắn với thực tiễn ở Việt Nam hiện nay.

1.3. Giả thuyết khoa học, câu hỏi nghiên cứu và khung phân tích lý thuyết

1.3.1 Giả thuyết khoa học

Giả thuyết khoa học: GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai ở Việt Nam là một bộ phận của GDPL nói chung, GDPL cho đồng bào DTTS nói riêng, đặt trong tổng thể công tác giáo dục tư tưởng, chính trị, đạo đức, lối sống. Tuy nhiên, hiệu quả GDPL cho đồng bào Raglai còn nhiều hạn chế, chưa đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới.

Dự kiến kết quả nghiên cứu: phân tích, làm rõ cơ sở lý luận, cơ sở thực tiễn; đưa ra các dự báo, đề xuất các quan điểm, giải pháp bảo đảm GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai ở Việt Nam trong bối cảnh, tình hình mới.

1.3.2. Câu hỏi nghiên cứu

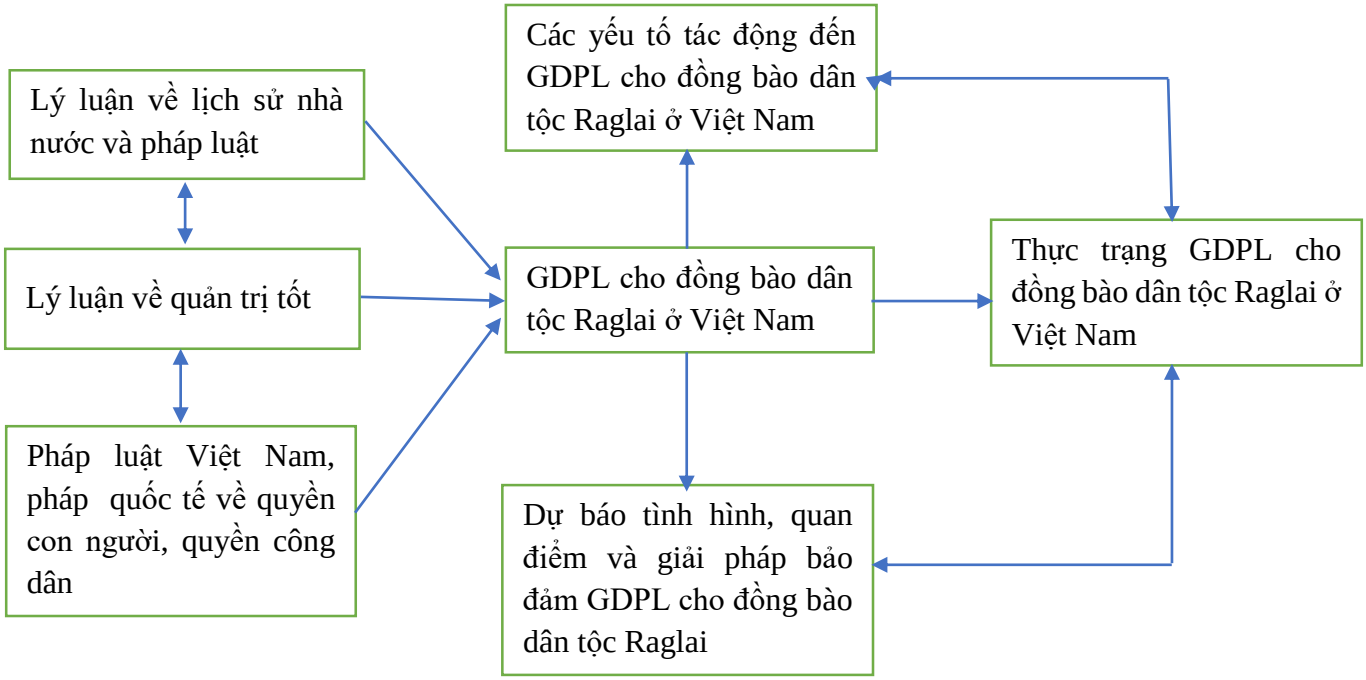
Thời gian qua, dưới sự lãnh đạo của Đảng, Nhà nước, trực tiếp là của cấp ủy, chính quyền địa phương, GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai ở Việt Nam đã góp phần quan trọng trong việc nâng cao ý thức pháp luật, điều chỉnh hành vi của người dân phù hợp với những quy định của pháp luật trong mối quan hệ hài hòa với các giá trị, chuẩn mực trong luật tục, truyền thống của đồng bào DTTS nói chung, đồng bào dân tộc Raglai ở Việt Nam nói riêng. Tuy nhiên, trong quá trình tổ chức thực hiện vẫn còn một số hạn chế, bất cập cần tập trung giải quyết. Vì vậy, tác giả cần trả lời được các câu hỏi nghiên cứu sau:

- *Câu hỏi 1:* Lý luận về GDPL cho đồng bào DTTS đã được nghiên cứu, bổ sung, hoàn thiện chưa?

- *Câu hỏi 2:* Thực trạng GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai ở Việt Nam có những ưu điểm và nguyên nhân, hạn chế và nguyên nhân gì?

- *Câu hỏi 3:* Trong kỷ nguyên mới, cần phải thực hiện những giải pháp *"đột phá"* nào để góp phần bảo đảm GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai ở Việt Nam?

1.3.3. Khung phân tích lý thuyết



TIỂU KẾT CHƯƠNG 1

Giáo dục pháp luật cho đồng bào DTTS nói chung, GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai nói riêng đã được các nhà khoa học, chuyên gia thực tiễn ở trong nước và ở nước ngoài bước đầu quan tâm nghiên cứu trên một số phương diện khác nhau. Tuy nhiên, đến nay chưa có công trình khoa học nào đã được công bố tiếp cận một cách trực diện, cụ thể, có hệ thống về GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai ở Việt Nam. Trong các công trình khoa học có liên quan đã được công bố, nếu có chỉ là mang tính giới thiệu khía cạnh mà chưa có cách tiếp cận một cách trực diện, khoa học, tổng thể. Các nội dung lý luận về GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai chưa được đề cập, hoặc có đề cập nhưng chưa được làm rõ cụ thể. Những vấn đề lý luận GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai chưa được so sánh, phân tích, đối sánh với thực tiễn một cách sâu sắc, có hệ thống, chưa đề cập những điểm lý thuyết mới cần được tiếp tục nghiên cứu, bổ sung trong điều kiện nước ta đang xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCN ở Việt Nam theo tinh thần của Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV. Tuy nhiên, đây là những công trình khoa học có ý nghĩa đặc biệt quan trọng mà tác giả có thể tham khảo, kế thừa, hoặc giúp gợi mở những vấn đề mới cần phải được tiếp tục nghiên cứu.

Trong Chương 1, tác giả đã tập trung khái quát được tổng quan tình hình nghiên cứu ở nước ngoài và ở trong nước có liên quan đến nội dung của luận án trên các phương diện khác nhau; rút ra những giá trị đối với quá trình nghiên cứu, hoặc những vấn đề cần phải tiếp tục bổ sung, hoàn thiện. Đồng thời, tác giả cũng đã làm rõ những vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu, các giả thuyết khoa học và câu hỏi nghiên cứu, khung lý thuyết cơ bản. Đây là những cơ sở khoa học quan trọng để tác giả tiếp tục phân tích, làm rõ cơ sở lý luận GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai ở Việt Nam trong bối cảnh tình hình mới.

Chương 2.
CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ GIÁO DỤC PHÁP LUẬT CHO ĐỒNG BÀO DÂN TỘC RAGALAI

2.1. Khái niệm, đặc điểm, vai trò giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Raglai

2.1.1. Khái niệm giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Raglai

2.1.1.1. Khái niệm giáo dục pháp luật

Trong đời sống hàng ngày, do có sự khác biệt về nhận thức, quyền lợi, trách nhiệm, nghĩa vụ… nên đã làm nảy sinh nhiều vấn đề xung đột, mâu thuẫn, tranh chấp giữa các tổ chức, hoặc thành viên với các tổ chức, dẫn đến tình trạng mất ổn định trong xã hội. Vì vậy, để xây dựng xã hội trật tự, kỷ cương, an toàn, lành mạnh gắn với phát triển KT-XH, góp phần đưa pháp luật vào thực tiễn cuộc sống, tăng cường pháp chế XHCN, xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân, đã đặt ra yêu cầu cấp thiết là cần phải xây dựng được hệ thống pháp luật đồng bộ, toàn diện, khoa học và triển khai hiệu quả những quy định này trong thực tiễn cuộc sống của người dân.

Trong bối cảnh hiện nay, giáo dục có vai trò đặc biệt quan trọng nhằm trang bị tri thức, kỹ năng, bồi đắp nhân cách cho con người, thúc đẩy sự phát triển KT - XH; nâng cao chất lượng cuộc sống và tạo sự công bằng, bình đẳng trong xã hội. Đồng thời, giúp mỗi cá nhân nhận ra tiềm năng của bản thân, sáng tạo, tự tin, có trách nhiệm với cộng đồng và đóng góp xây dựng một xã hội văn minh, phát triển bền vững. Pháp luật được Nhà nước ban hành theo đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền nhằm điều chỉnh các quan hệ xã hội, bảo đảm trật tự, củng cố, phát triển các mối quan hệ xã hội theo đúng định hướng, mục đích đặt ra. Tuy nhiên, vấn đề cốt lõi không phải là ban hành được nhiều luật, văn bản dưới luật mà quan trọng nhất là những quy định pháp luật đã ban hành phải được tổ chức thực hiện một cách nghiêm minh, triệt để, hiệu quả trong thực tiễn. Cố Tổng Bí thư Đỗ Mười đã khẳng định: "*Có một hệ thống pháp luật đầy đủ, đồng bộ cũng mới chỉ là có được yếu tố cần của Nhà nước pháp quyền nhưng chưa đủ. Nhà nước pháp quyền Việt Nam của dân, do dân và vì dân, đòi hỏi pháp luật phải được thi hành một cách*

nghiêm chỉnh, thống nhất và công bằng theo nguyên tắc mọi người đều bình đẳng trước pháp luật" [34, tr.20]. Do đó, GDPL là một nội dung không thể thiếu trong việc xây dựng, phát triển nền kinh tế thị trường định hướng XHCN; xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân trong kỷ nguyên mới của dân tộc.

Trong quá trình xây dựng và phát triển đất nước, GDPL luôn được Đảng, Nhà nước ta xác định là một trong những nhiệm vụ chiến lược mang tính thường xuyên, liên tục của của hệ thống chính trị. Do đó, Đảng, Nhà nước cần tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo việc tổ chức, quản lý, đánh giá kết quả thực hiện công tác này nhằm đáp ứng yêu cầu của thực tiễn. Hiện nay, khái niệm GDPL được nghiên cứu dưới nhiều góc độ khác nhau. Theo Từ điển tiếng Việt định nghĩa: *"Giáo dục pháp luật là sự tác động định hướng của tổ hợp các quá trình xây dựng pháp luật, áp dụng pháp luật, tuyên truyền, giải thích pháp luật nhằm nâng cao ý thức pháp luật"* [56, tr.124]; trên phương diện khoa học pháp lý, GDPL là *"quá trình tác động một cách có hệ thống, mục đích và thường xuyên tới nhận thức của con người nhằm trang bị cho mỗi người một trình độ pháp lý nhất định để từ đó có ý thức đúng đắn về pháp luật, tôn trọng và tự giác xử sự theo yêu cầu của pháp luật"* [24, tr.462].

Ý thức pháp luật là tiền đề tư tưởng - pháp lý thiết yếu đối với quá trình quản lý xã hội bằng pháp luật. Mặc dù, có nhiều biện pháp để nâng cao ý thức pháp luật cho người dân nhưng GDPL luôn được xác định là nội dung cơ bản, then chốt nhất. Do đó, xét về mặt bản chất, GDPL là quá trình hoàn thiện nhân tố xã hội - pháp lý của con người, nâng cao khả năng sáng tạo của con người trong hoàn cảnh thực tiễn. Đồng thời, GDPL là quá trình tác động của nhiều hình thức, phương tiện vào ý thức của con người, đó không phải và không thể là sự áp đặt ý chí chủ quan duy ý chí tới quá trình nhận thức khách quan của các chủ thể. Trên cơ sở xác định GDPL là một trong những lĩnh vực nội dung cơ bản của nhà nước; là một bộ phận của công tác giáo dục về chính trị tư tưởng trong quá trình xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam, có thể hiểu: *Giáo*

dục pháp luật là quá trình tác động có hệ thống, mục đích, thường xuyên tới nhận thức của con người nhằm trang bị cho mỗi người trình độ pháp lý nhất định để góp phần nâng cao ý thức pháp luật, tôn trọng, tự giác xử sự theo quy định của pháp luật.

Nhu cầu tiếp cận GDPL là một trong những yếu tố quan trọng để người dân hiểu rõ, thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ của mình theo tinh thần *"thượng tôn pháp luật".* Theo đó, có thể hiểu: *"Nhu cầu tiếp cận giáo dục pháp luật là mong muốn của các tổ chức, cá nhân trong việc nghiên cứu, nắm vững, áp dụng hiệu quả các quy định của pháp luật vào thực tiễn".* Ở Việt Nam, nhu cầu này đang ngày càng gia tăng, đặc biệt là trong bối cảnh đất nước đang ngày càng phát triển, hội nhập quốc tế sâu rộng, xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; đẩy mạnh hội nhập quốc tế, toàn cầu hóa ngày càng sâu rộng. Tuy nhiên, việc tăng cường năng lực tiếp cận GDPL không chỉ là trách nhiệm của nhà nước, mà còn là một quá trình thường xuyên, liên tục, đòi hỏi sự nỗ lực, tích cực, chủ động từ phía người dân nhằm góp phần xây dựng một xã hội trật tự, kỷ cương, an toàn, lành mạnh. Thực tế hiện nay, một số người dân chưa có ý thức chủ động tìm hiểu pháp luật để nâng cao hiểu biết, kiến thức, kỹ năng sử dụng pháp luật nhằm tự bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình, cũng như thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật; việc chủ động trang bị kiến thức pháp luật cho mình trước khi tham gia vào các quan hệ xã hội chưa được người dân chú trọng.

Ngoài ra, nhu cầu tiếp cận GDPL của người dân chịu sự tác động của các yếu tố, như:

Trình độ dân trí, nhận thức pháp luật: Đây là yếu tố có vai trò quyết định đến nhu cầu tiếp cận GDPL của người dân. Người có trình độ văn hóa cao, hiểu biết pháp luật thường sẽ có nhu cầu tìm hiểu và sử dụng pháp luật để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của mình. Ngược lại, những người có trình độ hạn chế, đặc biệt ở vùng sâu, vùng xa, có điều kiện kinh tế, xã hội khó khăn thường có xu hướng giải quyết tranh chấp bằng các phương thức truyền thống, dựa trên phong tục, tập quán, tình cảm thay vì pháp luật.

Sự phát triển của kinh tế, văn hóa, xã hội: Khi nền kinh tế phát triển, các quan hệ dân sự, kinh tế ngày càng phức tạp, dẫn đến nảy sinh nhiều vấn đề mâu thuẫn, xung đột, tranh chấp hơn. Điều này sẽ làm gia tăng nhu cầu tìm hiểu pháp luật để giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn, như: hợp đồng, đất đai, thừa kế... Tuy nhiên, người dân ở các vùng khó khăn về kinh tế, giao thông thường gặp nhiều trở ngại trong việc tiếp cận thông tin và các dịch vụ pháp lý hơn. Ngoài ra, vấn đề về chi phí đi lại, chi phí tư vấn pháp lý cũng là rào cản lớn trong việc thực hiện nhu cầu pháp luật.

Sự phát triển của công nghệ thông tin và truyền thông: Trong bối cảnh của cuộc cách mạng 4.0, sự phát triển mạnh mẽ của internet và các nền tảng mạng xã hội đã tạo ra những kênh tiếp cận pháp luật mới, nhanh chóng, hiệu quả hơn. Người dân có thể dễ dàng tìm kiếm các VBQPPL, tham gia các diễn đàn hỏi - đáp, hoặc xem các video, infographic về pháp luật. Bên canh đó, các phương tiện truyền thông đại chúng và mạng xã hội cũng tác động mạnh mẽ đến nhận thức của người dân về các vấn đề pháp lý. Tuy nhiên, việc thiếu kiểm soát thông tin trên không gian mạng cũng tiềm ẩn nhiều nguy cơ về thông tin sai lệch, gây ra những hiểu lầm không đáng có về chính sách, pháp luật của Nhà nước.

Các yếu tố tâm lý, văn hóa: Ở một số địa bàn, người dân vẫn có thói quen giải quyết các vấn đề mâu thuẫn, xung đột, tranh chấp dựa trên tình cảm, quan hệ cá nhân, hoặc theo truyền thống, thay vì sử dụng pháp luật. Điều này tạo ra rào cản tâm lý đối với việc tiếp cận pháp luật một cách chủ động. Nếu người dân thiếu niềm tin vào sự công bằng, minh bạch, nghiêm minh của hệ thống pháp luật, hoặc tâm lý e ngại các thủ tục hành chính phức tạp, sẽ không có động lực để tự tìm hiểu và sử dụng pháp luật để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của mình.

Mục đích giáo dục pháp luật

Giáo dục pháp luật không chỉ là một công cụ quản lý, mà còn là một trụ cột của xã hội hiện đại, hướng tới việc xây dựng một xã hội trật tự, kỷ cương, an toàn, lành mạnh. Vì vậy, mục đích cốt lõi của GDPL là xây dựng một xã hội *"thượng tôn pháp luật"*, nơi mọi người dân đều hiểu, tôn trọng, sử dụng pháp luật để bảo

vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Căn cứ vào đối tượng, địa bàn, lĩnh vực cụ thể mà có các mục đích GDPL cụ thể khác nhau. Tuy nhiên, các mục đích này có mối liên hệ chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau, nhằm tạo nên một hệ thống toàn diện, đồng bộ để tác động sâu sắc đến nhận thức, hành vi của con người nhằm thực hiện mục đích chung. Các mục đích GDPL cơ bản, như:

Nâng cao nhận thức, ý thức pháp luật: Thông qua GDPL giúp người dân hiểu được những quyền, nghĩa vụ của bản thân; nhận diện được những hành vi bị pháp luật nghiêm cấm và chế tài xử lý; giúp xây dựng, củng cố niềm tin của nhân dân vào sự công bằng, nghiêm minh của pháp luật.

Xây dựng, duy trì trật tự xã hội: Thông qua GDPL giúp người dân hiểu được các hậu quả pháp lý, từ đó nâng cao ý thức, trách nhiệm trong việc thực hiện pháp luật; nâng cao kỹ năng sử dụng pháp luật để giải quyết các vấn đề mâu thuẫn, xung đột, tranh chấp nảy sinh trong thực tiễn; kiên quyết đấu tranh phòng, chống tội phạm và các hành vi vi phạm pháp luật nhằm xây dựng một xã hội trật tự, kỷ cương, an toàn, lành mạnh theo đúng định hướng đề ra.

Góp phần phát triển kinh tế - xã hội: Thông qua GDPL giúp các các công ty, chủ doanh nghiệp vững các quy định về thuế, đầu tư, hợp đồng; người lao động nắm vững các quy định về quyền, nghĩa vụ của bản thân nhằm tăng cường mối quan hệ giữa doanh nghiệp và người lao động để xây dựng một cộng đồng dân cư có thói quen và văn hóa tuân thủ pháp luật, tạo môi trường sống an toàn, văn minh, thúc đẩy sự sáng tạo, phát triển bền vững.

Trong bối cảnh hiện nay, tuyên truyền, phổ biến, GDPL luôn là những công tác có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với đời sống xã hội, có mối quan hệ gắn bó, biện chứng với nhau. Do đó, các công tác này đòi hỏi phải được tổ chức một cách chặt chẽ, khoa học, có định hướng, kế hoạch và có sự phối hợp, hiệp đồng với tinh thần trách nhiệm cao giữa các chủ thể có liên quan để thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ chính trị được giao. Mặc dù, có những điểm tương đồng nhất định về đối tượng tác động rộng rãi nhằm hướng tới mục đích làm cho mọi người hiểu biết pháp luật hơn, thực hiện đúng đắn, đầy đủ, hiệu quả các quy định đó trong quá trình sinh sống, học tập, công tác, làm việc nhưng phổ biến pháp luật có tính

động viên, thuyết phục không cao như tuyên truyền pháp luật. *Tuyên truyền pháp luật* là việc công bố, giới thiệu rộng rãi nội dung các quy định của pháp luật để mọi người biết và động viên, thuyết phục để mọi người tin tưởng, thực hiện đúng quy định đó. Phạm vi thường linh hoạt, rộng rãi, được thực hiện khi xuất hiện một chính sách, đạo luật, hoặc vấn đề pháp lý cần phổ biến. Mục đích chủ yếu là giúp người dân biết, hiểu nội dung pháp luật, từ đó nâng cao nhận thức, khả năng chấp hành. *Phổ biến pháp luật* là hoạt động đưa thông tin, kiến thức, nội dung của pháp luật đến cá nhân, tổ chức nhằm giúp người dân biết, hiểu và nắm được các quy định pháp luật có liên quan, từ đó có cơ sở thực hiện đúng pháp luật. Đồng thời, là hoạt động mang tính tác nghiệp chuyên sâu nhằm truyền đạt nội dung pháp luật cho các đối tượng cụ thể đã được xác định để thấu hiểu, thực hiện một cách đầy đủ, nghiêm túc các quy định của pháp luật trong quá trình học tập, sinh sống, làm việc.

Mặc dù, tuyên truyền, phổ biến, GDPL đều là khâu đầu tiên của hoạt động thực hiện pháp luật, là *"cầu nối"* để truyền tải pháp luật vào cuộc sống và giữa các nội dung này có mối quan hệ gắn bó mật thiết, biện chứng với nhau. Tuy nhiên, so với tuyên truyền, phổ biến pháp luật, thì GDPL là hoạt động có tính mục tiêu cao hơn, nội dung phong phú, đa dạng hơn, cách thức tiến hành toàn diện, hệ thống hơn, vừa có tính định hướng, vừa có tính hệ thống nhằm bảo đảm cho đối tượng giáo dục được nâng cao cả về kiến thức pháp luật, kỹ năng thực hiện pháp luật và tinh thần thượng tôn pháp luật nhằm đáp ứng yêu cầu của tình hình mới.

2.1.1.2. Khái niệm giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Raglai

- Khái niệm giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc thiểu số

Thuật ngữ *"dân tộc"* (Ethnos) được bắt nguồn từ tiếng Hy Lạp, dùng để chỉ những cộng đồng người hình thành, phát triển trong quá trình tự nhiên - lịch sử. Mỗi cộng đồng tộc người được đặc trưng bởi những dấu hiệu, như: tiếng nói, lãnh thổ, lối sống văn hóa, ý thức tự giác dân tộc... Trong một số trường hợp cụ thể, những dấu hiệu cùng chung lãnh thổ có thể đóng vai trò ít quan trọng hơn [46, tr.69]. Theo nghĩa rộng, dân tộc là quốc gia, gồm cộng đồng người cùng chung sống trên phạm vi lãnh thổ rộng lớn, được vận hành bởi sự lãnh đạo của bộ máy nhà nước. Trong quốc gia có thể bao gồm nhiều dân tộc, mỗi dân tộc có nền văn

hóa, ngôn ngữ, phong tục, tập quán khác nhau tạo nên tính phong phú, đa dạng, độc đáo riêng biệt. Theo nghĩa hẹp, dân tộc được hiểu là một nhóm người cùng chung sống trong phạm vu khu vực địa lý nhất định của lãnh thổ, với những đặc điểm riêng, như: ngôn ngữ, văn hóa, phong tục, tập quán… Hiện nay, có nhiều cách tiếp cận khác nhau về GDPL cho đồng bào DTTS, như:

Tiếp cận của dân tộc học, không nên coi các dân tộc là nhóm yếu thế, mà nên coi các dân tộc bình đẳng với nhau. Bởi vì, điều này tôn trọng sự đa dạng văn hóa, vai trò độc lập của mỗi dân tộc trong cộng đồng chung. Mỗi dân tộc đều có những giá trị, truyền thống tốt đẹp và đóng góp riêng, không có dân tộc nào *"yếu hơn"*, hoặc *"mạnh hơn"* dân tộc nào. Qua đó, nhằm xây dựng một xã hội dân chủ, công bằng, trật tự, kỷ cương, an toàn, lành mạnh; là nơi mọi người được tôn trọng vì chính bản thân mình, chứ không phải vì họ thuộc nhóm nào. Đồng thời, tạo tiền đề thuận lợi cho việc xây dựng, tổ chức thực hiện hiệu quả các chính sách phát triển bền vững và tôn trọng văn hóa trong cộng đồng. Vì vậy, GDPL không chỉ dừng lại ở việc người dân tiếp thu kiến thức một cách thụ động từ phía các cơ quan nhà nước, mà cần phải có các giải pháp mang tính chiến lược, đột phá để người dân tự mình dạy mình, tự mình giáo dục mình, chuyển từ thụ động sang chủ động.

Tiếp cận của xã hội học, để thay đổi hành vi của con người, các chủ thể phải tập trung chủ yếu vào việc hiểu, tác động đến các yếu tố xã hội, văn hóa thay vì chỉ thay đổi nhận thức, thái độ cá nhân. Đồng thời, phải nhìn nhận hành vi như một sản phẩm của môi trường xã hội *(các chuẩn mực, giá trị, cấu trúc, các mối quan hệ)*. Vì vậy, GDPL cho đồng bào DTTS không phải chỉ để người dân nắm vững các quy định của pháp luật, từ đó không vi phạm pháp luật mà còn phải biết sử dụng hiệu quả pháp luật, chủ động tham gia vào toàn bộ quy trình xây dựng pháp luật, tổ chức thực hiện pháp luật và bảo vệ pháp luật. Qua đó, giúp người dân nhận diện được những hành vi nào là nguy hiểm cho xã hội, hành vi nào là có lợi cho xã hội để từ đó tự điều chỉnh hành vi của bản thân theo các chuẩn mực đã được đặt ra.

Tiếp cận của tâm lý học, nhận thức, ý thức, thái độ, hành vi có mối liên hệ chặt chẽ, biện chứng với nhau. Hành vi của con người không chỉ được quyết định bởi nhận thức, thái độ mà còn bị ảnh hưởng mạnh mẽ bởi các yếu tố bên ngoài,

như: áp lực xã hội, môi trường, hoặc các yếu tố tâm lý bên trong, như: thói quen, cảm xúc, ý chí... Trên thực tế, có những trường hợp nhận thức đúng, thái độ đúng nhưng hành vi lại không đúng; có những trường hợp nhận thức sai, thái độ sai nhưng mà hành vi lại đúng. Điều này khẳng định sự phức tạp của tâm lý con người; không thể suy luận một cách đơn giản hành vi từ những gì họ nói, hoặc nghĩ. Do đó, để thay đổi hành vi của người dân, thực hiện được các mục tiêu GDPL thì không chỉ cần phải thay đổi nhận thức mà còn cần xem xét và tác động đến các yếu tố chi phối khác đến nhận thức, hành động của người dân.

Tiếp cận dưới góc độ luật học, xem xét GDPL như một công cụ thiết yếu để xây dựng, duy trì trật tự pháp lý, bảo đảm mọi người dân đều hiểu và tuân thủ các quy định của pháp luật. Cách tiếp cận này có sự khác biệt so với các cách tiếp cận khác, bởi vì chủ yếu tập trung vào chính các quy phạm pháp luật, hệ thống pháp luật và vai trò của pháp luật trong việc điều chỉnh hành vi của con người. Hiện nay, GDPL cho đồng bào DTTS đã và đang đi theo xu hướng tập trung vào sự phù hợp, hiệu quả thực tiễn, như: (1) Lấy người dân làm trung tâm, đó là quá trình tương tác, lắng nghe, đáp ứng nhu cầu của người dân. Điều này có nghĩa là nội dung GDPL phải dựa trên những vấn đề pháp lý mà người dân thực sự gặp phải trong cuộc sống hàng ngày. (2) Nội dung GDPL thường tập trung vào các lĩnh vực gần gũi với cuộc sống của người dân, như: hôn nhân và gia đình, đất đai, an ninh, trật tự… Đây là các xu hướng hiện đại, bám sát thực tiễn và mang lại hiệu quả cao và là một bước tiến quan trọng, giúp nâng cao hiệu quả công tác GDPL, từ đó góp phần bảo vệ quyền lợi hợp pháp của người dân và phát huy vai trò của pháp luật trong đời sống xã hội. Tuy nhiên, trong quá trình triển khai thực hiện xu hướng này còn gặp nhiều vấn đề khó khăn, vướng mắc.

Việt Nam là quốc gia đa dân tộc với 54 dân tộc anh em cùng tập trung sinh sống. Trong đó, dân tộc Kinh chiếm đa số với khoảng gần 80 triệu người (chiếm tỉ lệ khoảng 85,4% dân số cả nước); 53 dân tộc còn lại chỉ chiếm khoảng 14,6% dân số cả nước [76]. Đa số đồng bào DTTS tập trung cư trú chủ yếu ở vùng biên giới, vùng sâu, vùng xa, có điều kiện giao thông, kinh tế khó khăn, điều kiện học tập, sinh hoạt còn nhiều hạn chế, đặc biệt là gặp nhiều khó khăn trong việc hòa

nhập cuộc sống, do sử dụng ngôn ngữ riêng, trình độ hiểu biết chưa cao, còn nhiều phong tục tập quán lạc hậu. Các yếu tố trên ảnh hưởng không nhỏ tới hiệu quả GDPL cho đồng bào DTTS.

Mặc dù, nước ta ủng hộ Tuyên bố về nhân quyền của người bản địa (UNDRIP) nhưng Việt Nam không đồng nhất với khái niệm người DTTS với người bản địa. Vì vậy, ở nước ta thuật ngữ *"dân tộc thiểu số"* được sử dụng thống nhất trong hệ thống các VBQPPL, văn bản hành chính để chỉ chung cho những người khác dân tộc Kinh, thể hiện cho chủ trương *"thống nhất trong đa dạng"* của Đảng, Nhà nước ta. Theo đó, Khoản 2, Điều 4, Nghị định số 05/2011/NĐ-CP, ngày 14/11/2011 của Chính phủ về công tác dân tộc, quy định: *"Dân tộc thiểu số là những dân tộc có số dân ít hơn so với dân tộc đa số trên phạm vi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam"*.

Trong đời sống xã hội, pháp luật là công cụ quan trọng, bảo đảm sự tồn tại, vận hành bình thường của xã hội nói chung và của nền đạo đức nói riêng. Pháp luật không chỉ là một công cụ quản lý nhà nước hiệu quả mà còn tạo môi trường thuận lợi, ổn định cho sự phát triển của ý thức đạo đức, làm lành mạnh hóa đời sống xã hội và góp phần bồi đắp nên những giá trị mới. Trong giai đoạn hiện nay, việc tăng cường vai trò của pháp luật là vấn đề mang tính tất yếu khách quan. Điều đó không chỉ nhằm mục đích xây dựng một xã hội trật tự, kỷ cương, an toàn, lành mạnh mà còn hướng tới bảo vệ các giá trị chân chính của con người, trong đó có ý thức đạo đức.

Ý thức pháp luật là tiền đề tư tưởng, pháp lý quan trọng đối với quá trình quản lý nhà nước bằng pháp luật. Mặc dù, có nhiều biện pháp để nâng cao cao ý thức pháp luật nhưng GDPL luôn được xác định là công tác cơ bản, then chốt, hiệu quả nhất. Về bản chất, GDPL là quá trình hoàn thiện các nhân tố xã hội, pháp lý của con người, nâng cao khả năng sáng tạo của con người trong đời sống thực tiễn. Đồng thời, là quá trình tác động của nhiều hình thức, phương tiện vào ý thức của con người. Trong bối cảnh nước ta đang xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng XHCN, xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân, đòi hỏi phải tích cực hơn nữa trong việc đưa pháp luật vào thực tiễn đời sống, hình thành và phát triển ý thức pháp luật.

Việc xã hội hóa tri thức, nâng cao dân trí, tạo cơ sở nâng cao đạo đức lên trình độ duy lý pháp lý và khoa học, chuyển từ thói quen điều chỉnh xã hội theo "lệ", chủ yếu là sự cảm thông, mang nặng cảm tính sang điều chỉnh xã hội bằng pháp luật dựa trên nguyên tắc công bằng, minh bạch, bình đẳng trong xã hội là vấn đề mang tính cấp thiết cả về mặt lý luận và thực tiễn.

Để hiện thực hóa được các mục tiêu trên, một trong những giải pháp trọng yếu là phải triển khai thực hiện có hiệu quả công tác GDPL. Bởi vì, khi pháp luật được ban hành theo đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền theo quy định; bằng những biện pháp tuyên tuyền, GDPL thông qua các phương tiện truyền thông đại chúng, qua truyền miệng giữa cá nhân, hoặc qua hoạt động thực tiễn của các cơ quan thi hành, áp dụng pháp luật đã tác động vào ý thức con người. Trong xã hội, đa số người dân đều có mong muốn được sống trong môi trường hòa bình, ổn định, trật tự theo yêu cầu của nhà nước và hành động phù hợp với các quy định của pháp luật được đặt ra. Ngay cả trong những trường hợp bị nhà nước áp dụng chế tài đối với các hành vi vi phạm pháp luật cũng có ý nghĩa giáo dục, phòng ngừa, răn đe đối với các tổ chức, cá nhân khác trong toàn xã hội.

Từ cơ sở phân tích trên, có thể hiểu: *Giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc thiểu số là quá trình tác động có hệ thống, mục đích, thường xuyên tới nhận thức của đồng bào dân tộc thiểu số nhằm trang bị trình độ pháp lý nhất định để góp phần nâng cao ý thức pháp luật, tôn trọng, tự giác xử sự theo quy định của pháp luật.*

- Khái niệm giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Raglai

Raglai là một trong 54 dân tộc ở Việt Nam, chủ yếu tập trung sinh sống tại khu vực Nam Trung Bộ, gồm các tỉnh: Khánh Hòa, Ninh Thuận, Bình Thuận và một số khu vực ở tỉnh Lâm Đồng *(nay là tỉnh Khánh Hòa, Lâm Đồng)*; thuộc nhóm ngôn ngữ Nam Á, trong đó tiếng Raglai là ngôn ngữ chính. Theo kết quả Tổng điều tra dân số và nhà ở Việt Nam, năm 2019, đồng bào dân tộc Raglai có khoảng 146.613 người, xếp thứ 19/54 dân tộc ở nước ta và phân bố tại 18/63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, tập trung chủ yếu ở khu vực Nam Trung Bộ [76]. Mặc dù, số lượng không nhiều nhưng không gian sinh tồn của người Raglai khá rộng lớn và có bề dày lịch sử, truyền thống văn hóa. Trong lịch sử của mình, dân tộc

Raglai có nhiều đóng góp to lớn trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, để giành độc lập, thống nhất đất nước và đưa đất nước đi lên xây dựng CNXH. Đến nay, người Raglai là một trong số ít các dân tộc còn duy trì chế độ mẫu hệ; tuân thủ nguyên tắc ngoại hôn dòng họ và chế độ một vợ, một chồng.

Cộng đồng người Raglai chủ yếu sinh sống chủ yếu ở vùng núi, thung lũng với độ cao trung bình khoảng 500 m đến 1000 m so với mực nước biển, tập trung sinh sống tại địa bàn thuộc tỉnh Ninh Thuận, Khánh Hòa, Bình Thuận, *(nay là tỉnh Khánh Hòa, Lâm Đồng).* Điều này cho thấy sự ảnh hưởng, tương tác giữa người Raglai với các dân tộc khác trong khu vực Nam Trung Bộ. Trong đó, quan hệ giao lưu văn hóa giữa dân tộc Raglai và dân tộc Chăm có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong việc hình thành, phát triển nền văn hóa, truyền thống của người Raglai tại địa phương. Người Raglai chủ yếu sinh sống, tụ họp thành xóm, nhiều xóm tập hợp thành làng. Đây cũng là đơn vị cơ sở của xã hội của đồng bào dân tộc Raglai. Quản lý, điều hành công việc của làng thường là chủ làng, chủ núi. Họ là những người nổi trội, mẫu mực trong gia đình, điển hình trong xã hội, gương mẫu giữ gìn phong tục tập quán, có hiểu biết, giao thiệp rộng, có hiểu biết và được cộng đồng nể trọng. Các gia đình người Raglai thường có nhiều thế hệ cùng chung sống trong Nhà dài. Theo tiêu chí về vị trí địa lý và quan hệ với các dân tộc khác, dân tộc Raglai được phân chia thành 02 nhóm chính là: Raglai Bắc, Raglai Nam, với đường ranh giới là Quốc lộ số 27 từ tỉnh Khánh Hòa đi tỉnh Lâm Đồng. Cả hai nhóm trên đều có quan hệ giao lưu văn hóa với các dân tộc lân cận, đặc biệt là dân tộc Chăm.

Trong chế độ XHCN, mọi công dân đều bình đẳng trước pháp luật; pháp luật là hệ thống các quy tắc xử sự chung, mang tính bắt buộc nên đòi hỏi mọi tổ chức, cá nhân trong xã hội đều phải tuân thủ thực hiện. Do đó, tất cả các tổ chức, cá nhân đều phải có nghĩa vụ thực hiện pháp luật một cách nghiêm túc, đầy đủ theo đúng quy định. Thực tiễn quá trình xây dựng, phát triển đất nước thời gian qua cho thấy: việc truyền bá các tư tưởng, quan điểm về pháp luật, trật tự pháp luật và các giá trị của pháp luật luôn được xác định là nhiệm vụ chính trị có ý nghĩa đặc biệt quan trọng của cả hệ thống chính trị; là một bộ phận trọng yếu trong

công tác chính trị, tư tưởng của Đảng lãnh đạo, cầm quyền gắn với giáo dục ý thức trách nhiệm, nghĩa vụ của công dân.

Trên cơ sở khái niệm GDPL, GDPL cho đồng bào DTTS và xuất phát từ thực tiễn ở nước ta hiện nay, có thể hiểu: *Giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Raglai ở Việt Nam là quá trình tác động có hệ thống, mục đích, thường xuyên, liên tục tới nhận thức của đồng bào dân tộc Raglai nhằm trang bị năng lực thực hiện pháp luật một cách đúng đắn, chủ động tuân thủ, chấp hành các quy định của Nhà nước, biết cách sử dụng pháp luật để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bản thân, cộng đồng.*

2.1.2. Đặc điểm của giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Raglai

2.1.2.1. Những đặc điểm chung

Thứ nhất, giáo dục pháp luật là hoạt động mang tính chủ định, có mục đích

Đặc trưng này xuất phát từ bản chất của GDPL là nhằm góp phần xây dựng một xã hội trật tự, kỷ cương, an toàn, lành mạnh theo tinh thần *"thượng tôn pháp luật"*, mọi người dân đều có ý thức, trách nhiệm tuân thủ pháp luật. Tính chủ định của GDPL được thể hiện trên các phương diện như: (1) GDPL là một quá trình có định hướng thường xuyên, liên tục, được tổ chức một cách hệ thống, khoa học, chặt chẽ; các chủ thể GDPL đều có sự phân công, chuẩn bị kỹ lưỡng, đầy đủ về nội dung, hình thức, phương pháp GDPL; (2) GDPL không phải là hoạt động mang tính tự phát, ngẫu nhiên mà nó được thực hiện một cách chủ động, khoa học, có kế hoạch, định hướng cụ thể, rõ ràng nhằm bám sát yêu cầu của thực tiễn trong từng giai đoạn.

Tính mục đích của GDPL được thể hiện trên các phương diện như: (1) Nâng cao ý thức pháp luật của đồng bào dân tộc Raglai, giúp người dân hiểu được quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của bản thân. (2) Xây dựng ý thức tuân thủ pháp luật, hình thành thói quen sống và làm việc theo pháp luật, tạo ra một xã hội văn minh, trật tự, kỷ cương, an toàn, lành mạnh - nơi mọi người đều phải tôn trọng, tuân thủ pháp luật. (3) Chủ động ngăn chặn, phòng ngừa, phát hiện, đấu tranh với những hành vi vi phạm pháp luật do thiếu hiểu biết; góp phần bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân theo quy định của pháp luật.

Thứ hai, giáo dục pháp luật là hoạt động mang tính hệ thống, toàn diện

Đặc trưng này nhằm bảo đảm cho mọi người dân nói chung, đồng bào dân tộc Raglai được tiếp cận và hiểu biết pháp luật một cách đầy đủ, từ đó góp phần nâng cao ý thức tuân thủ pháp luật, xây dựng một xã hội trật tự, kỷ cương, an toàn, lành mạnh. Tính hệ thống của GDPL được thể hiện trên các phương diện cơ bản như: (1) Pháp luật là hệ thống các quy tắc xử sự chung được nhà nước ban hành theo đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền và được Nhà nước bảo đảm thực hiện. Theo đó, GDPL cũng phải được tổ chức một cách có hệ thống, khoa học và chặt chẽ, từ việc xây dựng chương trình, kế hoạch đến việc lựa chọn nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức thực hiện. (2) GDPL phải được tiến hành một cách thường xuyên, liên tục, từ cấp độ cơ bản đến nâng cao, từ đối tượng này đến đối tượng khác, nhằm bảo đảm mọi người dân đều có cơ hội tiếp cận pháp luật một cách thuận lợi, chính xác, đầy đủ, toàn diện. (3) Sự phân cấp trong công tác GDPL, như: phân cấp theo đối tượng, phân cấp theo nội dung, phân cấp theo hình thức, địa bàn, lĩnh vực.

Tính toàn diện của công tác GDPL được thể hiện trên những phương diện như: (1) Pháp luật điều chỉnh mọi mặt của đời sống kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội nên công tác GDPL cũng phải bao quát tất cả các lĩnh vực được pháp luật điều chỉnh. (2) GDPL không chỉ cung cấp kiến thức pháp luật, mà còn phải giúp hình thành kỹ năng, thái độ, hành vi phù hợp với pháp luật; phải được thực hiện đối với mọi tổ chức, cá nhân; không phân biệt độ tuổi, giới tính, trình độ học vấn, nghề nghiệp. (3) GDPL phải được thực hiện bằng nhiều hình thức đa dạng, phong phú, phù hợp với đặc điểm của từng địa bàn, đối tượng, từng lĩnh vực cụ thể.

Thứ ba, giáo dục pháp luật là hoạt động mang tính khoa học, thực tiễn

Tính khoa học và thực tiễn của GDPL có mối quan hệ biện chứng với nhau. Trong đó, tính khoa học giúp bảo đảm tính chính xác, khách quan của GDPL; tính thực tiễn giúp bảo đảm GDPL có ý nghĩa thiết thực đối với đời sống xã hội. Trên cơ sở đó, tính khoa học của GDPL được thể hiện trên các phương diện như: (1) GDPL được thực hiện dựa trên những lý luận về nhà nước và pháp luật, lý luận về quản trị tốt..., việc xây dựng nội dung, phương pháp, hình thức GDPL đều phải dựa trên những cơ sở khoa học chính xác, khách quan và phù hợp với yêu cầu của

thực tiễn. (2) GDPL đòi hỏi phải có sự bổ sung, cập nhật thường xuyên, liên tục những kiến thức pháp luật mới, những thay đổi của đời sống xã hội, để đảm bảo tính khoa học và phù hợp với yêu cầu của cuộc sống.

Tính thực tiễn của GDPL được thể hiện trên các phương diện, như: (1) mục tiêu của GDPL là nâng cao ý thức pháp luật của đồng bào DTTS, giúp đồng bào hiểu rõ, hiểu đúng, hiểu đầy đủ và áp dụng hiệu quả pháp luật vào cuộc sống hàng ngày. (2) nội dung GDPL phải gắn liền với những vấn đề pháp lý thực tiễn, những tình huống pháp lý mà người dân thường gặp phải trong đời sống; phương pháp GDPL phải đa dạng, linh hoạt, phù hợp với đặc điểm của từng đối tượng, từng địa bàn, từng lĩnh vực pháp luật. (3) GDPL không chỉ cung cấp kiến thức pháp luật, mà còn phải giúp hình thành kỹ năng, thái độ, hành vi phù hợp với pháp luật trong bối cảnh tình hình mới.

2.1.2.2. Những đặc điểm riêng

Giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Raglai là một bộ phận của GDPL nói chung nên mang đầy đủ những đặc điểm của GDPL nói chung, như: GDPL mang tính chủ định, mục đích; GDPL mang tính khoa học thực tiễn; GDPL mang tính hệ thống, toàn diện. Tuy nhiên, do có sự khác biệt về ngôn ngữ, phong tục, tập quán, trình độ nhận thức, địa bàn phân bố, điều kiện KT-XH nên GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai có những đặc trưng riêng sau:

Thứ nhất, GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai phải đặt trong mối quan hệ hài hoà với giáo dục các tri thức tinh hoa của dân cư

Trong tiến trình phát triển, dân tộc Raglai đã kiến tạo nên hệ thống giá trị văn hóa độc đáo, trong đó ngôn ngữ, luật tục là kho tàng tri thức phản ánh phong tục, tập quán, tín ngưỡng, cách thức điều hành xã hội; là công cụ quan trọng để quản lý xã hội nhằm tạo nên sự thống nhất, gắn kết trong cộng đồng. Với đặc tính giáo dục, nhân văn, luật tục không chỉ là công cụ quản lý, gắn kết cộng đồng mà còn là chuẩn mực đạo đức, điều chỉnh hành vi của con người với xã hội, thiên nhiên. Trong bối cảnh hiện nay, luật tục vẫn giữ vai trò thiết yếu trong việc răn đe cái xấu, bảo tồn thuần phong mỹ tục, góp phần xây dựng cộng đồng Raglai ấm no, phát triển bền vững.

Mặc dù, chưa được công nhận là nguồn của pháp luật nhưng luật tục của đồng bào dân tộc Raglai vẫn tồn tại song hành, cùng pháp luật hiện đại, tạo nên những thói quen ứng xử hỗn hợp giữa cư dân bản địa và cư dân nhập cư. Việc áp dụng pháp luật một cách rập khuôn, thiếu linh hoạt sẽ dễ dẫn đến xung đột với luật tục, xa rời thực tiễn. Trên thực tế, nhiều phong tục tập quán tốt đẹp đã được chính quyền địa phương thừa nhận, áp dụng đồng thời với pháp luật để điều chỉnh các mối quan hệ xã hội trong cộng đồng. Trong trường hợp này, luật tục bản địa đã trở thành môi trường thuận lợi cho sự phát sinh, tồn tại và phát triển của pháp luật; là chất liệu tạo nên sự linh hoạt, mềm dẻo của pháp luật, làm cho nội dung của pháp luật trở nên phong phú, đa dạng, sát hợp hơn với thực tiễn hơn, được cộng đồng người dân tộc bản địa tự giác thực hiện nghiêm túc, góp phần xây dựng một xã hội thượng tôn pháp luật nhưng vẫn đậm đà tính bản sắc.

Thứ hai, đối tượng GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai là nhóm cư dân người dân tộc thiểu số bản địa

Đồng bào dân tộc Raglai có lịch sử cư trú lâu đời, gắn bó mật thiết với thiên nhiên, có ngôn ngữ và hệ thống luật tục riêng nên trong tư duy, nhận thức thường mang tính trực quan, cụ thể và gắn liền với niềm tin tâm linh. Đối tượng GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai không phải là một nhóm dân cư chung chung, mà là cộng đồng dân tộc thiểu số bản địa. Điều này có nghĩa là họ sở hữu một hệ giá trị, niềm tin, luật tục đã tồn tại lâu đời, thậm chí tồn tại trước khi pháp luật hiện đại tiếp cận. Vì vậy, GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai không phải là thay thế luật tục bằng pháp luật, mà là tích hợp nội dung của pháp luật vào hệ sinh thái văn hóa bản địa. Do đó, nếu không thấu hiểu, nắm vững yếu tố bản địa, GDPL sẽ dễ rơi vào tình trạng *"áp đặt",* làm cho pháp luật khó đi vào thực tiễn cuộc sống. Chỉ khi vị thế bản địa của người dân được tôn trọng, pháp luật mới thật sự trở thành công cụ để đồng bào tự bảo vệ quyền lợi của mình, tích cực tham gia xây dựng cộng đồng, xã hội phát triển bền vững.

Thứ ba, GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai là quá trình tác động của các chủ thể nhằm bảo đảm sự bình đẳng của mọi người dân trước pháp luật, góp phần xây dựng một xã hội công bằng, văn minh, phát triển bền vững

Do đặc trưng địa bàn sinh sống của đồng bào dân tộc Raglai chủ yếu ở vùng sâu, vùng xa, có điều kiện giao thông khó khăn; KT-XH còn hạn chế nên điều kiện tiếp cận thông tin pháp luật đôi khi còn chưa đáp ứng được yêu cầu của thực tiễn. Vì vậy, thông qua các hình thức GDPL sẽ giúp đồng bào dân tộc Raglai hiểu đúng, hiểu rõ, hiểu đầy đủ hơn về quyền, nghĩa vụ của mình trong xã hội, từ đó có thể bảo vệ được quyền lợi của các cá nhân, cộng đồng của mình một cách hợp pháp. Đồng thời, giúp người dân nắm vững các quy định pháp luật, từ đó hạn chế khả năng bị xâm phạm quyền lợi, hoặc bị phân biệt đối xử và có điều kiện tham gia tích cực, chủ động hơn vào các hoạt động xã hội, chính trị tại địa bàn cơ sở. Bởi vì, chỉ khi hiểu đúng, hiểu đầy đủ, nắm vững các quy định của pháp luật, người dân mới có điều kiện phát huy tối đa vai trò trong việc nghiên cứu, góp ý điều chỉnh các chủ trương, chính sách theo hướng sát hợp hơn với nhu cầu, đặc điểm của địa bàn, cộng đồng dân cư.

Một trong những mục tiêu của GDPL là thúc đẩy một xã hội dân chủ, công bằng, trật tự, kỷ cương, an toàn, lành mạnh, nơi mọi người dân, không phân biệt dân tộc, thành phần, giới tính, độ tuổi có thể sống và làm việc trong môi trường pháp lý minh bạch, nghiêm minh và được nhà nước bảo vệ quyền lợi hợp pháp của mình. Đồng thời, bảo đảm sự công bằng trong việc thụ hưởng và tiếp cận sự phát triển KT-XH của đồng bào dân tộc Raglai theo phương châm *"dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng*". Khi người dân được tiếp cận và hiểu rõ, hiểu đúng, hiểu đầy đủ các quy định pháp luật sẽ giúp bản thân không chỉ có khả năng tự bảo vệ mình mà còn có thể đóng góp vào sự phát triển chung của cộng đồng, xã hội. Trong kỷ nguyên mới của dân tộc, khái niệm phát triển bền vững không chỉ là sự tăng trưởng về kinh tế, mà còn là sự phát triển toàn diện về văn hóa, xã hội và pháp lý. Khi được GDPL, đồng bào dân tộc Raglai sẽ có khả năng thích ứng tốt hơn với những thay đổi nhanh chóng trong xã hội, góp phần vào sự phát triển bền vững của cộng đồng, bảo vệ và duy trì bản sắc văn hóa khi hòa nhập với cộng đồng quốc gia. Khi người dân không được tiếp cận đầy đủ với pháp luật sẽ dẫn tới xảy ra những tranh chấp, xung đột, mâu thuẫn không đáng có giữa các cá nhân, nhóm dân tộc khác với nhau, hoặc giữa người dân và các cơ quan chức năng. Vì vậy, GDPL sẽ giúp làm giảm thiểu các vấn đề về tranh chấp,

xung đột, mâu thuẫn phát sinh trong thực tiễn, bảo đảm mọi người đều được đối xử công bằng và có quyền lợi, nghĩa vụ rõ ràng trong xã hội.

Thứ tư, địa bàn GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai chủ yếu ở vùng sâu, vùng xa, khu vực có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn

Giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Raglai có những đặc điểm riêng so với GDPL cho người Kinh, như: Thường được triển khai ở vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện giao thông, KT-XH khó khăn, trình độ nhận thức của người dân còn hạn chế... đòi hỏi chủ thể tiến hành phải có sự linh hoạt, sáng tạo hơn trong việc lựa chọn nội dung, phương pháp GDPL nhằm bảo đảm kiến thức pháp luật được truyền đạt một cách đầy đủ, chính xác, hiệu quả, phù hợp với đặc điểm về văn hóa, xã hội, địa lý của đồng bào dân tộc Raglai.

Về nội dung: GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai cần phải lồng ghép các yếu tố văn hóa truyền thống, phong tục tập quán của người dân. Điều này đòi hỏi chủ thể GDPL phải có sự hiểu biết sâu sắc về văn hóa địa phương để truyền tải thông tin pháp luật một cách chính xác, đầy đủ, hiệu quả. Đồng thời, chú trọng đến các quy định pháp luật liên quan đến quyền và nghĩa vụ của đồng bào, như: quyền về sở hữu, sử dụng đất đai, tài nguyên, văn hóa, giáo dục, y tế... Nội dung GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai cần tập trung vào những vấn đề pháp lý thiết thực, liên quan đến đời sống hàng ngày của người dân, như: pháp luật về hôn nhân và gia đình, đất đai, môi trường, an ninh, trật tự... Bên cạnh đó, cần tập trung giải thích các quy định pháp luật một cách đơn giản, dễ hiểu, phù hợp với trình độ dân trí của đồng bào.

Về phương pháp: GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai cần sử dụng đa dạng, linh hoạt nhiều phương pháp; bảo đảm phù hợp với đặc điểm văn hóa, trình độ dân trí của đồng bào, như: tổ chức các buổi nói chuyện, hội thảo, tọa đàm khoa học, tư vấn pháp luật tại cộng đồng; sử dụng các phương tiện truyền thông địa phương, như: phát thanh, truyền hình, báo chí… để truyền tải thông tin pháp luật; lồng ghép GDPL vào các hoạt động văn hóa truyền thống, như: lễ hội, sinh hoạt cộng đồng; sử dụng những người có uy tín trong cộng đồng để tuyên truyền pháp luật. Tuy nhiên, quá trình GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai cần chú ý sử dụng các hình ảnh, video, mô hình trực quan để minh họa các quy định pháp luật, giúp

đồng bào dễ hiểu, dễ nhớ, dễ thực hiện; sử dụng ngôn ngữ của người Raglai khi thực hiện công tác GDPL tại địa bàn cơ sở. Quá trình GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai đòi hỏi sự phối hợp chặt chẽ, trách nhiệm giữa các cơ quan nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức cộng đồng..., nhất là, là những người có uy tín trong cộng đồng, như: già làng, trưởng bản, chức sắc tôn giáo...

2.1.3. Vai trò của giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Raglai

Thứ nhất, GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai góp phần quán triệt, thực hiện các quan điểm, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về phát triển KT-XH gắn với bảo vệ chủ quyền, an ninh quốc gia

Trong giai đoạn hiện nay, để góp phần nâng cao hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả QLNN, hệ thống pháp luật ngày càng được rà soát, xây dựng và hoàn thiện theo hướng tập trung, thống nhất, đồng bộ. Do đó, số lượng các các VBQPPL được ban hành sẽ ngày càng nhiều, yêu cầu ngày càng cao để điều chỉnh các mối quan hệ xã hội, bảo đảm sự vận hành bình thường của đời sống xã hội, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của các tổ chức, công dân. Nếu chỉ dừng lại ở việc ban hành pháp luật thì sẽ chưa phát huy hết ý nghĩa, vai trò của pháp luật trong bối cảnh tình hình mới. Mặt khác, GDPL được xác định là khâu đầu tiên của thực hiện pháp luật, là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, bảo đảm nhu cầu tiếp cận thông tin về pháp luật của công dân, góp phần nâng cao nhận thức pháp luật cho các tổ chức, cá nhân trên các địa bàn, lĩnh vực khác nhau, trong đó có các quy định về phát triển KT-XH gắn với bảo vệ chủ quyền, an ninh quốc gia trong kỷ nguyên mới của dân tộc. Thông qua việc sử dụng linh hoạt, hiệu quả hình thức, biện pháp giáo dục sẽ giúp đồng bào DTTS nó chung, dân tộc Raglai nói riêng thuận lợi, dễ dàng hơn trong việc nghiên cứu, nắm vững nội dung các quy định của pháp luật, nhất là các vấn đề liên quan trực tiếp đến quyền, nghĩa vụ của bản thân, hoặc các vấn đề được người dân quan tâm.

Thứ hai, GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai góp phần bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người dân, bảo đảm lợi ích chung của cộng đồng

Giáo dục pháp luật là phương thức quan trọng để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đồng bào dân tộc Raglai, bảo đảm lợi ích chung của cộng đồng. Việc tăng cường GDPL sẽ giúp đồng bào dân tộc Raglai hiểu rõ hơn về các quyền lợi, nghĩa vụ của mình, từ đó có thể tự bảo vệ bản thân trước những hành vi vi phạm pháp luật; phát huy vai trò tích cực trong việc xây dựng và bảo vệ cộng đồng. GDPL giúp đồng bào Raglai nắm vững các quyền lợi của mình, như: quyền sở hữu tài sản, quyền học tập, quyền tham gia các hoạt động chính trị, xã hội, quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo... Đồng bào DTTS nói chung, dân tộc Raglai nói riêng đôi khi do thiếu kiến thức pháp luật do điều kiện sống, tiếp cận thông tin và giáo dục hạn chế nên dẫn đến nguy cơ bị xâm phạm quyền lợi, hoặc bị lợi dụng bởi các thế lực thù địch, các loại tội phạm. Vì vậy, thông qua GDPL sẽ giúp đồng bào dân tộc Raglai hiểu rõ về các hành vi vi phạm pháp luật, qua đó giảm thiểu được các mâu thuẫn, xung đột, tranh chấp pháp lý không đáng có.

Việc GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai không chỉ bảo vệ quyền lợi cá nhân mà còn giúp bảo vệ lợi ích chung của cộng đồng. Khi hiểu rõ quyền lợi, nghĩa vụ của mình, đồng bào sẽ tích cực, chủ động hơn trong việc tham gia vào các hoạt động cộng đồng, góp phần xây dựng một xã hội trật tự, đoàn kết, bình đẳng, phát triển. Đồng thời, GDPL còn là công cụ quan trọng để thúc đẩy sự hòa nhập xã hội của đồng bào dân tộc Raglai với các cộng đồng khác, tham gia với tinh thần trách nhiệm cao vào hoạt động phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của địa phương. Việc nắm vững các quy định của pháp luật, hiểu rõ quyền lợi, nghĩa vụ của bản thân sẽ giúp tạo ra một xã hội ổn định, thống nhất với sự đồng thuận cao. Khi mọi người đều nhận thức rõ về quyền lợi, nghĩa vụ của mình, những mâu thuẫn, xung đột, tranh chấp trong xã hội sẽ ngày càng hạn chế, góp phần tạo dựng một môi trường xã hội có sự hòa hợp, thống nhất cao trong cộng đồng.

Thứ ba, GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai góp phần bảo đảm sự công bằng và thực hành nền dân chủ XHCN

Giáo dục pháp luật đóng vai trò quan trọng trong việc giúp đồng bào dân tộc Raglai nhận thức rõ quyền bình đẳng của mình với các dân tộc khác theo quy

định của pháp luật. Từ đó, góp phần xóa bỏ những định kiến, phân biệt đối xử, tạo điều kiện thuận lợi hơn cho người dân trong việc tiếp cận các cơ hội về giáo dục, việc làm, y tế và các quyền lợi cơ bản khác. Đồng thời, giúp người dân hiểu rõ quyền lợi, nghĩa vụ khi tham gia vào các hoạt động chính trị, xã hội; đóng góp ý kiến vào những quyết định quan trọng của cộng đồng, đất nước, đặc biệt là quyền tham gia bầu cử, ứng cử, tham gia thảo luận, hội họp, phản biện xã hội. Khi được trang bị đầy đủ kiến thức pháp luật, đồng bào dân tộc Raglai sẽ có khả năng thực hiện quyền công dân của mình một cách đầy đủ, hiệu quả hơn, từ đó góp phần làm nền dân chủ XHCN trở nên thực chất hơn theo đúng phương châm *"dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng"* được xác định trong Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV.

Giáo dục pháp luật còn giúp đồng bào dân tộc Raglai nhận thức rõ cách thức bảo vệ quyền lợi chính đáng, hợp pháp của mình, thông qua hoạt động của các cơ quan nhà nước và các cơ chế pháp lý. Điều này không chỉ giúp bảo vệ quyền lợi cá nhân mà còn bảo đảm sự công bằng, minh bạch, nghiêm minh trong việc thực thi pháp luật. Tăng cường kiểm tra, giám sát việc ban hành, tổ chức thực hiện các chính sách, pháp luật của Nhà nước; việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được giao của các cơ quan nhà nước nhằm bảo đảm sự minh bạch, công bằng, nghiêm minh trong công tác quản lý, phát triển của cộng đồng. Việc hiểu rõ các quyền tự do cá nhân, quyền tự do ngôn luận, quyền tự do tín ngưỡng, các quyền con người, quyền công dân theo Hiến pháp và pháp luật quốc gia, pháp luật quốc tế sẽ giúp đồng bào dân tộc Raglai tự tin hơn trong việc bảo vệ quyền lợi cá nhân, tôn trọng quyền lợi, nghĩa vụ của người khác, từ đó đóng góp vào sự công bằng, dân chủ trong cộng đồng, xã hội.

Khi được cung cấp đầy đủ kiến thức pháp luật, đồng bào dân tộc Raglai sẽ có khả năng giải quyết các xung đột, tranh chấp, mâu thuẫn một cách hòa bình, hợp pháp, từ đó giúp hạn chế những vấn đề phức tạp phát sinh không cần thiết trong cuộc sống, cộng đồng. Việc giải quyết các xung đột, mâu thuẫn, tranh chấp thông qua các cơ chế pháp lý giúp bảo đảm tính công bằng, minh bạch, nghiêm

minh và sự công nhận quyền lợi hợp pháp của mọi cá nhân trong xã hội. Đồng thời, GDPL còn giúp tăng cường sự giao lưu, hiểu biết lẫn nhau giữa các dân tộc, từ đó thúc đẩy sự tôn trọng, đoàn kết, hòa hợp trong cộng đồng, xã hội. Điều này có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong việc bảo vệ sự đa dạng văn hóa và quyền lợi của mỗi nhóm dân tộc, bảo đảm các quyết định chính trị, xã hội được thực hiện một cách công bằng, minh bạch, khách quan.

Thứ tư, GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai góp phần thực hiện nguyên tắc bình đẳng giữa các dân tộc

Giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Raglai đóng vai trò then chốt trong việc bảo đảm thực hiện nguyên tắc bình đẳng giữa các dân tộc, tạo nền tảng vững chắc cho sự hòa hợp, công bằng, phát triển bền vững trong xã hội. Mỗi công dân đều có cơ hội bình đẳng và quyền lợi được bảo vệ, xã hội sẽ trở nên ổn định, phát triển hơn. Thông qua GDPL giúp đồng bào dân tộc Raglai nhận thức được quyền bình đẳng với các dân tộc khác trên mọi lĩnh vực, như: quyền học tập, quyền làm việc, quyền tiếp cận dịch vụ y tế, quyền tham gia vào các hoạt động chính trị, xã hội... Khi hiểu rõ các quyền lợi cơ bản này sẽ giúp đồng bào có khả năng tự bảo vệ trước sự phân biệt, đối xử, khẳng định giá trị, vai trò của mình trong cộng đồng.

Giáo dục pháp luật không chỉ là công cụ quan trọng để xóa bỏ các định kiến, phân biệt đối xử giữa các dân tộc, mà còn giúp đồng bào dân tộc Raglai nhận thức đầy đủ, toàn diện về các quyền lợi hợp pháp của mình, cách thức bảo vệ. Qua đó, giúp đồng bào chủ động chống lại các hành vi phân biệt, thúc đẩy sự công bằng, bình đẳng trong xã hội. Khi được trang bị kiến thức pháp luật, đồng bào dân tộc Raglai sẽ biết cách tự bảo vệ quyền lợi chính đáng, hợp pháp của mình thông qua các cơ chế pháp lý và tổ chức nhà nước, bảo đảm rằng quyền lợi của họ không bị xâm phạm bởi sự thiếu hiểu biết pháp luật, hoặc các yếu tố bên ngoài. GDPL còn giúp đồng bào dân tộc Raglai nhận thức được quyền tham gia vào các quyết định quan trọng của cộng đồng, quốc gia, từ việc bầu cử, ứng cử đến tham gia thảo luận, hội họp và phản biện chính sách, pháp luật. Khi mọi công dân đều có quyền tham gia bình đẳng vào các quyết định xã hội, sẽ không còn sự phân biệt giữa các dân tộc, tạo ra sự công bằng trong việc phân phối các cơ hội, nguồn lực phát triển.

Đồng thời, việc thực hiện nguyên tắc bình đẳng thông qua GDPL còn góp phần củng cố mối đoàn kết giữa các dân tộc. Khi các dân tộc có sự hiểu biết, tôn trọng, bình đẳng trong quyền lợi và nghĩa vụ, sẽ hình thành một cộng đồng đoàn kết, thống nhất, không có sự phân biệt, hoặc căng thẳng, mâu thuẫn, xung đột giữa các nhóm dân tộc, thúc đẩy hòa hợp, tôn trọng, bảo vệ sự đa dạng văn hóa.

Giáo dục pháp luật giúp đồng bào dân tộc Raglai nhận thức rõ quyền lợi, nghĩa vụ của bản thân trong các chương trình phát triển KT - XH, để không bị bỏ lại phía sau trong các chiến lược phát triển quốc gia. Các chính sách hỗ trợ đồng bào DTTS nói chung, dân tộc Raglai nói riêng sẽ được triển khai công bằng, minh bạch, hợp lý giúp bảo đảm cho việc tiếp cận các cơ hội phát triển như các dân tộc khác, từ đó đóng góp vào sự phát triển chung của cộng đồng, đất nước.

Thứ năm, GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai góp phần bảo đảm chủ động phòng ngừa, phát hiện và xử lý nghiêm minh các hành vi vi phạm pháp luật

Khi được trang bị đầy đủ kiến thức pháp luật, đồng bào dân tộc Raglai sẽ có khả năng hiểu rõ, thực hiện đúng quyền lợi, nghĩa vụ của mình, từ đó góp phần duy trì trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ quyền lợi hợp pháp của bản thân, tổ chức và thúc đẩy sự công bằng trong cộng đồng. Hệ thống pháp luật sẽ phát huy hiệu quả tối đa khi tất cả mọi người đều nhận thức đúng đắn, đầy đủ và nghiêm túc tuân thủ các quy định của pháp luật. Đồng thời, GDPL giúp đồng bào dân tộc Raglai nhận thức rõ những quy định của pháp luật, những hậu quả pháp lý khi vi phạm, qua đó góp phần nâng cao ý thức tuân thủ pháp luật. Khi hiểu sâu sắc, đầy đủ về quyền lợi, nghĩa vụ của mình, người dân sẽ có khả năng tự bảo vệ quyền lợi hợp pháp của mình và thực hiện đúng trách nhiệm của bản thân với vai trò là một công dân của xã hội. Việc trang bị kiến thức pháp luật không chỉ giúp đồng bào dân tộc Rgalai nhận diện được các vi phạm pháp luật mà còn giúp tạo ra một cộng đồng tuân thủ pháp luật, từ đó góp phần duy trì an ninh, trật tự xã hội để phát triển KT-XH của địa phương.

Giáo dục pháp luật giúp đồng bào dân tộc Raglai hiểu rõ quyền lợi hợp pháp của bản thân, cách thức bảo vệ quyền lợi đó thông qua các cơ chế pháp lý, hoạt động của các cơ quan nhà nước có liên quan. Khi có đầy đủ các kiến thức,

kỹ năng cần thiết sẽ giúp người dân sẽ tự tin trong việc bảo vệ quyền lợi của bản thân, chống lại các hành vi xâm phạm quyền lợi hợp pháp, góp phần làm cho pháp luật được thực thi một cách nghiêm minh, công bằng. Đồng thời, GDPL còn giúp đồng bào dân tộc Raglai nhận thức được quyền lợi luôn gắn liền với trách nhiệm của mỗi công dân. Khi mọi công dân đều hiểu biết, tuân thủ pháp luật, xã hội sẽ trở nên công bằng hơn, không có sự phân biệt trong việc áp dụng pháp luật đối với các dân tộc khác nhau.

Giáo dục pháp luật còn trang bị cho đồng bào dân tộc Raglai kỹ năng, khả năng giám sát, phản biện các hành vi vi phạm pháp luật của các cơ quan, tổ chức, hoặc cá nhân có liên quan. Khi có kiến thức pháp lý, người dân có thể yêu cầu các cơ quan chức năng thực thi pháp luật một cách chính xác, đầy đủ, công bằng, minh bạch, qua đó nâng cao hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước. Việc tiếp cận GDPL cũng giúp đồng bào dân tộc Raglai xây dựng, củng cố niềm tin vào hệ thống pháp luật và các cơ quan chức năng trong thực thi pháp luật, tạo ra sự đồng tình, ủng hộ cao của người dân nhằm góp phần thúc đẩy việc tuân thủ pháp luật. Niềm tin này giúp củng cố hệ thống pháp luật, làm cho việc thực thi pháp luật trở nên nghiêm minh, hiệu quả hơn.

2.2. Các thành tố của giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Raglai

2.2.1. Mục tiêu giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Raglai

Việc xác định rõ mục tiêu GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai có ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Nếu không có mục tiêu chính xác, cụ thể thì các chương trình GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai sẽ không thể đưa ra nội dung, phương pháp, hình thức phù hợp, dẫn đến tình trạng công tác GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai mang tính hình thức, hoặc xa rời thực tiễn, không mang lại hiệu quả tích cực như mong muốn. Do đó, GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai phải là một quá trình với sự chuẩn bị cẩn trọng, kỹ lưỡng, tỉ mỉ và phải tuân theo các quy trình cụ thể, diễn ra trong một khoảng thời gian, thời điểm phù hợp. Vì vậy, có thể hiểu: *Mục tiêu của GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai là việc xác định phương hướng, những kết quả cần đạt được trong công tác GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai*. Trong đó, gồm các yếu tố cơ bản như: kiến thức pháp luật, thái độ, niềm tin đối với pháp

luật; những hành vi ứng xử phù hợp với quy định của pháp luật, từ đó giúp đồng bào dân tộc Raglai áp dụng hiệu quả trong đời sống, xã hội. Mục tiêu GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai được thể hiện trên các phương diện như:

Thứ nhất, GDPL hướng đến hình thành, củng cố ý thức pháp luật

Nhà nước Cộng hoà XHCN Việt Nam là nhà nước pháp quyền XHCN của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân với đặc trưng cơ bản là tinh thần *"thượng tôn pháp luật"*, mọi chủ thể trong xã hội đều phải có trách nhiệm tôn trọng, nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật. Tuy nhiên, pháp luật không thể phát huy được hiệu lực, hiệu quả tối đa nếu không được áp dụng vào thực tiễn cuộc sống. Tuyên truyền, GDPL là khâu đầu tiên của thi hành pháp luật, là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, bảo đảm quyền được tiếp cận thông tin của công dân, nâng cao ý thức pháp luật cho các nhóm đối tượng, trên các lĩnh vực địa bàn cụ thể. Pháp luật được truyền tải đến mọi công dân thông qua nhiều hình thức, biện pháp phong phú, đa dạng phù hợp với đặc điểm của từng địa bàn, đối tượng, lĩnh vực; qua đó, giúp mọi công dân nắm bắt được đầy đủ, chính xác các quy định của pháp luật có liên quan. Đồng thời, GDPL còn cung cấp cho đồng bào dân tộc Raglai những thông tin, kiến thức pháp lý cơ bản, từ đó giúp hình thành, củng cố ý thức pháp luật của người dân. Đây là mục tiêu đầu tiên, có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, bởi vì sự hiểu biết pháp luật là nền tảng để người dân tin tưởng vào các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Chỉ khi nắm vững các quyền con người, quyền công dân, cách thức bảo vệ quyền lợi hợp pháp của bản thân, đồng bào dân tộc Raglai sẽ tự tin, chủ động hơn trong việc tổ chức lao động, sinh hoạt, đồng thời tự đánh giá hành vi của mình trong các mối quan hệ xã hội.

Thứ hai, GDPL hướng đến hình thành thái độ, tình cảm và niềm tin đối với pháp luật

Kiến thức pháp luật cần phải đi đôi với sự hình thành, củng cố niềm tin, thái độ đúng đắn đối với pháp luật. Nếu đồng bào dân tộc Raglai chỉ hiểu biết pháp luật mà không có niềm tin vào sự minh bạch, công bằng, nghiêm minh của pháp luật thì sẽ dễ dẫn đến những hành vi vi phạm, hoặc bỏ qua các quy định của

pháp luật để theo đuổi lợi ích cá nhân. Mặt khác, GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai cần nuôi dưỡng, bồi đắp tình cảm công bằng, trách nhiệm, thái độ đấu tranh kiên quyết, không khoan nhượng đối với hành vi vi phạm pháp luật, như: (1) Giáo dục tình cảm công bằng giúp đồng bào dân tộc Raglai biết phân biệt đúng, sai, từ đó dám đấu tranh, phê phán hành vi sai trái, dám bảo vệ những hành vi đúng đắn theo tinh thần *"7 dám";* (2) Giáo dục tình cảm trách nhiệm giúp đồng bào dân tộc Raglai hiểu rõ nghĩa vụ của mình, từ đó điều chỉnh hành vi của bản thân theo đúng quy định của pháp luật; (3) Giáo dục tinh thần kiên quyết, dũng cảm đấu tranh với hành vi vi phạm pháp luật giúp đồng bào dân tộc Raglai nhận thức rõ mối nguy hiểm của tội phạm đối với bản thân và xã hội, từ đó tích cực, chủ động tham gia công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm và các hành vi vi phạm pháp luật.

Thứ ba, GDPL hướng đến hình thành hành vi ứng xử tích cực theo pháp luật

Tri thức, tình cảm, niềm tin pháp luật là những yếu tố cơ bản để hình thành ý thức tự giác chấp hành pháp luật, thực hiện hành vi hợp pháp đối với đồng bào DTTS. Nhờ có hiểu biết kiến thức pháp luật cơ bản, đặc biệt là kiến thức pháp luật liên quan trực tiếp đến cuộc sống của mình, tình cảm, niềm tin đối với pháp luật sẽ là động lực để đồng bào hình thành động cơ, mục đích, hành vi tích cực, tự giác tìm hiểu, chấp hành pháp luật. Mặc dù, mục tiêu nhận thức và thái độ rất quan trọng nhưng điều cốt lõi nhất là đồng bào dân tộc Raglai phải cụ thể hóa được nhận thức đó thành các hành vi tích cực, tuân thủ pháp luật trong mọi lĩnh vực của đời sống. Việc trang bị kiến thức pháp luật, củng cố, nuôi dưỡng niềm tin vào sự công bằng, nghiêm minh của pháp luật và rèn luyện thái độ trách nhiệm sẽ là động lực mạnh mẽ giúp người dân tự giác thực hiện các hành vi phù hợp với quy định pháp luật. Do đó, sự thấu hiểu, niềm tin vào pháp luật sẽ thúc đẩy hành vi pháp luật một cách tự nguyện, tích cực trong cộng đồng dân tộc Raglai nhằm hiện thực hóa định hướng phát triển đất nước giai đoạn 2021 - 2030 là: *"Quản lý phát triển xã hội có hiệu quả, nghiêm minh, bảo đảm an ninh xã hội, an ninh con người; thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội..."* [22, tr.30].

2.2.2. Chủ thể, đối tượng giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Raglai

2.2.2.1. Chủ thể giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Raglai

Theo quy định của pháp luật hiện nay, chủ thể GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai gồm: các cơ quan nhà nước, tổ chức, đoàn thể, các cơ sở đào tạo chuyên ngành luật, những cá nhân cụ thể thuộc các cấp, các ngành có trách nhiệm trong việc thực hiện mục tiêu GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai. Các chủ thể này có thể là cơ quan, tổ chức, đoàn thể có chức năng GDPL và các cá nhân có liên quan. Căn cứ vào nội dung, mục tiêu của GDPL, trình độ kiến thức pháp luật cần trang bị cho các nhóm đối tượng cụ thể trong cộng đồng mà mỗi chủ thể GDPL sẽ phát huy vai trò, trách nhiệm khác nhau của mình. Theo quy định tại Điều 37, Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật, năm 2012, chủ thể GDPL cho đồng bào DTTS gồm: các cơ quan, tổ chức, đoàn thể các cấp có chức năng và nhiệm vụ trong GDPL. Trên cơ sở đó, các chủ thể GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai, gồm: Cục Phổ biến, giáo dục pháp luật và bổ trợ tư pháp, Bộ Tư pháp; Sở Tư pháp, Hội Luật gia, Đoàn Luật sư cấp tỉnh và các tổ chức khác như: Công an, Quân đội, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội. Các tổ chức này có lợi thế lớn khi sở hữu các tài liệu, thông tin, VBQPPL với đội ngũ cán bộ, chuyên gia pháp luật được đào tạo cơ bản, có kiến thức vững vàng và kinh nghiệm thực tiễn trong lĩnh vực pháp lý của địa phương.

Chính quyền địa phương các cấp là chủ thể trung tâm trong việc xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện các vấn đề liên quan đến GDPL nói chung, GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai nói riêng. Theo Điều 11, Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật, năm 2012, chính quyền địa phương có trách nhiệm xây dựng kế hoạch phổ biến, GDPL hàng năm, lồng ghép với các chương trình phát triển KT - XH vùng đồng bào dân tộc Raglai. Đội ngũ cán bộ công chức cấp cơ sở thông qua việc thực hiện nhiệm vụ của mình cũng là chủ thể GDPL hiệu quả. Thông quá quá trình giải thích, hướng dẫn cho người dân sử dụng quyền, nghĩa vụ của mình chính là giúp người dân nâng cao hiểu biết, ý thức pháp luật của bản thân. Đặc biệt, đa số đội ngũ cán bộ công chức là người Raglai tại địa phương, am hiểu về ngôn ngữ, phong tục tập quán của địa phương nên có những thuận lợi nhất định trong việc GDPL cho người dân, bảo đảm bám sát yêu cầu của thực tiễn.

Thực hiện Kết luận số 167-KL/TW ngày 13/6/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về chủ trương thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy và đơn vị hành chính, đưa vào hoạt động đồng thời cấp tỉnh, cấp xã từ ngày 01/7/2025 và chủ trương bố trí Công an chính quy đảm nhiệm các chức danh Công an xã. Hiện nay, Công an cấp xã đóng vai trò là *"cầu nối"*, giúp các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước được quán triệt, thực hiện một cách nghiêm túc, đầy đủ trong cuộc sống hàng ngày của người dân. Thông qua công tác dân vận, vận động quần chúng và trực tiếp tiếp xúc, trò chuyện, giải đáp thắc mắc, lực lượng Công an xã đã tạo sự tin tưởng, gần gũi với người dân, từ đó việc tuyên truyền, GDPL pháp luật trở nên hiệu quả hơn. Vì vậy, khi người dân hiểu rõ các quy định của pháp luật sẽ tự giác chấp hành, từ đó giảm thiểu các hành vi vi phạm pháp luật. Ngoài ra, lực lượng Công an cấp xã còn tham gia giải quyết các mâu thuẫn, tranh chấp, xung đột ngay tại địa bàn cơ sở thông qua việc hòa giải, phân tích các quy định pháp luật liên quan, giúp người dân tránh những hành vi vi phạm pháp luật không đáng có. Qua đó, góp phần xây dựng xã hội trật tự, kỷ cương, an toàn, lành mạnh, công bằng ngay từ cấp cơ sở; xây dựng, củng cố niềm tin của người dân vào pháp luật, sự lãnh đạo của cấp ủy, chính quyền địa phương.

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp là những chủ thể quan trọng trong việc GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai. Các tổ chức này có hệ thống mạng lưới rộng khắp, xuyên suốt từ Trung ương đến cơ sở, thậm chí đến tận các thôn, bản... Thông qua hệ thống mạng lưới này, các chủ thể có thể tiếp cận trực tiếp với từng hộ gia đình và từng cá nhân trong cộng đồng dân tộc Raglai. Qua đó, giúp việc tuyên truyền, phổ biến, GDPL pháp luật không bị gián đoạn và bảo đảm thông tin được truyền tải một cách đầy đủ, chính xác, toàn diện, kịp thời. Mặt khác, trên cơ sở tinh thần tự nguyện, gần gũi với người dân, am hiểu phong tục, tập quán, ngôn ngữ giúp cho quá trình GDPL pháp luật cho đồng bào dân tộc Raglai được cởi mở, gần gũi, hiệu quả hơn.

Ngoài ra, các tổ chức này còn phát huy vai trò của những người có uy tín trong cộng đồng như: già làng, trưởng bản, chức sắc tôn giáo để làm "hạt nhân"

tuyên truyền, tạo hiệu ứng lan tỏa mạnh mẽ và bền vững. Sự phối hợp đồng bộ giữa các tổ chức này giúp hình thành một *"mặt trận"* chung trong công tác GDPL, bảo đảm mọi thành viên trong xã hội đều được tiếp cận, hiểu biết về pháp luật.

Bên cạnh các cơ quan nhà nước và tổ chức, GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai còn có sự tham gia của các chủ thể GDPL khác như:

Chủ thể GDPL chuyên nghiệp là những có chuyên môn sâu, được đào tạo cơ bản và trực tiếp làm công tác GDPL tại các cơ sở giáo dục trong hệ thống giáo dục quốc dân trên địa bàn, như: đội ngũ giảng viên các trường đào tạo luật, các nghiên cứu viên của các viện nghiên cứu khoa học pháp lý. Các chủ thể có trách nhiệm nghiên cứu, giảng dạy chương trình đào tạo luật, từ trung cấp, đại học, sau đại học đến các khóa bồi dưỡng ngắn hạn về pháp luật cho đồng bào DTTS nói chung, dân tộc Raglai nói riêng. Đồng thời, tham gia GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai khi có yêu cầu của các cơ quan chức năng, hoặc theo đề nghị của cấp ủy, chính quyền địa phương.

Chủ thể GDPL không chuyên nghiệp là những người không trực tiếp làm công tác giáo dục, đào tạo pháp luật, như: báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật là những người có nhiệm vụ chính không phải trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo pháp luật nhưng qua công tác chuyên môn của mình, hoặc kiêm nhiệm thực hiện mục tiêu GDPL cho một nhóm đối tượng cụ thể. Trong GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai, các chủ thể không chuyên nghiệp có thể là: luật sư, chuyên gia pháp lý, đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp, đội ngũ cán bộ công chức làm việc tại các cơ quan hành pháp, tư pháp như: Sở Tư pháp, Viện Kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân và các cơ quan hành chính cấp tỉnh...

Mỗi chủ thể GDPL sẽ góp phần vào quá trình nâng cao nhận thức pháp luật cho đồng bào dân tộc Ragali, bảo đảm cho đồng bào được tiếp cận thông tin pháp lý đầy đủ, chính xác. Qua đó, giúp người dân tích cực, chủ động trong việc tự bảo vệ quyền lợi hợp pháp của bản thân, tham gia với tinh thần trách nhiệm cao vào các hoạt động của đời sống, xã hội.

2.2.2.2. Đối tượng của giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Raglai

Khi triển khai công tác GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai, các chủ thể tiến hành cần phân loại đối tượng theo các tiêu chí cụ thể để bảo đảm tính khả thi và phù hợp đặc điểm của từng nhóm đối tượng, như:

Thứ nhất, theo địa bàn cư trú. Đồng bào Raglai chủ yếu tập trung sinh sống ở các khu vực nông thôn, miền núi, biên giới, vùng sâu, vùng xa, có điều kiện giao thông, kinh tế, xã hội khó khăn. Tuy nhiên, do mỗi địa bàn có đặc thù xã hội riêng, dẫn đến sự khác biệt về nhu cầu thông tin, kiến thức, kỹ năng pháp luật của người dân. Vì vậy, quá trình GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai phải có sự phân biệt trong cách tiếp cận, nhằm bảo đảm phù hợp với nhu cầu pháp lý của từng nhóm dân cư theo địa bàn cư trú.

Thứ hai, theo độ tuổi. Đồng bào dân tộc Raglai có nhiều nhóm tuổi khác nhau như: trẻ em, thiếu niên, thanh niên, trung niên, người cao tuổi. Mỗi nhóm tuổi đều có đặc điểm tâm lý, khả năng nhận thức và nhu cầu hiểu biết, kỹ năng pháp luật khác nhau. Do đó, các chủ thể GDPL cần xây dựng kế hoạch cụ thể, có sự chuẩn bị kỹ lưỡng, chọn lựa mục tiêu, nội dung, phương pháp, hình thức GDPL cho phù hợp với từng độ tuổi, giúp quá trình truyền đạt thông tin hiệu quả cao nhất.

Thứ ba, theo nghề nghiệp. Đồng bào dân tộc Raglai làm việc trong nhiều lĩnh vực khác nhau như: nông nghiệp, công nghiệp, hoặc các cơ quan hành chính nhà nước nên hiểu biết về pháp luật, nhu cầu học hỏi về pháp lý cũng có sự khác biệt nhất định. Vì vậy, trong quá trình triển khai GDPL, cần tính đến đặc điểm nghề nghiệp của mỗi nhóm đối tượng cụ thể để xây dựng chương trình, kế hoạch công tác, lựa chọn nội dung, hình thức GDPL bám sát yêu cầu của thực tiễn.

Thứ tư, theo vị thế xã hội. Trong cộng đồng DTTS, có những người có vị trí, uy tín cao được cộng đồng kính trọng, tin tưởng, như: cán bộ, công chức cấp tỉnh, xã, trưởng thôn, già làng, trưởng bản... Việc chú trọng đào tạo, bồi dưỡng những cá nhân này trở thành tuyên truyền viên pháp luật có ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Điều này cũng phù hợp với các quy định của pháp luật, như: Khoản 2, Điều 17, Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật, năm 2012 và Chỉ thị số 06/2008/CT-

TTg, ngày 01/02/2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc phát huy vai trò của người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg, ngày 06/3/2018 của Thủ tướng Chính phủ về tiêu chí lựa chọn, công nhận người có uy tín và chính sách với người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số…

Thứ năm, theo mục tiêu và nhu cầu tiếp thu kiến thức pháp luật. Căn cứ vào mục tiêu GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai, như: nâng cao ý thức pháp luật, khuyến khích tham gia cộng đồng, bảo đảm quyền lợi và bình đẳng; căn cứ vào nhu cầu tiếp thu kiến thức pháp luật để bảo vệ quyền lợi cá nhân, bảo vệ và phát triển văn hóa, phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội... Các chủ thể GDPL cần chủ động xây dựng kế hoạch, tổ chức triển khai công tác GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai bảo đảm sát hợp với yêu cầu của thực tiễn. Trong đó, phải xác định rõ mục tiêu, yêu cầu, chủ thể, đối tượng, nội dung, hình thức, phương pháp GDPL; lựa chọn đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật có trình độ chuyên môn tốt, am hiểu phong tục, tập quán, ngôn ngữ của đồng bào dân tộc Raglai để góp phần nâng cao hiệu quả GDPL trong cộng đồng.

2.2.3. Nội dung, hình thức, phương pháp giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Raglai

2.2.3.1. Nội dung giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Raglai

Theo Khoản 1, Điều 17 Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật, năm 2012 quy định: "*Việc phổ biến, giáo dục pháp luật cho người dân ở vùng dân tộc thiểu số, miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới, ven biển, hải đảo, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và ngư dân căn cứ vào đặc điểm của từng đối tượng mà tập trung vào các quy định pháp luật về dân tộc, tôn giáo, trách nhiệm tham gia bảo vệ, giữ gìn an ninh, quốc phòng, biên giới, chủ quyền quốc gia, biển, đảo, tài nguyên, khoáng sản và các lĩnh vực pháp luật khác gắn liền với đời sống, sản xuất của người dân".* Để công tác GDPL cho đồng bào DTTS nói chung, dân tộc Raglai nói riêng được tiến hành một cách có hiệu quả, thiết thực, chủ thể tiến hành cần phải xác định rõ những nội dung trọng tâm, phù hợp với từng nhóm

đối tượng, loại hình và cấp độ GDPL. Trên cơ sở đó, nội dung GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai gồm:

Thứ nhất, hệ thống các VBQPPL nói chung, nhất là có liên quan đến đồng bào dân tộc Raglai, như: Hiến pháp năm 2013 (sửa đổi năm 2025); Bộ luật Dân sự năm 2015; Bộ luật Lao động năm 2019; Luật Đất đai năm 2024; Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Luật Phòng, chống bạo lực gia đình năm 2022; Luật Khiếu nại năm 2021; Luật Tố cáo năm 2018, Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở năm 2022... Trong quá trình thiết kế nội dung GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai, cơ quan chức năng cần bám sát yêu cầu của thực tiễn và đặc điểm của từng nhóm cộng đồng, nhất là về ngôn ngữ, phong tục, tập quán, địa bàn sinh sống; tham khảo ý kiến của các tổ chức, cá nhân có liên quan.

Bên cạnh việc quy định về pháp luật nói chung, nội dung các VBQPPL của Trung ương ban hành theo đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền liên quan trực tiếp đến đời sống hàng ngày của đồng bào dân tộc Raglai nên được cấp ủy, chính quyền địa phương các cấp đặc biệt quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo theo đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được giao và bám sát yêu cầu của thực tiễn. Do đó, quá trình chức thực hiện các VBQPPL tại địa phương phải bảo đảm tính công khai, minh bạch, tạo điều kiện thuận lợi để mọi người dân có điều kiện nghiên cứu, tiếp cận. Sau khi các VBQPPL đã được ban hành đều có các cơ quan, tổ chức và cá nhân có thẩm quyền giám sát tiến độ, hiệu quả triển khai thực hiện trong thực tiễn một cách đầy đủ, khách quan. Đồng thời, có các cơ chế để tiếp nhận các ý kiến phản ánh, khiếu nại của đồng bào DTTS để kịp thời giải đáp những khó khăn, vướng mắc trong quá trình áp dụng vào thực tiễn. Đây là những cơ sở pháp lý quan trọng có vai trò định hướng về mặt nhận thức, tạo sự thống nhất trong hành động thực tiễn, góp phần nâng cao ý thức pháp luật của đồng bào dân tộc Raglai và bảo vệ quyền lợi pháp pháp chính đáng của người dân nhằm thúc đẩy sự phát triển bền vững của cộng đồng này.

Thứ hai, hệ thống các VBQPPL do chính quyền địa phương ban hành, gồm: nghị quyết của Hội đồng nhân dân các cấp, quyết định của Ủy ban nhân dân các cấp; các văn bản có liên quan trực tiếp đến đời sống, lao động, sinh hoạt của đồng

bào dân tộc Raglai. Các VBQPPL dưới luật do chính quyền địa phương các cấp ban hành về GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai được xây dựng phù hợp với đặc điểm về văn hóa, phong tục, tập quán, nhu cầu pháp luật của từng cộng đồng dân tộc. Những quy định này chủ yếu liên quan trực tiếp đến các lĩnh vực quan trọng trong đời sống của đồng bào dân tộc Raglai, như: đất đai, lao động, giáo dục, y tế, các vấn đề an sinh xã hội khác. Do đặc điểm về ngôn ngữ, văn hóa, phong tục tập quán của đồng bào dân tộc Raglai nên thường được thiết kế đơn giản, dễ hiểu, gần gũi với người dân hơn. Vì vậy, các yếu tố này có vai trò quan trọng trong việc giúp đồng bào dân tộc Raglai hiểu rõ, áp dụng hiệu quả các quy định pháp luật vào thực tiễn cuộc sống.

Thứ ba, thực tiễn đời sống pháp luật của đồng bào dân tộc Raglai trên địa bàn. Giáo dục những nội dung thông tin về thực tiễn đời sống pháp luật của đồng bào dân tộc Raglai trên địa bàn có ý nghĩa đặc biệt quan trọng nhằm góp phần động viên, khuyến khích, cổ vũ người dân tích cực tham gia học tập, làm theo những tấm gương sáng điển hình trong thực hiện pháp luật, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật trong cộng đồng; nâng cao ý thức cảnh giác trước các âm mưu, phương thức hoạt động của các thế lực thù địch, các loại tội phạm nhằm lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo, hoặc những hạn chế, thiếu sót trong công cuộc đổi mới đi lên xây dựng CNXH nhằm thực hiện âm mưu *"diễn biến hòa bình"* ở Việt Nam*;* phát huy tinh thần chủ động, tích cực, trách nhiệm trong công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm và các hành vi vi phạm pháp luật góp phần xây dựng xã hội trật tự, kỷ cương, an toàn, lành mạnh.

2.2.3.2. Hình thức giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Raglai

Hình thức GDPL là cách thức chủ thể tiến hành sử dụng để tác động vào ý thức, tâm lý của các chủ thể nhằm đạt được mục tiêu đề ra. Do có sự khác biệt về nội dung, đối tượng GDPL nên trong quá trình tổ chức thực hiện các chủ thể cần sử dụng đa dạng, linh hoạt các hình thức GDPL mới bảo đảm yêu cầu thực tiễn. Việc lựa chọn sử dụng hình thức GDPL nào cho phù hợp, hiệu quả phụ thuộc vào từng đối tượng, yêu cầu, mục đích đặt ra. Mặt khác, việc sử dụng kết

hợp, lồng ghép các hình thức GDPL sẽ giúp thúc đẩy, kích thích ý thức, khả năng tham gia của nhiều chủ thể với việc từng bước đưa pháp luật vào thực tiễn cuộc sống. Vì vậy, không nên quá coi trọng, hoặc quá xem nhẹ một hình thức nào trong công tác GDPL, bởi vì các hình thức GDPL đều có mối quan hệ gắn bó, biện chứng với nhau; mỗi hình thức GDPL đều có những ưu điểm, hạn chế và có trường hợp sử dụng khác nhau. Trên cơ sở Điều 11, Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật, năm 2012 và thực tiễn quá trình tổ chực thực hiện, có thể khái quát các hình thức GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai như sau:

- Thông qua việc biên soạn, phát hành tài liệu pháp luật. Đây là hình thức GDPL được áp dụng rộng rãi, gần gũi với người dân, là cẩm nang, phương tiện hoạt động của những người làm công tác GDPL. Trong đó, tài liệu pháp luật gồm: đề cương tuyên truyền, văn bản pháp luật, sách hướng dẫn, giải thích pháp luật, sách hỏi, đáp pháp luật, bản tin...

- Thông qua các phương tiện truyền thông đại chúng: báo in, báo hình, loa truyền thanh, trang thông tin điện tử của cơ quan, tổ chức, khu dân cư ở cơ sở được sử dụng để GDPL tại địa phương; lồng ghép trong các chương trình, dự án, chính sách dân tộc, vận động, khuyến khích đồng bào dân tộc Raglai tích cực thực hiện chính sách, pháp luật.

- Tổ chức các cuộc thi tìm hiểu pháp luật từ cơ sở đến cấp tỉnh cho đồng bào dân tộc Raglai. Đây là một trong những hình thức GDPL hấp dẫn, có hiệu quả cao, được sử dụng phổ biến hiện nay. Kết quả GDPL thông qua hình thức thi tìm hiểu pháp luật tác động trực tiếp đến ý thức pháp luật của đối tượng dự thi.

- Thông qua công tác xét xử, xử lý vi phạm hành chính, hoạt động tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo của đồng bào dân tộc Raglai và hoạt động khác của các cơ quan trong bộ máy nhà nước.

- Thông qua hoạt động trợ giúp pháp lý, tư vấn pháp luật, trợ giúp pháp lý lưu động trực tiếp đến vùng đồng bào dân tộc Raglai tập trung sinh sống, làm việc. Tư vấn pháp luật là việc giải đáp pháp luật, hướng dẫn ứng xử đúng pháp luật, cung cấp dịch vụ pháp lý nhằm giúp đồng bào thực hiện và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình. Trợ giúp pháp lý là sự giúp đỡ miễn phí của các tổ

chức trợ giúp pháp lý của Nhà nước cho đồng bào dân tộc Raglai tiếp cận với các dịch vụ pháp lý nhằm bảo đảm cho mọi công dân đều bình đẳng trước pháp luật, thực hiện công bằng xã hội.

- Lồng ghép trong các hoạt động văn hóa, văn nghệ; xây dựng, nâng cấp tủ sách pháp luật tại các thôn, bản thông qua hoạt động hòa giải ở cơ sở. Xây dựng mô hình điểm tại các thôn, bản, như: xây dựng, thực hiện hương ước của thôn, làng, bản; thông qua việc ký cam kết gia đình không có thành viên vi phạm pháp luật; xây dựng các điểm sáng về chấp hành pháp luật ở dân cư.

- Thông qua chương trình GDPL trong các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân, đặc biệt là trong các trường dân tộc nội trú. Thông qua việc ứng dụng công nghệ thông tin, mạng internet. Trong bối cảnh của cuộc cách mạng 4.0, số lượng người dân sử dụng internet, mạng xã hội ngày càng tăng nhanh, nhất là trong giới trẻ, kể cả đồng bào dân tộc Raglai.

2.3. Các điều kiện bảo đảm giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Raglai

2.3.1. Bảo đảm về chính trị

Khoản 1, Điều 4, Hiến pháp, năm 2013 đã hiến định: "*Đảng Cộng sản Việt Nam là lực lượng lãnh đạo Nhà nước và xã hội"*. Theo đó, Đảng có trách nhiệm lãnh đạo, định hướng mọi hoạt động của Nhà nước, trong đó có công tác GDPL nói chung, GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai nói riêng. Mặt khác, công tác GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai không chỉ là một yếu tố cấu thành của GDPL nói chung, mà còn là yếu tố cơ bản trong việc quán triệt, thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng về công tác dân tộc. Do đó, GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai phải luôn được đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước, sự giám sát của nhân dân. Đây là vấn đề mang tính tất yếu khách quan nhằm bảo đảm tính định hướng chiến lược của Đảng và bảo đảm sự thống nhất trong nhận thức, hành động thực tiễn, bảo đảm cho sự thắng lợi trong việc triển khai thực hiện nhiệm vụ chính trị được giao.

Trong quá trình xây dựng, phát triển đất nước, Đảng Cộng sản Việt Nam luôn xác định: công tác GDPL cho đồng bào DTTS nói chung, đồng bào dân tộc Raglai nói riêng là một trong những nhiệm vụ trọng yếu để phát triển KT-XH và

bảo đảm quốc phòng, an ninh. Sự lãnh đạo của Đảng nhằm bảo đảm tính định hướng thống nhất, đồng bộ, toàn diện trong việc xây dựng, triển khai các chính sách, chương trình GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai. Điều này giúp khắc phục được sự chồng chéo, phân tán các nguồn lực, nâng cao hiệu quả của công tác GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai gắn với yêu cầu của thực tiễn trong từng giai đoạn lịch sử cụ thể. Trong quá trình hội nhập và phát triển đất nước, do nhiều nguyên nhân khác nhau nên việc tiếp cận thông tin, chính sách, pháp luật của đồng bào dân tộc Raglai còn gặp nhiều khó khăn nhất định. Do đó, nếu không được GDPL kịp thời, người dân có thể không nhận thức đúng đắn, đầy đủ về quyền lợi và nghĩa vụ của bản thân, dẫn đến việc áp dụng không chính xác các quy định của pháp luật. Vì vậy, sự tăng cường lãnh đạo của Đảng đối với GDPL giúp đồng bào Raglai nhận thức rõ về quyền lợi, nghĩa vụ của mình, giúp chủ động phòng ngừa những hành vi xâm hại quyền lợi, các hành vi phạm pháp luật.

Để đạt được hiệu quả cao trong công tác GDPL, cấp ủy, lãnh đạo các cấp cần nhận thức đầy đủ, chính xác, toàn diện về nhiệm vụ chính trị được giao; từ đó tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo đối với công tác này thông qua việc ban hành chỉ thị, nghị quyết, kết luận kịp thời, sử dụng các phương pháp GDPL phù hợp với đặc điểm của từng nhóm dân cư trong cộng đồng. Thực tiễn đã chứng minh, nếu thiếu sự quan tâm, lãnh đạo, chỉ đạo sát sao của cấp ủy, lãnh đạo các cấp, công tác GDPL sẽ không đạt được hiệu quả đặt ra, thậm chí có thể bị chệch hướng, hoặc xa rời thực tiễn. Nền dân chủ XHCN cũng đóng vai trò quan trọng trong việc phát huy hiệu quả GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai. Trong một xã hội dân chủ, thông tin được công khai, minh bạch và quy chế dân chủ được thực hiện đầy đủ, nghiêm minh sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho đồng bào DTTS được bày tỏ tâm tư, nguyện vọng của mình. Điều này không chỉ giúp cho mỗi người dân hiểu rõ hơn, đầy đủ hơn về pháp luật mà còn giúp những người làm công tác GDPL có sự cập nhật, điều chỉnh phương pháp, hình thức giáo dục bảo đảm sát hợp với thực tiễn hơn.

2.3.2. Bảo đảm về pháp lý

Điều 8, Hiến pháp năm 2013 đã quy định rõ: *"Nhà nước được tổ chức theo*

hoạt động của Hiến pháp và pháp luật, quản lý xã hội bằng Hiến pháp và pháp luật", trong bối cảnh đất nước đang nỗ lực xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân, yêu cầu tuân thủ Hiến pháp và pháp luật trong công tác GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai càng trở nên cấp thiết trên cả phương diện lý luận và thực tiễn. Mặt khác, Hiến pháp là văn bản pháp lý cao nhất, quy định các nguyên tắc cơ bản của hệ thống pháp luật, cùng với các quyền và nghĩa vụ của công dân. Nếu công tác GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai không tuân thủ Hiến pháp và pháp luật, sẽ dẫn đến tình trạng triển khai pháp luật thiếu thống nhất, thiếu đồng bộ, toàn diện hoặc xảy ra mâu thuẫn, xung đột giữa các quy định của pháp luật, gây khó khăn trong việc thực hiện các chính sách trong thực tiễn. Thực trạng trên sẽ dễ dẫn đến việc quyền lợi của đồng bào dân tộc Raglai bị xâm phạm, làm tổn hại đến sự công bằng, nghiêm minh của pháp luật và quyền lợi hợp pháp của người dân. Ngược lại, việc tuân thủ Hiến pháp và pháp luật giúp công tác GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai sẽ được triển khai theo đúng định hướng, phù hợp với các nguyên tắc cơ bản về quyền con người và quyền công dân, qua đó củng cố niềm tin của người dân vào hệ thống pháp lý của Nhà nước.

Một trong những mục tiêu quan trọng của công tác GDPL là thúc đẩy sự công bằng xã hội, giúp đồng bào dân tộc Raglai nhận thức rõ về quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong việc xây dựng, bảo vệ pháp luật; giúp người dân hòa nhập nhanh hơn vào đời sống xã hội nhưng vẫn bảo vệ, gìn giữ bản sắc văn hóa, truyền thống của dân tộc. Điều này tạo điều kiện để đồng bào dân tộc Raglai phát triển một cách bền vững, công bằng trong xã hội. Nếu không tuân thủ Hiến pháp và pháp luật, công tác GDPL sẽ không thể bảo đảm được sự công bằng, nghiêm minh trong việc tiếp cận, triển khai giáo dục, dẫn đến việc một bộ phận dân cư có nguy cơ bị bỏ lại phía sau.

Việc tuân thủ Hiến pháp, pháp luật giúp xây dựng một khuôn khổ pháp lý vững chắc cho việc xây dựng, thực hiện các chương trình GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai, góp phần hiện thực hóa chính sách đại đoàn kết dân tộc mà Đảng, Nhà nước ta đang hướng tới. Đồng thời, giúp bảo đảm tính minh bạch, công khai

trong việc triển khai các chương trình GDPL, tạo niềm tin, sự đồng thuận của cộng đồng vào các nỗ lực của Nhà nước trong việc bảo vệ quyền lợi và phát triển của đồng bào dân tộc Raglai trong kỷ nguyên mới của dân tộc.

2.3.3. Yếu tố kinh tế - xã hội

Khoản 4, Điều 4 của Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật, năm 2012 khẳng định nguyên tắc của công tác GDPL: "*Gắn với việc thi hành pháp luật, thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh của đất nước, của địa phương và đời sống hằng ngày của người dân".* Khi nền kinh tế phát triển bền vững, nguồn lực tài chính của Nhà nước và các tổ chức xã hội sẽ được cải thiện, tạo điều kiện thuận lợi để đầu tư cho công tác GDPL, đặc biệt là đối với đồng bào dân tộc Raglai. Việc đầu tư vào các chương trình GDPL sẽ giúp nâng cao chất lượng, mở rộng phạm vi tiếp cận đối với người dân, thúc đẩy xây dựng cơ sở hạ tầng giáo dục, cung cấp tài liệu pháp lý phù hợp với ngôn ngữ, phong tục, tập quán, văn hóa, đặc điểm địa bàn sinh sống của đồng bào. Đồng thời, giúp đồng bào dân tộc Raglai sẽ có nhiều thời gian, điều kiện thuận lợi hơn để tham gia vào công tác GDPL, dễ dàng tiếp cận thông tin, tài liệu pháp lý và các dịch vụ giáo dục thiết yếu trong đời sống hàng ngày.

Một xã hội ổn định, hòa bình, trật tự là yếu tố quan trọng giúp tạo lập môi trường thuận lợi để thực thi pháp luật hiệu quả. Khi xã hội ổn định, trật tự, các chính sách GDPL sẽ dễ dàng được triển khai thự hiện mà không gặp phải những cản trở từ các vấn đề khác, như: xung đột, tranh chấp, bất ổn chính trị, mất an ninh, trật tự. Đồng bào dân tộc Raglai sẽ có thời gian, cơ hội tiếp cận thông tin pháp lý, hiểu rõ hơn về quyền lợi, nghĩa vụ của bản thân, từ đó có trách nhiệm thực hiện đầy đủ quyền công dân. Đồng thời, GDPL trong một xã hội ổn định giúp đồng bào DTTS hội nhập nhanh hơn vào cộng đồng, mà không gặp phải sự phân biệt hoặc khó khăn, qua đó nâng cao ý thức pháp luật trong cộng đồng.

Ngoài ra, khi nền kinh tế phát triển, xã hội ổn định, trật tự thì khoảng cách về kinh tế, xã hội giữa các nhóm dân tộc sẽ được thu hẹp, tạo ra một môi trường công bằng, lành mạnh cho cả cộng đồng. Trong đó, công tác GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai sẽ được triển khai một cách đồng bộ, toàn diện, hiệu quả, không

có sự phân biệt đối xử, bảo đảm mọi người dân đều có cơ hội tiếp cận thông tin pháp lý một cách bình đẳng, công bằng. Việc bình đẳng trong tiếp cận pháp luật không chỉ giúp người dân nhận thức rõ hơn về quyền lợi của mình, mà còn khuyến khích họ tích cực tham gia tích cực vào việc xây dựng, bảo vệ pháp luật, góp phần xây dựng một xã hội pháp quyền vững mạnh, bền vững.

2.3.4. Bảo đảm về nguồn nhân lực

Văn hóa và con người là những yếu tố có ảnh hưởng sâu rộng đến hiệu quả công tác GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai. Bởi vì, nội dung này chi phối cách thức tiếp nhận, hiểu và thực thi pháp luật của các cộng đồng, xã hội. Để công tác GDPL đạt hiệu quả tối ưu, cần phải hiểu rõ đặc thù văn hóa, ngôn ngữ, phong tục tập quán và trình độ nhận thức của đồng bào dân tộc Raglai. Từ đó, lựa chọn được các nội dung, phương pháp, hình thức GDPL cho phù hợp với thực tiễn, bảo đảm sự hòa hợp giữa hệ thống pháp luật của Nhà nước và các giá trị văn hóa truyền thống của cộng đồng. Do đồng bào dân tộc Raglai sở hữu những giá trị văn hóa đặc trưng riêng như: ngôn ngữ, phong tục, tập quán, tín ngưỡng... Vì vậy, công tác GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai không chỉ đơn thuần là việc truyền đạt thông tin pháp lý, mà còn cần phải chú trọng đến hình thức, nội dung bảo đảm phù hợp với đặc điểm của từng nhóm đối tượng, địa bàn cụ thể. Nếu không nắm vững những yếu tố này, công tác GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai sẽ khó đạt được hiệu quả thiết thực trong thực tiễn cuộc sống.

Khi cung cấp các tài liệu pháp lý, hoặc tổ chức các hoạt động tuyên truyền, GDPL, chủ thể tiến hành cần sử dụng ngôn ngữ, văn phong phù hợp để bảo đảm cho đồng bào dân tộc Raglai dễ dàng tiếp cận, hiểu rõ, hiểu đúng, hiểu đầy đủ các quy định của pháp luật. Trong một số trường hợp cụ thể, phong tục, tập quán, tín ngưỡng của đồng bào dân tộc Raglai không hoàn toàn tương thích với hệ thống pháp luật Nhà nước. Vì vậy, GDPL cần phải chú trọng giải thích, điều chỉnh các quy định pháp luật giúp cho người dân hiểu được rằng: pháp luật không mâu thuẫn với các giá trị văn hóa của họ mà còn giúp bảo vệ quyền lợi hợp pháp của mình; bảo đảm sự phát triển bền vững của cộng đồng. GDPL không chỉ là việc cung cấp

kiến thức pháp lý mà còn giúp xây dựng, củng cố niềm tin và tạo sự tôn trọng giữa cơ quan thực thi pháp luật và đồng bào dân tộc Raglai.

Những người có uy tín trong cộng đồng có vai trò đặc biệt quan trọng trong việc tiếp nhận, truyền đạt thông tin pháp luật. Vì vậy, công tác GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai cần được thực hiện một cách linh hoạt, sáng tạo, phù hợp với điều kiện thực tiễn của cộng đồng, kết hợp với các giá trị văn hóa truyền thống để làm cho pháp luật trở nên gần gũi, dễ dàng tiếp nhận hơn. Để công tác GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai đạt hiệu quả cao, cần có sự tham gia tích cực, chủ động và trách nhiệm của cả cộng đồng. Nếu không hiểu biết, hoặc thiếu tôn trọng văn hóa của đồng bào dân tộc Raglai, các kế hoạch, chương trình GDPL khó có thể thu hút sự tham gia của đông đảo người dân dẫn đến không đạt được những hiệu quả giáo dục theo mục tiêu đề ra. Việc lắng nghe, chia sẻ cùng cộng đồng cũng sẽ giúp xây dựng, củng cố niềm tin cho người dân vào sự nghiêm minh, công bằng và minh bạch của pháp luật.

2.3.5 Bảo đảm về quan hệ phối hợp

Quan hệ phối hợp trong GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai là vấn đề có ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Trong bối cảnh tình hình mới, việc bảo đảm yếu tố này sẽ giúp GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai mang lại hiệu quả cao hơn, bảo đảm tính toàn diện, đồng bộ và phù hợp với nhiều đối tượng khác nhau. Qua đó, không chỉ giúp tận dụng tối đa các nguồn lực mà còn giúp xây dựng được một hệ thống GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai mang tính bền vững. Mặt khác, GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai là một lĩnh vực rộng lớn, khó khăn, phức tạp và đòi hỏi kiến thức chuyên sâu từ nhiều chủ thể khác nhau. Vì vậy, thông qua mối quan hệ phối hợp sẽ giúp mỗi cơ quan, tổ chức phát huy tối đa được thế mạnh chuyên môn của mình trong GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai. Mặt khác, do mỗi đối tượng có nội dung, hình thức GDPL, nhu cầu GDPL khác nhau nên việc bảo đảm về quan hệ phối hợp sẽ giúp GDPL tiếp cận được với nhiều đối tượng, nhiều thành phần và ở các địa bàn vùng đồng bào dân tộc Raglai tập trung sinh sống. Khi nhiều có cơ quan, tổ chức, cá nhân cùng tham gia GDPL cho đồng bào dân tộc

Raglai sẽ góp phần tạo sự đồng thuận và xây dựng, củng cố niềm tin của người dân vào sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước, sự công bằng, nghiêm minh của pháp luật. Khoảng 1, Điều 3, Luật Phổ biến, GDPL năm 2012 quy định: *"Phổ biến, giáo dục pháp luật là trách nhiệm của toàn bộ hệ thống chính trị, trong đó Nhà nước giữ vai trò nòng cốt"* và Khoản 5, Điều 5, Luật Phổ biến, GDPL quy định: "*Phối hợp chặt chẽ giữa cơ quan, tổ chức, gia đình và xã hội".* Vì vậy, việc bảo đảm quan hệ phối hợp sẽ góp phần nâng cao hiệu quả công tác GDPL đối với đồng bào dân tộc Raglai trong bối cảnh cả hệ thống chính trị đang quyết tâm, nỗ lực thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV.

2.4. Kinh nghiệm giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc thiểu số của một số quốc gia trên thế giới và giá trị tham khảo cho Việt Nam

2.4.1. Kinh nghiệm giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc thiểu số của một số quốc gia trên thế giới

Trong phạm vi của luận án, tác giả lựa chọn nghiên cứu kinh nghiệm GDPL cho đồng bào DTTS của Liên bang Nga, Cộng hòa nhân dân Trung Hoa, Cộng hòa Liên bang Ôxtraylia, Vương quốc Thái Lan, Cộng hòa Singapore, trên cơ sở sự đa dạng của thể chế chính trị, đặc thù của quốc gia, dân tộc. Trong đó, Liên Bang Nga là quốc gia có diện tích lãnh thổ rộng lớn nhất thế giới, với khoảng 190 dân tộc, chiếm khoảng 20% dân số, chủ yếu tập trung sinh sống ở những vùng xa xôi, hẻo lánh. Họ thường có kinh tế kém phát triển hơn, văn hóa bản địa lâu đời, mật độ dân số thấp và có vai trò bảo vệ truyền thống vùng miền. Trung Quốc là quốc gia có diện tích lãnh thổ rộng lớn nhất châu Á, có chung đường biên giới và tương đồng về thể chế chính trị với Việt Nam, với hơn 50 dân tộc, chủ yếu tập trung sinh sống ở những khu tự trị, như: Nội Mông, Tây Tạng... Ôxtraylia là quốc gia có dân số xếp thứ 54 trên thế giới với hơn 270 dân tộc, chiếm khoảng 7,3% dân số. Thái Lan là quốc gia ở Đông Nan Á với khoảng 70 dân tộc, chịu ảnh hưởng bởi nhiều nền văn hóa khác nhau. Chính sách đối với DTTS ở Thái Lan có nhiều điểm khác biệt so với các quốc gia láng giềng ở khu vực Đông Nam Á và Châu Á. Tất cả các quốc gia trên đều có diện tích lãnh thổ, quy mô dân số, sự đa

dạng về thành phần dân tộc, nền kinh tế phát triển và có kinh nghiệm phong phú trong GDPL cho đồng bào DTTS nói chung.

2.4.1.1. Kinh nghiệm giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc thiểu số tại Liên bang Nga

- *Cơ cấu tổ chức.* Sau khi mô hình CNXH ở Liên Xô sụp đổ, do sự thay đổi về thể chế chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội dẫn đến những thay đổi nhất định trong công tác GDPL nói chung, GDPL cho đồng bào DTTS ở Liên bang Nga, đặc biệt là không còn tổ chức mô hình Hội đồng phối hợp, không có cơ quan quản lý nhà nước chuyên trách về nội dung này *(có chức năng, nhiệm vụ tương tự như Vụ Phổ biến, giáo dục pháp luật ở Việt Nam)*. Đối với các DTTS là đối tượng thường có rào cản về ngôn ngữ, hiểu biết pháp luật, việc thiếu một cơ quan chuyên trách đồng nghĩa với việc thiếu các chương trình GDPL được *"thiết kế riêng"* để phù hợp với đặc thù văn hóa của họ. Công tác GDPL cho đồng bào DTTS không còn một đầu mối thống nhất để đôn đốc, giám sát, dẫn đến tình trạng manh mún hoặc bỏ sót các địa bàn vùng sâu, vùng xa nơi người DTTS sinh sống.

Ở Liên bang Nga, Trung tâm Thông tin khoa học pháp lý trực thuộc Bộ Tư pháp được thành lập từ năm 1975, với nhiệm vụ chủ yếu là hệ thống hóa các VBQPPL, tạo cơ chế thông tin hiệu quả, phục vụ GDPL cho cán bộ, nhân dân về các quy định của pháp luật hiện hành. Đến năm 1993, đây là cơ quan duy nhất của nhà nước có trách nhiệm bảo đảm nhu cầu thông tin pháp lý cho các cơ quan lập pháp, hành pháp và tư pháp ở các cấp. Trong đó, nhiệm vụ chủ yếu của Trung tâm này là xây dựng cơ sở dữ liệu điện tử về thông tin pháp luật, bảo đảm cung cấp thông tin này cho các cơ quan hành pháp Liên bang, các tổ chức, cá nhân có nhu cầu [4, tr.88].

- *Phương thức tổ chức thực hiện*

Đăng tải kịp thời, đầy đủ các VBQPPL, nhất là các VBQPPL mới được ban hành. Theo quy định của pháp luật Liên bang Nga, tất cả các VBQPPL của Liên bang ở cấp trung ương đều phải được công bố trên "Toàn tập văn bản pháp luật Liên bang Nga" (có chức năng, nhiệm vụ tương tự như Công báo ở Việt Nam), hoặc trên Báo Nước Nga [4, tr.89]. Qua đó, giúp các cơ quan chính quyền tại các

vùng tự trị, các thủ lĩnh và người có uy tín trong cộng đồng nắm bắt được khung pháp lý chính xác, tránh tình trạng áp dụng luật tục lạc hậu chồng chéo.

Thông qua các phương tiện thông tin đại chúng. Các phương tiện truyền thông đại chúng, như: báo chí, đài phát thanh, truyền hình... đều có các chuyên mục riêng để kịp thời cập nhật, đăng tải các thông tin pháp luật có liên quan, nhất là các VBQPPL mới, hoạt động xây dựng và ban hành pháp luật, tình hình thực thi pháp luật nói chung, DTTS nói riêng. Đặc biệt, trên các kênh truyền hình dành nhiều thời lượng cho việc thông tin về hoạt động của cơ quan lập pháp Liên bang (Đuma quốc gia), có các chương trình pháp luật được phát sóng định kỳ hàng tuần, hàng ngày, như: "Con người và pháp luật", "Một giờ tại Tòa án" thu hút số lượng lớn người dân quan tâm, theo dõi. Ngoài ra, Liên bang Nga cũng tổ chức nhiều trang thông tin điện tử và các ấn phẩm thông tin điện tử (đĩa CD-ROM) chứa các VBQPPL trên tất cả các lĩnh vực của đời sống, xã hội [4, tr.89]. Qua đó, giúp đồng bào DTTS hiểu pháp luật qua các tình huống thực tế thay vì những điều luật khô khan. Điều này phù hợp với tâm lý tiếp nhận thông tin qua hình ảnh, âm thanh của nhiều nhóm DTTS, giúp người dân dễ dàng lưu trữ, tra cứu.

Giáo dục pháp luật trong trường học. Từ năm 1997, Quỹ Cải cách giáo dục Liên bang Nga đã triển khai thực hiện Dự án "*Giáo dục pháp luật trong trường học"*, để xây dựng chương trình khung nhằm định hướng việc giảng dạy pháp luật dành cho học sinh phổ thông. Qua đó, giúp trẻ em thuộc các DTTS ở vùng sâu, vùng xa đều được tiếp cận với một *"ngôn ngữ chung"* về quyền, nghĩa vụ công dân ngay từ nhỏ. Hiện nay, bộ sách giáo khoa *"Kiến thức pháp luật phổ thông"* đã được biên soạn, xuất bản với các đầu sách dành cho các khối lớp từ lớp 5 đến lớp 11, nhằm giảm bớt sự cục bộ địa phương, hoặc những hiểu biết sai lệch do ảnh hưởng của các tập tục lạc hậu tại các vùng dân tộc, thay thế bằng tư duy pháp quyền hiện đại. Tại các trường đại học trong hệ thống giáo dục quốc dân của Liên bang Nga đều giảng dạy các học phần về học pháp luật cho sinh viên [4, tr.89-90].

Hoạt động tư vấn pháp luật của các văn phòng, công ty luật. Các luật sư tại Liên bang Nga có trách nhiệm trợ giúp, tư vấn pháp lý miễn phí cho một số

đối tượng xã hội đặc thù, trong đó có đồng bào DTTS. Đặc biệt, từ năm 1998, Liên bang Nga đã thành lập các trung tâm thông tin pháp luật tại các thư viện công cộng với cơ sở dữ liệu pháp luật được truy cập miễn phí; các nhân viên thư viện sẽ hỗ trợ bạn đọc trong việc tra cứu thông tin pháp luật liên quan; người dân được tham gia đóng góp ý kiến cho các dự thảo luật, giúp họ hiểu rõ hơn về các quy định pháp lý trước khi các dự án luật được cấp có thẩm quyền ban hành theo quy định [4, tr.90]. Theo đó, sự kết hợp giữa trách nhiệm nghề nghiệp, hạ tầng văn hóa kết hợp với phát huy dân chủ nhằm tạo nên một mạng lưới an sinh pháp lý vững chắc. Đây là cách để gắn kết các sắc tộc đa dạng vào một trật tự pháp luật thống nhất mà vẫn tôn trọng đặc thù từng nhóm.

Như vậy, mô hình GDPL cho đồng bào DTTS của Liên bang Nga chủ yếu tập trung sự đầu tư bài bản vào *"con người"*. Đối với các vùng DTTS, đây là con đường ngắn nhất, bền vững nhất để xóa bỏ sự lạc hậu về pháp lý.

2.4.2. Kinh nghiệm giáo dục pháp luật tại Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa

- *Cơ cấu tổ chức.* Tại Trung Quốc, Bộ Tư pháp giữ vai trò chủ trì tham mưu với Chính phủ trong công tác GDPL nói chung, GDPL cho đồng bào DTTS nói riêng. Hệ thống tư pháp của Trung Quốc thiết lập một trục dọc xuyên suốt từ Trung ương đến tận cơ sở, bảo đảm chính sách không bị *"đứt gãy",* với 04 cấp chính và 01 cấp phụ: cấp Trung ương với Bộ Tư pháp; cấp tỉnh, hoặc khu tự trị DTTS có Sở Tư pháp; cấp địa khu (liên huyện) có Cục Tư pháp; cấp huyện có Phòng Tư pháp; cấp xã, phường, thị trấn có các Văn phòng Tư pháp cơ sở. Đặc biệt, các Văn phòng Tư pháp cơ sở không trực thuộc cấp xã mà bản chất là các chi nhánh được cử từ cấp huyện xuống. Toàn ngành Tư pháp Trung Quốc hiện có khoảng 160.000 cán bộ, công chức. Công tác GDPL cho đồng bào DTTS tại Trung Quốc chủ yếu do Sở Tư pháp các khu tự trị đảm nhận, với các Văn phòng Tư pháp cơ sở đặt tại cơ sở [4, tr.83]. Ngoài ra, Trung Quốc còn thành lập các tổ công tác pháp luật tại địa phương, gồm: cán bộ tư pháp, công an, các chuyên gia pháp luật có kinh nghiệm trong việc tiếp xúc với đồng bào DTTS.

- *Phương thức tổ chức thực hiện*

+ Điểm nổi bật trong hệ thống tư pháp Trung Quốc là mọi chức danh tư

pháp, trước khi được bổ nhiệm, đều phải trải qua kỳ thi tuyển quốc gia. Hàng năm, Bộ Tư pháp tổ chức kỳ thi tư pháp quốc gia để cung cấp nguồn cán bộ chất lượng cao cho các cơ quan tư pháp, như: Tòa án, Viện Kiểm sát và các tổ chức luật sư. Theo quy định pháp luật, tất cả những trường hợp muốn làm việc trong các cơ quan tư pháp đều phải có bằng cử nhân luật, vượt qua kỳ thi tư pháp quốc gia và hoàn thành chương trình đào tạo nghề, trước khi đủ điều kiện thi tuyển vào các ngạch công chức (Thẩm phán, Kiểm sát viên). Các cán bộ chuyên trách GDPL cũng cần có trình độ cử nhân luật, phải vượt qua các kỳ sát hạch về kiến thức pháp luật và kỹ năng tuyên truyền, phổ biến, GDPL trước khi được bổ nhiệm vào vị trí công tác này. Pháp luật Trung Quốc yêu cầu tất cả các cán bộ lãnh đạo các cấp hành chính phải tham gia kỳ kiểm tra kiến thức pháp luật, trước khi được bổ nhiệm, trong suốt quá trình công tác, họ sẽ phải kiểm tra định kỳ về kiến thức pháp luật.

+ Giáo dục pháp luật cho đồng bào DTTS đặt trọng tâm là lấy văn hóa làm cầu nối. Kết hợp pháp luật với văn hóa dân tộc không chỉ giúp người dân dễ tiếp cận mà còn tạo sự gần gũi, tránh xung đội với phong tục, tập quán. Đồng thời, có sự phân công trách nhiệm rõ ràng giữa các chủ thể nhằm bảo đảm tính đồng bộ, toàn hiện, hiệu quả trong công tác này; GDPL phải lấy người dân làm trung tâm, chú trọng đến nhu cầu thực tế gắn với đặc điểm riêng của từng cộng đồng; đẩy mạnh tính linh hoạt, sáng tạo trong quá trình triển khai thực hiện.

+ Để nâng cao hiệu quả công tác phổ biến, GDPL, Bộ Tư pháp Trung Quốc đã xây dựng và trình Ủy ban Thường vụ Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc *(Ủy ban Thường vụ Quốc hội Trung Quốc)* phê duyệt Chương trình phổ biến, GDPL theo từng nhiệm kỳ Quốc hội để định hướng cho công tác lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ chính trị được giao [4, tr.84]. Chính phủ và chính quyền địa phương có sự phối hợp chặt chẽ trong việc triển khai các chương trình GDPL, đặc biệt là tại các khu vực, như: Tân Cương, Tây Tạng, Vân Nam... Qua đó, giúp việc đầu tư các nguồn lực được duy trì ổn định, không bị ngắt quãng.

Như vậy, mô hình của Trung Quốc mang tính chủ động, kiểm soát chặt chẽ. Việc cử cán bộ từ huyện xuống xã và thành lập các tổ công tác liên ngành cho

thấy Trung Quốc xem GDPL cho DTTS không chỉ là việc cung cấp kiến thức, mà còn là một phần của chiến lược quản trị an ninh quốc gia và ổn định xã hội.

2.4.3. Kinh nghiệm giáo dục pháp luật tại Cộng hòa Liên bang Ôxtraylia

- *Cơ cấu tổ chức.* Cơ quan chủ trì công tác GDPL ở Ôxtraylia là Bộ Tư pháp và An ninh (Department of Justice and Attorney-General) tại các tiểu bang và lãnh thổ của Ôxtraylia. Bộ Tư pháp các tiểu bang và lãnh thổ có trách nhiệm tổ chức, phát triển các chương trình GDPL cho cộng đồng. Đặc biệt, các trung tâm tư pháp cộng đồng, các tổ chức phi chính phủ đóng vai trò quan trọng trong việc triển khai các dịch vụ tư vấn pháp lý, phổ biến, GDPL pháp luật cho các nhóm đối tượng yếu thế trong xã hội, như: thổ dân, người DTTS, người vô gia cư, những đối tượng dễ bị tổn thương khác trong xã hội [4, tr.91].

- *Phương thức tổ chức thực hiện*

Hình thức GDPL tại Ôxtraylia được triển khai rất phong phú, đa dạng. Bên cạnh các hình thức truyền thống như: GDPL trong trường học, qua internet, phương tiện truyền thông đại chúng, hội thảo, tập huấn, phát hành tài liệu pháp lý và hòa giải cơ sở, Chính phủ Ôxtraylia còn áp dụng một số hình thức đặc thù khác nhằm nâng cao nhận thức pháp luật cho người dân, trong đó có đồng bào DTTS. Một trong những hình thức đặc biệt là GDPL thông qua các trung tâm tư pháp cộng đồng, dịch vụ tư vấn pháp luật qua điện thoại và các buổi tư vấn pháp luật miễn phí vào những thời gian cố định. Qua đó, giúp phá vỡ những rào cản về địa lý, tâm lý và trình độ học vấn của đồng bào DTTS.

Về GDPL trong trường học, kiến thức pháp luật không phải là học phần độc lập mà được lồng ghép vào các học phần xã hội khác. Các hoạt động GDPL trong trường học chủ yếu diễn ra thông qua hoạt động ngoại khóa, tài liệu pháp lý và các chuyên mục trên website phục vụ học sinh, giáo viên. Chương trình GDPL ở Ôxtraylia được thực hiện khác nhau tại từng tiểu bang, Bộ Giáo dục có trách nhiệm báo cáo Chính phủ hàng năm về kết quả thực hiện công tác này.

Hình thức tư vấn pháp luật qua điện thoại là một phương pháp quan trọng, nhằm giúp tăng cường quyền tiếp cận pháp luật cho người dân. Trung tâm Tiếp cận Pháp luật của tiểu bang New South Wales (NSW), thuộc Bộ Tư pháp tiểu

bang, là một trong những đơn vị thành công trong việc triển khai hình thức này. Trung tâm được thành lập với mục tiêu là cung cấp dịch vụ pháp lý cho người thổ dân, giúp họ tiếp cận công lý dễ dàng hơn. Kinh phí hoạt động của trung tâm được tài trợ từ Ủy ban pháp lý và lực lượng nhân sự chủ yếu là các luật sư đến từ Bộ Tư pháp, luật sư đoàn. Các luật sư làm việc tại trung tâm thường thực hiện tư vấn miễn phí trong một số ngày nhất định và nhận lương từ các cơ quan trên theo quy định của pháp luật [4, tr.92].

Các trung tâm tư pháp cộng đồng ở Ôxtraylia chủ yếu là các tổ chức phi chính phủ, hoạt động phi lợi nhuận và có mạng lưới rộng khắp cả nước. Các trung tâm này cung cấp dịch vụ trợ giúp pháp lý miễn phí cho những đối tượng khó khăn trong xã hội như: người nghèo, người vô gia cư, thổ dân, người không biết tiếng Anh, người tàn tật, phụ nữ, trẻ em, thanh thiếu niên, cộng đồng đa văn hóa. Điểm mạnh của các trung tâm này là đã huy động được sự tham gia nhiệt tình của luật sư, sinh viên luật, các tình nguyện viên hoạt động vì mục đích cộng đồng. Các hoạt động GDPL, tư vấn pháp lý được thực hiện thông qua nhiều hình thức khác nhau, như: phát hành tài liệu, đĩa hình, website, tư vấn qua điện thoại, tổ chức hội thảo, tập huấn, trong đó tư vấn pháp luật trực tiếp và qua điện thoại là các phương thức chủ yếu. Kinh phí bảo đảm cho hoạt động của các trung tâm được cấp dựa trên báo cáo hàng năm về số lượng vụ việc đã trợ giúp.

Giáo dục pháp luật thông qua Ủy ban Nhân quyền của Cộng hòa Liên bang Ôxtraylia được thực hiện thông qua các hình thức, như: tổ chức hội thảo, giáo dục nhân quyền qua internet, xây dựng tài liệu giảng dạy cho các trường học, tổ chức các cuộc thi tìm hiểu pháp luật. Ngoài ra, Ủy ban Nhân quyền còn sử dụng các phương tiện truyền thông, nhất là Đài phát thanh Ôxtraylia để cung cấp thông tin về các vấn đề xã hội, như: phân biệt chủng tộc, sự đa dạng văn hóa, nhằm nâng cao nhận thức cộng đồng về quyền con người. Việc đặt Ủy ban Nhân quyền vào vị trí trung tâm cho thấy một tư duy tiếp cận nhân văn, hướng tới việc bảo vệ các đặc tính riêng biệt của đồng bào DTTS của Chính phủ Ôxtraylia.

2.4.4. Kinh nghiệm giáo dục pháp luật tại Vương quốc Thái Lan và Cộng hòa Singapore

** Kinh nghiệm giáo dục pháp luật tại Vương quốc Thái Lan*

Cơ cấu tổ chức: Quan điểm của Chính phủ Thái Lan cho rằng: Ở Thái Lan chỉ có một dân tộc Thái duy nhất, không phân biệt và công nhận sự hiện diện các nhóm thiểu số một cách chính thức. Các nhóm tộc người khác muốn trở thành công dân Thái phải chấp nhận sự đồng hóa *(nói tiếng Thái, thờ Phật, mang tên Thái và sinh hoạt theo văn hóa Thái).* Theo đó, Chính phủ không có chính sách riêng để phát triển KT-XH cho các DTTS. Mặc dù, Thái Lan cũng là một quốc gia đa tộc người, đa văn hóa, nhưng chính sách của Thái Lan đối với DTTS không giống như chính sách của Việt Nam. Vì vậy, Thái Lan không có cơ quan chuyên trách duy nhất quản lý và thực hiện công tác GDPL, mà nhiều cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội và tư nhân cùng tham gia vào hoạt động này, như: Bộ Tư pháp, Viện Công tố, Toà án, Hiệp hội Luật sư, các cơ sở đào tạo luật, các công ty luật. Hiệp hội Luật sư Thái Lan với Văn phòng thông tin chuyên cung cấp các bản tin và thông tin cập nhật về các văn bản pháp luật mới.

- *Phương thức tổ chức thực hiện*

Đài Truyền hình Thái Lan phát sóng chương trình pháp luật định kỳ hàng tháng, cung cấp thông tin về các nội dung pháp lý hữu ích cho người dân. Khoa Luật Trường Đại học Thammasat tổ chức các hoạt động GDPL cho cộng đồng và mở các khóa đào tạo ngắn hạn về pháp luật cho các lãnh đạo chính quyền cơ sở [4, tr.98]. Qua đó, cho thấy sự xã hội hóa mạnh mẽ các nguồn lực trong GDPL nói chung, GDPL cho đồng bào DTTS nói riêng. Bộ Tư pháp Thái Lan có Vụ Bảo vệ quyền tự do công dân có nhiệm vụ tuyên truyền, GDPL cho người dân, khuyến khích cộng đồng tham gia vào các hoạt động tư pháp. Các hình thức GDPL chủ yếu được thực hiện thông qua giảng dạy, diễn thuyết về pháp luật ở các khu dân cư, do các công tố viên, giảng viên Đại học Luật, luật sư thực hiện. Việc phát hành tài liệu pháp lý cũng là một phần quan trọng của chiến lược GDPL của Chính phủ Thái Lan. Để đạt hiệu quả cao, Thái Lan nhấn mạnh vai trò của việc dựa vào cộng đồng, đáp ứng đúng nhu cầu thông tin pháp luật của người dân, thay vì áp đặt các chương trình sẵn có từ các cơ quan nhà nước; tăng cường tính chủ động của người dân trong việc tìm hiểu, áp dụng pháp luật. Đây là một mô hình rất tiến

bộ và đặc biệt phù hợp với các khu vực DTTS, nơi các quy định hành chính từ trung ương thường có khoảng cách lớn với đời sống thực tế.

Hệ thống GDPL của Thái Lan được triển khai từ cấp phổ thông với học phần *"Những vấn đề cơ bản về pháp luật",* hoặc học phần *"Pháp luật"* để trang bị kiến thức cho sinh viên. Bên cạnh đó, đội ngũ giảng viên, sinh viên Khoa Luật của các trường đại học, một số luật sư, tổ chức hoạt động trợ giúp pháp lý và GDPL thông qua các hình thức tư vấn trực tiếp, qua điện thoại, thư hoặc internet, hỗ trợ giải quyết các vấn đề tranh tụng cho các đối tượng đặc biệt, như: người nghèo, không có tiền án, đồng bào DTTS [4, tr.99]. Qua đó, cho thấy tính liên kết giữa giáo dục chính quy và trách nhiệm xã hội của đội ngũ trí thức. Đối với đồng bào DTTS, đây là một cơ chế hỗ trợ "kép", vừa nâng cao nhận thức trong nhà trường, vừa bảo vệ quyền lợi thông qua các hoạt động trợ giúp pháp lý thực tế.

** Kinh nghiệm giáo dục pháp luật tại Vương quốc Singapore*

Về cơ cấu tổ chức: Tại Singapore, không có cơ quan chuyên trách duy nhất về GDPL, căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được giao mà mỗi cơ quan nhà nước đều có trách nhiệm phổ biến, thông tin pháp luật trong phạm vi được phân công. Qua đó, giúp bảo đảm thông tin đến với đồng bào DTTS luôn mang tính cập nhật, chính xác, đầy đủ; tránh được sự cồng kềnh của bộ máy hành chính chuyên trách, thông qua việc được lồng ghép trực tiếp vào các quy trình dịch vụ công.

- Phương thức tổ chức thực hiện

Viện Công tố Singapore tổ chức các khóa đào tạo pháp luật cho cán bộ, công chức nhà nước. Các khóa đào tạo này, gồm: các văn bản pháp luật mới, các lĩnh vực pháp lý cần thiết nhằm trang bị kiến thức, kỹ năng cho người học. Ngoài ra, Viện Công tố còn tổ chức các khóa học mở rộng với mục đích bồi dưỡng pháp luật cho các đối tượng rộng hơn, kết hợp với Trường Cán bộ nhà nước, thu học phí từ những người tham gia vào quá trình đào tạo. Khi có yêu cầu từ các cơ quan chức năng, Viện Công tố cũng cử báo cáo viên đến giảng dạy về các vấn đề pháp lý cụ thể cho cán bộ, công chức theo nhu cầu thực tế tại cơ quan, đơn vị, địa phương.

Như vậy, tại Singapore, vấn đề sắc tộc được quản lý thông qua chính sách hòa hợp dân tộc rất chặt chẽ. Mô hình GDPL cho đồng bào DTTS của họ tập trung vào việc *"quốc gia hóa"* ý thức pháp luật:

2.4.5. Giá trị tham khảo cho Việt Nam

* Kinh nghiệm quốc tế có khả năng áp dụng cho động đồng dân tộc thiểu số bản địa

Tất cả các quốc gia trên đều nhận thức được vị trí, vai trò đặc biệt quan trọng của công tác GDPL nói chung, GDPL cho đồng bào DTTS nói riêng. Qua đó, Chính phủ các quốc gia trên đều đặc biệt quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo vấn đề này. Trên cơ sở kinh nghiệm của quốc gia trên, có thể rút ra một số vấn đề để nghiên cứu, vận dụng vào thực tiễn nước ta trong kỷ nguyên mới, như:

- *Về cơ cấu tổ chức.* Bên cạnh việc tổ chức các cơ quan chuyên trách về phổ biến, GDPL nói chung, trực thuộc Bộ Tư pháp; phân cấp, phân quyền trong GDPL cho đồng bào DTTS cho cấp ủy, chính quyền địa phương thì nên nghiên cứu, sắp xếp, kiện toàn quan chuyên trách về GDPL cho đồng bào DTTS theo mô hình Văn phòng Tư pháp cơ sở. Những văn phòng này được đặt tại các khu vực có đông đồng bào DTTS sinh sống để kịp thời hướng dẫn, giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong quá trình giải quyết, xử lý các vụ việc, tình huống pháp lý nảy sinh trong thực tiễn. Đặc biệt trong bối cảnh, Đảng, Nhà nước ta đang thực hiện mô hình chính quyền hai cấp, thì vai trò của hệ thống chính trị ở cơ sở trong việc chủ động phòng ngừa, phát hiện, xử lý, giải quyết hiệu quả các vấn đề tranh chấp, mâu thuẫn, xung đột ngay từ cơ sở có ý nghĩa đặc biệt quan trọng.

Xây dựng bộ tiêu chuẩn cụ thể đối với cán bộ GDPL cho đồng bào DTTS đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới, như: cán bộ chuyên trách, đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật... Mặc dù, chuyên trách, hoặc kiêm nhiệm đều bắt buộc phải có trình độ cử nhân luật và trải qua các kỳ thi sát hạch về kiến thức pháp luật, kỹ năng tuyên truyền trước khi được bổ nhiệm vào các vị trí công tác này *(theo kinh nghiệm của Trung Quốc, Singapore)*. Ngoài ra, cần

nghiên cứu, có chính sách thu hút, chính sách đặc thù với đội ngũ cán bộ làm công tác này nhằm đáp ứng yêu cầu của thực tiễn.

- *Về phương thức tổ chức thực hiện*

+ Tôn trọng các giá trị văn hóa, truyền thống bản địa. Kinh nghiệm của các quốc gia trên cho thấy: việc GDPL nói chung, GDPL cho đồng bào DTTS sẽ gặp rất nhiều khó khăn, thậm chí sẽ thất bại, nếu không tôn trọng và lồng ghép các giá trị văn hóa bản địa. Pháp luật không nên được coi là một công cụ áp đặt từ bên ngoài mà là một yếu tố được xây dựng dựa trên sự đồng thuận và hiểu biết lẫn nhau nhằm xây dựng một xã hội *"thượng tôn pháp luật". (Theo kinh nghiệm của Liên bang Nga, Trung Quốc).*

+ Nội dung GDPL phải xuất phát từ nhu cầu thông tin pháp lý của cộng đồng DTTS theo phương châm đáp ứng yêu cầu của người dân thay vì áp đặt từ các cơ quan nhà nước. Điều này có nghĩa là cần cung cấp những thông tin pháp lý thiết thực mà đồng bào DTTS đang cần, chứ không phải là những kiến thức pháp luật chung chung mà các cơ quan có sẵn có để nhằm bảo đảm sự công bằng trong việc tiếp cận, hưởng thụ các chính sách, pháp luật của Nhà nước.

+ Đẩy mạnh triển khai GDPL trong các trường học, cần xây dựng chương trình GDPL và sách giáo khoa pháp luật phổ thông phù hợp cho học sinh DTTS, không chỉ lồng ghép vào nội dung của môn *Giáo dục công dân* mà giảng dạy riêng biệt cho học sinh từ lớp 10 trở lên *(theo kinh nghiệm của Liên bang Nga)*. Chú trọng đến các chương trình phát thanh, truyền hình bằng tiếng DTTS với nội dung đa dạng, hình thức hấp dẫn, phù hợp với khung giờ phát sóng, nhằm thu hút đông đảo người dân. Đồng thời, lồng ghép việc GDPL vào các chương trình hỗ trợ phát triển KT-XH và bám sát yêu cầu thực tiễn.

Ngoài ra, xây dựng kho dữ liệu số, CD-ROM pháp luật bằng tiếng dân tộc cho các vùng có hạ tầng công nghệ thông tin ổn định *(theo kinh nghiệm của Liên bang Nga)*; cung cấp miễn phí ấn phẩm, tài liệu GDPL cho đồng bào DTTS để nâng cao hiểu biết, áp dụng hiệu quả pháp luật vào thực tiễn cuộc sống. Quan tâm, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật là người

DTTS có đủ phẩm chất, năng lực và uy tín đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới.

+ Nghiên cứu, triển khai hiệu quả mô hình Trung tâm tư pháp cộng đồng, có bổ sung, điều chỉnh phù hợp với văn hóa, điều kiện thực tiễn của Việt Nam. Thực hiện đồng bộ, hiệu quả các hình thức GDPL cho đồng bào DTTS, như: tư vấn pháp luật miễn phí qua điện thoại, hoặc tổ chức các buổi tư vấn pháp luật miễn phí vào thời gian cố định nhằm tạo điều kiện thuận lợi nhất cho đồng bào DTTS trong việc tiếp cận, nghiên cứu về các vấn đề liên quan đến pháp luật *(theo kinh nghiệm của Ôxtraylia)*. Sử dụng các tổ chức xã hội, sinh viên luật tình nguyện và hotline miễn phí để giải quyết vụ việc cụ thể thay vì chỉ tuyên truyền lý thuyết *(theo kinh nghiệm của Ôxtraylia, Thái Lan)*.

Cơ sở khoa học của những bài học kinh nghiệm này là: nghiên cứu kinh nghiệm của Liên bang Nga, Cộng hòa dân chủ nhân dân Trung Hoa, Vương quốc Thái Lan và Singapore trong GDPL cho đồng bào DTTS; xuất phát từ chủ trương tinh gọn tổ chức, tinh giản biên chế của Đảng, Nhà nước ta theo hướng tinh, gọn, mạnh, hoạt động hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả; chủ trương tổ chức đơn vị hành chính 02 cấp từ 01/7/2025 nhằm chủ động giải quyết kịp thời mọi khó khăn, vướng mắc ngay từ cơ sở; xuất phát sự khác biệt về ngôn ngữ, phong tục, tập quán, địa bàn sinh sống của đồng bào dân tộc Raglai, chủ yếu là ở những địa bàn nông thôn, miền núi, vùng sâu, vùng xa nên khó khăn trong việc di chuyển, ứng dụng công nghệ thông tin trong GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai.

* Kinh nghiệm quốc tế không phù hợp do khác biệt về thể chế ,văn hóa pháp lý và điều kiện nguồn lực

- Mô hình không có cơ quan chuyên trách về phổ biến, GDPL (Liên Bang Nga). Kinh nghiệm này không phù hợp với điều kiện thực tế ở Việt Nam, bởi vì:

+ Việt Nam đã hình thành hệ thống quản lý nhà nước tương đối rõ về phổ biến, GDPL gắn với Bộ Tư pháp, cơ quan tư pháp địa phương và cơ chế phối hợp giữa các cơ quan;

+ Đối với đồng bào DTTS nói chung, đồng bào dân tộc Raglai nói riêng, địa bàn cư trú rộng, phân tán, chủ yếu sinh sống ở khu vực miền núi, điều kiện

tiếp cận thông tin không đồng đều nên rất cần một đầu mối thống nhất để định hướng, điều phối, kiểm tra và bảo đảm không bỏ sót đối tượng, địa bàn.

+ Việc giao hoàn toàn cho các cơ quan, tổ chức tự thực hiện có thể dẫn đến tình trạng không đồng đều về nội dung, phương pháp và mức độ đầu tư.

+ Chuyển đổi số trong giai đoạn hiện nay là xu thế tất yếu khách quan nhưng điều kiện tiếp cận, năng lực số của đồng bào DTTS còn hạn chế. Nếu quá chú trọng phương thức số mà giảm các hình thức trực tiếp thì có thể tạo ra khoảng cách tiếp cận pháp luật.

Vì vậy, Việt Nam cần mô hình kết hợp trực tuyến - trực tiếp, trong đó phát huy vai trò của người có uy tín, cán bộ cơ sở và các thiết chế cộng đồng.

- *Mô hình không có chính sách riêng cho DTTS (Vương quốc Thái Lan)*

+ Do điều kiện KT-XH, địa lý, ngôn ngữ và khả năng tiếp cận pháp luật giữa các vùng, nhóm dân cư còn khác nhau. Vì vậy, Việt Nam cần có chính sách phổ biến, GDPL phù hợp với đặc thù vùng DTTS và miền núi, nói chung, đồng bằng dân tộc Raglai nói riêng.

+ Bình đẳng về quyền tiếp cận pháp luật không đồng nghĩa với việc áp dụng một phương thức giống nhau cho mọi đối tượng mà cần có những biện pháp hỗ trợ đặc thù phù hợp với từng nhóm đối tượng, địa bàn, lĩnh vực để đạt được sự bình đẳng thực chất

- *Mô hình "quốc gia hóa" ý thức pháp luật (Vương quốc Singapore)*

+ Nếu *"quốc gia hóa"* được hiểu là xây dựng một hệ chuẩn pháp luật chung thì có thể tham khảo. Tuy nhiên, nếu dẫn tới việc đồng nhất hóa bản sắc văn hóa, hoặc giảm vai trò của đặc thù dân tộc, thì không phù hợp với Việt Nam.

+ Trong điều kiện Việt Nam đang xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam, cần hướng tới: một hệ thống pháp luật đồng bộ, thống nhất + đa dạng văn hóa + bình đẳng giữa các dân tộc + tôn trọng phong tục, tập quán phù hợp pháp luật.

TIỂU KẾT CHƯƠNG 2

Lý luận GDPL là phạm trù cơ bản của lý luận Nhà nước và pháp luật; có vị trí, vai trò đặc biệt quan trọng trong việc nâng cao ý thức pháp luật, xây dựng, bồi dưỡng nền văn hóa pháp lý cho mỗi chủ thể, gắn liền với quá trình hình thành nhân cách của mỗi công dân. Đồng thời, còn là minh chứng sinh động cho sự nghiêm minh, công bằng, minh bạch về giá trị bảo vệ quyền và lợi ích cho người dân không gì thay thế được của luật pháp, với những hoạt động mang tính định hướng, có tổ chức, có chủ định của chủ thể GDPL tác động lên các đối tượng GDPL. Quá trình tiếp nhận thông tin pháp luật và tinh thần tự giác, tích cực, chủ động học tập, tìm hiểu, lĩnh hội tri thức pháp luật của các đói tượng, nhằm hình thành tri thức pháp luật, tình cảm đối với pháp luật, hành vi xử sự phù hợp; đặc biệt là hướng tới hình thành lối sống văn hoá pháp luật bền vững, đặt trong mối quan hệ hài hòa với các giá trị tiến bộ của luật tục bản địa.

Trong Chương 2, tác giả đã tập trung nghiên cứu, phân tích, làm rõ: khái niệm, đặc điểm, vai trò, các yếu tố cấu thành và điều kiện bảo đảm GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai. Qua đó, tác giả đã đưa ra khái niệm: *Giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Raglai ở Việt Nam là quá trình tác động có hệ thống, mục đích, thường xuyên tới nhận thức của đồng bào dân tộc Raglai nhằm trang bị kiến thức pháp luật, góp phần nâng cao nhận thức, ý thức chấp hành pháp luật; bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người dân.* Trên cơ sở đó, khẳng định rằng: GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai là một nội dung cơ bản của GDPL nói chung, có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong việc triển khai thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước đối với đồng bào DTTS nói chung, dân tộc Raglai nói riêng. Trên cơ sở nghiên cứu kinh nghiệm của một số quốc gia trên thế giới, tác giả đã rút ra các giá trị tham khảo cho Việt Nam. Đây là những cơ sở lý luận quan trọng để tác giả làm rõ các yếu tố tác động và thực trạng GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai ở Việt Nam thời gian qua

Chương 3.
CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG VÀ THỰC TRẠNG GIÁO DỤC PHÁP LUẬT CHO ĐỒNG BÀO DÂN TỘC RAGLAI Ở VIỆT NAM

3.1. Các yếu tố ảnh hưởng đến thực trạng giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Raglai ở Việt Nam

3.1.1. Điều kiện tự nhiên, kinh tế, chính trị, văn hoá ở Việt Nam

Đồng bào dân tộc Raglai là cộng đồng DTTS chủ yếu tập trung sinh sống ở khu vực Nam Trung Bộ với điều kiện KT-XH còn gặp nhiều khó khăn, nên công tác GDPL càng cần được chú trọng. Trong đó, Ninh Thuận và Khánh Hòa trước khi sáp nhập là 02 tỉnh có tập trung đông đồng bào dân tộc Raglai nhất cả nước; ranh giới hành chính đã chia vùng đồng bào Raglai cư trú thành hai nửa. Phía tỉnh Khánh Hòa là huyện Khánh Sơn, Khánh Vĩnh, phía tỉnh Ninh Thuận là huyện Bác Ái và huyện Ninh Sơn. Từ ngày 01/7/2025, tỉnh Ninh Thuận sáp nhập với Khánh Hòa thành lập tỉnh Khánh Hòa, theo đó, đồng bào Raglai tập trung chủ yếu ở tỉnh Khánh Hòa. Vì vậy, trong phạm vi của luận án, tác giả chủ yếu tập trung làm rõ các yếu tố ảnh hưởng đến thực trạng GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai ở Việt Nam chủ yếu gắn với địa bàn các tỉnh Nam Trung Bộ, đặc biệt là tỉnh Khánh Hòa, Lâm Đồng.

3.1.1.1. Điều kiện tự nhiên của Việt Nam

Vị trí địa lý: Khu vực Nam Trung Bộ bao gồm thành phố Đà Nẵng và các tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa, Ninh Thuận, Bình Thuận *(nay là tỉnh Quảng Ngãi, Gia Lai, Đăk Lăk, Khánh Hoà, Lâm Đồng)* với diện tích tự nhiên khoảng hơn 45.000 km, chiều dài đường bờ biển khoảng 1200 km, với nhiều cảng biển lớn, như: Dung Quất (tỉnh Quảng Ngãi), Cam Ranh (tỉnh Khánh Hòa)... là những hải cảng quan trọng, thuận lợi cho phát triển kinh tế biển, nhiều bãi biển đẹp thuận lợi cho phát triển du lịch. Khu vực Nam Trung Bộ tiếp giáp với Bắc Trung Bộ ở phía Bắc, tiếp giáp với Đông Nam Bộ ở phía Nam, tiếp giáp với Tây Nguyên, Lào, Campuchia ở phía Tây, tiếp giáp với Biển Đông ở phía Đông. Đây là địa bàn có vị trí chiến lược quan trọng về kinh tế, chính trị, văn hóa, quốc phòng, an ninh và đối ngoại của cả nước; có nhiều tiềm năng để

phát triển với nguồn nhân lực dồi dào, tài nguyên thiên nhiên phong phú, đa dạng, với có nhiều trữ lượng và giá trị lớn. Đặc biệt là việc thực hiện Nghị quyết số 202/2025/QH15, ngày 12/6/2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh và chủ trương thực hiện sáp nhập các đơn mô hình chính quyền địa phương hai cấp đã góp phần mở rộng không gian phát triển cho các địa phương trong vùng. Tuy nhiên, khu vực này có điều kiện tự nhiên khắc nghiệt, thường xuyên phải đối mặt với thiên tai, hạn hán, bão lũ, lãnh thổ trải dài, địa hình phức tạp... Điều này đã ảnh hưởng không nhỏ tới hiệu quả công tác GDPL cho đồng bào DTTS nói chung, đồng bào dân tộc Raglai nói riêng.

Tình hình dân cư: Theo số liệu thống kê năm 2025, dân số của các tỉnh khu vực Nam Trung Bộ khoảng 9.274.083 người, chiếm khoảng 9,64% dân số cả nước. Đặc điểm dân cư ở khu vực Nam Trung Bộ thể hiện sự phân hóa rõ rệt giữa khu vực đồng bằng ven biển phát triển năng động và khu vực miền núi phía Tây còn nhiều khó khăn, với sự đa dạng về thành phần dân tộc, mật độ dân số thấp. Trong đó, đồng bằng ven biển phía Đông là khu vực tập trung dân cư đông đúc nhất, chủ yếu là người Kinh và một bộ phận người Chăm với mật độ dân số cao *(trung bình 100 -200 người/km²)*, đặc biệt tập trung ở các thành phố, thị xã lớn, như: Đà Nẵng, Quy Nhơn, Nha Trang; vùng đồi núi phía Tây là địa bàn cư trú chủ yếu của các DTTS, như: Êđê, Bana, Raglai, Cơtu, Xơđăng, Giẻ Triêng... Với mật độ dân số ở khu vực này thấp hơn nhiều so với vùng đồng bằng ven biển phía Đông *(trung bình 50-100 người/km²)*, thậm chí nhiều nơi dưới 50 người/km².

Như vậy, khu vực Nam Trung Bộ đang trong giai đoạn *"dân số vàng",* với nhóm từ 15 tuổi đến 64 tuổi chiếm tỷ lệ cao (khoảng 65,4%), giúp cung cấp nguồn lao động dồi dào; người dân có truyền thống lao động cần cù, chăm chỉ và giàu kinh nghiệm trong phòng chống thiên tai, khai thác biển. Tuy nhiên, do mật độ phân bố không đồng đều, đời sống của người dân, đặc biệt là đồng bào dân tộc Raglai ở vùng núi phía Tây, còn gặp nhiều khó khăn, tỷ lệ hộ nghèo còn khá cao; tỷ lệ mù chữ, hoặc bỏ học sớm còn cao nên đã ảnh hưởng không nhỏ đến hiệu quả của GDPL nói chung, GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai ở Việt Nam nói riêng thời quan qua.

3.1.1.2. Tình hình kinh tế, chính trị, văn hóa ở Việt Nam

Tình hình kinh tế: Thời gian qua, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tại khu vực Nam Trung Bộ và thực hiện chính sách phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi, đặc biệt là thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 03/11/2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, lực lượng chức năng đã huy động được nhiều nguồn lực từ các tổ chức kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, xây dựng nhiều mô hình phát triển kinh tế hiệu quả, giúp người dân nâng cao thu nhập, xóa đói, giảm nghèo một cách bền vững. Điển hình như: Mô hình trồng cây măng tây, mô hình hỗ trợ tam nông...

Việc hỗ trợ vốn, kỹ thuật phát triển kinh tế, giảm nghèo bền vững; giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa truyền thống tốt đẹp các dân tộc; phát triển giáo dục, đào tạo; chính sách an sinh xã hội... được các cấp, các ngành quan tâm thực hiện. Mạng lưới giáo dục và đào tạo các cấp ở vùng DTTS ngày càng mở rộng, phát triển đến tận xã, thôn, tạo điều kiện thuận lợi cho con, em đồng bào các dân tộc trên địa bàn học tập. Đời sống vật chất, tinh thần của đồng bào các DTTS trên địa bàn không ngừng được cải thiện. Điển hình như: Năm 2022, thu nhập bình quân của người dân vùng đồng bào DTTS trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận *(nay là tỉnh Khánh Hoà)* đạt 32,4 triệu đồng/người, tăng 3,19 triệu đồng so với năm 2020, đạt 55,5% so với mục tiêu đến 2025. Tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân từ 3-4%/năm. Số hộ nghèo DTTS là 6.974 hộ, chiếm tỷ lệ 17,73% so với tổng số hộ DTTS; hộ cận nghèo DTTS là 3.934 hộ, chiếm tỷ lệ 10% so số hộ DTTS, thấp hơn 1,66% so với năm 2021. Riêng huyện nghèo Bác Ái có 2.794 hộ nghèo, chiếm tỷ lệ hộ nghèo là 34,81%, giảm 5,28% so với cùng kỳ năm trước. Đến nay, tỉnh Ninh Thuận *(nay là tỉnh Khánh Hoà)* có huyện Ninh Phước *(nay là xã Ninh Phước 1, Ninh Phước 2, Ninh Phước 3)* và Ninh Hải *(nay là xã Ninh Hải 1, Ninh Hải 2, Ninh Hải 3)* đạt chuẩn nông thôn mới, có 13/31 xã vùng đồng bào DTTS và miền núi đạt chuẩn nông thôn mới. 100% số thôn, xã vùng đồng bào DTTS được phủ kín điện lưới quốc gia, trên 90% hộ đồng bào DTTS sử dụng điện thắp sáng, tỷ lệ

hộ đồng bào sử dụng nước sinh hoạt đạt trên 95%. Hiện, cơ bản các thôn, xã vùng đồng bào DTTS và miền núi đều có đường giao thông đi lại thuận tiện [77].

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đã đạt được là cơ bản, một số cấp ủy, chính quyền địa phương, nhất là ở cơ sở chưa quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo sâu sát việc triển khai thực hiện, chậm ban hành chỉ thị, nghị quyết, chương trình, kế hoạch thực hiện Chương trình hát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS và miền núi tại địa phương; tốc độ tăng trưởng kinh tế còn chậm, trình độ phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội giữa các địa phương chưa đồng đều; đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân ở một số vùng, địa bàn còn hạn chế... Điển hình như: tỷ lệ giải ngân nguồn vốn được giao còn thấp, nguồn vốn sự nghiệp mới giải ngân được 11,8% kế hoạch, nguồn vốn hỗ trợ tham gia bảo vệ rừng chưa giải ngân được; tỷ lệ trẻ em dưới 05 tuổi suy dinh dưỡng thể nhẹ cân còn khá cao; các công trình đầu tư giao thông còn nhỏ lẻ, manh mún, dàn trải, thiếu trọng tâm, trọng điểm và kém hiệu quả...[55].

Như vậy, dưới sự lãnh đạo của cấp ủy, chính quyền địa phương, tình hình kinh tế vùng đồng bào DTTS nói chung, đồng bào dân tộc Raglai ở Việt Nam nói riêng đã đã đạt được nhiều kết quả đáng ghi nhận, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân. Tuy nhiên, tốc độ phát triển kinh tế tại khu vực này còn chậm, chưa đồng đều; số lượng, hiệu quả các mô hình xóa đói, giảm nghèo còn có những hạn chế nhất định, điều này cũng đặt ra nhiều thách thức đối với hệ thống chính trị ở địa phương.

Tình hình chính trị: Trong đánh giá của quốc tế về các yếu tố tạo nên sức hấp dẫn mạnh mẽ của môi trường đầu tư tại Việt Nam nói chung, khu vực Nam Trung Bộ nói riêng thì ổn định chính trị luôn là yếu tố quan trọng hàng đầu. Trải qua nhiều năm chiến tranh, đất nước bị chia cắt, bị tàn phá, dân tộc Việt Nam hiểu rất rõ giá trị của hòa bình, độc lập, thống nhất, giá trị của ổn định chính trị để phát triển đất nước, mang lại cuộc sống hạnh phúc, bình yên cho nhân dân. Đối với nước ta, ổn định chính trị là điều kiện sống còn để bảo vệ độc lập dân tộc, ứng phó với các thách thức bên trong và bên ngoài, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN trong kỷ nguyên mới của dân tộc.

Bảo vệ Tổ quốc có nội dung cơ bản là bảo vệ chế độ XHCN, giữ vững ổn định chính trị. Trong những năm gần đây, tình hình thế giới có nhiều biến động với những lò lửa chiến tranh, xung đột, căng thẳng địa chính trị giữa các nước trên thế giới, nhiều quốc gia bất ổn với những điểm nóng về sắc tộc, tôn giáo... gây e ngại cho nhà đầu tư thì Việt Nam có sức hút lớn nhờ luôn giữ được ổn định chính trị, ổn định kinh tế vĩ mô, có vị trí chiến lược trong giao thương và có chính sách ngoại giao đúng đắn, mở ra nhiều cơ hội hợp tác kinh tế. Một trong yếu tố quyết định trực tiếp đến môi trường ổn định ở nước ta là do sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, đã huy động, khơi dậy được sức mạnh của cả hệ thống chính trị, tranh thủ được sự đồng tình, ủng hộ của quốc tế để giành độc lập cho dân tộc, thống nhất đất nước. Đồng thời, Đảng ta cũng thẳng thắn nhìn nhận những sai lầm, đánh giá một cách khách quan, toàn diện để đưa đất nước đi lên xây dựng CNXH; vì vậy, Đảng ta ngày càng được củng cố, kiện toàn hơn về tổ chức bộ máy, giữ vững nguyên tắc, đề ra cơ chế hoạt động, phương thức lãnh đạo, cầm quyền và xây dựng đội ngũ đảng viên ngày càng lớn mạnh.

Tình hình văn hóa: Ở Việt Nam, phát triển văn hóa luôn giữ một vị trí quan trọng trong đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Chủ trương của Đảng gắn tăng trưởng kinh tế với phát triển văn hóa, phát triển con người Việt Nam toàn diện và thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội đã trở thành tư tưởng chủ đạo cho nhiều chương trình, kế hoạch phát triển. Sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị cùng với sự đầu tư của Nhà nước, sự tham gia của nhân dân là những nhân tố quyết định tạo ra những chuyển biến của sự nghiệp phát triển văn hóa, xây dựng con người những năm qua. Trong định hướng phát triển đất nước giai đoạn 2021 - 2030, Nghị quyết Đại hội đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng nhấn mạnh: "*Xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc văn hóa dân tộc, đồng bộ trên nền tảng hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hóa, hệ giá trị của gia đình và chuẩn mực con người Việt Nam*" [23, tr.378]. Bên cạnh đó, Nghị quyết số 80-NQ/TW ngày 07/01/2026 của Bộ Chính trị về phát triển văn hóa Việt Nam đã khẳng định: "*Phát triển văn hoá, con người là nền tảng, nguồn lực nội sinh quan trọng, động lực to lớn, trụ cột, hệ điều tiết*

cho phát triển nhanh và bền vững đất nước. Các giá trị văn hoá phải được gắn kết chặt chẽ, hài hoà, thấm sâu vào toàn bộ đời sống xã hội, từ chính trị, kinh tế, xã hội, môi trường tới quốc phòng, an ninh, đối ngoại, thực sự trở thành sức mạnh mềm của quốc gia trong kỷ nguyên mới". Đây là những cơ sở khoa học quan trọng để duy trì, phát huy những giá trị văn hóa của đồng bào dân tộc Raglai ở khu vực Nam Trung Bộ trong bối cảnh tình hình mới.

Cộng đồng cư dân ở khu vực Nam Trung Bộ có đời sống văn hóa, tín ngưỡng phong phú, đa dạng. Tính đa phức là lý do khiến khu vực Nam Trung Bộ không chỉ tồn tại nhiều tín ngưỡng, mà còn thể hiện sự hỗn dung nhiều màu sắc trong những hành vi thờ cúng, thực hành tín ngưỡng. Sự phong phú về đời sống văn hóa, tín ngưỡng xuất phát từ việc có nhiều lớp cu dân và dân tộc chung cùng nhau sinh sống trong một thời gian dài, mỗi lớp cư dân lại đóng góp những nét văn hóa riêng, độc đáo, khi hòa quyện với nhau sẽ tạo nên một diện mạo đời sống văn hóa phong phu, đa sắc diện, như: Lễ hội Katê của đồng bào Chăm theo đạo Bà la môn; Lễ Ăn đầu lúa mới của dân tộc Raglai ở các tỉnh Ninh Thuận, Khánh Hoà *(nay là tỉnh Khánh Hoà)*, Bình Thuận *(nay là tỉnh Lâm Đồng)*. Đặc biệt, những nét đẹp văn hóa của các DTTS ở khu vực Nam Trung Bộ là tài sản có giá trị rất lớn trong đời sống tinh thần của đồng bào. Những năm qua, bản sắc văn hóa của các DTTS đã góp phần quan trọng trong quá trình phát triển KT - XH của địa phương. Tuy nhiên, bên cạnh đó vẫn còn tồn tại nhiều phong tục, tập quán lạc hậu, không còn phù hợp với bối cảnh thực tiễn đất nước ta hiện nay.

Như vậy, dưới sự lãnh đạo của Đảng, Nhà nước, trực tiếp là cấp ủy, chính quyền địa phương vùng Nam Trung Bộ, tình hình chính trị được bảo đảm, các chính sách về phát triển văn hóa, phát triển con người và thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội được quán triệt thực hiện nghiêm túc. Đây là những điều kiện thuận lợi để nâng cao hiệu quả công tác GDPL cho đồng bào DTTS nói chung, đồng bào dân tộc Raglai nói riêng. Tuy nhiên, các thế lực thù địch, các loại tội phạm luôn tìm cách triệt để lợi dụng những sơ hở, thiếu sót trong quá trình thực hiện các chính sách về phát triển KT-XH, chính sách dân tộc để dụ dỗ, mua chuộc, kích động người dân, nhất là đồng bào DTTS chống phá Đảng, Nhà nước ta; tác động

của mặt trái nền kinh tế thị trường, lối sống thực dụng, vô cảm, phai nhạt lý tưởng của một bộ phận cán bộ, đảng viên vùng đồng bào DTTS cũng đòi hỏi sự chung tay phối hợp một cách hiệu quả với tinh thần trách nhiệm cao của cả hệ thống chính trị mới có thể giải quyết triệt để được. Đặc biệt là người Raglai có tiếng nói riêng, nhiều người lớn tuổi ít thông thạo tiếng phổ thông; một số hủ tục, quan niệm truyền thống còn mâu thuẫn, hoặc chưa tương thích với pháp luật hiện nay, nên khó khăn trong việc tiếp nhận thông tin pháp luật.

3.1.2. Tổ chức bộ máy và nguồn nhân lực thực hiện giáo dục pháp luật cho đồng bào Raglai ở Việt Nam

Trong quá trình xây dựng, phát triển đất nước, đồng bào DTTS nói chung, đồng bào dân tộc Raglai luôn giữ vị trí, vai trò đặc biệt quan trọng. Từ khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời, lãnh đạo cách mạng Việt Nam, nhân dân các dân tộc trên đất nước ta đã phát huy cao độ tinh thần đoàn kết chặt chẽ dưới sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước. Những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử đạt được trong công cuộc đổi mới đất nước đã cho thấy sức mạnh của khối đại đoàn kết dân tộc ở nước ta đã đi vào chiều sâu, là động lực cho quá trình xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN. Theo số liệu thống kê, đồng bào Raglai cư trú chủ yếu ở khu vực Nam Trung Bộ, tập trung chủ yếu ở địa bàn tỉnh Khánh Hoà, Ninh Thuận, Bình Thuận *(nay là tỉnh Khánh Hoà, Lâm Đồng)*, trong đó nhiều nhất tại tỉnh Ninh Thuận *(nay là tỉnh Khánh Hoà)* với khoảng 70.366 người [Bảng 1].

Thời gian qua, để góp phần nâng cao hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách dân tộc, góp phần củng cố, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc, Đảng, Nhà nước, trực tiếp là cấp uỷ, chính quyền địa phương đã thường xuyên quan tâm, lãnh đạo, chỉ đạo công tác GDPL cho đồng bào DTTS nói chung, đồng bào dân tộc Raglai nói riêng, thông qua việc kiện toàn cơ cấu, tổ chức cơ quan tham mưu GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai, cụ thể như:

Cục Phổ biến, giáo dục pháp luật, Bộ Tư pháp đóng vai trò trung tâm, điều phối và định hướng cho toàn bộ hoạt động XHCN. Thực hiện Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 của Hội nghị Trung ương 6 khóa XIII về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam trong giai đoạn mới,

đơn vị có nhiệm vụ, chính là: Theo dõi, đôn đốc việc thực hiện nhiệm vụ truyền thông dự thảo chính sách trong xây dựng VBQPPL, phổ biến, GDPL trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Tư pháp; chủ trì tổ chức các hoạt động truyền thông chính sách trong xây dựng, thực hiện và hoàn thiện chính sách, phổ biến, GDPL trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý; tổ chức thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý; quản lý, vận hành, nâng cấp Cổng thông tin điện tử phổ biến, GDPL quốc gia, hệ thống thông tin về phổ biến, GDPL, hòa giải ở cơ sở, đánh giá, công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật. Thời gian qua, với vai trò là cơ quan chuyên trách, Cục Phổ biến, giáo dục pháp luật đã tham mưu với Bộ Tư pháp ban hành nhiều chính sách, điều phối hoạt động và xây dựng mô hình hiệu quả, phù hợp với đặc thù văn hóa, địa lý và trình độ dân trí của từng vùng dân tộc thiểu số. Điển hình như: các mô hình lồng ghép pháp luật vào các lễ hội, văn nghệ truyền thống hoặc các chương trình phát thanh bằng tiếng dân tộc; xây dựng tiêu chí đánh giá công tác phổ biến, GDPL....

Sở Tư pháp là cơ quan Thường trực Hội đồng Phối hợp phổ biến, GDPL nói chung, đồng bào dân tộc nói riêng. Nhiệm vụ và quyền hạn chính của đơn vị trong GDPL, gồm: xây dựng, trình Uỷ ban nhân dân tỉnh ban hành chương trình, két hoạch về GDPL và tổ chức thực hiện sau khi chương trình, kế hoạch trên được phê duyệt; theo dõi, hướng dẫn công tác GDPL tại địa phương; đôn đốc, kiểm tra các cơ quan chuyên môn trực thuộc Uỷ ban nhân dân cấp huyện trong việc tổ chức thực hiện Ngày Pháp luật nước Cộng hoà XHCN Việt Nam trên địa bàn; thực hiện nhiệm vụ của cơ quan thường trực Hội đồng Phối hợp phổ biến, GDPL cấp tỉnh; xây dựng, quản lý đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật; phối hợp với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan thực hiện chuẩn hóa đội ngũ giáo viên dạy môn Giáo dục công dân, giáo viên, giảng viên dạy pháp luật theo quy định của pháp luật; hướng dẫn việc xây dựng, quản lý, khai thác tủ sách pháp luật ở cấp xã và các cơ quan, đơn vị theo quy định của pháp luật; hướng dẫn về tổ chức và hoạt động hòa giải ở cơ sở theo quy định của pháp luật. Theo số liệu thống kê, chỉ tính riêng trong năm 2020, với vai trò là cơ quan thường trực của Hội đồng

Phối hợp phổ biến, GDPL, bên cạnh chức năng tham mưu với Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận *(nay là tỉnh Khánh Hoà)* về công tác quản lý nhà nước về phổ biến, GDPL, Sở Tư pháp đã thực hiện 08 cuộc tuyên truyền, GDPL với 710 lượt người tham dự, 8.000 đầu tài liệu được phát miễn phí, 410 lượt tin, bài về pháp luật được đăng, tải trên các phương tiện truyền thông đại chúng… [76].

Sở Dân tộc và Tôn giáo tham gia GDPL thông qua các hoạt động, như: hướng dẫn, kiểm tra và tổ chức thực hiện các VBQPPL, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án, dự án, chính sách thuộc lĩnh vực công tác dân tộc sau khi được phê duyệt; GDPL cho đồng bào DTTS nói chung, dân tộc Raglai nói riêng thuộc phạm vi quản lý nhà nước của đơn vị; vận động đồng bào thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; tổ chức thực hiện các chương trình, đề án, dự án, mô hình thí điểm đầu tư phát triển kinh tế, xã hội đặc thù, hỗ trợ ổn định cuộc sống cho đồng bào DTTS vùng đặc biệt khó khăn, vùng sâu, vùng xa và công tác định canh, định cư đối với đồng bào dân tộc Raglai; thường trực giúp Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng kế họa và tổ chức thực hiện các chính sác, chương trình do Sở Dân tộc và Tôn giáo chủ trì quản lý, chỉ đạo; định kỳ tổ chức Đại hội đại biểu các dân tộc thiểu số các cấp của tỉnh; phối hợp với Sở Nội vụ trong việc bố trí công chức là người DTTS làm việc tại cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và cán bộ, công chức, viên chức là người dân tộc làm việc tại Ủy ban nhân dân cấp xã... Điển hình như: Trong năm 2024, Ban Dân tộc *(nay là Sở Dân tộc và Tôn giáo)* đã tổ chức quán triệt, phổ biến đến toàn thể cán bộ, đảng viên, công chức các Nghị quyết của Quốc hội, Chính phủ, của Tỉnh ủy về phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025; công tác dân vận trong vùng đồng bào DTTS và miền núi; các Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII của Đảng, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ lần thứ XIV nhiệm kỳ 2020 - 2025...

Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thường xuyên tổ chức thông tin, GDPL đến toàn thể công chức, người lao động trong các đơn vị, các chức sắc, chức việc, nhà tu hành các tôn giáo và người có uy tín trong đồng bào dân tộc Raglai và người dân trên địa bàn thông qua các hình thức như: phương tiện truyền thông đại

chúng, cuộc họp khu dân cư, tổ dân phố, đoàn thể. Thường xuyên phối hợp với Hội đồng Phổ biến, GDPL, các tổ chức thành viên của Mặt trận tuyên truyền, GDPL đến từng nhóm người dân trên địa bàn dân cư. Phối hợp với Sở Tư pháp, Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước cấp tỉnh, Hội Luật gia, Đoàn Luật sư và các tổ chức thành viên tổ chức giới thiệu, tuyên truyền, phổ biến các quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng, những nội dung cơ bản của các dự án luật trình Quốc hội xem xét, cho ý kiến hoặc thông qua. Đồng thời, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp tuyên truyền, giáo dục ý thức tuân thủ và chấp hành pháp luật; tuyên truyền nêu gương người tốt, việc tốt, điển hình tiên tiến trong việc xây dựng, thực hiện và bảo vệ pháp luật các mô hình hay, cách làm hiệu quả trong công tác giáo dục chính sách pháp luật, phê phán, đấu tranh với hành vi vi phạm pháp luật hoặc lệch chuẩn xã hội. Định kỳ giáo dục, bồi dưỡng kiến thức pháp luật cho cán bộ, công chức, viên chức trong hệ thống Mặt trận từ cấp tỉnh đến cơ sở. Vận động đồng bào chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật, nhất là tại khu dân cư. Phối hợp với các cơ quan, tổ chức, và cá nhân có liên quan tổ chức các đợt cao điểm tuyên truyền, phổ biến các VBQPPL liên quan trực tiếp đến đời sống nhân dân nói chung, đồng bào dân tộc Raglai nói riêng, như: pháp luật về hôn nhân và gia đình, pháp luật về đất đai, xử lý vi phạm hành chính... góp phần đưa các quy định của pháp luật đi vào cuộc sống. Gắn công tác GDPL với triển khai thực hiện các phong trào thi đua yêu cướng, như: Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh, Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc...

Viện Kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân, Công an nhân dân các cấp có trách nhiệm GDPL cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động thuộc phạm vi quản lý, chú trọng thực hiện thông qua việc tuyên truyền, giải thích, thông tin pháp luật... Kết hợp thực hiện GDPL thông qua các hoạt động chuyên môn. Xây dựng, tập huấn, bồi dưỡng đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyên viên pháp luật của cơ quan, tổ chức, đơn vị mình hoặc định kỳ mời báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật tham gia tuyên truyền, GDPL tại cơ quan, tổ chức, đơn vị. Phối hợp với cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân có liên quan GDPL cho nhân dân trên địa bàn tỉnh nói chung, đồng bào dân tộc Raglai nói riêng nhằm nâng cao nhận

thức, tinh thần trách nhiệm trong việc thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và quy định của địa phương nơi cư trú.

Ngoài ra, còn có đội ngũ báo cáo viên, tuyên tryền viên pháp luật và người có uy tín, chức sắc dân tộc, tôn giáo ở khu vực Nam Trung Bộ đóng vai trò then chốt trong việc đưa pháp luật đến gần hơn với người dân. Họ là những cầu nối quan trọng giữa hệ thống pháp luật và cộng đồng, đặc biệt trong một khu vực có địa hình và dân cư đa dạng [Bảng 1]. Theo số liệu thống kê, năm 2024, người có uy tín trong dân tộc Raglai có khoảng 183 người. Đây là một phần không thể tách rời của quá trình xây dựng một xã hội *"thượng tôn pháp luật"*, nơi mà sự tôn trọng và tuân thủ pháp luật xuất phát từ ý thức và niềm tin của chính người dân; đóng vai trò là *"cầu nối"* giữa chính quyền và người dân, đặc biệt ở các vùng sâu, vùng xa, nơi khoảng cách về ngôn ngữ và văn hóa còn lớn. Đồng thời, không chỉ truyền tải các quy định pháp luật một cách máy móc, mà còn "phiên dịch" chúng sao cho dễ hiểu, dễ nhớ và phù hợp với phong tục, tập quán và lối sống của người dân địa phương.

Bảng 3.1: Số lượng người có uy tín ở khu vực Nam Trung Bộ

TT	Tỉnh	Số lượng	Ghi chú
1	Khánh Hoà	88 người (*Trong đó: Raglai: 74 Ê đê: 07, Cơ ho: 05, Nùng: 01, Kinh: 01)*	Nay là tỉnh Khánh Hòa
2	Ninh Thuận	124 người *(Trong đó, Raglai: 83, Chăm 35, Churu: 01, Nùng: 02, Cơ ho: 03)*	
3	Bình Thuận	91 người *(Trong đó, Raglai: 26, Chăm: 26, Cơ ho: 18, Chơ ro: 06, Tày: 07, Nùng: 03, Hoa: 04, Hre: 01)*	Nay là tỉnh Lâm Đồng

(Sở Tư pháp tỉnh Khánh Hoà, Ninh Thuận, Bình Thuận, năm 2024)

3.1.3. Tình hình giáo dục pháp luật ở vùng đồng bào dân tộc Raglai ở Việt Nam

Quán triệt thực hiện các quan điểm chiến lược được xác định rõ trong Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 03/11/20202 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải Trung Bộ

đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 là: "*Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội với bảo đảm vững chắc quốc phòng, an ninh và chủ quyền biển, đảo; giữ vững ổn định chính trị, trật tự, an toàn xã hội",* thời gian qua, dưới sự lãnh đạo của Đảng, Nhà nước, trực tiếp là của cấp ủy, chính quyền địa phương, công tác bảo đảm an ninh, trật tự vùng đồng bào DTTS nói chung, dân tộc Raglai nói riêng luôn được quan tâm, lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện. Với vai trò nòng cốt, xung kích trong công tác bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội; lực lượng CAND đã tích cực, chủ động tham mưu với cấp ủy, chính quyền địa phương, phối hợp với các lực lượng khác có liên quan nhằm tăng cường công tác bảo đảm an ninh, trật tự, kịp thời phát hiện, giải quyết hiệu quả những vấn đề phức tạp phát sinh trong thực tiễn liên quan đến vấn đề dân tộc, tôn giáo. Chú trọng công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục chính sách, pháp luật về an ninh, trật tự ở vùng đồng bào dân tộc Raglai nhằm nâng cao ý thức, tinh thần trách nhiệm của người dân. [Bảng 2].

Bảng 3.2: Cơ cấu đồng bào dân tộc Raglai ở khu vực Nam Trung Bộ

TT	**Địa phương**	**Số lượng** (người)	**Nam** (người)	**Nữ** (người)	**% dân số địa phương**	**Ghi chú**
1	Khánh Hoà	55.844	27.464	28.380	4.54	Nay là tỉnh Khánh Hoà
2	Ninh Thuận	70.366	34.377	35.989	11.92	
3	Bình Thuận	17.382	8.428	8.954	1.41	Nay là tỉnh Lâm Đồng

(Theo Kết quả Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019)

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đã đạt được là cơ bản, tình hình an ninh, trật tự trên địa bàn còn tiềm ẩn nhiều nguy cơ, mối đe doạ gây ảnh hưởng đến công tác GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai, như:

Trong những năm qua, cùng với sự phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, công tác GDPL cho đồng bào DTTS nói chung, đồng bào dân tộc Raglai ở Việt Nam nói riêng đã được Đảng, Nhà nước ta, trực tiếp là cấp ủy, chính quyền địa phương đặc biệt quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo. Qua đó, đã tạo sự chuyển biến tích cực trong

việc nâng cao nhận thức về chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; góp phần rất lớn vào việc bảo đảm an ninh, trật tự để phát triển KT -XH của địa phương. Tuy nhiên, tình hình vi phạm pháp luật trong vùng đồng bào dân tộc Raglai ở Việt Nam vẫn còn diễn biến phức tạp, có sự gia tăng các vụ vi phạm pháp luật hình sự; tiềm ẩn những nguy cơ gây mất ổn định chính trị, trật tự, an toàn xã hội.

Đa số đồng bào dân tộc Raglai ở Việt Nam luôn có ý thức chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, vẫn còn một bộ phận đồng bào dân tộc Raglai chưa thực hiện nghiêm các quy định của pháp luật, có hành vi vi phạm pháp luật về quản lý, bảo vệ rừng, tranh chấp đất đai... Điển hình như: Từ năm 2020 đến năm 2024, xã Phước Vinh, huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận *(nay là xã Phước Hậu, tỉnh Khánh Hoà)* là địa bàn tập trung đông đồng bào bào dân tộc Raglai sinh sống, lực lượng chức năng đã phát hiện, xử lý 86 đối tượng/66 vụ sử dụng trái phép chất ma túy; 60 đối tượng/13 vụ đánh bạc trái phép; 47 đối tượng/35 vụ khai thác và vận chuyển khoáng sản, xử phạt vị phạm hành chính tổng số tiền 235.790.000 đồng; điều tra, xử lý 51 vụ liên quan đến an ninh, trật tự, trong đó xác minh làm rõ và chuyển đến cơ quan Cảnh sát điều tra 30 vụ/34 đối tượng, xử phạt vi phạm hành chính 51 đối tượng/17 vụ; đưa vào quản lý tại xã 21 đối tượng nghiện ma túy; vận động cai nghiện ma túy tự nguyện 05 đối tượng, đưa đi cai nghiện bắt buộc 09 đối tượng; gọi hỏi răn đe hơn 250 đối tượng hình sự, ma túy và đối tượng tù tha [81].

Mặc dù, đã được tuyên truyền, phổ biến, GDPL về dân số, pháp luật về hôn nhân và gia đình, pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí..., nhưng trong nhiều gia đình đồng bào dân tộc Raglai vẫn còn hiện tượng tảo hôn, lãng phí trong việc cưới hỏi, ma chay, lễ hội… Điển hình như: Chỉ tính riêng trong năm 2022, trên địa bàn tỉnh Bình Thuận *(nay là tỉnh Lâm Đồng)*, lực lượng chức năng đã phát hiện, xử lý 65 trường hợp tảo hôn, trong đó, 44 trường hợp tảo hôn vợ, hoặc chồng; 21 trường hợp tảo hôn cả vợ và chồng. Trong 06 tháng đầu năm 2023, trên địa bàn tỉnh có 32 trường hợp tảo hôn, trong đó tảo hôn cả vợ và chồng là 13 trường hợp; vợ hoặc chồng tảo hôn là 19 trường hợp. Nguyên nhân chủ yếu của tình trạng trên là do người dân thiếu hiểu biết về Luật Hôn nhân và gia đình; phong tục tập quán

lạc hậu ở một số vùng đồng bào vẫn còn tồn tại; đa số các em trong độ tuổi thanh thiếu niên hiểu biết về kỹ năng sống, kiến thúc pháp luật, thông tin về sức khoẻ… con hạn chế [42].

Tình hình an ninh, trật tự ở vùng đồng bào dân tộc Raglai tập trung sinh sống còn tiềm ẩn nhiều nguy cơ gây mất ổn định. Lợi dụng tình hình phức tạp, hạn chế của đồng bào dân tộc Raglai, như: tranh chấp đất đai; số hộ đồng bào dân tộc Raglai nghèo còn chiếm tỷ lệ cao; trình độ dân trí còn thấp, nhận thức về chính trị, pháp luật còn hạn chế…; các thế lực thù địch, các loại tội phạm đã tiến hành các thủ đoạn nhằm dụ dỗ, lôi kéo, kích động người dân thực hiện các hành vi vi phạm pháp luật, như: truyền đạo trái pháp luật, xuyên tạc chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nhằm chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc…

Tình hình vi phạm pháp luật hình sự tiếp tục có những diễn biến phức tạp với sự gia tăng số vụ tội phạm mà người phạm tội là người đồng bào dân tộc Raglai. Theo số liệu thống kê về đồng bào dân tộc Raglai là người đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam Sông Cái, thuộc Cục Cảnh sát quản lý trại giam, cơ sở giáo dục bắt buộc, trường giáo dưỡng, Bộ Công an quản lý, đóng quân trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận *(nay là tỉnh Khánh Hoà)*, từ năm 2021 đến năm 2025 có 125 đối tượng là người dân tộc Raglai đang chấp hành án phạt tù.

Bảng 3.3: Thống kê phạm nhân đang chấp hành án phạt tù là đồng bào dân tộc Raglai là tại Trại giam Sông Cái, Bộ Công an (từ năm 2020 đến năm 2025)

Đơn vị tính: người

TT	**Loại tội phạm**	**Mức cao nhất của khung hình phạt**	**Số lượng**					**Tổng cộng** *(loại tội phạm, khung hình phạt qua 05 năm)*
			2021	**2022**	**2023**	**2024**	**2025**	
1	Tội phạm ít nghiêm trọng	- Phạt tù đến 03 năm	11	07	10	12	15	55

2	Tội phạm nghiêm trọng	Phạt tù từ trên 03 năm đến 07 năm.	/	03	04	08	11	26
3	Tội phạm rất nghiêm trọng	Phạt tù từ trên 07 năm đến 15 năm.	02	04	04	06	08	24
4	Tội phạm đặc biệt nghiêm trọng	- Phạt tù từ trên 15 năm đến 20 năm	05	06	03	03	03	20
		- Tù chung thân	/	/	/	/	/	/
Tổng số			125					

(*Nguồn: Cục Cảnh sát quản lý trại giam, cơ sở giáo dục bắt buộc, trường giáo dưỡng, Bộ Công an)*

Tình hình vi phạm pháp luật trên đây đã ảnh hưởng lớn đến đời sống của đồng đồng bào DTTS nói chung, đồng bào bào dân tộc Raglai nói riêng và trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn các tỉnh Nam Trung Bộ. Thực tiễn trên đòi hỏi công tác GDPL cho đồng bào DTTS nói chung, GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai càng mang tính cấp thiết nhằm đáp ứng yêu cầu thực tiễn.

3.2. Thực trạng giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Raglai ở Việt Nam hiện nay

3.2.1. Những kết quả đạt được và nguyên nhân

3.2.1.1. Những kết quả đạt được

- Những kết quả đạt được về mục tiêu giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Raglai

Trên cơ sở xác định mục tiêu GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai là nền tảng, có ý nghĩa đặc biệt quan trọng nhằm xây dựng một xã hội dân chủ, công bằng, văn minh, bảo đảm quyền lợi hợp pháp cho mọi tầng lớp nhân dân nói chung, đồng bào dân tộc Raglai nói riêng. Vì vậy, thời gian qua dưới sự lãnh đạo của cấp

ủy, chính quyền địa phương, thông qua các hình thức, nội dung GDPL đã giúp đồng bào dân tộc Raglai hiểu biết rõ hơn về quyền lợi, nghĩa vụ của bản thân. Qua đó, giúp nhận diện đúng về các quy định của pháp luật, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình, đặc biệt là trong các vấn đề liên quan đến đất đai, tài sản, các quyền lợi xã hội; giúp đồng bào dân tộc Raglai hiểu rõ hơn và tuân thủ các quy định của pháp luật để giảm thiểu các hành vi vi phạm pháp luật trong cộng. Điển hình như:

Theo Báo cáo số 233/BC-UBND ngày 05/9/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận *(nay là tỉnh Khánh Hoà)* về việc tổng kết 10 năm thực hiện Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2012 trên địa bàn đã xác định những kết quả đạt được về mục tiêu GDPL là: "*... góp phần tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật, nâng cao hiểu biết và ý thức tự giác, tôn trọng và nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật của CBCCVC và Nhân dân; đồng thời thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội gắn với đảm bảo an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh".*

Theo Báo cáo số 01/BC-HĐPH ngày 02/01/2024 của Hội đồng Phổ biến, GDPL tỉnh Bình Thuận *(nay là tỉnh Lâm Đồng)* về tổng kết công tác phổ biến, GDPL năm 2023 và phương hướng nhiệm vụ công tác trọng tâm thực hiện công tác phổ biến, GDPL, năm 2024 nhận định những kết quả đạt được về mục tiêu GDPL là: *"...thu hút sự tham gia hưởng ứng tích cực của nhiều đối tượng, đã tạo hiệu ứng tích cực cho công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật trên diện rộng, khẳng định tính đúng đắn trong hướng đi mới của công tác phổ biến, giáo dục dục pháp luật. Qua đó, góp phần nâng cao hiểu biết, ý thức tự giác, tôn trọng, chấp hành pháp luật và hình thành thói quen chủ động học tập, tìm hiểu pháp luật của cán bộ và Nhân dân, đóng góp vào sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh của địa phương và tăng cường quản lý Nhà nước, quản lý xã hội bằng pháp luật"* [28].

Theo số liệu thống kê, chỉ tính riêng trong năm 2024, đã có 60 xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật và 05 xã không đạt chuẩn tiếp cận pháp luật [28], hoặc tại xã Phước Chiến, huyện Thuận Bắc, tỉnh Ninh Thuận *(nay là xã Thuận Bắc 2, tỉnh Khánh Hoà)* là một xã miền núi được xếp vào diện đặc biệt khó

khăn với 1.249 hộ gia đình gồm 5.328 người dân, trong đó có 97% là đồng bào dân tộc Raglai, tỷ lệ hộ nghèo hiện đến 44,51%, cận nghèo 26,90%, nhờ làm tốt công tác GDPL cho đồng bào DTTS nên trên địa bàn trong 03 năm (2020-2022) và 6 tháng đầu năm 2023 chỉ xảy ra một vụ phạm pháp hình sự và một vụ vi phạm pháp luật [61]. Thực trạng trên cho thấy, lực lượng chức năng đã cơ bản bán sát mục tiêu GDPL.

- Những kết quả đạt được về nội dung giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Raglai

Điều kiện cần thiết để công tác GDPL nói chung, GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai nói riêng mang lại hiệu quả thiết thực là cần phải bảo đảm bao quát tất cả các văn bản pháp luật thực định. Tuy nhiên, do số lượng VBQPPL được ban hành hàng năm rất lớn, thuộc nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội xã hội nên để công tác GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai đem lại hiệu quả tối đa, đòi hỏi chủ thể GDPL cần lựa chọn các lĩnh vực liên quan trực tiếp đến đời sống, hoạt động của đồng bào ở những khu vực, địa bàn cụ thể. Ngoài ra, nội dung GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai còn bao gồm ý thức tôn trọng pháp luật; ý thức bảo vệ pháp luật; lợi ích của việc chấp hành pháp luật; gương người tốt, việc tốt trong thực hiện pháp luật nhằm tạo niềm tin vào pháp luật, xây dựng con người Việt Nam mới vừa có hiểu biết pháp luật, vừa có ý thức chấp hành pháp luật.

Nội dung GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai ở Việt Nam đã được lực lượng chức năng triển khai thực hiện khá đa dạng. Thời gian qua, thực hiện Quyết định số 1163/QĐ-TTg ngày 08/8/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án Đẩy mạnh công tác phổ biến, giáo dục pháp luật vè tuyên truyền, vận động đồng bào vùng dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2017 - 2021, công tác GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai đã tập trung vào một số nội dung cơ bản sau:

Hệ thống các VBQPPL được Nhà nước ban hành. Theo quy định tại Điều 10, Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật, năm 2012, cấp uỷ, chính quyền địa phương đã triển khai bảo đảm các nội dung theo quy định, như: Luật ANQG, năm 2004; Bộ Luật Hình sự, năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Luật An ninh mạng, năm 2015; Luật Tiếp cận thông tin, năm 2016… và các văn bản khác có liên quan

trực tiếp đến quyền, lợi ích đồng bào DTTS nói chung, dân tộc Raglai nói riêng. Qua đó, giúp cho đồng bào dân tộc Raglai ở Việt Nam nâng cao ý thức tôn trọng, chấp hành, bảo vệ pháp luật, các hành vi bị nghiêm cấm và chế tài xử lý; quyền và nghĩa vụ của công dân; nội dung chính sách, pháp luật về quốc phòng, an ninh, ý thức trách nhiệm trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN, trong công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm. Đồng thời, GDPL về công tác dân tộc, chính sách dân tộc, như: giáo dục đồng bào thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác dân tộc, chính sách dân tộc và đại đoàn kết dân tộc; chú trọng nâng cao nhận thức về chính sách dân tộc, tạo niềm tin của đồng bào vào sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước, yên tâm lao động, sản xuất, góp phần phát triển kinh tế, xã hội, xoá đói, giảm nghèo, bảo đảm quốc phòng, an ninh, ổn định chính trị vùng đồng bào dân tộc Raglai sinh sống. Điển hình như:

Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh, năm 2023 về tăng cường hiệu quả công tác phổ biến, GDPL, hòa giải ở cơ sở, giải quyết hòa giải, mâu thuẫn ở khu vực nông thôn, Sở Tư pháp, tỉnh Ninh Thuận *(nay là tỉnh Khánh Hoà)*, trong năm 2024 đã tổ chức 12 Hội nghị tập huấn pháp luật và cấp phát hơn 1.500 các đầu sách gồm: Bộ luật Dân sự năm 2015, Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), Bộ luật Lao động năm 2019, Luật Hòa giải ở cơ sở năm 2013, Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Luật Phòng chống bạo lực gia đình năm 2022, Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017, Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở,… cho tất cả Hòa giải viên tại tại 04 xã đăng ký về đích nông thôn mới và 08 xã đăng ký về đích nông thôn mới nâng cao năm 2023 (Xã Măng Tố - Tánh Linh; xã Hàm Liêm, Đa Mi - Hàm Thuận Bắc; xã Tân Lập, Hàm Cường - Hàm Thuận Nam; xã Đức Hạnh, Mê Pu, Đông Hà, Tân Hà - Đức Linh; xã Tân Thắng, Tân Đức, Tân Xuân - Hàm Tân) [28].

Hệ thống các VBQPPL được chính quyền địa phương ban hành. Thời gian qua, dưới sự lãnh đạo của cấp ủy, chính quyền địa phương, lực lượng chức năng đã chủ động trong việc chuẩn bị các điều kiện cần thiết để rà soát, tham mưu, xây dựng các chương trình, kế hoạch công tác; tích cực tham gia thực hiện công tác

GDPL cho đồng bào DTTS nói chung, đồng bào dân tộc Raglai nói riêng. Các chủ thể GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai là cơ quan chủ trì tham mưu với với cấp ủy, chính quyền cùng cấp trong việc ban hành, tổ chức thực hiện các chương trình, kế hoạch công tác; trực tiếp tổ chức, quản lý GDPL cho các đối tượng cụ thể trong cộng đồng, trong đó có đồng bào dân tộc Raglai ở vùng Nam Trung Bộ.

Thực hiện Quyết định số 21/2021/QĐ-TTg ngày 21/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về thành phần và nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng Phối hợp phổ biến, GDPL; để bảo đảm sự phối hợp, hiệp đồng trách nhiệm, hiệu quả giữa các chủ thể có liên quan, tại tất cả các tỉnh trực thuộc Trung ương ở khu vực Nam Trung Bộ đều đã thành lập Hội đồng Phối hợp phổ biến, GDPL ở các cấp với vai trò thường trực thuộc về cơ quan Tư pháp. Điển hình như: Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận *(nay là tỉnh Khánh Hoà)* đã ban hành Quyết định số 1278/2010/QĐ-UBND ngày 30/7/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng Phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật tỉnh Ninh Thuận; Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa đã ban hành Quyết định số 1947/QĐ-UBND ngày 26/7/2024 về việc thay thế và xác định lại các thành viên Hội đồng Phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật tỉnh Khánh Hòa... Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được giao, Hội đồng Phối hợp phổ biến, GDPL các cấp trên địa bàn đã quan tâm xây dựng, huy động các nguồn nhân lực, kiện toàn đội ngũ cán bộ làm công tác GDPL ở các ngành, các cấp. Bên cạnh việc bảo đảm lực lượng nòng cốt, thường trực làm công tác GDPL tại các cơ quan Tư pháp, việc thu hút, đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng GDPL cho các lực lượng khác có liên quan nhằm tạo nguồn nhân lực tham gia GDPL cũng được quan tâm, chú trọng. Qua đó, công tác GDPL cho các nhóm đối tượng xã hội khác nhau, trong đó có đồng bào dân tộc Raglai, đã phát huy được tính chủ động, tích cực. Điển hình như: Hiện nay, Hội Luật gia tỉnh Ninh Thuận *(nay là tỉnh Khánh Hoà)* có 07 đơn vị Hội Luật gia cấp huyện, 14 Chi hội Luật gia cơ sở trực thuộc [28].

Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ được giao trong lĩnh vực GDPL, các chủ thể GDPL đã chủ động tổ chức các hoạt động GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai. Đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật làm công tác GDPL cho các đối

tượng nói chung, cho đồng bào dân tộc Raglai nói riêng đã có sự gia tăng về số lượng và chất lượng. Để tạo nguồn nhân lực GDPL, các cơ quan chức năng và các ngành, các cấp, cấp ủy, chính quyền địa phương đã luôn quan tâm xây dựng đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên, nhờ đó, đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật đã có sự gia tăng về số lượng, chất lượng. Đội ngũ này bao gồm: báo cáo viên pháp luật cấp tỉnh, báo cáo viên pháp luật cấp huyện, tuyên truyền viên pháp luật ở cấp xã. Điển hình như: Hội đồng Phối hợp phổ biến, GDPL tỉnh Khánh Hòa có 42 thành viên; các huyện, thị xã, thành phố trực thuộc có 228 thành viên; toàn tỉnh có hơn 1.800 báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật [Phụ lục 1].

Ngoài ra, đội ngũ CBCC, viên chức ở các sở, ban, ngành; thành viên các đoàn thể; giảng viên, giáo viên dạy pháp luật tại các Trường Chính trị tỉnh, Trường Đại học, Trung cấp, Phổ thông; phóng viên, biên tập viên tại các cơ quan báo, đài ở địa phương tích cực tham gia phổ biến, GDPL theo lĩnh vực phụ trách, góp phần đưa pháp luật đến với cán bộ, học sinh, sinh viên và các tầng lớp nhân dân. Nhìn chung, đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật được phân bố rộng rãi ở tất cả các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể, nên hoạt động GDPL được thực hiện thường xuyên, liên tục; nội dung phong phú, đa dạng, phù hợp với từng đối tượng, địa bàn; phát huy được tính chủ động, tích cực và thực hiện tốt nhiệm vụ tham mưu với Ủy ban nhân dân các cấp trong công tác GDPL. Đa số báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật đã chủ động, tích cực và trực tiếp tham gia GDPL cho người dân nói chung, cho đồng bào dân tộc Raglai nói riêng.

Thứ nhất, cung cấp thông tin về hình hình vi phạm pháp luật trên địa bàn. Hiện nay, tình hình vi phạm pháp luật của đồng bào DTTS nói chung, đồng bào dân tộc Raglai nói riêng có những diễn biến phức tạp cả về số lượng vụ việc, tính chất nguy hiểm. Do đó, việc cung cấp cho đồng bào dân tộc Raglai những thông tin về tình hình vi phạm pháp luật trên địa bàn là rất cần thiết, nhằm nâng cao nhận thức cho người dân về âm mưu, phương thức, thủ đoạn hoạt động của các thế lực thù địch, các loại tội phạm nhằm gây mất an ninh, trật tự để người dân chủ động phòng ngừa. Đồng thời, giúp đồng bào thấy rõ hậu quả pháp lý phải gánh chịu khi thực hiện hành vi vi phạm pháp luật để không tham gia, thực hiện hành vi vi phạm

pháp luật. Đồng thời, GDPL để giúp đồng bào nâng cao ý thức pháp luật, ngăn chặn tội phạm, tố giác hành vi vi phạm pháp luật góp phần bảo đảm an ninh, trật tự trên địa bàn. Điển hình, như: Chỉ tính riêng trong năm 2023, quần chúng nhân dân xã Khánh Bình, huyện Khánh Vĩnh, tỉnh Khánh Hoà *(chủ yếu là đồng bào dân tộc Raglai)* đã cung cấp cho lực lượng CAND 13 nguồn tin, giúp lực lượng Công an điều tra làm rõ 01 vụ đánh nhau, 02 vụ tại nạn giao thông, 02 vụ đuối nước…

Ngoài ra, GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai còn giúp nâng cao ý thức tôn trọng, chấp hành pháp luật, lợi ích của việc chấp hành pháp luật, gương *"người tốt", "việc tốt"*. Trong đó, quá trình GDPL phải định hướng đúng nhận thức của đồng bào DTTS về pháp luật và vai trò của pháp luật. Thực hiện công tác nắm tình hình, lấy ý kiến đóng góp của người dân vào các dự án luật; giáo dục việc chấp hành pháp luật, vì pháp luật luôn bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của công dân, bảo đảm sự an toàn, ổn định của các quan hệ xã hội, Ngoài ra, cần thực hiện tốt hoạt động nêu gương *"người tốt", "việc tốt"*, kịp thời biểu dương, khen thưởng, đồng thời lấy đó làm nội dung giáo dục để những tổ chức, cá nhân khác noi theo.

Các thế lực thù địch, các loại tội phạm luôn triệt để lợi dụng sự thiếu hiểu biết của đồng bào DTTS nói chung, dân tộc Raglai ở Việt Nam nói riêng để dụ dỗ, kích động, lôi kéo người dân chống phá công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN dưới sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước ta. Do đó, việc GDPL để nâng cao nhận thức, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch đã được cấp uỷ, chính quyền địa phương quan tâm, chú trọng thực hiện. Tuy nhiên, một vấn đề đặt ra trong quá trình GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai là việc xây dựng, lựa chọn quá nhiều nội dung mặc dù là phù hợp với thực tiễn xã hội, nhưng không phù hợp với nhu cầu tìm hiểu của người dân, tình hình thực tế ở địa phương dẫn đến kết quả tiếp thu, vận dụng kiến thức của đồng bào dân tộc Raglai chưa cao.

Thứ hai, giáo dục nâng cao ý thức tôn trọng và chấp hành pháp luật, lợi ích của việc chấp hành pháp luật, gương người tốt, việc tốt

Để làm tốt công tác GDPL cho đồng bào DTTS thì việc nâng cao ý thức pháp luật là vấn đề mang tính cấp thiết. Do đó, quá trình GDPL cần phải định hướng đúng nhận thức của đồng bào DTTS về pháp luật, vai trò của pháp luật.

Thực hiện tốt công tác nắm tình hình, chủ động lấy ý kiến đóng góp của đồng bào DTTS vào các dự án luật. Tuyên truyền cho người dân về lợi ích của việc chấp hành pháp luật vì pháp luật sẽ luôn bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, bảo đảm sự an toàn, ổn định của các quan hệ xã hội. Ngoài ra, để khuyến khích, động viên đồng bào DTTS trong việc thực hiện chính sách, pháp luật lực lượng chức năng còn thực hiện các hoạt động nêu gương *"người tốt", "việc tốt",* tuyên dương, khen thưởng và lấy đó làm nội dung tuyên truyền để những cá nhân khác noi theo. Điển hình như:

Anh Ja Ghe Hoàng Thọ là Trưởng Ban Quản lý thôn và là người có uy tín trong đồng bào DTTS tại thôn Tà Dương, xã Phước Thái, huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận (nay là xã Ninh Phước 2, tỉnh Khánh Hoà) *(thôn có 100% hộ dân là đồng bào Raglai)*. Nhờ sự trưởng thành trong môi trường Quân đội, tốt nghiệp trung cấp chuyên ngành Luật nên anh đã vận dụng tốt những kiến thức đã được trang bị vào thực tiễn. Anh thường xuyên tổ chức sinh hoạt Tổ Nhân dân tự quản, vận động người dân thực hiện tốt phong trào Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư; quy ước thôn văn hóa, quy chế dân chủ ở cơ sở; phong trào đền ơn đáp nghĩa; vận động nhân dân cảnh giác trước những đối tượng có hành vi tuyên truyền, xuyên tạc, nói xấu chế độ, gây mất đoàn kết dân tộc... Để thực hiện Đề án giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng DTTS ở thôn, anh đã thành lập Câu lạc bộ Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống nhằm tuyên truyền chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật Nhà nước về vấn đề này, góp phần bảo đảm an ninh, trật tự trên địa bàn thời gian qua.

- Những kết quả đạt được về hình thức giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Raglai

Nhằm thực hiện định hướng chiến lược "*giữ vững an ninh chính trị, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, an ninh con người, an ninh kinh tế, an ninh mạng, xây dựng xã hội trật tự, kỷ cương"* [22, tr.331] và căn cứ vào tình hình thực tiễn và các hình thức GDPL được quy định tại Điều 11, Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật, năm 2012, thời gian qua, cấp uỷ, chính quyền địa phương đã phối hợp với các cơ

quan, ban, ngành chức năng tổ chức các hình thức GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai trên địa bàn thức sau:

Thứ nhất, GDPL trực tiếp; tư vấn, hướng dẫn, tìm hiểu pháp luật; cung cấp thông tin, tài liệu pháp luật.

Đây là hình thức GDPL trực tiếp, nội dung cụ thể bám sát các VBQPPL thể hiện tính khoa học, hiệu quả cao, góp phần nâng cao hiểu biết, ý thức pháp luật của đồng bào DTTS nói chung, dân tộc Raglai nói riêng. Theo Báo cáo tổng kết 10 năm thực hiện Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2012, trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận *(nay là tỉnh Khánh Hoà)* đã triển khai tổ chức hội nghị, tập huấn, toạ đàm, tuyên truyền, phổ biến, giới thiệu các VBQPPL với khoảng 15.000 lượt người tham dự; thực hiện trợ giúp pháp lý cho các đối tượng đặc thù, trong đó có đồng bào dân tộc Raglai được gần 8.000 lượt người [29]. Trong giai đoạn năm 2016-2022, Ban Dân tộc *(nay là Sở Dân tộc và Tôn giáo)* tỉnh Khánh Hoà đã phối hợp với Công an địa phương thực hiện các đề án, như: giảm thiểu tình trạng tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống, cung cấp thông tin đối với người có uy tín trong cộng đồng đồng bào DTTS... Tổ chức 126 hội nghị, tuyên truyền, phổ biến, GDPL cho gần 9.500 lượt người. Nội dung chủ yếu là liên quan đến các quy định của Hiến pháp, pháp luật, VBQPPL khác có liên quan đến vùng đồng bào DTTS, miền núi; các quy định của pháp luật liên quan đến các hành vi bị nghiêm cấm và chế tài xử lý; các quy định về quyền, nghĩa vụ cơ bản của công dân; nội dung chính sách pháp luật về phòng, chống tội phạm về tệ nạn xã hội, bạo lực gia đình... [28].

Thứ hai, thông qua các phương tiện truyền thông đại chúng, tranh cổ động, tủ sách pháp luật

Thông qua hệ thông Đài Phát thanh - Truyền hình cấp tỉnh, hệ thống loa phát thanh cấp xã, trang thông tin điện tử của cấp tinh, trang thông tin điện tử của các cơ quan, đơn vị, ban ngành có liên quan trong xây dựng và phát triển chuyên trang, chuyên mục thông tin phổ biến, GDPL cho đồng bào DTTS nói chung, đồng bào dân tộc Raglai nói riêng. Chỉ tính riêng trong năm 2024, lực lượng chức năng của tỉnh Ninh Thuận *(nay là tỉnh Khánh Hoà)* đã thực hiện 26 chương trình phỏng vấn, tọa đàm, phóng sự, tiểu phẩm pháp luật để phát trên sóng truyền hình tỉnh; tổ

chức Cuộc thi trực tuyến Tìm hiểu pháp luật về dân sự, hình sự, xử lý vi phạm hành chính, lao động, thu hút 23.951 người tham gia với 33.530 lượt dự thi; phát hành 1.500 quyển Sổ tay Hỏi - Đáp tình huống pháp luật, 26.700 Tờ rơi tuyên truyền pháp luật, hơn 3.000 đầu sách pháp luật; tổ chức 15 Hội nghị tập huấn pháp luật; cập nhật, đăng tải nhiều tin, bài truyên truyền, phổ biến pháp luật trên Trang Fanpage "Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật Bình Thuận", Trang Thông tin điện tử của Sở; phối hợp với Cục Phổ biến, giáo dục pháp luật - Bộ Tư pháp tổ chức Tọa đàm trao đổi tình hình triển khai công tác phổ biến, GDPL và việc thực hiện Quyết định số 407/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Tổ chức truyền thông chính sách có tác động lớn đến xã hội trong quá trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật giai đoạn 2022 - 2027... [84].

Thứ ba, thông qua Internet, mạng xã hội và tổ chức các cuộc thi tìm hiểu pháp luật

Với sự phát triển mạnh mẽ của mạng Internet, đa số đồng bào dân tộc Raglai trên địa bàn đã từng bước tiếp cận công nghệ thông tin và tham gia các trang mạng xã hội. Vì vậy, công tác GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai thông qua Internet, mạng xã hội nhận được sự tương tác khá cao của người dân và phát huy hiệu quả nhanh chóng. Tận dụng tính ưu việt này, lực lượng chức năng đã xây dựng triển khai nhiều mô hình, như: "Kết nối mạng xã hội - Vì bình yên cuộc sống", "Tuyên truyền, xây dựng phong trào Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc trên mạng xã hội"... Các mô hình hoạt động thường xuyên, liên tục, nội dung bài viết, chia sẻ đa dạng, phong phú về chủ đề... có sức lan tỏa cao, được sự quan tâm, hưởng ứng ngày càng nhiều của quần chúng nhân dân, nhất là trong công cuộc chuyển đổi số hiện nay. Bên cạnh đó, lực lượng chức năng còn tổ chức hội thi Tìm hiểu pháp luật dành cho đồng bào DTTS, tổ chức cuộc thi viết tìm hiểu Bộ luật Dân sự năm 2015, Bộ luật Hình sự năm 2015, tổ chức cho đồng bào DTTTS trên địa bàn tham gia cuộc thi tìm hiểu pháp luật trực tuyến. Theo số liệu thống kê trong năm 2023, toàn tỉnh đã thực hiện 4.039 cuộc GDPL trực tiếp với 382.182 lượt người tham dự; tổ chức 160 cuộc thi tìm hiểu pháp luật thu hút 61.090 lượt người tham gia; phát hành 244.376 tài liệu phổ biến, GDPL, trong đó số lượng tài liệu đăng tải trên Internet là 2.748 [84].

Thứ tư, thông qua hoạt động trợ giúp pháp lý, hòa giải ở cơ sở; lồng ghép trong hoạt động văn hóa, văn nghệ, sinh hoạt của đồng bào dân tộc Raglai

Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh năm 2023 về "Tăng cường hiệu quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở, giải quyết hòa giải, mâu thuẫn ở khu vực nông thôn", Sở Tư pháp đã tổ chức 12 Hội nghị tập huấn pháp luật và cấp phát hơn 1.500 các đầu sách gồm: Bộ luật Dân sự năm 2015, Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), Bộ luật Lao động năm 2019, Luật Hòa giải ở cơ sở năm 2013, Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Luật Phòng chống bạo lực gia đình năm 2022, Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017, Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở,… cho tất cả Hòa giải viên tại tại 04 xã đăng ký về đích nông thôn mới và 08 xã đăng ký về đích nông thôn mới nâng cao năm 2023 (*Xã Măng Tố - Tánh Linh; xã Hàm Liêm, Đa Mi - Hàm Thuận Bắc; xã Tân Lập, Hàm Cường - Hàm Thuận Nam; xã Đức Hạnh, MêPu, Đông Hà, Tân Hà - Đức Linh; xã Tân Thắng, Tân Đức, Tân Xuân - Hàm Tân).* Năm 2023, Sở Tư pháp đã tổ chức lồng ghép việc kiểm tra công tác hòa giải ở cơ sở với việc kiểm tra công tác tư pháp tại 03/10 đơn vị cấp huyện và 13/124 đơn vị cấp xã trên địa bàn tỉnh. Hiện nay, toàn tỉnh có 694 tổ hòa giải với 4.277 hòa giải viên. Trong năm đã tiếp nhận và hòa giải 1.377 vụ việc hòa giải. Trong đó, hòa giải thành là 1.060 vụ, đạt tỷ lệ 76,98%, hòa giải không thành là 317 vụ. Trong năm 2023, tổng số kinh phí hỗ trợ cho hòa giải viên/tổ hòa giải trên toàn tỉnh là 412.500.000 đồng, trong đó kinh phí chi thù lao cho hòa giải viên là 182.000.000 đồng [84].

Ngoài ra, lực lượng chức năng còn thực hiện công tác GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai thông qua luật tục, hương ước, quy ước. Mặc dù, có sở xã hội của các tộc người đã có nhiều thay đổi, luật pháp của nhà nước ngày càng phát huy tác dụng trong cộng đồng nhưng vai trò của luật tục vẫn còn ảnh hưởng rất lớn trong việc điều chỉnh các quan hệ xã hội. Điều chỉnh quan hệ xã hội trong buôn, làng không chỉ có luật pháp mà cơ bản, phổ biến hơn là luật tục; không chỉ là toàn án của nhà nước và còn có cả tòa án phong tục. Để nhận diện, vận dụng phù hợp vai trò, giá trị của luật tục đối với công tác GDPL đối với đồng bào dân tộc Raglai, lực lượng chức

năng đã chủ động nghiên cứu, tham mưu xây dựng nội dung, chương trình, kế hoạch công tác theo hướng kế thừa, phát huy những giá trị tích cực của luật tục. Trước hết, cần truyền tải nội dung, hình thức các luật tục vào các quy định của pháp luật gắn với nội dung GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai, từng bước chuyển hoá luật tục theo hướng pháp luật; gắn kết luật tục với pháp luật. Như vậy, đồng bào dân tộc Raglai mới dễ dàng tiếp thu kiến thức, tin tưởng vào chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Do đó, công tác GDPL cần chú trọng lồng ghép các phong trào, như: xây dựng và thực hiện quy ước làng văn hóa, xây dựng nếp sống lành mạnh trên địa bàn. Điển hình như: Thực hiện Quyết định số 22/2018/QĐ-TTg ngày 08/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng, thực hiện hương ước, quy ước... Việc xây dựng, thực hiện hương ước, quy ước trên địa bàn đã góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động tự quản của cộng đồng dân cư, giữ gìn, phát huy truyền thống tốt đẹp của dân tộc, nâng cao chất lượng đời sống của nhân dân, thúc đẩy phát triển kinh KT-XH, bảo đảm an ninh quốc phòng. Qua đó, góp phần nâng cao nhận thức, đổi mới luật tục phù hợp với thực tiễn, tránh để xảy ra các trường hợp luật tục trái với quy định của pháp luật, bảo đảm cùng với pháp luật duy trì trật tự, kỷ cương ở vùng đồng bào DTTS nói chung, dân tộc Raglai nói riêng.

Thứ năm, thông qua người có uy tín trong đồng bào dân tộc Raglai

Người có uy tín là những cá nhân được đồng bào tín nhiệm, nghe theo, có khả năng tác động trong một phạm vi nhất định. Đó là: già làng, trưởng bản, chức sắc tôn giáo, trưởng tộc... Theo số liệu thống kê, trong năm 2024 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa có 74 cá nhân, tỉnh Ninh Thuận *(nay là tỉnh Khánh Hoà)* có 83 cá nhân, tỉnh Bình Thuận *(nay là tỉnh Lâm Đồng)* có 26 cá nhân là người có uy tín trong cộng đồng dân tộc Raglai [Phụ lục 1]. Trong bối cảnh tình hình hiện nay, vị trí, vai trò của người có uy tín trong cộng đồng DTTS nói chung, đồng bào dân tộc Raglai nói riêng ở Việt Nam là đặc biệt quan trọng. Do đó, việc GDPL pháp luật cho đồng bào dân tộc Raglai cần phải đặc biệt chú ý phát huy vai trò, trách nhiệm của người có uy tín trong cộng đồng DTTS nói chung, đồng bào dân tộc Raglai nói riêng.

Thời gian qua, quán triệt thực hiện Chỉ thị số 06/2008/CT-TTg ngày 01/02/2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc phát huy vai trò người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, cấp ủy, chính quyền địa phương đã có những chính sách quan trọng nhằm phát huy vai trò của người có uy tín nói chung, người có uy tín trong đồng bào dân tộc Raglai nói riêng. Thông qua việc tuyên truyền, phổ biến, giáo dục đối với từng cá nhân giúp trực tiếp cung cấp thông tin, giải thích những chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, những sự kiện chính trị đang diễn ra trong đời sống xã hội, bảo đảm chất lượng nội dung tuyên truyền, giáo dục chính xác, cụ thể nhằm điều chỉnh hoạt động của các tổ chức, cá nhân tuân thủ pháp luật. Đặc điểm của đồng bào DTTS nói chung, dân tộc Raglai nói riêng là đa số theo truyền thống cộng đồng buôn, làng, cố kết bền vững giữa các thành viên với nhau trong mối quan hệ làng giềng, huyết thống, họ hàng...

Vì vậy, nhận thức về vị trí, vai trò của người có uy tín trong cộng đồng ngày càng được nâng cao đã giúp lực lượng chức năng chủ động nắm tình hình, phát hiện những cá nhân ưu tú, tiến hành tiếp xúc, tuyền truyền, giáo dục, bồi dưỡng cho họ khả năng tuyên truyền, hiểu biết pháp luật, từ đó giúp người có uy tín trong cộng đồng có đủ khả năng tác động đến cộng đồng, xã hội. Đây chính là "cầu nối" tốt giữa Đảng, Nhà nước và các đoàn thể chính trị, xã hội với đồng bào, làm cho công tác tuyên truyền, phổ biến, GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai đạt hiệu quả cao nhất. Điển hình như:

Già làng Cao Dáng, dân tộc Raglai, thôn A Xây, xã Khánh Nam, huyện Khánh Vĩnh, tỉnh Khánh Hòa *(nay là xã Khánh Vĩnh, tỉnh Khánh Hoà)*. Trước đây, ông Cao Dáng từng nhiều năm là Chủ tịch Uỷ ban nhân dân, Bí thư Đảng ủy xã Khánh Nam, một địa phương chậm phát triển với 80% dân cư là đồng bào DTTS. Tuy nhiên, ông Cao Dáng đã mạnh dạn chuyển từ trồng lúa rẫy trên nương sang trồng lúa nước dưới ruộng, đào ao thả cá, trồng mía, trồng bưởi... Hiện gia đình có 02 ha mía, 02 ha keo lai, 03 sào bưởi da xanh cho thu nhập ổn định. Thấy ông Cao Dáng làm ăn hiệu quả, đồng bào DTTS trong thôn, trong xã tíchc cực làm theo, từ đó, nhiều gia đình đã thoát nghèo…

3.2.1.2. Nguyên nhân của những kết quả đã đạt được

- Cấp uỷ, chính quyền địa phương đã quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo công tác giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Raglai ở Việt Nam

Công tác GDPL nói chung, công tác GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai nói riêng đã được cấp ủy, chính quyền địa phương quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo. Ban Thường vụ các tỉnh đã xây dựng và ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 7 (khóa IX) về công tác dân tộc để lãnh đạo, chỉ đạo các cấp, các ngành triển khai thực hiện tốt chính sách đối với đồng bào DTTS nói chung, trong đó có đồng bào dân tộc Raglai trên địa bàn các tỉnh Nam Trung Bộ nói riêng. Đây là những cơ sở khoa học quan trọng tạo điều kiện thuận lợi để các cấp, các ngành chức năng triển khai GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai. Đối với công tác GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai, sau khi có Chỉ thị số 32-CT/TW ngày 09/12/2003 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong công tác phổ biến, GDPL, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của cán bộ, nhân dân; cấp ủy, chính quyền các tỉnh ở vùng Nam Trung Bộ đã tổ chức phổ biến, quán triệt sâu sắc tới từng cấp ủy, tổ chức cơ sở đảng và chỉ đạo triển khai thực hiện nghiêm túc nội dung của Chỉ thị 32-CT/TW; trong đó, các tỉnh trực thuộc Trung ương đều đặc biệt chú ý tới việc triển khai Đề án thứ nhất hướng tới phổ biến, GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai. Như vậy, cấp uỷ, lãnh đạo các địa phương từ cấp tỉnh đến cơ sở đã quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo công tác GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai ở Nam Trung Bộ nên công tác này đã đạt được nhiều kết quả quan trọng.

- Sự phối hợp, hiệp đồng với tinh thần trách nhiệm cao của các chủ thể trong công tác giáo dục pháp luật cho đồng bào dân dân Raglai ở Việt Nam

Trên cơ sở quán triệt thực hiện các nguyên tắc GDPL được quy định tại Điều 5 Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật, năm 2012 cấp uỷ, chính quyền các tỉnh ở vùng Nam Trung Bộ đã chỉ đạo quyết liệt công tác GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai; đã ra quyết định thành lập Hội đồng Phối hợp phổ biến, GDPL cấp tỉnh và cấp huyện. 100% các tỉnh Nam Trung Bộ đều thành lập Ban Chỉ đạo triển khai thực hiện Chương trình hành động quốc gia về phổ biến, GDPL của tỉnh và ban hành

Chương trình phổ biến, GDPL. Ban Chỉ đạo Chương trình và Ban Điều hành các Đề án của các tỉnh Nam Trung Bộ thường xuyên chỉ đạo các cấp, các ngành, các địa phương thực hiện tốt công tác phổ biến, GDPL cho các đối tượng do cấp, ngành mình phụ trách và cho cán bộ, nhân dân ở các địa phương, nhất là những vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện Chương trình và từng Đề án cụ thể để báo cáo kịp thời kết quả thực hiện Chương trình. Điển hình như: Uỷ ban nhân dân tỉnh Khánh Hoà đã ban hành Quyết định số 799/QĐ-UBND về việc thành lập Hội đồng phối hợp phổ biến, GDPL tỉnh Khánh Hoà; UBND tỉnh Ninh Thuận đã ban hành Quyết định số 1725/QĐ-UBND ngày 26/8/2013 về việc kiện toàn Hội đồng phối hợp phổ biến, GDPL tỉnh Ninh Thuận…

Hàng năm, Ban Chỉ đạo phối hợp với Hội đồng phối hợp phổ biến, GDPL của từng tỉnh đều thành lập các Đoàn kiểm tra; tiến hành kiểm tra một số cơ quan cấp tỉnh, cấp xã để đánh giá, rút kinh nghiệm trong tổ chức thực hiện các Đề án. Các ngành, cơ quan, đơn vị trên địa bàn từng tỉnh ở vùng Nam Trung Bộ cũng xây dựng các kế hoạch liên ngành để triển khai thực hiện công tác phổ biến, GDPL đạt hiệu quả. Sở Tư pháp các tỉnh ở vùng Nam Trung Bộ đã chủ trì ký Kế hoạch liên ngành với Hội Người cao tuổi, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Tỉnh Đoàn, Hội Cựu chiến binh, Hội Nông dân tỉnh về phối hợp phổ biến, GDPL. Hội đồng phối hợp công tác phổ biến, GDPL thường xuyên vận động nhân dân tự giác chấp hành pháp luật. Các Câu lạc bộ pháp luật, Tổ hòa giải là những mô hình, cơ chế phối hợp phổ biến, GDPL có hiệu quả, phù hợp với địa bàn xã, phường, nhất là ở những nơi có đông đồng bào dân tộc Raglai sinh sống. Nhờ có sự chỉ đạo sâu sát, quyết liệt, kịp thời của các cấp chính quyền, các cơ quan chức năng, ban, ngành, đoàn thể của các tỉnh ở vùng Nam Trung Bộ nên GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai đã đạt được những kết quả tích cực.

- Đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật ngày càng được bảo đảm về số lượng, chất lượng

Về cơ bản, đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật cấp tỉnh, cấp huyện, tuyên truyền viên pháp luật cấp xã đều hoạt động kiêm nhiệm. Đây là những cán bộ, đảng viên các cấp, trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được giao,

có nhiệm vụ GDPL, hướng dẫn người dân nói chung, đồng bào dân tộc Raglai nói riêng trong việc thực hiện pháp luật. Đây là là những người đem chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đến với nhân dân, tuyên truyền, giải thích cho nhân dân hiểu rõ, hiểu đúng, hiểu đầy đủ các quy định của pháp luật, nhằm áp dụng hiệu quả vào quá trình lao động, sản xuất hàng ngày của mình. Việc đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật chủ động, tích cực GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai sẽ giúp người dân có được những kiến thức, hiểu biết pháp luật; qua đó, ý thức pháp luật của nhân dân được nâng cao, góp phần giảm thiểu các hành vi vi phạm pháp luật. Vì vậy, đa số báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật của các địa phương đã nhiệt tình, tích cực tham gia GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai.

- Đồng bào dân tộc Raglai đã tích cực, chủ động tham gia các hình thức giáo dục pháp luật

Thực tiễn đời sống pháp luật ở vùng đồng bào dân tộc Raglai gồm các sự kiện, hiện tượng, vấn đề pháp luật nảy sinh từ thực tiễn cuộc sống mà người dân phải đối mặt, giải quyết hàng ngày bằng những cách thức khác nhau, trong đó có nhiều sự việc, sự kiện đòi hỏi phải có kiến thức, hiểu biết pháp luật mới giải quyết một cách chính xác, hiệu quả được. Những sự việc, sự kiện pháp luật nảy sinh trong thực tiễn mà người dân Raglai ở Việt Nam thường gặp khá đa dạng. Thực tiễn đời sống pháp luật, sự kiện pháp luật và trình độ nhận thức của người dân ngày càng được nâng cao là nguyên nhân giúp đồng bào dân tộc Raglai hiểu được vị trí, vai trò của kiến thức pháp luật, từ đó chủ động, tích cực tham gia các hình thức GDPL.

- Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, chế độ chính sách có liên quan đến đồng bào ngày càng được hoàn thiện, đồng bộ hơn.

Thời gian qua, dưới sự lãnh đạo của cấp ủy, chính quyền địa phương, lực lượng chức năng đã tích cực, chủ động rà soát, xây dựng và hoàn thiện hệ thống VBQPPL có liên quan; loại bỏ những quy định chồng chéo, mâu thuẫn hoặc không còn phù hợp, hoặc đã lạc hậu nhằm tạo ra một hệ thống pháp luật mạch lạc và dễ áp dụng, mang lại hiệu quả cao hơn. Đồng thời, việc công khai các VBQPPL trên các phương tiện thông tin đại chúng và xây dựng các cơ sở dữ liệu pháp luật trực

tuyến đã giúp các cơ quan, tổ chức và người dân dễ dàng tiếp cận, tìm hiểu thông tin pháp lý; quá trình xây dựng, ban hành VBQPPL ngày càng chú trọng hơn đến việc đánh giá tác động, đảm bảo tính khả thi và hiệu quả thực thi trên thực tế, như:

Trên cơ sở triển khai, hướng dẫn thực hiện công tác phổ biến, GDPL; hòa giải ở cơ sở; xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2024, Uỷ ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận *(nay là tỉnh Khánh Hoà)* đã ban hành các văn bản sau: Kế hoạch số 5375/KH-UBND ngày 26/12/2023 của Uỷ ban nhân dân tỉnh về phổ biến, giáo dục pháp luật; hòa giải ở cơ sở; xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2024; Kế hoạch số 386/KH- UBND ngày 24/01/2024 của Uỷ ban nhân dân tỉnh về phát động thi đua về công tác tuyên truyền, phổ biến, GDPL; hòa giải ở cơ sở; xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2024; Kế hoạch số 277/KH-UBND ngày 17/01/2024 của Uỷ ban nhân dân tỉnh về phổ biến các Luật, Nghị quyết mới được Quốc hội khóa XV thông qua tại Kỳ họp thứ 6 trên địa bàn tỉnh; Kế hoạch số 979/KH-UBND ngày 07/3/2024 của Uỷ ban nhân dân dân tỉnh về tổ chức Hội nghị tập huấn nâng cao kiến thức pháp luật, kỹ năng cho hòa giải viên ở cơ sở năm 2024; Kế hoạch số 1147/KH-UBND ngày 15/3/2024 của Uỷ ban nhân dân tỉnh về triển khai, thực hiện Đề án "Tổ chức truyền thông chính sách có tác động lớn đến xã hội trong quá trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật giai đoạn 2022 - 2027" năm 2024 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận..

Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận đã ban hành Kế hoạch số 1573/KH-UBND ngày 11/4/2024 về thực hiện Đề án Truyền thông về quyền con người ở Việt Nam trên địa bàn tỉnh năm 2024; Kế hoạch số 1855/KH-UBND ngày 02/5/2024 của Uỷ ban nhân dân tỉnh về triển khai thực hiện Quyết định số 279/QĐ-TTg ngày 04/4/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Nâng cao năng lực cho đội ngũ báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật thực hiện phổ biến, giáo dục pháp luật tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2024 - 2030 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận; Quyết định số 320/QĐ-UBND ngày 27/5/2024 của Uỷ ban nhân dân tỉnh về ban hành Kế hoạch thực hiện Đề án Nâng cao năng lực đội ngũ hòa giải viên ở cơ sở giai đoạn 2024 - 2030 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận [85].

3.2.2. Những hạn chế, bất cập và nguyên nhân

3.2.2.1. Những hạn chế, bất cập

Mặc dù, công tác GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai ở Việt Nam đạt được những kết quả đáng ghi nhận, tuy nhiên so với yêu cầu nâng cao hiểu biết, ý thức pháp luật cho đồng bào dân tộc Raglai nhằm đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới, GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai còn bộc lộ nhiều hạn chế, bất cập:

Thứ nhất, về mục tiêu giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Raglai

Nhiều chương trình GDPL cho đồng bào DTTS nói chung, dân tộc Raglai ở Việt Nam nói riêng vẫn đặt ra những mục tiêu mang tính chung chung, chưa cụ thể, chưa rõ ràng, do chưa cụ thể hóa được mục tiêu ở từng cấp, từng địa phương, từng đối tượng, như: nâng cao nhận thức pháp luật về lĩnh vực gì, dành cho nhóm đối tượng cụ thể nào, thời gian, phương pháp và mục tiêu đề ra như thế nào dẫn đến công tác GDPL dễ bị dàn trải, không có trọng tâm, trọng điểm, khó định lượng kết quả; không phản ánh đúng nhu cầu, thực trạng pháp lý của đồng bào Raglai ở nước ta. Theo kết quả khảo sát, 52% ý kiến được hỏi cho rằng, chỉ tìm hiểu pháp luật khi gặp các vấn đề có liên quan nảy sinh trong thực tiễn cuộc sống hàng ngày:

9.1. Thường xuyên	28	28%
9.2. Khi gặp vấn đề liên quan đến pháp luật mới tìm hiểu	52	52%
9.3. Không chủ động	20	20%

(Kết quả khảo điều tra xã hội học tại Phụ lục 2)

Nhiều mục tiêu GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai đôi khi chưa bám sát với nhu cầu thực tiễn. Đa số người Raglai sinh sống ở miền núi, tình hình KT-XH khó khăn, trình độ dân trí còn hạn chế, cuộc sống còn gắn liền với nông nghiệp và phong tục truyền thống. Tuy nhiên, các mục tiêu GDPL lại thường được xây dựng theo mô hình chuẩn của các địa phương đồng bằng, hoặc đô thị, dẫn đến sự không phù hợp về nội dung GDPL, như: tuyên truyền Luật Doanh nghiệp, Luật Thương mại, trong khi người dân có nhu cầu cấp thiết về Luật Đất đai, Luật Hôn nhân và gia đình, chính sách hỗ trợ đồng bào dân tộc…

Mục tiêu GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai chủ yếu mang tính định tính, thiếu các tiêu chí cụ thể để đo lường, đánh giá kết quả trên thực tiễn. Đa số các mục tiêu mới chỉ dừng lại ở mức "nâng cao nhận thức", "củng cố hiểu biết pháp luật", "tuyên truyền sâu rộng" mà không kèm theo các chỉ số cụ thể như: Tỉ lệ % số người dân được tiếp cận GDPL/năm; Bao nhiêu % người dân hiểu và thực hành đúng pháp luật sau khi tham gia chương trình; có giảm tỉ lệ vi phạm pháp luật trong cộng đồng không? Nếu có, thì tỉ lệ là bao nhiêu % nên khó khăn cho việc so sánh hiệu quả giữa các năm, hoặc giữa các địa phương

Trong công tác GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai ở Việt Nam, việc xác định mục tiêu chưa được các chủ thể GDPL đặt ra một cách nghiêm túc, hoặc nếu có đặt ra thì còn chưa cụ thể. Một bộ phận đồng bào dân tộc Raglai tham gia các buổi GDPL dành cho mình mà chưa biết mục tiêu cần đạt được là gì, do đó, mặc dù người dân đã có nhiều nỗ lực, cố gắng nhưng cũng khó có thể đánh giá chính xác những kết quả thu được sau khi kết thúc? Việc kiểm chứng, đánh giá kết quả đã đạt được so với mục tiêu đặt ra lại càng khó khăn, do công tác GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai chủ yếu được thực hiện khi được cấp trên giao mà chưa thật sự quan tâm tới chất lượng, hiệu quả. Tình trạng chung của các cơ quan, ban, ngành và các báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật là chưa, hoặc không chú ý tới việc đánh giá hiệu quả GDPL; ít quan tâm tới thông tin phản hồi về kết quả GDPL từ phía đồng bào dân tộc Raglai nên hiệu quả mang lại chưa cao.

Mục tiêu cụ thể của GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai ở Việt Nam bao gồm: mục tiêu về nhận thức *(lĩnh hội được các thông tin, kiến thức pháp luật)*, mục tiêu về thái độ *(hình thành tình cảm, niềm tin đối với pháp luật)* và mục tiêu về kỹ năng *(có khả năng vận dụng kiến thức pháp luật tiếp thu được vào việc xử lý các sự kiện, tình huống pháp luật thường gặp phát sinh trong thực tiễn cuộc sống)*. Nhìn chung, cả ba mục tiêu cụ thể này chưa được các chủ thể GDPL đặt ra và định hướng một cách cụ thể, rõ ràng.

Thứ hai, về chủ thể giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Raglai: về phía chủ thể GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai ở vùng Nam Trung Bộ cũng còn tồn tại

nhiều điểm bất cập, hạn chế. Các cơ quan chức năng, các cấp chính quyền, đoàn thể thuộc các tỉnh vùng Nam Trung Bộ có chức năng GDPL gồm 03 nhóm: Sở Tư pháp tỉnh và các sở, ban, ngành, đoàn thể cùng cấp có liên quan; Uỷ ban nhân dân cấp xã và các bộ phận có liên quan. Sự phối hợp giữa các chủ thể GDPL được thực hiện thông qua Hội đồng Phối hợp phổ biến, GDPL do Chủ tịch Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh và cấp huyện ra quyết định thành lập. Có nhiều cơ quan, ban, ngành cùng tham gia GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai, bao gồm cả các cơ quan chuyên trách và cơ quan không chuyên trách. Với những cơ quan quan chuyên trách, hoặc có liên quan mật thiết như: Tư pháp, Công an, Trường Chính trị tỉnh... rất phù hợp; nhưng với những cơ quan không chuyên trách thì gặp rất nhiều khó khăn trong quá trình thực hiện, do thiếu cơ chế pháp lý, thiếu cơ sở vật chất, phương tiện kỹ thuật, nhất là thiếu các chuyên gia pháp luật. Điển hình như: Theo Báo cáo số 01/HĐPH, ngày 02/01/2024 của Hội đồng Phối hợp phổ biến, GDPL tỉnh Ninh Thuận năm 2024 thì: *"Công tác phối hợp phổ biến, GDPL trong một số lĩnh vực giữa các cơ quan thành viên Hội đồng Phối hợp phổ biến, GDPL với chính quyền cơ sở chưa được thực hiện thường xuyên, kịp thời* [29].

Hiện nay, việc phân công, phân cấp các cơ quan chuyên trách GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai tại các tỉnh ở Nam Trung Bộ còn chưa cụ thể, dẫn đến GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai thiếu chủ động; chất lượng, hiệu quả công tác GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai chưa cao, chưa được tiến hành liên tục, thường xuyên; việc tổ chức theo định kỳ còn hạn chế, chủ yếu được tổ chức thực hiện khi có VBQPPL mới được ban hành và cần được tuyên truyền, phổ biến, giáo dục.

Chủ thể GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai ở vùng Nam Trung Bộ là đội n cán bộ công , viên chức đang công tác ở các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể các cấp, trực tiếp làm công tác GDPL. Họ được bổ nhiệm làm báo cáo viên pháp luật các cấp, tuyên truyền viên pháp luật, hòa giải viên cấp cơ sở. Về mặt lý luận, chủ thể GDPL bao gồm chủ thể GDPL chuyên nghiệp *(đội ngũ giáo viên có kỹ năng nghiệp vụ sư phạm, am hiểu pháp luật)* và chủ thể GDPL không chuyên nghiệp (*các chuyên gia pháp luật có kiến thức, kinh nghiệm thực tiễn về pháp luật nhưng*

lại thiếu kỹ năng sư phạm). Trên thực tế, trong GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai ở Nam Trung Bộ chưa mang tính chuyên nghiệp cao; chủ yếu là các nhà GDPL không chuyên nghiệp. Ngay cả trong số các chủ thể GDPL không chuyên nghiệp thì cũng chỉ có số ít theo đúng nghĩa là đội ngũ chuyên gia pháp luật thuộc cơ quan Tư pháp tỉnh, huyện, cán bộ tư pháp cấp xã, chuyên viên pháp chế của các sở, ban, ngành khác… mà chủ yếu đa số là cán bộ GDPL không chuyên. Số lượng CBCC các cấp tham gia GDPL mặc dù khá đông nhưng đa số đều làm kiêm nhiệm nên phong cách, phương pháp làm việc thiếu chuyên nghiệp, thiếu kỹ năng nghiệp vụ sư phạm cần thiết phục vụ công tác GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai. Mặt khác, trong bối cảnh cả hệ thống chính trị đang thực hiện cuộc cách mạng về tổ chức bộ máy theo hướng tinh, gọn, mạnh, hoạt động hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả, đặc biệt là từ ngày 01/7/2025 cả nước triển khai thực hiện mô hình 02 cấp nên ít nhiều cũng ảnh hưởng đến các cơ cấu tổ chức, hoạt động của chủ thể thực hiện công tác GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai ở Việt Nam nói chung, ở khu vực Nam Trung Bộ nói riêng.

Mặt khác, trình độ kiến thức, hiểu biết pháp luật của đội ngũ CBCC tham gia GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai cũng còn nhiều hạn chế, bất cập. Thực tiễn đã chứng minh, muốn làm tốt công tác GDPL thì chủ thể trực tiếp GDPL phải có một trình độ kiến thức, hiểu biết pháp luật nhất định; nghĩa là những đối tượng này phải được đào tạo cơ bản tại các cơ sở đào tạo chuyên sâu về pháp luật, tối thiểu phải có trình độ trung cấp luật đối với tuyên truyền viên pháp luật ở cơ sở và cử nhân luật đối với báo cáo viên pháp luật cấp tỉnh, cấp huyện. Nếu bản thân báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật chưa được đào tạo cơ bản về chuyên ngành luật thì sẽ không đủ nền tảng kiến thức, hiểu biết chuyên sâu về các vấn đề có liên quan để có thể GDPL cho đồng bào DTTS. Điển hình như: Theo Báo cáo số 04/HĐPH, ngày 06/01/2022 của Hội đồng Phối hợp phổ biến, GDPL tỉnh Ninh Thuận năm 2022 thì: *"Một số cán bộ, công chức, viên chức kiêm nhiệm trong công tác tham mưu, thực hiện tuyên truyền, phổ biến, GDPL tại các Sở ngành, địa phương vẫn còn hạn chế về năng lực, kỹ năng tuyên truyền, phổ biến GDPL*"

Thứ ba, về đối tượng tiếp nhận giáo dục pháp luật là đồng bào dân tộc Raglai: Việc phân loại đối tượng GDPL là đồng bào dân tộc Raglai theo các tiêu chí về địa bàn cư trú, nhóm tuổi, hoạt động nghề nghiệp, theo vị thế xã hội trong cộng đồng và theo nhu cầu tri thức pháp luật của từng nhóm đối tượng thuộc dân tộc Raglai là hết sức quan trọng, cần thiết nhằm bảo đảm hiệu quả GDPL dành cho người dân. Tuy nhiên, các chủ thể GDPL ở vùng Nam Trung Bộ đa số chưa chú ý tới việc phân loại đối tượng theo các tiêu chí trên để tổ chức GDPL một cách hợp lý, hiệu quả nhất, để lựa chọn chủ thể, hình thức, nội dung GDPL phù hợp với từng nhóm đối tượng, địa bàn cư trú... thực trạng trên đã ảnh hưởng không nhỏ tới hiệu quả công tác GDPL cho đồng bào DTTS nói chung, đồng bào dân tộc Raglai nói riêng.

Về phía đối tượng tiếp nhận GDPL cũng bộc lộ nhiều hạn chế, bất cập. Bên cạnh đa số người dân đã có ý thức, trách nhiệm, nhiệt tình tham gia vào các hình thức GDPL thì vẫn còn một bộ phận đồng bào dân tộc Raglai chưa từng, hoặc ít tham dự các buổi tuyên truyền, GDPL do các cơ quan chức năng tổ chức. Theo kết quả điều tra xã hội học với câu hỏi: Thời quan qua, ông/bà có tham gia các hoạt động giáo dục pháp luật cho đồng bào DTTS nào không? 25% ý kiến được hỏi cho rằng không tham dự hoạt động GDPL cho đồng bào DTTS bao giờ.

10.1. Tham dự nhiều	32	32%
10.2. Tham dự ít	43	43%
10.3. Không tham dự	25	25%

(Nguồn: Kết quả khảo điều tra xã hội học tại Phụ lục 2)

Thứ tư, về nội dung giáo dục pháp luật là đồng bào dân tộc Raglai ở vùng Nam Trung Bộ

Một là, nội dung GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai còn chưa cụ thể, chưa đạt được mức độ kiến thức pháp luật cần thiết, phù hợp với từng nhóm đối tượng. Các chủ thể GDPL chưa xây dựng được chương trình GDPL dành riêng cho đồng bào dân tộc Raglai. Các VBQPPL mới được ban hành liên quan đến đời sống, sinh hoạt hàng ngày, các quyền dân chủ của đồng bào dân tộc Raglai chậm được bổ sung,

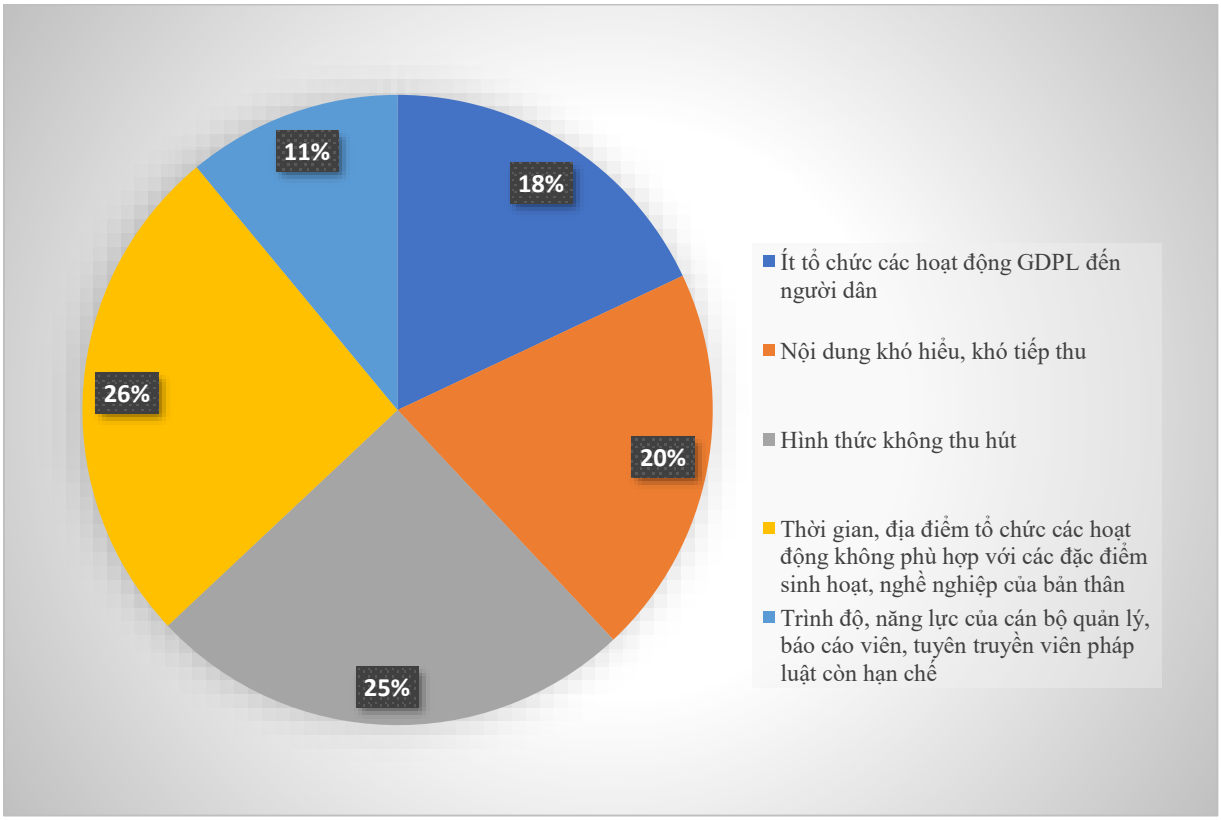
cập nhật vào nội dung GDPL cho người dân đã gây ra những khó khăn cho đồng bào trong quá trình giải quyết các sự việc, sự kiện pháp luật xảy ra trong thực tiễn. Tình trạng vi phạm pháp luật xảy ra tại các địa phương có một phần nguyên nhân từ sự chậm trễ trong việc cập nhật, bổ sung các vấn đề này.

Hai là, kiến thức pháp luật trong chương trình GDPL cho người dân, trong đó có đồng bào dân tộc Raglai còn chưa đa dạng, nội dung GDPL chưa chú trọng tới nhu cầu tiếp nhận thông tin, kiến thức pháp luật của đối tượng. Các chủ thể GDPL mới chỉ dừng lại ở việc truyền đạt những nội dung pháp luật mà mình có, chưa hướng tới trang bị những nội dung pháp luật mà đồng bào dân tộc Raglai cần. Có những nội dung GDPL mà người dân phải nghe nhiều lần; trong khi đó, có những nội dung GDPL thực sự cần thiết cho người dân thì không thấy được quán triệt, phổ biến, như: kiến thức pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở, pháp luật về quyền con người, về an sinh xã hội.... Thực trạng trên đã ảnh hưởng không nhỏ tới hiệu quả công tác GDPL cho đồng bào DTTS nói chung, đồng bào dân tộc Raglai nói riêng. Điển hình như: Theo Theo Báo cáo số 01/HĐPH, ngày 02/01/2024 của Hội đồng Phối hợp phổ biến, GDPL tỉnh Ninh Thuận năm 2024 thì: *"Hiệu quả công tác phổ biến, GDPL có nơi, có lúc chưa cao, còn mang tính hình thức, một chiều từ cơ quan quản lý Nhà nước, chưa phổ biến, GDPL theo nhu cầu của người dân"* [29]

Ba là, nội dung GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai ở vùng Nam Trung Bộ chủ yếu tập trung giới thiệu, giải thích các quy định pháp luật, chưa gắn với các sự kiện, tình huống pháp luật thường nảy sinh trong thực tiễn cuộc sống hàng ngày, hoặc chưa chú trọng trang bị kỹ năng vận dụng kiến thức pháp luật vào thực tiễn đời sống của đồng bào dân tộc Raglai. Trong một số trường hợp cụ thể, mặc dù người dân Raglai có kiến thức, hiểu biết về pháp luật nhưng vẫn bị động, lúng túng trong việc vận dụng vào thực tiễn cuộc sống. Đây cũng là một hạn chế lớn trong nội dung GDPL cho đồng bào DTTS nói chung, đồng bào dân tộc Raglai ở vùng Nam Trung Bộ nói riêng. Theo kết quả điều tra với câu hỏi: Ông/bà cho biết hạn

chế chủ yếu trong công tác GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai là gì? 20% ý kiến được hỏi cho rằng: Nội dung tuyên truyền, GDPL khó hiểu, khó tiếp thu.

Biểu đồ 3.1: Hạn chế chủ yếu trong công tác giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Raglai ở Việt Nam



(Nguồn: Kết quả khảo điều tra xã hội học tại Phụ lục 2)

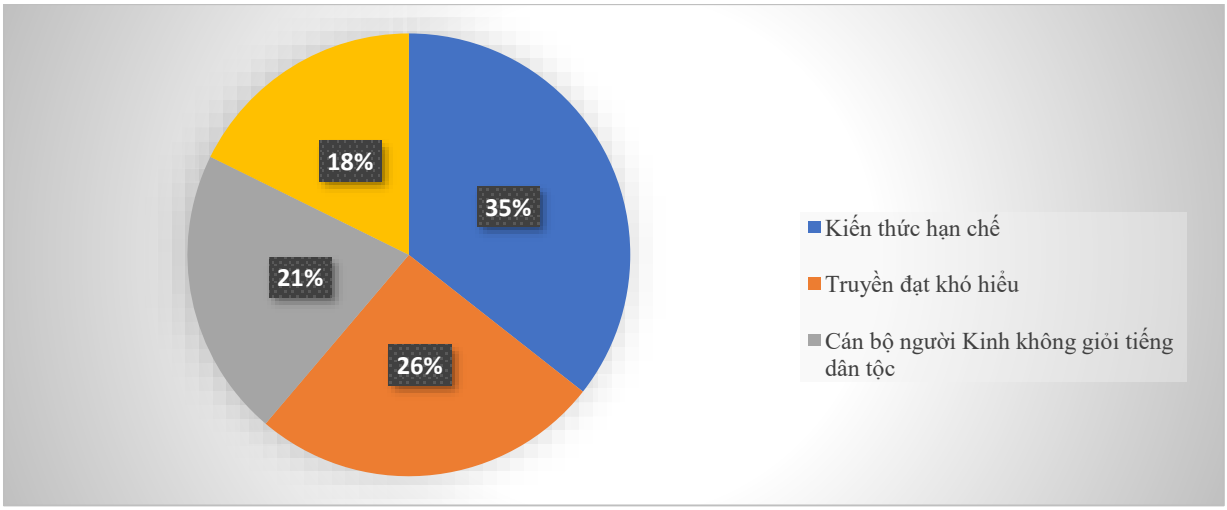
Thứ năm, về hình thức giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Raglai

Một là, dù đã sử dụng khá đa dạng nhiều hình thức GDPL nhưng các chủ thể GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai đôi khi vẫn chưa xác định rõ những hình thức GDPL nào là trọng tâm, chủ yếu, phù hợp với những nội dung GDPL cụ thể nào và phù hợp với đối tượng, địa bàn cụ thể nào. Thực trạng trên dẫn đến khó khăn cho các chủ thể trong việc xác định những hình thức GDPL phù hợp, đạt hiệu quả cao đối với các nhóm đối tượng, địa bàn cụ thể trong cộng đồng dân tộc Raglai, phù hợp với các nội dung pháp luật cụ thể cần phổ biến, quán triệt. Đây là nguyên nhân dẫn đến hiệu quả GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai ở Nam Trung Bộ còn hạn chế, chưa phù hợp với năng lực tiếp thu và nhu cầu về thông tin, tri thức pháp luật của đồng bào dân tộc Raglai.

Hai là, các chủ thể GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai ở vùng Nam Trung Bộ chưa thật sự quan tâm tới việc phân loại, sơ kết, tổng kết, đánh giá, rút kinh nghiệm về các hình thức GDPL cho các đối tượng cụ thể. Mặc dù, mỗi hình thức GDPL đều có ưu điểm, hạn chế nhất định và phù hợp với những đối tượng, địa bàn, lĩnh vực riêng, nhưng việc phân loại, tổng kết, đánh giá, rút kinh nghiệm này là hết sức quan trọng, cần thiết nhằm tìm ra được những hình thức GDPL phù hợp với đối tượng là đồng bào dân tộc Raglai; từ đó mới có thể tìm ra giải pháp mang tính đột phá, chiến lược để nâng cao chất lượng, hiệu quả của công tác này trong bối cảnh tình hình mới.

Trong công tác GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai ở vùng Nam Trung Bộ, hình thức thảo luận, nêu ra các sự kiện, tình huống pháp luật thường phát sinh trong thực tế còn ít được vận dụng, hoặc vận dụng chưa hiệu quả. Các hình thức GDPL được đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật sử dụng chủ yếu là thuyết trình, giải thích pháp luật; theo đó, báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật chủ yếu giữ vai trò là người truyền đạt, giải thích các nguyên tắc, nội dung của pháp luật, đồng bào dân tộc Raglai có nhiệm vụ lắng nghe, tiếp thu. Tuy nhiên, việc tiếp thu kiến thức theo hình thức này đôi khi sẽ không mang lại kết quả như mong muốn. Bởi vì, đây là hình thức truyền đạt mang tính một chiều, đòi hỏi người nghe phải có những hiểu biết nhất định về vấn đề được truyền đạt, trong khi đồng bào dân tộc Raglai rất đa dạng về lứa tuổi, thành phần, trình độ nhận thức nên dễ khiến cho người nghe rơi vào trạng thái tiếp thu thụ động khi tiếp thu kiến thức, dẫn đến trạng thái căng thẳng về mặt tâm lý, làm mất sự hứng thú trong quá trình tham dự GDPL. Mặc dù, người dân có những hiểu biết nhất định về vấn đề pháp lý đó nhưng việc vận dụng trên thực tế lại gặp nhiều khó khăn do thiếu kỹ năng thực hiện pháp luật. Thực trạng trên đã gây ra những ảnh hưởng tiêu cực đến hiệu quả GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai ở Nam Trung Bộ. Theo kết quả điều tra xã hội học với câu hỏi: Theo ông/bà, báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật còn hạn chế ở những vấn đề gì? 35% ý kiến được hỏi cho rằng phương pháp truyền đạt khó hiểu.

Biểu đồ 3.2: Những hạn chế của báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật cho đồng bào dân tộc Raglai ở Việt Nam



(Nguồn: Kết quả khảo điều tra xã hội học tại Phụ lục 2)

3.2.2.2. Nguyên nhân của những những hạn chế, bất cập

Cấp ủy địa phương đôi khi chưa quan tâm đúng mức trong công tác lãnh đạo công tác giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Raglai

Vai trò lãnh đạo của các cấp ủy đối với các lĩnh vực công tác, trong đó có công tác GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai đôi khi mới chỉ dừng ở việc chỉ ban hành các chỉ thị, nghị quyết, kế hoạch công tác; việc nhắc nhở, kiểm tra, đôn đốc quá trình triển khai thực hiện trên thực tiễn thường giao cho các cơ quan chức năng liên quan. Ngoài ra, do ở địa bàn cơ sở có quá nhiều công việc phải quan tâm giải quyết, xử lý nên vai trò lãnh đạo của cấp uỷ đối với công tác này còn hạn chế.

Công tác GDPL nói chung, GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai hiện nay chủ yếu được giao cho Hội đồng Phối hợp phổ biến, GDPL các cấp chủ trì thực hiện. Các thành viên đại diện trong Hội đồng này được cơ cấu từ nhiều cơ quan, ban, ngành, tổ chức, đoàn thể khác nhau dẫn đến không có cơ quan cấp ủy cụ thể trực tiếp lãnh đạo Hội đồng phối hợp phổ biến, GDPL. Về mặt nhận thức, một số cấp ủy còn chưa nhận thức đúng đắn, đầy đủ về vị trí, vai trò của GDPL cho người dân nói chung, GDPL cho đồng bào DTTS nói riêng nên chưa coi đây là một trong những nhiệm vụ chính trị trọng tâm của đơn vị dẫn đến những hạn chế, bất cập trong công tác GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai ở vùng Nam Trung Bộ. Điển hình như: Theo Báo cáo số 01/HĐPH, ngày 02/01/2024 của Hội đồng Phối hợp phổ

biến, GDPL tỉnh Ninh Thuận năm 2024 thì: "*Một số cơ quan, đơn vị, địa phương chưa thực sự quan tâm đến công tác PBGDPL, việc xây dựng Kế hoạch thực hiện hàng năm còn mang tính hình thức, chưa xác định được các nhiệm vụ, nguồn lực, tiến độ thực hiện và đề ra các giải pháp cụ thể, khả thi đảm bảo cho việc triển khai thực hiện theo đúng quy định, thiết thực, hiệu quả và phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được giao"* [29].

Chính quyền địa phương và cơ quan chức năng trong một số trường hợp còn chưa sâu sát, thiếu quyết liệt trong chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ chính trị

Việc chỉ đạo, điều hành công tác GDPL cho các nhóm đối tượng, trong đó có đồng bào dân tộc Raglai ở Nam Trung Bộ thuộc về các cơ quan chức năng, chính quyền địa phương các cấp và có sự phối hợp giữa Ban Chỉ đạo Chương trình phổ biến, GDPL, Ban Điều hành các Đề án ở từng cấp. Nếu sự chỉ đạo, điều hành của các cơ quan chức năng, các cấp chính quyền và sự phối hợp giữa các thành viên Ban Chỉ đạo được thực hiện tốt, sâu sát, quyết liệt, nhịp nhàng thì công tác GDPL cho các nhóm đối tượng cụ thể sẽ mang lại hiệu quả cao. Ngược lại, nếu thiếu sự quan tâm chỉ đạo, điều hành, hoặc sự chỉ đạo, điều hành không thường xuyên, liên tục, sự phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị thiếu đồng bộ, thiếu nhịp nhàng sẽ làm giảm hiệu quả của công tác này. Như vậy, việc một số cấp chính quyền, cơ quan chức năng chưa sâu sát, quyết liệt trong chỉ đạo, điều hành GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai ở Nam Trung Bộ là một nguyên nhân quan trọng dẫn đến những hạn chế, bất cập.

Trong công tác GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai, thế mạnh của chính quyền, các cơ quan chức năng là trực tiếp quản lý cơ sở vật chất, nguồn kinh phí và nguồn nhân lực là những điều kiện thiết yếu phục vụ công tác này tại địa phương. Mặc dù, đây là những điều kiện cơ bản nhưng nếu các chủ thể có liên quan không nhận thức đúng đắn, đầy đủ, toàn diện về vị trí, vai trò của công tác GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai; thiếu sự quan tâm, lãnh đạo, chỉ đạo hoặc sự phối hợp, hiệp đồng của các lực lượng khác thì sẽ làm nảy sinh nhiều vấn đề phức tạp trong quá trình tổ chức thực hiện, như: việc chỉ đạo, điều hành các Đề án thuộc Chương

trình phổ biến, GDPL bị chậm tiến độ; không xây dựng được kế hoạch, chương trình cụ thể cho từng Đề án; chưa chuẩn bị đầy đủ, kỹ lưỡng các nội dung, hình thức GDPL phù hợp với từng nhóm đối tượng cụ thể; thiếu chủ động trong việc lựa chọn đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên đủ phẩm chất, năng lực, uy tín để trực tiếp thực hiện nhiệm vụ GDPL cho người dân...

Khi từng cấp chính quyền, cơ quan chức năng chưa sâu sát, thiếu quyết liệt trong chỉ đạo, điều hành thì sự phối hợp giữa các cấp chính quyền, các cơ quan chủ trì từng Đề án cũng khó có thể đồng bộ, nhịp nhàng; thậm chí nảy sinh tư tưởng dựa dẫm, đùn đẩy trách nhiệm, hoặc giao phó cho cơ quan khác. Khi các cấp chính quyền, cơ quan chức năng còn có tư tưởng ỷ nại, đùn đẩy trách nhiệm thì tính chủ động, tích cực, linh hoạt và sáng tạo của từng cơ quan, đơn vị cũng sẽ bị triệt tiêu. Đây là một trong những nguyên nhân quan trọng làm giảm hiệu quả công tác GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai ở Nam Trung Bộ.

Một bộ phận báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật thiếu tinh thần trách nhiệm, năng lực, trình độ chuyên môn còn hạn chế

Bên cạnh việc đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn về năng lực, trình độ chuyên môn về chính trị, pháp luật, nghiệp vụ, đòi hỏi đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật phải được trang bị các kiến thức, kỹ năng nghiệp vụ sư phạm cần thiết, có phương pháp truyền đạt hấp dẫn, lôi cuốn, sự tích cực, nhiệt tình, trách nhiệm trong công tác GDPL cho đồng bào DTTS nói chung, GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai nói riêng. Đây là những yếu tố có ảnh hưởng lớn đến chất lượng, hiệu quả của công tác này trong thực tiễn. Khi thiếu sự tích cực, nhiệt tình, chủ động, trách nhiệm sẽ làm cho đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật không có sự chuẩn bị kỹ lưỡng cho nội dung, hình thức GDPL; phương pháp truyền đạt sẽ không có sự hấp dẫn, lôi cuốn người nghe; tinh thần thái độ khi thực hiện nhiệm vụ sẽ không được hứng khởi dẫn tới hình thức, đối phó. Đây là một trong những nguyên nhân chính dẫn đến hạn chế, bất cập trong công tác GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai.

Thực tiễn cho thấy, có nhiều nguyên nhân dẫn đến tình trạng một bộ phận báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật thiếu sự tích cực, nhiệt tình và trách nhiệm trong công tác GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai ở Việt Nam, như: (1) đa số báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật thực hiện công tác GDPL theo chế độ kiêm nhiệm, chủ yếu tập trung thực hiện công tác chuyên môn của cơ quan, đơn vị quản lý nên chưa có điều kiện phát huy tối đa năng lực, sở trường, trách nhiệm đối với công tác này; (2) mặc dù, các báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật được cấp có thẩm quyền phân công thực hiện công tác GDPL theo quy định những một số trường hợp vẫn lấy lý do bận giải quyết, xử lý công tác chuyên môn, hoặc lý do khác để không tham gia, hoặc tham gia thực hiện nhiệm vụ này một cách khiên cưỡng; (3) chế độ, chính sách đãi ngộ đối với đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật còn chưa tương xứng. Thực tiễn này cũng đòi hỏi, cơ quan tham mưu các cấp cần phải nghiên cứu, rà soát, báo cáo cấp có thẩm quyền có sự quan tâm, đầu tư kinh phí để thực hiện hiệu quả công tác này nhằm đáp ứng yêu cầu của thực tiễn trong bối cảnh tình hình mới.

Một số đồng bào dân tộc Raglai thiếu chủ động, chưa tích cực tham dự các buổi giáo dục pháp luật

Chất lượng, hiệu quả công tác GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai ở vùng Nam Trung Bộ phụ thuộc vào nhiều yếu tố, trong đó có ý thức, thái độ, trách nhiệm của bản thân mỗi người dân trong quá trình tham gia vào công tác này. Mặc dù, các chủ thể đã có nhiều cố gắng, nỗ lực để làm tốt công tác GDPL, nhưng nếu các đối tượng không tích cực, chủ động, thiếu trách nhiệm trong việc phối hợp thì sẽ ảnh hưởng tiêu cực đến chất lượng, hiệu quả công tác GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai. Do đó, tình trạng một số người dân chưa tích cực, chủ động, thiếu trách nhiệm khi tham dự các lớp GDPL là một trong những nguyên nhân cơ bản dẫn đến những hạn chế, bất cập của công tác này. Thực tiễn thời gian qua cho thấy: Mặc dù, một số người dân Raglai đã tham dự lớp học nhưng có tinh thần, trách nhiệm chưa cao, tinh thần, thái độ học tập chưa nghiêm túc, thiếu nhiệt tình, còn tình trạng đi muộn, về sớm, hoặc thường xuyên vắng mặt... Qua đó, khẳng định rằng:

một bộ phận đồng bào dân tộc Raglai chưa thật sự tích cực, chủ động, trách nhiệm và nghiêm túc khi tham gia các lớp học GDPL làm ảnh hưởng tới chất lượng, hiệu quả của công tác này.

Vẫn còn tình trạng bất đồng về ngôn ngữ nên hiệu quả giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Raglai chưa cao

Đồng bào dân tộc Raglai là dân tộc còn lưu giữ được nhiều nét đặc trưng thể hiện bản sắc văn hóa của dân tộc mình, trong đó có ngôn ngữ (*tiếng nói, chữ viết*). Do đó, mọi hoạt động thông tin, tuyên truyền đối với đồng bào dân tộc Raglai, trong đó có công tác GDPL cần đặc biệt quan quan tâm đến yếu tố này. Đối với các hình thức GDPL thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, như: báo hình, báo nói, báo viết, tờ gấp, tờ rơi, sách pháp luật phổ thông... thì các chủ thể GDPL đã cơ bản khắc phục được rào cản về ngôn thông qua các chương trình bằng tiếng Raglai, hoặc các ấn phẩm song ngữ. Đối với các hình thức GDPL thông qua tiếp xúc trực tiếp (hội thảo, tọa đàm khoa học, nói chuyện pháp luật, tập huấn chuyên đề, bồi dưỡng kiến thức pháp luật...) thì vấn đề rào cản về ngôn ngữ vẫn là một khó khăn lớn, là nguyên nhân chủ yếu dẫn đến những hạn chế, bất cập trong công tác GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai ở vùng Nam Trung Bộ. Mặc dù, trình độ dân trí của đồng bào dân tộc Raglai ở vùng Nam Trung bộ đã được cải thiện, nâng cao đáng kể; nhưng vẫn còn một bộ phận người dân Raglai chưa thông thạo ngôn ngữ phổ thông. Ngược lại, nhiều báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật là người Kinh đã cố gắng học tiếng Raglai, nhưng vốn ngôn ngữ Raglai chưa đủ để truyền đạt các thông tin, kiến thức pháp luật cho đồng bào, nhất là những thuật ngữ pháp luật chuyên ngành chuyên sâu. Thực trạng trên dẫn đến việc giữa chủ thể GDPL và đối tượng GDPL khó có thể tìm ra tiếng nói chung; do đó, vấn đề rào cản về ngôn ngữ luôn là một khó khăn lớn đối với việc nâng cao hiệu quả công tác GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai ở vùng Nam Trung Bộ.

Mặc dù, các cấp có thẩm quyền đã ban hành nhiều quy định chung về công tác GDPL nói chung, GDPL cho đồng bào DTTS nói chung, nhưng việc cụ thể hóa các nội dung, hình thức, phương pháp GDPL phù hợp với từng nhóm dân tộc,

từng địa bàn còn hạn chế; một số quy định của pháp luật còn chồng chéo, chưa đồng bộ; các quy định về trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong công tác GDPL cho đồng bào DTTS chưa thực sự có chế tài đủ mạnh để đảm bảo tính hiệu quả và nghiêm túc trong việc thực hiện. Ngoài ra, mặc dù nguồn lực kinh phí dành cho công tác GDPL cho đồng bào DTTS nói chung, đồng bào dân tộc Raglai nói riêng đã được cải thiện đáng kể nhưng nhìn chung vẫn còn chưa tương xứng với yêu cầu thực tiễn, trong khi việc thực hiện chính sách xã hội hóa gặp nhiều khó khăn, do chưa có cơ chế, giải pháp thu hút được các nguồn lực xã hội tham gia công tác GDPL, do công tác này không phát sinh lợi nhuận nên khó thu hút sự đồng hành, hỗ trợ của các tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp.

TIỂU KẾT CHƯƠNG 3

Trong bối cảnh tình hình mới, văn hóa của đồng bào dân tộc Raglai và pháp luật nhà nước cùng điều chỉnh các quan hệ xã hội phát sinh trong đời sống hàng ngày tạo nên sự cộng hưởng trong nhận thức của cộng đồng dân tộc Raglai. Trong quá trình triển khai thực hiện sẽ không tránh khỏi những xung đột giữa phong tục, tập quán của đồng bào Raglai với pháp luật nhà nước. Vì vậy, công tác GDPL cho đồng bào Raglai phải đặt trong mối quan hệ hài hoà giữa phong tục, tập quán tiến bộ của đồng bào Raglai với pháp luật nhà nước, góp phần xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân.

Trong Chương 3 của luận án, tác giả đã tập trung nghiên cứu, phân tích đặc điểm tình hình có liên quan đến thực trạng GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai ở Việt Nam *(thuận lợi, khó khăn),* như: (1) điều kiện tự nhiên, chính trị, kinh tế, văn hóa xã hội; (2) cơ cấu cơ quan, tổ chức thực hiện giáo dục pháp luật cho đồng bào Raglai ở Việt Nam; (3) tình hình vi phạm pháp luật ở vùng đồng bào dân tộc Raglai ở Việt Nam. Trên cơ sở đó, tác giả đã chỉ ra những kết quả đã đạt được và nguyên nhân, những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân trên các phương diện cơ bản như: (1) mục tiêu, (2) đối tượng, (3) nội dung, (4) hình thức GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai ở Việt Nam. Đây là cơ sở thực tiễn quan trọng để tác giả đưa ra những dự báo, đề xuất các quan điểm chỉ đạo, giải pháp cơ bản góp phần bảo đảm GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai ở Việt Nam trong kỷ nguyên mới của dân tộc. Đây là cơ sở thực tiễn quan trọng làm cơ sở để đưa ra các dự báo, đề xuất các quan điểm, giải pháp bảo đảm GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai ở Việt Nam tại Chương 4.

Chương 4.
DỰ BÁO VÀ QUAN ĐIỂM, GIẢI PHÁP BẢO ĐẢM GIÁO DỤC PHÁP LUẬT CHO ĐỒNG BÀO DÂN TỘC RAGLAI Ở VIỆT NAM

4.1. Dự báo các yếu tố tác động đến bảo đảm giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Raglai ở Việt Nam

4.1.1. Cơ sở dự báo

4.1.1.1. Tình hình quốc tế

Hòa bình, hợp tác và phát triển vẫn là xu hướng chủ đạo, tuy nhiên trên bình diện quốc tế, mâu thuẫn, xung đột, bất ổn về an ninh, chính trị, xã hội sẽ tiếp tục diễn ra rất phức tạp, khó lường. Tình hình quốc tế, khu vực sẽ tiềm ẩn nhiều nguy cơ mất ổn định, xung đột sắc tộc, tôn giáo, chiến tranh cục bộ, can thiệp, lật đổ, khủng bố. Chủ nghĩa khủng bố, chủ nghĩa ly khai - tự trị bùng phát mạnh mẽ ở nhiều quốc gia; tình trạng tranh chấp chủ quyền lãnh thổ cả trên biển và trên đất liền là những mối đe dọa đến độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của nhiều quốc gia trên thế giới. Âm mưu *"diễn biến hòa bình",* bạo loạn lật đổ, nhất là cuộc *"cách mạng đường phố", "cách mạng hoa nhài"* là những nhân tố tác động lớn dẫn tới những biến động chính trị tại nhiều quốc gia ở khu vực Trung Đông, Bắc Phi.

Các quốc gia trên thế giới sẽ phải đối diện với những nguy cơ đe dọa từ an ninh phi truyền thống, như: chủ nghĩa dân tộc cực đoan; chủ nghĩa khủng bố; phổ biến vũ khí hạt nhân; vũ khí giết người hàng loạt; nguy cơ khủng hoảng tài chính, tiền tệ; nguy cơ cạn kiệt nguồn năng lượng; vấn đề an ninh lương thực; an ninh mạng; biến đổi khí hậu; ô nhiễm môi trường sống; thiên tai; buôn lậu ma túy; dịch bệnh truyền nhiễm; di cư bất hợp pháp... Những nguy cơ, mối đe dọa trên đã gây ra sự lo sợ, cảm giác bất an trong xã hội và đời sống của nhân dân, buộc các quốc gia trên thế giới phải đặc biệt quan tâm, tập trung nghiên cứu để tìm ra những phương hướng, giải pháp mang tính đột phá để bảo đảm an ninh chính trị ổn định, phát triển KT-XH của đất nước. Khu vực châu Á - Thái Bình Dương, trong đó có Đông Nam Á với tiềm năng lớn và xu thế phát triển năng động đang trở thành vòng xoáy tranh giành ảnh hưởng, phát triển lợi ích kinh tế, địa chính trị của các

nước lớn. Khu vực này cũng đang tồn tại nhiều mâu thuẫn, xung đột, nhất là vấn đề tranh chấp biên giới, đặc biệt là tranh chấp chủ quyền biển đảo hết sức căng thẳng giữa Trung Quốc và các quốc gia khác có liên quan, đã và đang đe dọa trực tiếp đến tình hình an ninh, trật tự của Việt Nam.

Trước sự phát triển mạnh mẽ của cuộc cách cách mạng 4.0, đặc biệt là trí tuệ nhân tạo (AI) đang phát triển mạnh mẽ; sự xuất hiện của kinh tế số xâm nhập đến từng cá nhân, từng gia đình, từ thành thị đến nông thôn giúp tạo giúp khoảng cách về biên giới ngày càng được thu hẹp, công dân của các quốc gia dễ dàng giao lưu, học hỏi, nâng cao trình độ, tiếp thu, tìm hiểu văn hóa của các quốc gia khác... Đồng thời, còn làm thay đổi căn bản phương thức quan hệ truyền thống, như: dùng trợ lý ảo, chatbot hỗ trợ các giải pháp số, làm cho các quốc gia, dân tộc có quan hệ tác động, ràng buộc, phụ thuộc lẫn nhau trên nhiều phương diện; khoảng cách giàu nghèo, tụt hậu giữa các quốc gia ngày càng gia tăng. Sự phát triển của khoa học, công nghệ dẫn tới việc chế tạo ra các loại vũ khí hủy diệt, các loại vũ khí mới gây ra những khó khăn trong công tác bảo vệ nội bộ, nguy cơ lộ, mất bí mật nhà nước.

4.1.1.2. Tình hình trong nước

Sau gần 40 năm thực hiện đường lối đổi mới và hội nhập quốc tế, dưới sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước, sự giám sát của nhân dân, *"đất nước ta chưa bao giờ có được tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế như ngày nay"*. Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu đã đạt được là cơ bản, Việt Nam còn có những nguy cơ, thách thức lớn đến sự ổn định của thể chế chính trị, bảo đảm an ninh, trật tự, như: nguy cơ tụt hậu xa hơn về kinh tế so với nhiều nước trong khu vực và trên thế giới; chệch hướng xã hội chủ nghĩa; *"diễn biến hòa bình"; "tự chuyển hóa";* tham nhũng, lãng phí, tiêu cực và các nguy cơ đe dọa an ninh phi truyền thống khác. Nền kinh tế phát triển chưa bền vững và chưa phát huy được hết tiềm năng, lợi thế của quốc gia. Chất lượng tăng trưởng, năng suất, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế thấp; quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp còn nhiều yếu kém, việc thực hiện chức năng chủ sở hữu đối với doanh nghiệp nhà nước còn nhiều bất cập. Trong đó, vấn đề sức mạnh nội lực của hệ thống chính trị, văn hóa, lòng dân và

khối đại đoàn kết toàn dân là những nhân tố căn bản, là nền tảng để thực hiện thành công nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN, nhưng vẫn còn bộc lộ nhiều hạn chế.

Tình hình tư tưởng, chính trị, xã hội thời gian qua có nhiều diễn biến phức tạp, có sự gia tăng xung đột trong xã hội làm suy giảm niềm tin của nhân dân đối với Đảng, Nhà nước; khối đại đoàn kết dân tộc có nhiều dấu hiệu bị chia rẽ, phân hóa; nhiều mâu thuẫn, xung đột xã hội gia tăng, nhất là những vấn đề liên quan đến vấn đề dân tộc, tôn giáo, tranh chấp đất đai, lao động, việc làm, an sinh xã hội và văn hóa, đạo đức xã hội. Trong nội bộ, những biểu hiện xa rời mục tiêu của chủ nghĩa xã hội, *"tự diễn biến", "tự chuyển hóa"* có những diễn biến phức tạp. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV đã khẳng định: *"Một bộ phận cán bộ, đảng viên, kể cả cán bộ cấp cao thiếu tu dưỡng, rèn luyện, không gương mẫu, có biểu hiện đùn đẩy, né tránh, không dám làm, không dám đổi mới sáng tạo, phai nhạt lý tưởng, suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, vi phạm kỷ luật đảng, vi phạm những điều đảng viên không được làm, vi phạm pháp luật"* [23, tr.68].

Mặc dù, đã có những bước tiến mạnh mẽ trong phát triển KT-XH, nhưng vùng đồng bào DTTS nói chung, dân tộc Raglai nói riêng vẫn đang phải đối diện với nhiều vấn đề, như: khoảng cách phát triển ngày càng lớn giữa vùng đồng bào DTTS và vùng đô thị; chất lượng nguồn nhân lực còn thấp; suy thoái môi trường, cạn kiệt tài nguyên; nguy cơ mai một bản sắc văn hoá truyền thống và tiềm ẩn yếu tố mất ổn định xã hội. Vì vậy, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV đã xác định rõ định hướng: *"Quản lý phát triển xã hội bền vững; bảo đảm tiến bộ, công bằng xã hội, chăm lo đời sống Nhân dân"* [23, tr.380].

Tình hình an ninh, trật tự được giữ vững nhưng vẫn còn những vẫn tiềm ẩn nhiều nguy cơ, mối đe dọa đến chủ quyền, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội. Các thế lực thù địch, các loại tội phạm sẽ tiếp tục triệt để lợi dụng những hạn chế, thiếu sót trong công cuộc đổi mới đất nước, đi lên xây dựng CNXH, nhất là lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo, dân chủ, nhân quyền nhằm "*phi chính trị hóa lực lượng vũ trang"*; xóa bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng đối với toàn xã hội; chống

phá công cuộc đổi mới đất nước và đi lên xây dựng CNXH của Việt Nam. Tình hình tội phạm có tổ chức, tội phạm ma túy, tội phạm mua bán người, tội phạm sử dụng công nghệ cao, tội phạm tham nhũng... sẽ tiếp tục có những diễn biến phức tạp, khó lường với tính chất ngày càng tinh vi, xảo quyệt và manh động hơn.

4.1.2. Nội dung dự báo các yếu tố tác động đến công tác giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Raglai ở Việt Nam

4.1.2.1 Sự lãnh đạo của các cấp ủy, lãnh đạo các cấp đối với công tác giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Raglai ở Việt Nam

Công tác giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Raglai là nhiệm vụ chính trị khó khăn, phức tạp, lâu dài và là trách nhiệm chung của cả hệ thống chính trị. Trong đó, bản thân mỗi cán bộ, đảng viên, quần chúng nhân dân phải nêu cao ý thức trách nhiệm, tích cực tham gia vào công tác GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai để đưa pháp luật vào thực tiễn cuộc sống; góp phần tạo lập môi trường ổn định, trật tự để phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của địa phương. Trong thời gian tới, công tác GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai sẽ luôn được Đảng, Nhà nước nói chung, trực tiếp là của cấp ủy, chính quyền địa phương quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện. Đặc biệt, ngày 09/12/2003, Ban Bí thư đã ban hành Chỉ thị số 32-CT/TW về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật; Nghị quyết số 28-NQ/TW ngày 17/11/2022 của Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành về việc tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng đối với hệ thống chính trị trong giai đoạn mới; Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 9/11/2022 Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới; Nghị quyết số 25/NQ/TW ngày 03/11/2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế, xã hội gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045...

Đây là cơ sở chính trị quan trọng để các cấp ủy, chính quyền địa phương triển khai thực hiện có hiệu quả các giải pháp để nâng cao hiệu quả công tác GDPL cho đồng bào DTTS nói chung, GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai nói riêng gắn

với đặc điểm tình hình của địa bàn, gắn với yêu cầu, nhiệm vụ chính trị trong từng giai đoạn lịch sử cụ thể. Do liên quan đến đường lối, chính sách dân tộc của Đảng, Nhà nước và là một nhiệm vụ chính trị khó khăn, phức tạp, nhạy cảm nên công tác GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai sẽ nhận được sự phối hợp, hiệp đồng trách nhiệm, hiệu quả của các tổ chức, cá nhân trong cả hệ thống chính trị nhằm đáp ứng yêu cầu thực tiễn. Qua đó, nhiều hội nghị, hội thảo, tọa đàm khoa học, chương trình học tập, trao đổi kinh nghiệm về công tác GDPL nói chung, GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai nói riêng sẽ được tập huấn cho đội ngũ cấp ủy, chính quyền và cán bộ quản lý, báo cáo viên, tuyên truyền viên trong lĩnh vực này.

Tuy nhiên, thực trạng trên cũng đặt ra yêu cầu đối với cấp uỷ, chính quyền địa phương trong việc giải quyết hiệu quả mối quan hệ giữa phát triển KT - XH với bảo đảm an ninh quốc phòng; tăng cường đổi mới phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng nói chung, đối với công tác GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai nói riêng; thường xuyên tiến hành công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật đảng và kiểm tra, đôn đốc tiến độ, chất lượng, hiệu quả công tác chuyên môn trong khi vẫn phải lãnh đạo triển khai thực hiện nhiều nhiệm vụ chính trị quan trọng khác trong bối cảnh tình hình mới.

4.1.2.2. Tác động của xu thế hội nhập quốc tế, mặt trái của nền kinh tế thị trường và cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư đối với công tác giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Raglai ở Việt Nam

Trong bối cảnh cả nhân loại đang chứng kiến sự phát triển mạnh mẽ của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư, tạo ra đột phá trên nhiều lĩnh vực, tạo ra cả thời cơ và thách thức đối với mọi quốc gia trên thế giới, trong đó có Việt Nam. Việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia sẽ góp phần đẩy mạnh phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, thúc đẩy hợp tác, giao lưu, học hỏi, nâng cao trình độ, tiếp thu, tìm hiểu văn hóa các quốc gia khác trên thế giới. Đây là điều kiện thuận lợi để đội ngũ cán bộ quản lý, báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật có điều

kiện học tập, nâng cao trình độ, năng lực chuyên môn, đổi mới phong cách, phương pháp, lề lối làm việc theo hướng chuyên nghiệp, hiện đại và nghiên cứu, ứng dụng, làm chủ các thành tựu khoa học, kỹ thuật nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác chuyên môn đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới.

Sau khi mô hình CNXH ở Liên Xô và các nước Đông Âu sụp đổ, con đường đi lên CNXH ở nhiều nước trên thế giới gặp nhiều khó khăn; các thế lực thù địch luôn tìm mọi cách để chống phá công cuộc đổi mới, đi lên xây dựng CNXH ở nước ta. Trong khi đó, quá trình xây dựng, hoàn thiện nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam vẫn còn nhiều hạn chế, bất cập; cơ cấu tổ chức, chất lượng của đội ngũ cán bộ, đảng viên, hiệu quả quản lý trên các lĩnh vực đã tác động không nhỏ đến việc nâng cao năng lực, sức chiến đấu của các tổ chức cơ sở đảng. Quá trình hội nhập quốc tế, toàn cầu hóa, việc xây dựng và hoàn thiện nền kinh tế thị trường định hướng XHCN, việc nghiên cứu, ứng dụng các thành tựu khoa học, công nghệ trên nhiều lĩnh vực đã góp phần thúc đẩy phát triển KT-XH của đất nước theo định hướng đặt ra.

Tuy nhiên, điều này cũng làm nảy sinh nhiều vấn đề phức tạp mới, như: lối sống thực dụng, chủ nghĩa cá nhân; sự phai nhạt bản sắc văn hóa dân tộc... Đó là những mối đe dọa đến an ninh, an toàn của xã hội và của mỗi cá nhân nói chung, đồng bào dân tộc Raglai nói riêng. Điều này sẽ tác động mạnh đến tâm tư, tình cảm, niềm tin, làm cho một bộ phận cán bộ, đảng viên ít, nhiều có sự hoang mang, dao động. Đặc biệt, một số cán bộ, đảng viên xuất hiện tâm lý, tư tưởng không yên tâm công tác, giảm sút tinh thần làm việc, ít quan tâm đến hiệu quả công việc.

4.1.2.3. Chủ trương tinh gọn tổ chức, tinh giản biên chế trong hệ thống chính trị

Thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII quy định về một số vấn đề tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, Luật Tổ chức chính phủ, năm 2025, Luật Tổ chức chính quyền địa phương, năm 2025, Kết luận 126-KL/TW ngày 14/02/2025 của Bộ Chính trị và Ban Bí thư về một số

nội dung, nhiệm vụ tiếp tục sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị năm 2025, Kết luận số 167-KL/TW ngày 13/6/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về chủ trương thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy và đơn vị hành chính, đưa vào hoạt động đồng thời cấp tỉnh, cấp xã từ ngày 01/7/2025. Đây là những điều kiện thuận lợi để cấp ủy, chính quyền địa phương tổ chức kiện toàn các tổ chức bộ máy theo hướng tập trung, thống nhất, chuyên sâu, giảm các đầu mối trung gian, góp phần bảo đảm cho tổ chức bộ máy được đổi mới theo hướng tinh, gọn, mạnh, hoạt động hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả; tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước, sự giám sát của nhân dân đối với công tác GDPL cho đồng bào DTTS nói chung, đồng bào dân tộc Raglai ở Việt Nam nói riêng.

Tuy nhiên, việc tổ chức sắp xếp tổ chức bộ máy, đơn vị hành chính các cấp cũng đặt ra yêu cầu đối với cấp có thẩm quyền trong việc chủ động có các giải pháp mang tính chiến lược, đồng bộ, hiệu quả nhằm bảo đảm hoạt động thông suốt của tổ chức bộ máy không bị gián đoạn; có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, chuyển đổi cán bộ thích ứng với môi trường làm việc mới… Mặc dù, đội ngũ cán bộ quản lý, báo cáo viên, tuyên tryền viên pháp luật về cơ bản đã được bảo đảm về mặt số lượng nhưng về năng lực, trình độ chuyên môn, uy tín vẫn còn một số hạn chế nhất định. Trong bối cảnh tình hình thế giới, khu vực và trong nước sẽ tiếp tục diễn biến nhanh chóng, phức tạp, khó lường, thời cơ, thuận lợi và khó khăn, thách thức đan xen, tiềm ẩn nhiều nguy cơ gây mất an ninh, trật tự; các thế lực thù địch, các loại tội phạm sẽ triệt để lợi dụng những hạn chế, bất cập trong công cuộc đổi mới, đi lên xây dựng CNXH; lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo để mua chuộc, dụ dỗ, xúi giục, kích động quần chúng nhân dân chống phá Đảng, Nhà nước ta và yêu cầu, nhiệm vụ đối với cấp ủy, chính quyền địa phương trong công tác GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai sẽ ngày càng khó khăn, nặng nề, phức tạp hơn nên đòi phải được tăng cường về mặt biên chế nhằm đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới. Trong khi đó, thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW, ngày 17/4/2015 của Bộ Chính trị về việc tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và cuộc *"cách mạng về tổ chức bộ máy"* theo hướng tinh, gọn, mạnh, hoạt động hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả, đặc biệt là

thực hiện Kết luận số 167-KL/TW, ngày 13/6/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về chủ trương thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy và đơn vị hành chính, đưa vào hoạt động đồng thời cấp tỉnh, cấp xã từ ngày 01/7/2025 nên số lượng số lượng đội ngũ cán bộ quản lý, báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật sẽ được cơ cấu, sắp xếp lại theo hướng phù hợp hơn với yêu cầu của thực tiễn.

4.2. Quan điểm bảo đảm giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Raglai ở Việt Nam

4.2.1. Giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Raglai ở Việt Nám phải đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước, trực tiếp là của cấp ủy, chính quyền địa phương

Pháp luật bao giờ cũng thể chế hoá quan điểm, đường lối của Đảng; quan điểm, đường lối của Đảng là *"linh hồn"* của pháp luật, GDPL cũng chính là việc giáo dục cho người dân về các quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng. Thực hiện không đúng, hoặc không đầy đủ quy định của pháp luật đều làm tổn hại đến lợi ích của nhà nước và xã hội, làm tổn hại tới vai trò lãnh đạo, uy tín của Đảng. Pháp luật được thực hiện nghiêm minh thì uy tín lãnh đạo của Đảng, sự tin tưởng của người dân, của xã hội vào vai trò lãnh đạo của Đảng cũng ngày càng được củng cố, nâng cao. Thực tiễn đã chứng minh, sự lãnh đạo của Đảng là yếu tố quan trọng nhất, quyết định trực tiếp tới sự thành công, hoặc thất bại của cách mạng. Do đó, công tác GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai ở Việt Nam phải đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước, trực tiếp là của cấp ủy, chính quyền địa phương là vấn đề mang tính tất yếu khách quan.

Trong quá trình xây dựng và phát triển, Đảng ta luôn đặc biệt coi trọng công tác GDPL, với mục tiêu nâng cao trình độ pháp lý của cán bộ, công chức và nhân dân. Bắt đầu từ Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI, công tác GDPL đã trở thành nhiệm vụ quan trọng, đóng góp vào việc nâng cao nhận thức pháp luật, ý thức chấp hành pháp luật của cán bộ, công chức và nhân dân. Giải pháp thực tiễn để phát huy hiệu quả GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai bao gồm: việc xây dựng các dự án luật có tính khả thi cao, dễ hiểu và quy định cụ thể; giảm bớt sự phụ

thuộc vào các văn bản hướng dẫn thi hành; tăng cường công tác tuyên truyền, giải thích pháp luật để nhân dân hiểu rõ, hiểu đúng và tự giác chấp hành. Trong Kết luận số 80-KL/TW ngày 20/6/2020 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 32-CT/TW về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của cán bộ, nhân dân đã ghi nhận những kết quả đã đạt trong công tác này.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đã đạt được là cơ bản, công tác GDPL nói chung, GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai vẫn còn hạn chế, như: một số cấp ủy đảng, chính quyền chưa quan tâm đúng mức; phương thức, nội dung GDPL, việc sử dụng nguồn lực tài chính và huy động nguồn lực xã hội phục vụ công tác GDPL chưa thật hiệu quả… Để nâng cao chất lượng công tác GDPL, Ban Bí thư yêu cầu các cấp ủy, chính quyền và đoàn thể cần tiếp tục chỉ đạo thực hiện Chỉ thị số 32-CT/TW; chú trọng vào việc nâng cao nhận thức về vai trò của công tác này. Cần thực hiện đầy đủ các chính sách và thể chế, đồng thời đổi mới và đa dạng hóa các hình thức GDPL, phù hợp với từng đối tượng và địa bàn, đặc biệt là các nhóm DTTS, nhất là việc ứng dụng công nghệ thông tin, kỹ thuật số và các phương tiện thông tin đại chúng sẽ góp phần nâng cao hiệu quả của công tác này. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII đã nhận định: "*Chấp hành pháp luật nhìn chung chưa nghiêm; kỷ cương, phép nước có nơi, có lúc còn bị xem nhẹ, xử lý vi phạm pháp luật chưa kịp thời, chế tài xử lý chưa đủ sức răn đe. Cải cách hành chính, cải cách tư pháp chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu phát triển đất nước"*[22, tr.89-90]. Vì vậy, yêu cầu cấp thiết đặt ra đối với công tác GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai là phải đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước, trực tiếp là của cấp ủy, chính quyền địa phương.

4.2.2. Giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Raglai ở Việt Nam phải thu hút sự tham gia của cả hệ thống chính trị và các tổ chức, cá nhân có liên quan

Giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Raglai ở Việt Nam không chỉ là nhiệm vụ của riêng của một cơ quan, tổ chức, cá nhân nào, mà đó là trách nhiệm chung của cả hệ thống chính trị. Vì vậy, Khoản 1, Điều 3 Luật Phổ biến giáo dục

pháp luật, năm 2012 đã xác định: *"Phổ biến, giáo dục pháp luật là trách nhiệm của toàn bộ hệ thống chính trị, trong đó Nhà nước giữ vai trò nòng cốt"*. Theo đó, công tác này đòi hỏi phải có nỗ lực, cố gắng, chủ động, tích cực của các cấp ủy, chính quyền địa phương các cấp, các cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp trong việc triển khai thực hiện các đề án trọng tâm, các chủ thể GDPL và của bản thân mỗi người dân Raglai ở Việt Nam. Đồng thời, phát huy vai trò kiểm tra, giám sát của các cơ quan chức năng; vai trò quan trọng hàng đầu trong việc bảo đảm hiệu quả GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai ở Việt Nam thuộc về các chủ thể GDPL *(cơ quan chức năng, tổ chức, đoàn thể, đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật)* và đối tượng GDPL *(đồng bào dân tộc Raglai)*.

Chủ thể, đối tượng GDPL phải nhận thức thống nhất về vị trí, vai trò của GDPL nói chung, GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai nói riêng; nâng cao ý thức trách nhiệm trong việc xác định đúng mục tiêu, sử dụng linh hoạt các hình thức GDPL, bảo đảm tính chính xác của nội dung GDPL bám sát với đặc điểm của đồng bào dân tộc Raglai. Các chủ thể GDPL cần chú trọng việc tập huấn, bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng, nghiệp vụ GDPL cho đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật; củng cố, nâng cấp cơ sở vật chất, kỹ thuật phục vụ GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai. Đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật cần có ý thức chủ động, tích cực học tập nâng cao trình độ chuyên môn, phẩm chất đạo đức, uy tin, nhiệt tình, tâm huyết, trách nhiệm với GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai, gắn các pháp luật thực định với các sự kiện, tình huống pháp luật thực tiễn đồng bào dân tộc Raglai.

Ngoài ra, mỗi người dân cần phải tiếp tục nâng cao hơn nữa tinh thần, ý thức trách nhiệm, chủ động, tích cực khi tham gia vào các hoạt động GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai; phải coi việc tiếp thu, lĩnh hội kiến thức, hiểu biết pháp luật là nhu cầu tự thân, là động lực thực sự của mỗi người, xuất phát từ mong muốn tiếp nhận, nâng cao kiến thức pháp luật, kỹ năng xử lý các tình huống pháp lý thường gặp phát sinh trong thực tiễn cuộc sống hàng ngày để góp phần tự bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bản thân theo quy định của pháp luật.

4.2.3. Giáo dục pháp luật phải gắn với giáo dục về chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống cho đồng bào dân tộc Raglai ở Việt Nam

Đồng bào dân tộc Raglai không chỉ cần trang bị kiến thức pháp luật mà còn cần có nền tảng tư tưởng vững chắc, lập trường chính trị ổn định, đạo đức và lối sống lành mạnh, tiến bộ, phù hợp với những giá trị truyền thống văn hóa tốt đẹp của dân tộc. Để đáp ứng yêu cầu này, đòi hỏi công tác GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai cần phải gắn kết chặt chẽ với giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức và lối sống. Đây là một quan điểm chỉ đạo quan trọng đối với công tác GDPL cho đồng bào DTTS nói chung, đồng bào dân tộc Raglai nói riêng. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV đã xác định: "*Phát triển toàn diện con người Việt Nam về đạo đức, trí tuệ, ý thức dân tộc, trách nhiệm công dân, thượng tôn pháp luật, năng lực sáng tạo, thẩm mỹ, thể lực, kỹ năng sống, kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng số"* [23, tr.378]. Đây là cơ sở quan trọng nhằm tạo ra sự phát triển toàn diện cho mỗi con người có đầy đủ phẩm chất, năng lực tham gia một cách chủ động, tự giác, tích cực vào các hoạt động pháp luật với động cơ đúng đắn và hiệu quả.

Giáo dục chính trị và tư tưởng cho đồng bào dân tộc Raglai ở Việt Nam cần hướng tới việc trang bị cho người dân những quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng, đặc biệt là sự trung thành với các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, lý luận về đường lối đổi mới; mục tiêu độc lập dân tộc và CNXH. Đồng thời, cần phổ biến các chính sách, pháp luật của Nhà nước, đặc biệt là chính sách dân tộc, tôn giáo, phát triển KT-XH ở vùng đồng bào DTTS. Từ đó, giúp đồng bào Raglai ổn định tư tưởng, vững tin vào sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước và xây dựng cho mình bản lĩnh chính trị vững vàng, lập trường kiên định.

Giáo dục pháp luật cho đồng bào Raglai ở Việt Nam không chỉ là việc cung cấp thông tin, kiến thức pháp lý mà còn phải kết hợp với giáo dục đạo đức, lối sống tiến bộ, phù hợp với những giá trị văn hóa, phong tục, tập quán của người dân. Điều này giúp đồng bào dân tộc Raglai tránh xa những thói hư, tật xấu và các hủ tục lạc hậu; nâng cao ý thức cảnh giác để không bị các thế lực thù địch, các

loại tội phạm mua chuộc, lôi kéo, dụ dỗ, kích động để chống phá Đảng, Nhà nước ta và công cuộc đổi mới đất nước, đi lên xây dựng CNXH. Mục tiêu của giáo dục đạo đức và pháp luật là hình thành ở mỗi cá nhân những hành vi hợp pháp, hợp đạo đức, góp phần xây dựng một xã hội dân chủ, công bằng, văn minh, nơi mọi người dân đều tuân thủ pháp luật và sống theo những chuẩn mực đạo đức xã hội.

Chất lượng, hiệu quả công tác GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai ở Việt Nam sẽ được nâng cao, khi được triển khai thực hiện các giải pháp một cách đồng bộ, toàn diện, có sự gắn kết chặt chẽ với giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức và lối sống. Chỉ khi đó, GDPL mới thực sự trở thành công cụ mạnh mẽ trong việc thúc đẩy sự phát triển bền vững của cộng đồng dân tộc Raglai, góp phần bảo vệ, phát huy các giá trị nhân văn của con người, hướng tới xây dựng con người Việt Nam mới theo đúng định hướng đề ra.

4.2.4. Giáo dục pháp luật phải gắn phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội ở vùng đồng bào dân tộc Raglai góp phần xây dựng xã hội trật tự, kỷ cương, an toàn, lành mạnh

Giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Raglai ở Việt Nam với mục tiêu nâng cao nhận thức, hiểu biết pháp luật của người dân cần phải trở thành động lực mạnh mẽ, thúc đẩy sự phát triển toàn diện về kinh tế, văn hóa và xã hội tại địa phương. Để khai thác, phát huy tối đa tiềm năng trí tuệ, kinh nghiệm, nguồn lực của đồng bào dân tộc Raglai cần làm cho người dân hiểu rõ, hiểu đúng, hiểu đầy đủ các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và các quy định của cấp ủy, chính quyền địa phương. Đồng thời, tạo điều kiện cho đồng bào dân tộc Raglai tham gia đóng góp ý kiến về các dự thảo kế hoạch phát triển KT-XH, phương án chuyển đổi cơ cấu kinh tế, quy hoạch sản xuất và phát triển ngành nghề tại địa phương. Bên cạnh đó, tạo điều kiện để người dân được tham gia thảo luận để giải quyết các vấn đề khó khăn, vướng mắc trong sản xuất, phát triển kinh tế, nhằm chuyển đổi cơ cấu ngành nghề phù hợp với điều kiện lịch sử, địa lý của địa phương, đẩy mạnh áp dụng các thành tựu khoa học, kỹ thuật vào sản xuất để tạo việc làm, nâng cao thu nhập và cải thiện mức sống cho cộng đồng.

Thực tiễn công tác GDPL đã mang lại những kết quả tích cực trong việc phát triển KT-XH ở vùng đồng bào dân tộc Raglai, như: số hộ nghèo giảm dần, người dân tự giác đóng góp đất đai, tiền bạc, thời gian, công sức để xây dựng, phát triển cơ sở hạ tầng nông thôn. Sự phát triển mạnh mẽ KT-XH sẽ tạo ra những điều kiện thuận lợi để nâng cao hiệu quả GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai trong thời gian tới.

Giáo dục pháp luật cho đồng bào Raglai cần phải gắn liền với việc xây dựng đời sống văn hóa, xã hội tại địa phương. Bởi vì, thông qua công tác GDPL, đặc biệt là các quy định về thực hiện dân chủ ở cơ sở, đồng bào dân tộc Raglai đã có nhận thức pháp lý rõ ràng hơn, đầy đủ hơn, tích cực phát huy quyền làm chủ trong việc xây dựng đời sống văn hóa, xã hội tại địa bàn. Đồng thời, chủ động tham gia xây dựng các nội quy, quy ước về xây dựng thôn, tộc, họ văn hóa với các nội dung hướng tới sự văn minh, tiến bộ, góp phần loại bỏ những hủ tục lạc hậu, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống, các phong tục, tập quán tốt đẹp trong cộng đồng. Việc xây dựng môi trường văn hóa, xã hội lành mạnh, trật tự sẽ góp phần bảo vệ và giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc Raglai. Vì vậy, kinh tế, văn hóa, xã hội phát triển chính là yếu tố bảo đảm an ninh chính trị và trật tự xã hội ổn định ở vùng đồng bào dân tộc Raglai sinh sống.

4.3. Các giải pháp bảo đảm giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Raglai ở Việt Nam

4.3.2. Rà soát, xây dựng, hoàn thiện thể chế, chính sách về công tác giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Raglai ở Việt Nam

Mục tiêu của giải pháp: nhằm quán triệt thực hiện hiệu quả các quan điểm, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; phát huy vai trò chủ trì của Bộ Tư pháp và trách nhiệm phối hợp của các chủ thể khác có liên quan; nhằm tạo cơ sở pháp lý để thống nhất về mặt nhận thức, hoạt động thực tiễn góp phần nâng cao hiệu quả thực hiện Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam trong giai đoạn mới gắn với việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 80-NQ/TW ngày 07/01/2026 của Bộ Chính trị về phát triển văn hóa Việt Nam.

Chủ thể thực hiện giải pháp: Quốc hội ban hành các dự án luật liên quan đến GDPL nói chung, GDPL cho đồng bào DTTS nói riêng; Chính phủ ban hành các nghị định hướng dẫn triển khai thực hiện các dự án luật đã được Quốc hội thông qua; Bộ Tư pháp ban hành các thông tư, quyết định nhằm cụ thể hóa việc tổ chức thực hiện; cấp ủy, chính quyền địa phương và các chủ thể khác có trách nhiệm phối hợp triển khai thực hiện trong thực tiễn.

Nội dung, biện pháp thực hiện:

Để thực hiện thắng lợi được mục tiêu được xác định trong Nghị quyết số 26/NQ/TW, ngày 03/11/2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế, xã hội gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 là*: "Phát triển kinh tế đi đôi với bảo đảm tiến bộ và công bằng xã hội; giảm nghèo bền vững, nhất là đối với đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới, bãi ngang, hải đảo",* vấn đề mang tính nền tảng, định hướng chiến lược là phải hoàn thiện thể chế, chính sách pháp luật. Bởi vì, khi các chủ trương, đường lối, chính sách pháp luật được ban hành theo đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền, phù hợp với yêu cầu của tình hình thực tiễn và đặc điểm của đồng bào DTTS sẽ góp phần quan trọng trong việc tạo lập cơ sở pháp lý vững chắc để thống nhất trong nhận thức và hành động thực tiễn, tạo được sự đồng tình, ủng hộ của quần chúng nhân dân giúp nâng cao hiệu quả công tác GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai ở Việt Nam. Vì vậy, cần tập trung thực hiện tốt một số nhiệm vụ sau:

Một là, rà soát, bổ sung, hoàn thiện về quan điểm, nội dung tiếp cận được quy định trong Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật, năm 2012 theo hướng: (1) Cách thức: cần tiếp cận dựa trên tư duy quyền và bảo đảm thực hiện quyền, trọng tâm là quyền được thông tin về pháp luật và được giáo dục ý thức pháp luật để hình thành nhân cách con người phát triển toàn diện. Quyền được thông tin về pháp luật phải là quyền con người chứ không phải chỉ là quyền công dân, bởi vì công dân Việt Nam, người nước ngoài cư trú tại Việt Nam đều có nghĩa vụ phải tuân thủ, chấp hành Hiến pháp, pháp luật Việt Nam. (2) Nội dung: quyền được thông

tin về pháp luật bao gồm: quyền tự do tìm kiếm thông tin pháp luật; quyền được biết thông tin về những nội dung sửa đổi, bổ sung, quy định mới; các hành vi bị nghiêm cấm và chế tải xử lý đối với hành vi vi phạm; quyền được nêu ý kiến, bày tỏ quan điểm, thái độ trong quá trình xây dựng, ban hành VBQPPL.

Hai là, rà soát, thay đổi về đối tượng, mức độ, phạm vi, phương pháp được quy định trong Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật, năm 2012 theo hướng: (1) nhận diện đầy đủ hơn về khái niệm, đặc điểm của GDPL; phân biệt rõ biệt giữa thông tin về pháp luật với GDPL với truyền thông chính sách, tuyên truyền, giáo dục ý thức chính trị, các hoạt động GDPL chuyên biệt thông qua các hoạt động thực tế pháp lý của các chủ thể. (2) đối tượng điều chỉnh: các quan hệ xã hội phát sinh trong hoạt động GDPL gắn với việc ghi nhận, tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm quyền được thông tin về pháp luật của con người; bảo đảm sự tôn trọng, tuân thủ và chấp hành Hiến pháp và pháp luật của các chủ thể đáp ứng yêu cầu quản lý xã hội bằng pháp luật; các thiết chế trong hệ thống chính trị và toàn xã hội vận hành trong khuôn khổ Hiến pháp, pháp luật để bảo đảm cho pháp luật được thực thi nghiêm chỉnh, thống nhất và phát huy đầy đủ vai trò điều chỉnh trong đời sống xã hội; định rõ phạm vi trách nhiệm của Nhà nước trong GDPL; (3) mức độ, phạm vi, phương pháp: GDPL phải được điều chỉnh dưới hình thức văn bản luật; bảo đảm sự kết hợp giữa phương pháp cưỡng chế bắt buộc *(đối với các hành vi bị nghiêm cấm, các nghĩa vụ, trách nhiệm pháp lý của các chủ thể),* với phương pháp giáo dục, thuyết phục, động viên, khuyến khích trong phát huy ý thức tự giác, tích cực, chủ động của các chủ thể trong học tập, tìm hiểu pháp luật, trong tuân thủ, chấp hành Hiến pháp và pháp luật và tham gia GDPL cho cán bộ và nhân dân.

Ngoài ra, cần nghiên cứu, bổ sung các quy định liên quan đến việc hiện đại hóa, ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số theo tinh thần của Nghị quyết số 57-NQ/TW nhằm tạo cơ sở pháp lý cho sự phát triển, triển khai toàn diện, đồng bộ, hiệu quả của các công cụ và nền tảng số cho công tác GDPL nói chung, GDPL cho đồng bào DTTS nói riêng.

Ba là, rà soát, đổi mới về nội dung, nguồn lực và các điều kiện bảo đảm, hiệu quả điều chỉnh được quy định trong Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật, năm 2012 theo hướng: (1) nội dung điều chỉnh: tập trung vào chính sách về GDPL; các nguyên tắc GDPL; các hành vi bị nghiêm cấm và chế tài xử lý; địa vị pháp lý của các chủ thể (đối tượng GDPL, chủ thể GDPL); nội dung, hình thức GDPL; hoạt động GDPL và các tiêu chí đánh giá hiệu quả công tác GDPL; trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức có liên quan trong GDPL; các điều kiện và nguồn lực bảo đảm thực hiện công tác GDPL; quản lý nhà nước về GDPL. (2) nguồn lực và điều kiện bảo đảm: làm rõ cơ sở của việc bố trí, phân bổ các nguồn lực; điều kiện bảo đảm thực hiện GDPL và tiêu chí đánh giá hiệu quả sử dụng các nguồn lực; hoàn thiện các quy định về nguồn lực bảo đảm cho công tác GDPL; có chính sách hỗ trợ đối với các địa phương chưa tự cân đối được ngân sách và chính sách xã hội hóa, huy động các nguồn lực xã hội tham gia GDPL; dự liệu đầy đủ nguồn nhân lực và kinh phí, cơ sở vật chất bảo đảm triển khai công tác GDPL trong tình hình mới, nhất là tại các địa phương có điều kiện KT-XH đặc biệt khó khăn chưa tự cân đối được ngân sách, cũng như trong bảo đảm triển khai chủ trương, chính sách về tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động GDPL. (3) hiệu quả điều chỉnh: sự chuyển biến tích cực trong nhận thức, hành vi, thái độ, tình cảm, ứng xử của các chủ thể đối với pháp luật trước và sau khi điều chỉnh bằng pháp luật so với chi phí và nguồn lực đầu tư, những tác động mang tính xã hội lên tính bền vững của tình hình ổn định xã hội.

Ngoài ra, xây dựng các tiêu chí đánh giá mức độ hiệu quả điều chỉnh của chính sách pháp luật gồm: (1) mức độ thẩm thấu của ý thức pháp quyền trong đời sống xã hội; (2) mức độ, tình hình vi phạm pháp luật trong xã hội từ phía các chủ thể do thiếu hiểu biết pháp luật; (3) mức độ và tình hình các chủ thể tự giác, chủ động học tập, tìm hiểu pháp luật; (4) mức độ và tình hình các chủ thể tích cực, tự giác và chủ động thực hiện các quyền và nghĩa vụ pháp lý; (5) mức độ và tình hình các chủ thể pháp luật tham gia quản lý nhà nước và quản lý xã hội; (6) mức độ hoàn thiện và tính ổn định của hệ thống pháp luật; (7) tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội của đất nước, của địa phương…

4.3.2. Nâng cao nhận thức, trách nhiệm cấp uỷ, chính quyền địa phương, đội ngũ cán bộ, đảng viên về vị trí, vai trò của công tác giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Raglai ở Việt Nam

Mục tiêu của giải pháp: thực hiện hiệu quả các quan điểm, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, phục vụ thắng lợi các mục tiêu phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh tại địa bàn nơi tập trung đông đồng bào dân tộc Raglai sinh sống theo tinh thần của Nghị quyết số 26/NQ/TW ngày 03/11/2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế, xã hội gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Chủ thể thực hiện giải pháp: trên cơ sở các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh nói chung, GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai nói riêng, cấp ủy, chính quyền địa phương ban hành các chương trình, kế hoạch công tác để triển khai thực hiện; chủ động phát hiện những khó khăn, vướng mắc, hoặc những vấn đề nảy sinh trong thực tiễn nhưng chưa được điều chỉnh để kịp thời tham mưu, đề xuất với cấp có thẩm quyền quyết định các giải pháp, phương án xử lý kịp thời, hiệu quả.

Nội dung, biện pháp thực hiện:

Tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy, chính quyền địa phương trong công tác GDPL cho đồng bào DTTS nói chung, đồng bào dân tộc Raglai nói riêng không chỉ giúp nâng cao nhận thức pháp lý của cộng đồng mà còn giúp tạo lập môi trường pháp lý vững chắc, góp phần duy trì trật tự xã hội, bảo vệ quyền lợi hợp pháp của công dân, thúc đẩy sự phát triển bền vững và hòa nhập xã hội. Đây là *"chìa khóa"* để các chính sách, chương trình GDPL được triển khai hiệu quả và có tác động sâu rộng đến mọi tầng lớp nhân dân, trong đó có đồng bào dân tộc Raglai. Đồng thời, báo cáo tổng kết 15 năm thực hiện Chỉ thị số 32-CT/TW ngày 09/12/2003 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật đã khẳng định: *"Công tác phổ biến giáo dục pháp*

luật chưa được quan tâm đúng mức ở một số cơ quan, tổ chức. Việc đôn đốc, hướng dẫn, kiểm tra, sơ kết, tổng kết; để đúc rút kinh nghiệm, tìm giải pháp phù hợp nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả của công tác phổ biến giáo dục pháp luật chưa được chú trọng". Vì vậy, để góp phần nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cấp ủy, lãnh đạo chính quyền địa phương, đội ngũ cán bộ, đảng viên cần tập trung thực hiện tốt một số nhiệm vụ chính sau:

Thứ nhất, tăng cường nghiên cứu, phổ biến, quán triệt các văn bản, chỉ thị, nghị quyết của đảng ủy cấp trên về công tác GDPL nói chung, GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai ở Việt Nam nói riêng. Trọng tâm là, Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật, năm 2012; Chỉ thị số 32-CT/TW ngày 09/12/2003 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật; Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới; Nghị quyết số 26/NQ/TW ngày 03/11/2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế, xã hội gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Qua đó, giúp cấp ủy và cán bộ, đảng viên nâng cao nhận thức về vị trí, vai trò của *GDPL "là một bộ phận của công tác giáo dục chính trị tư tưởng, là nhiệm vụ quan trọng, thường xuyên của mỗi cấp ủy, tổ chức đảng, của các cơ quan, đơn vị. PBGDPL là khâu đầu tiên của hoạt động thực thi pháp luật, có vai trò như "cầu nối" giữa pháp luật và thực tiễn cuộc sống. Chỉ khi làm tốt công tác PBGDPL mới giúp cho các cơ quan, đơn vị, mỗi tổ chức và cá nhân xác định đúng phạm vi, đối tượng điều chỉnh của pháp luật, nâng cao nhận thức, ý thức để chấp hành pháp luật một cách tự giác, nghiêm minh"*.

Thứ hai, tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra về tiến độ, hiệu quả công tác GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai. Trong đó, cần chủ động làm tốt công tác nắm tình hình, đưa công tác GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai vào chương trình, kế hoạch công tác hàng năm của các cấp ủy, chính quyền địa phương. Định kỳ, đột xuất tiến hành thanh tra, kiểm tra tiến độ, hiệu quả công tác GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai để kịp thời phát hiện, giải quyết những khó khăn, vướng mắc;

phát hiện, nhân rộng những cách làm hay, sáng tạo, hiệu quả, hoặc những vấn đề mới phát sinh trong thực tiễn để có biện pháp điều chỉnh, cập nhật kịp thời. Đồng thời, phát huy vai trò trách nhiệm nêu gương, tiền phong, gương mẫu của cán bộ, đảng viên, nhất là bí thư, cấp ủy địa phương trong công tác GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai ở Việt Nam; lấy hiệu quả của công tác GDPL là một trong những tiêu chí quan trọng để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của cấp ủy cấp trên trực tiếp, cấp ủy viên được phân công phụ trách.

Ba là, phát huy vai trò giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã và các tổ chức thành viên, quần chúng nhân dân đối với việc lãnh đạo, tổ chức thực hiện công tác GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai ở Việt Nam. Trọng tâm là, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã thường xuyên lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức các hoạt động nhằm tăng cường và phát huy vai trò giám sát, phản biện xã hội đối với hoạt động của cấp ủy, chính quyền địa phương, nhất là trong việc chấp hành các nghị quyết, chương trình, kế hoạch lãnh đạo công tác GDPL nói chung, GDPL cho đồng bào DTTS nói riêng. Tiếp tục lãnh đạo công tác nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn để phân tích, đánh giá, nhận diện một cách sâu sắc, đầy đủ, toàn diện, hệ thống các vấn đề có liên quan đến GDPL, nhất là đối với đồng bào dân tộc Raglai, từ đó đưa ra các phương án giải quyết tối ưu nhất. Tổng kết thực tiễn công tác GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai để rút ra những bài học kinh nghiệm; phát huy những kết quả đạt được; khắc phục những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân; đề ra giải pháp khắc phục, giải quyết kịp thời. Tăng cường công tác GDPL cho nhằm nâng cao nhận thức, trình độ, dân trí pháp lý cho người vùng người DTTS để thấy được vị trí, vai trò của pháp luật trong quản lý nhà nước và xã hội cũng như trong bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của họ, để từ đó người dân thấy tin yêu pháp luật, coi pháp luật như là công cụ bảo vệ mỗi khi tham gia vào đời sống pháp luật.

4.2.3. Xây dựng đội ngũ cán bộ thực hiện công tác giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Raglai ở Việt Nam đáp ứng yêu cầu của thực tiễn

Mục tiêu của giải pháp: xây dựng đội ngũ cán bộ chuyên trách, báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật đủ về số lượng, bảo đảm về chất lượng với cơ

cấu phù hợp, có phẩm chất đạo đức, trình độ năng lực chuyên môn và uy tín ngang tầm nhiệm vụ; nâng cao tinh thần trách nhiệm của chủ thể, đối tượng của công tác GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai ở Việt Nam.

Chủ thể thực hiện giải pháp: Bộ Tư pháp là cơ quan chủ trì, trực tiếp là cấp ủy, chính quyền địa phương; các cơ sở đào tạo về luật học, đội ngũ báo cáo viên, truyên truyền viên pháp luật và các chủ thể khác có liên quan.

Nội dung, biện pháp thực hiện:

Trong quá trình lãnh đạo cách mạng, Đảng ta luôn khẳng định: *"Cán bộ là nhân tố quyết định sự thành bại của cách mạng";* công tác cán bộ là khâu *"then chốt của then chốt"*. Vì vậy, xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ, đủ khả năng làm việc trong môi trường quốc tế là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu, là công việc hệ trọng của Đảng, phải được tiến hành thường xuyên, thận trọng, khoa học, chặt chẽ và hiệu quả và thực tiễn đã chứng minh rằng: vấn đề tiên quyết nhất của mọi vấn đề đều phải bắt đầu từ con người. Tổ chức bộ máy dù có tinh gọn, khoa học đến mấy; cơ chế lãnh đạo, hoạt động dù có thông suốt đến đâu; nguồn lực vật chất dù có đầy đủ đến mấy cũng sẽ không phát huy được hiệu quả tối đa, nếu như nguồn lực con người không được phát huy, đội ngũ cán bộ không được bảo đảm về số lượng, chất lượng. Vì vậy, lực lượng chức năng cần thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ cơ bản như:

Thứ nhất, thực hiện đồng bộ các khâu của công tác cán bộ, từ xây dựng tiêu chuẩn, lựa chọn, sử dụng, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, luân chuyển, điều động, bổ nhiệm, miễn nhiệm, quản lý, đánh giá, đến thực hiện chế độ, chính sách cho đội ngũ cán bộ. Trước yêu cầu tinh gọn tổ chức, tinh giản biên chế, nhiệm vụ quan trọng, cấp bách trước tiên cần thực hiện là cấp ủy, chính quyền địa phương phải tiến hành rà soát, đánh giá lại tổng thể đội ngũ cán bộ chuyên trách, đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật; đặt trong tổng thể việc rà soát, đánh giá lại tổng thể đội ngũ cán bộ theo tinh thần Nghị quyết số 56-NQ/TW ngày 25/11/2024 của an Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII. Kết quả đánh giá, rà soát cán bộ là cơ sở để cơ quan chức năng xây dựng phương án bố trí, sắp xếp lại đội ngũ cán bộ theo tinh thần Nghị định 67/2025/NĐ-CP ngày 15/3/2025 sửa đổi, bổ sung một

số điều của Nghị định 178/2024/NĐ-CP của Chính phủ về chính sách, chế độ đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và lực lượng vũ trang trong thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị. Đồng thời, tiếp tục rà soát đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật theo hướng chuyên sâu, chuyên nghiệp, hiệu quả và chỉ công nhận, duy trì hoạt động đối với các cá nhân thật sự có năng lực, hoạt động thực chất, có hiệu quả. Xây dựng chính sách hỗ trợ để thu hút đội ngũ chuyên gia pháp luật tham gia GDPL cho nhân dân và xác định đây là lực lượng nòng cốt để thực hiện công tác này; có chính sách ưu tiên sử dụng người biết sử dụng ngôn ngữ, người có uy tín trong cộng đồng ở vùng tập trung đông đồng bào dân tộc Raglai sinh sống.

Thứ hai, đổi mới công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ chuyên trách trong công tác quản lý nhà nước về giáo dục pháp luật, đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật theo hướng:

Bộ Tư pháp phối hợp với Bộ Giáo dục và đào tạo trong việc rà soát, ban hành chương trình đào tạo, bồi dưỡng kiến thức gắn với từng đối tượng, địa bàn cụ thể. Trên cơ sở đó, các cơ sở đào tạo chủ trì biên soạn hệ thống giáo trình, tài liệu dạy học nhằm trang bị, cập nhật, bổ sung kiến thức, kỹ năng cơ bản, hoặc chuyên sâu cho đội ngũ cán bộ quản lý, báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật. Quá trình biên soạn giáo trình, tài liệu dạy học phải thường xuyên cập nhật, bổ sung các quan điểm, định hướng chiến lược của Đảng, Nhà nước về xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật gắn với quá trình xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam; gửi lấy ý kiến góp ý các nhà khoa học, các chuyên gia thực tiễn, cán bộ quản lý có nhiều kinh nghiệm nhằm tăng cường sự gắn kết giữa lý luận với thực tiễn. Tăng cường tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên sâu giúp nâng cao kiến thức, kinh nghiệm và kỹ năng nắm bắt tình hình, triển khai hiệu quả các nội dung, hình thức GDPL nhằm hình thành lòng tin vào pháp luật, thói quen hành xử, ý thức tự giác, nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật cho đồng bào dân tộc Raglai ở Việt Nam; nâng cao hiệu năng, hiệu lực quản lý nhà nước, xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân.

Cấp ủy, chính quyền địa phương phải tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo việc xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng để đội ngũ cán bộ quản lý, báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật có điều kiện được nâng cao năng lực, trình độ chuyên môn, thông qua việc định kỳ tổ chức đánh giá, phân loại cán bộ hàng năm. Trong đó, chú trọng đào tạo cán bộ quản lý, báo cáo viên, tuyên truyền viên theo hướng toàn diện, hiểu biết đa ngành, đa lĩnh vực, đồng thời được trang bị kiến thức chuyên sâu về quản lý hành chính Nhà nước, hệ thống pháp luật Việt Nam và quốc tế, có trình độ tin học, ngoại ngữ theo quy định. Đồng thời, cử cán bộ tham gia tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên sâu theo đúng thành phần triệu tập; tạo điều kiện để cán bộ hoàn thành tốt chương trình học tập với kết quả cao nhất. Bản thân mỗi cán bộ, báo cáo viên, tuyên truyền viên phải không ngừng cố gắng, nỗ lực, vượt qua mọi khó khăn, thử thách nhằm rèn luyện, nâng cao bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức cách mạng; nâng cao trình độ, năng lực chuyên môn nhằm phấn đấu có đủ phẩm chất, năng lực, uy tín để làm việc trong môi trường quốc tế.

Vụ Tổ chức cán bộ cần nghiên cứu, tham mưu với lãnh đạo Bộ Tư pháp có chính sách phù hợp để đội ngũ cán bộ quản lý, báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật yên tâm công tác và có động lực phấn đấu trong công việc. Bởi vì, suy cho cùng, tất cả quyết định bởi yếu tố con người, yếu tố con người chỉ được phát huy khi có một hệ thống chế độ, chính sách khuyến khích phù hợp. Chế độ, chính sách khuyến khích về vật chất đối với đội ngũ cán bộ là vấn đề mang tính cơ bản, chiến lược, việc thực hiện phụ thuộc vào ngân sách chung và tình hình kinh tế của đất nước, của từng địa phương nhưng chế độ, chính sách về tinh thần cũng có vai trò, động lực không kém, trong nhiều trường hợp cấp ủy, lãnh đạo chính quyền địa phương các cấp hoàn toàn có thể chủ động thực hiện được. Đó là việc ưu tiên bố trí công tác đúng chuyên môn, năng lực, sở trường; đãi ngộ, trọng dụng đúng tài năng, tâm huyết; kịp thời động viên, khen thưởng, ghi nhận sự nỗ lực, đóng góp của đội ngũ cán bộ và thông qua phong cách, phương pháp lãnh đạo, điều hành của người lãnh đạo để khuyến khích thu hút, trọng dụng nhân tài nhằm đáp ứng yêu cầu của thực tiễn đất nước ta trong kỷ nguyên mới.

Ngoài ra, cần tiến hành rà soát, lựa chọn những người có phẩm chất tốt, uy tín, ảnh hưởng trong đồng bào DTTS, có tư tưởng tiến bộ, ủng hộ chính quyền nhằm phục vụ công tác GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai. Đồng thời, tham mưu xây dựng chiến lược cán bộ làm công tác GDPL trong giai đoạn mới; đẩy mạnh xây dựng, hoàn thiện bộ máy, đội ngũ cán bộ chuyên trách bảo đảm về số lượng và chất lượng với cơ cấu phù hợp. Rà soát, lựa chọn những cá nhân phù hợp, nhất là đồng bào dân tộc Raglai để đào tạo, bồi dưỡng thành cán bộ chuyên trách nhằm góp phần phục vụ có hiệu quả cho việc triển khai các mặt hoạt động giáo dục chính sách, pháp luật trong vùng đồng bào dân tộc Raglai ở Việt Nam đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong kỷ nguyên mới.

4.2.4. Đổi mới nội dung, hình thức giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Raglai ở Việt Nam

Mục tiêu của giải pháp: Bảo đảm nội dung, hình thức GDPL bám sát thực tiễn cuộc sống và đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước, quản lý xã hội trong từng giai đoạn, địa bàn, đối tượng cụ thể gắn với việc triển khai thực hiện mô hình chính quyền địa phương hai cấp.

Chủ thể thực hiện giải pháp: Bộ Tư pháp, trực tiếp là cấp ủy, chính quyền địa phương; đội ngũ cán bộ chuyên trách, các báo cáo viên, truyên truyền viên pháp luật.

Nội dung, biện pháp thực hiện

Giáo dục pháp luật khác với các loại hình giáo dục khác ở chỗ nội dung GDPL là những quy định về quy tắc xử sự được Nhà nước ban hành, hoặc thừa nhận và bảo đảm thực hiện. Đồng thời, các quy định này đều được cấu trúc chặt chẽ từ tinh thần đến ngôn ngữ, văn phong thể hiện. Do đó, công tác GDPL phải bảo đảm nguyên tắc khoa học, chính xác, trung thành với nội dung của các VBQPPL. Đối với các điều luật thì quá trình GDPL phải hết sức chính xác, không được thông tin sai sự thật, hoặc không đầy đủ gây ra những sự nhầm lẫn không đáng có cho đối tượng GDPL. Mặt khác, pháp luật luôn được cập nhật, bổ sung, hoàn thiện để phù hợp với những biến động của tình hình thực tiễn, phù hợp với yêu cầu của đời sống xã hội. Vì vậy, nội dung, hình thức GDPL cần phải được đổi mới, cập nhật thường xuyên, liên tục trên một số phương diện cơ bản sau:

Một là, tiếp tục đổi mới nội dung GDPL nhằm bảo đảm phù hợp nhu cầu, đặc điểm của từng nhóm đối tượng, địa bàn, lĩnh vực cụ thể theo hướng lấy người dân làm trung tâm phù hợp với tinh thần của Luật Tiếp cận thông tin trong bối cảnh cuộc cách mạng khoa học 4.0 . Trong đó, lực lượng chức năng cần xác định rõ nhu cầu, đặc điểm của từng nhóm đối tượng, địa bàn, lĩnh vực để lựa chọn những vấn đề trọng tâm, cơ bản để GDPL cho sát hợp với thực tiễn; nội dung GDPL cần được xây dựng trên cơ sở các vấn đề pháp lý phát sinh thường gặp trong thực tiễn đời sống, đáp ứng nhu cầu tìm hiểu pháp luật của người dân. Đồng thời, tăng cường tổ chức các cuộc khảo sát, thăm dò ý kiến của người dân để chủ động nắm bắt nhu cầu, nguyện vọng, hoặc những khó khăn, vướng mắc của người dân trong việc tiếp cận, áp dụng pháp luật vào thực tiễn cuộc sống. Kịp thời thông tin đầy đủ ngay từ khi soạn thảo các vấn đề có tác động lớn đến xã hội, hoặc các vấn đề được xã hội quan tâm, cần định hướng dư luận xã hội để tạo sự đồng thuận cao trong thực thi chính sách, pháp luật. Ngoài ra, cần lựa chọn chọn thời điểm triển khai công tác GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai cho phù hợp với đặc điểm, lịch trình sinh hoạt của từng nhóm đối tượng cụ thể để tăng cường sự tham gia và nâng cao khả năng tiếp nhận kiến thức pháp luật.

Hai là, đẩy mạnh đổi mới về hình thức GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai ở Việt Nam. Trong đó, cần tăng cường trao đổi, đối thoại, giải đáp pháp luật để nâng cao hiệu quả công tác GDPL; chú trọng GDPL qua hoạt động điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án và trong triển khai công tác tuyên giáo và dân vận của Đảng, tuyên truyền, vận động quần chúng nhân dân của các tổ chức đoàn thể xã hội. Nâng cao hiệu quả công tác GDPL trên các phương tiện truyền thông đại chúng, các cơ quan báo chí nhất là truyền thông số, đa phương tiện để gia tăng sự tương tác giữa các chủ thể, cung cấp thông tin chính xác, nhanh nhạy, kịp thời và đa chiều, nhất là các hình thức GDPL thông qua "*sách nói pháp luật",* báo điện tử, trang thông tin điện tử, tài liệu tuyên tryền song ngữ... Tăng cường các hoạt động lồng ghép GDPL trong quá trình tổ chức các lễ hội, các hoạt động sinh hoạt văn hóa truyền thống của đồng bào các dân tộc, trong đó có đồng bào Raglai. Gắn kết giữa GDPL với các cuộc vận động khác do Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các

tổ chức thành viên của Mặt trận phát động như: "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá ở khu dân cư", lồng ghép và đưa các nội dung về xây dựng nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, lễ hội; từ bỏ các tục lệ lạc hậu... vào các cuộc vận động. Thực hiện việc xây dựng và thực hiện quy ước, hương ước cộng đồng, nhằm từng bước vận động nhân dân thực hiện nếp sống văn hoá, xóa bỏ các các quy định của luật tục lạc hậu, mê tín dị đoan...

Ba là, tăng cường các đợt trợ giúp pháp lý lưu động, thường xuyên cử công chức xuống địa bàn cơ sở để triển khai tổ chức thực hiện công tác GDPL; tổ chức các phiên tòa xét xử lưu động đối với những vụ án nổi cộm, được dư luận xã hội quan tâm tại địa bàn cơ sở; kết hợp chặt chẽ giữa GDPL với giáo dục luật tục, các phong tục, tập quán tốt đẹp của đồng bào DTTS nói chung, đồng bào dân tộc Raglai nói riêng. Các hoạt động GDPL có mối quan hệ biện chứng với nhau trong việc nâng cao nhận thức pháp luật cho người dân, xây dựng ý thức pháp luật và hình thành thói quen *"sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật".* Vì vậy, cần gắn kết chặt chẽ hơn nữa hoạt động GDPL với hoạt động luật sư, tư vấn pháp luật, trợ giúp pháp lý, hòa giải ở cơ sở qua các vụ việc, tình huống, sự kiện cụ thể; chủ động phát hiện, nhân rộng những cách làm hay, sáng tạo, hiệu quả, như: mô hình Ngày Pháp luật; tư vấn pháp luật lưu động, các cuộc thi tìm hiểu pháp luật; tuyên truyền miệng, tổ chức hội nghị quán triệt, phổ biến văn bản mới... nhằm góp phần thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 03/11/2022 của Bộ Chính trị về việc phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Nam Trung Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Ngoài ra, cần phát huy tối đa mọi nguồn lực để triển khai thực hiện có hiệu quả nội GDPL với mục tiêu hài hoà mối quan hệ giữa tri thức pháp luật với tri thức tiến bộ của luật tục bản địa, giải quyết hợp lý xung đột giữa pháp luật và luật tục bản địa.

4.2.5. Đẩy mạnh chuyển đổi số trong công tác giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Raglai ở Việt Nam

Mục tiêu của giải pháp: Nhằm quán triệt thực hiện hiệu quả Quyết định số 471/QĐ-TTg, ngày 26/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật giai đoạn 2019 - 2021 và Quyết định số 749/QĐ-TTg gày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 và Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

Chủ thể thực hiện giải pháp: Bộ Tư pháp; cấp ủy, chính quyền địa phương; cơ sở giáo dục; các tổ chức chính trị, xã hội và cá nhân có liên quan.

Nội dung, biện pháp thực hiện

Đẩy mạnh chuyển đổi số trong GDPL nói chung, cho đồng bào dân tộc Raglai ở Việt Nam nó riêng là một yêu cầu tất yếu khách quan trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang diễn ra mạnh mẽ. Bởi vì, công nghệ số giúp phá vỡ các rào cản về không gian, thời gian giúp người dân tiếp cận thông tin pháp luật mọi lúc, mọi nơi; các nền tảng trực tuyến, ứng dụng di động, mạng xã hội... Qua đó, giúp nâng cao hiệu quả công tác GDPL, nhất là đối với đồng bào ở vùng sâu, vùng xa, những người có hoàn cảnh khó khăn.

Một là, rà soát hệ thống cơ sở hạ tầng thông tin, kỹ thuật, các trang thiết bị, nguồn nhân lực phục vụ công tác chuyển đổi số trong GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai ở Việt Nam. Trong đó, cần đánh giá được thực trạng mức độ phủ sóng, tốc độ đường truyền Internet, xác định rõ các vùng *"lõm sóng"* để có phương án khắc phục. Đánh giá số lượng, chất lượng hệ thống cơ sở vật chất phục vụ công tác chuyển đổi số, nhất là các thiết bị máy tính, máy chiếu, thiết bị âm thanh, chiếu sáng... tại các điểm trường, nhà văn hóa, trụ sở uỷ ban nhân dân cấp xã; kiểm tra hệ thống mạng nội bộ, kả năng bảo đảm kết nối ổn định giữa các thiết bị, giữa các khu vực và địa bàn và các vấn đề liên quan đến bảo mật của hệ thống thông tin. Đồng thời, đánh giá số lượng và trình độ chuyên môn, nhất là kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin của đội ngũ cán bộ chuyên trách, các báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật và những người có uy tín trong đồng bào dân tộc Raglai, sự phối hợp của các tổ chức, cá nhân có liên quan. Thông qua việc rà soát kỹ lưỡng

các vấn đề trên giúp cơ quan chức năng có cơ sở khoa học để nghiên cứu, đề xuất với cấp có thẩm quyền ban hành các giải pháp phù hợp, hiệu quả góp phần nâng cao hiệu quả công tác chuyển đổi số trong GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai ở Việt Nam nhằm đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số quốc gia.

Hai là, số hóa đầy đủ các VBQPPL, tài liệu nghiệp vụ GDPL. Trong đó, cần tập trung số hóa những VBQPPL mới được ban hành, tài liệu tập huấn chuyên sâu về các văn bản mới, các tài liệu họp báo, ra thông cáo báo chí về văn bản này. Đăng tải đầy đủ, kịp thời, hệ thống các thông tin trên các phương tiện tryền thông đại chúng, Cổng thông tin Phổ biến, GDPL của quốc gia, của địa phương với tư cách là thiết chế cung cấp thông tin pháp luật chính thức với các trường thông tin đa dạng, phù hợp với nhu cầu tìm hiểu của nhân dân nói chung, đồng bào dân tộc Raglai ở Việt Nam nói riêng. Xây dựng, số hóa các Bộ pháp điển, không chỉ bao gồm các quy phạm pháp luật đang có hiệu lực mà còn chứa đựng các quy phạm pháp luật đã được sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc chấm dứt hiệu lực để tích hợp, kết nối, liên thông với Cổng thông tin Phổ biến, GDPL quốc gia. Xây dựng các bộ tập hợp hóa văn bản pháp luật gắn với nghiên cứu, bình luận chuyên sâu của các chuyên gia để làm rõ nội dung, tinh thần của văn bản có so sánh, đối chiếu với các chuẩn mực quốc tế và dựa trên cơ sở lý luận của các học thuyết pháp lý.

Ba là, xây dựng, số hóa các tài liệu GDPL dùng chung trong cả nước; các tài liệu GDPL đặc thù dành riêng cho từng nhóm đối tượng, địa bàn, lĩnh vực cụ thể; tài liệu GDPL chuyên sâu cho đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật và cán bộ làm công tác quản lý nhà nước về lĩnh vực này. Kết nối, liên thông, chia sẻ nguồn thông tin, tài liệu GDPL từ Cổng thông tin Phổ biến, GDPL quốc gia xuống địa bàn cơ sở để người dân dễ dàng tiếp cận, khai thác, sử dụng. Xây dựng Cổng thông tin điện tử Phổ biến, GDPL quốc gia kết nối, liên thông, chia sẻ dữ liệu với Cơ sở dữ liệu pháp luật quốc gia; tủ sách pháp luật điện tử quốc gia; Công báo điện tử và các cơ sở dữ liệu pháp luật khác; với Trang thông tin Phổ biến, GDPL trên Cổng thông tin điện tử của bộ, ngành, đoàn thể, địa phương. Đây sẽ là kênh cung cấp thông tin pháp luật chính thức của Nhà nước; là nguồn tích hợp, trích xuất các thông tin về pháp luật cho cơ sở dữ liệu khác. Đồng thời, cần

nghiên cứu, bổ sung các bản án, quyết định của Tòa án chứa đựng các án lệ, các bình luận chuyên sâu của các chuyên gia…

Bốn là, tổ chức các cuộc thi trực tuyến tìm hiểu kiến thức pháp luật; kỹ năng xử lý các tình huống pháp lý; thi tìm kiếm giải pháp đổi mới công tác GDPL, thi sáng tác các tiểu phẩm GDPL để có được tài liệu GDPL có chất lượng tốt nhất làm cơ sở để xây dựng các tiểu phẩm tuyên truyền. Xây dựng các bài giảng điện tử, phát triển các phòng học trực tuyến để người dân, cán bộ có nhu cầu nghiên cứu, tìm hiểu, học tập có thể truy cập ở mọi lúc, mọi nơi. Thiết lập cơ chế để gia tăng sự tương tác giữa các chủ thể trong quá trình tiếp cận, khai thác và sử dụng để kịp thời giải tỏa vướng mắc. Nghiên cứu, sử dụng mạng xã hội để tăng cường truyền thông, GDPL để tạo sức lan tỏa xã hội; thu thập thông tin, nắm bắt nhu cầu và phản ứng của dư luận xã hội để có định hướng tương tác, điều chỉnh cho phù hợp nhằm định hướng dư luận. Thiết lập kênh đối thoại chính thức, trực tuyến giữa các cơ quan nhà nước với công dân, doanh nghiệp để thu thập, phân loại, xử lý và giải đáp kịp thời các thắc mắc của người dân, doanh nghiệp trong thi hành pháp luật.

4.2.6. Tăng cường xã hội hoá công tác giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Raglai ở Việt Nam

Mục tiêu của giải pháp: Phát huy trách nhiệm của cả hệ thống chính trị trong công tác GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai ở Việt Nam

Chủ thể thực hiện giải pháp: Đảng, Nhà nước; các bộ, ngành có liên quan; cấp ủy, chính quyền địa phương; các tổ chức và cá nhân có liên quan.

Nội dung, biện pháp thực hiện

Đẩy mạnh xã hội hoá công tác GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai ở Việt Nam là một yêu cầu cấp thiết trong bối cảnh hiện nay, nhằm nâng cao nhận thức pháp luật, thúc đẩy sự phát triển bền vững và giảm thiểu các hành vi vi phạm pháp luật trong cộng đồng. Công tác GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai là trách nhiệm chung của cả hệ thống chính trị. Do đó, tất cả các tổ chức, cá nhân có liên quan đều phải có nghĩa vụ, trách nhiệm thực hiện hiệu quả công tác này; tránh tình trạng "khoán trắng", hoặc phối hợp hình thức, đùn đẩy trách nhiệm. Để đạt được

mục tiêu này, cần có các giải pháp toàn diện, phối hợp giữa các cơ quan nhà nước, tổ chức đoàn thể, và cộng đồng dân cư.

Một là, xây dựng, hoàn thiện cơ chế phối hợp trong việc thực hiện công tác GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai. Để nhằm bảo đảm cho quá trình phối hợp được thông suốt, hiệu quả, vấn đề tiên quyết là cần xây dựng được một cơ chế phối hợp khoa học, cụ thể và hiệu quả; quy định một cách rõ ràng về vai trò, trách nhiệm và nội dung phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị và cá nhân. Trọng tâm là: (1) Phối hợp với Sở Dân tộc và Tôn giáo trong việc nắm tình hình số lượng, kết quả triển khai thực hiện các chương trình GDPL; kết quả triển khai thực hiện các chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế, xã hội; nắm tình hình và giải quyết các vấn đề liên quan đến dân tộc nói chung, dân tộc Raglai nói riêng, (2) Phối hợp với cơ quan chức năng của Bộ Tư pháp để rà soát, xây dựng, hoàn thiện pháp luật về GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai; xây dựng, hoàn thiện cơ chế phối hợp trong việc trao đổi thông tin với các sở, ban, ngành có liên quan.

Hai là, tiếp tục củng cố, kiện toàn Hội đồng phối hợp Phổ biến, GDPL các cấp theo hướng tinh, gọn mạnh, hoạt động hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả. Trong đó, các cơ quan, đơn vị cử đại diện tham gia Hội đồng phối hợp Phổ biến, GDPL cần phải rá soát, lựa chọn kỹ lưỡng các lãnh đạo, cán bộ có nhiều kinh nghiệm thực tiễn, am hiểu về pháp luật, ngôn ngữ, phong tục, tập quán của đồng bào; bảo đảm yêu cầu về tiêu chuẩn chính trị, phẩm chất đạo đức theo quy định để sẵn sàng nhận, hoàn thành tốt nhiệm vụ được cơ quan, Hội đồng giao phó. Thành viên tham gia Hội đồng chính là đại diện cho cơ quan, tổ chức mà mình đang công tác, vì vậy khi tham gia với tư cách là thành viên Hội đồng Phổ biến, GDPL, cán bộ đó phải thể hiện chính kiến, quan điểm trên phương diện của cơ quan, tổ chức mình đang công tác chứ không phải là tiếp cận trên phương diện cá nhân. Nhanh chóng rà soát, xây dựng và ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng, trong đó cần quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ; thống nhất về thành phần Hội đồng các cấp, trách nhiệm từng thành viên để phát huy tính chủ động, vai trò, trách nhiệm của từng thành viên trong hoạt động này được triển khai nhịp nhàng, liên

tục, hiệu quả, tạo ra môi trường thuận lợi để các thành viên thực hiện tốt nhiệm vụ được phân công.

Ba là, phát huy vai trò tiền phong, gương mẫu của đội ngũ cán bộ, đảng viên trong công tác GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai ở Việt Nam. Trong đó, cần nhận thức rõ đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan nhà nước và các tổ chức chính trị, xã hội không chỉ là đối tượng mà còn là chủ thể quan trọng trong công tác GDPL cho đồng bào DTTS nói chung, đồng bào dân tộc Raglai nói riêng. Ngoài việc bảo đảm yêu cầu về trình độ chuyên môn, phẩm chất đạo đức, uy tín phù hợp với công việc, đội ngũ cán bộ, đảng viên còn cần nắm vững ngôn ngữ, chữ viết của đồng bào dân tộc Raglai, am hiểu phong tục, tập quán, luật tục, lối sống, tâm lý xã hội và thói quen của đồng bào dân tộc Raglai ở nước ta. Đặc biệt, phải có khả năng hòa nhập, sống cùng, làm việc cùng người dân trong thời gian dài để thấu hiểu và gắn bó với người dân, từ đó vừa thực hiện hiệu quả công tác GDPL để đưa ra những mô hình kinh tế mẫu mực, như: kinh tế trang trại, hợp tác xã, kinh tế hộ gia đình, làm gương sáng cho đồng bào học tập, noi theo... Lực lượng chuyên trách cần thể hiện được tính tiền phong, gương mẫu và có khả năng tạo dựng, củng cố niềm tin vững chắc, trở thành chỗ dựa tinh thần cho người dân vào cuộc sống mới. Đồng thời, các cơ quan nhà nước cần lựa chọn những cán bộ, đảng viên có phẩm chất đạo đức tốt, gần gũi và sáng tạo, linh hoạt trong công tác tuyên truyền, vận động, giáo dục quần chúng. Cần ưu tiên những cán bộ có tư duy năng động, sáng tạo theo tinh thần *"7 dám"* phù hợp với yêu cầu của nền kinh tế thị trường, để họ không chỉ thực hiện tốt nhiệm vụ GDPL mà còn đóng vai trò tiền phong, gương mẫu trong việc xây dựng và phát triển KT-XH tại các thôn, xóm của đồng bào dân tộc Raglai ở nước ta.

Bốn là, phát huy vai trò của chức sắc tôn giáo, người có uy tín trong công tác GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai ở Việt Nam. Thực tiễn đã chứng minh, công tác GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai đòi hỏi một cách tiếp cận khéo léo, linh hoạt, gần gũi và phù hợp với đặc thù văn hóa truyền thống. Trong đó, chức sắc tôn giáo và người có uy tín trong cộng đồng, như: già làng, trưởng bản, người

có tiếng nói trong dòng họ... chính là những *"cánh tay nối dài"* của cấp ủy, chính quyền địa phương. Đồng bào dân tộc Raglai vốn có tính gắn kết cộng đồng rất cao, chịu ảnh hưởng lớn từ chế độ mẫu hệ truyền thống và các phong tục tập quán lâu đời nên để bảo đảm hiệu quả công tác GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai cần phải tranh thủ, phát huy vai trò của chức sắc tôn giáo, người có uy tín một cách tối đa. Trong đó, cần thường xuyên tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng kiến thức pháp luật gắn với đặc điểm tình hình của địa bàn; cung cấp tài liệu tuyên truyền ngắn gọn, dễ hiểu, có thể biên soạn bằng tiếng Raglai và tiếng Việt; cập nhật thường xuyên các quy định pháp luật liên quan trực tiếp đến đời sống của người dân, như: đất đai, hôn nhân và gia đình, bảo vệ rừng, an sinh xã hội, tín ngưỡng tôn giáo. Đồng thời, tạo điều kiện để người có uy tín tham gia các chương trình phát triển KT-XH tại địa phương; kịp thời biểu dương, khen thưởng những cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác tuyên truyền, GDPL.

Năm là, phát huy vai trò xung kích lực lượng thanh niên tình nguyện từ các trường đại học, trung cấp trên địa bàn tham gia vào các hoạt động GDPL tại cơ sở. Kết hợp sử dụng linh hoạt các hình thức GDPL trực tiếp và lồng ghép vào các hoạt động văn hóa, lễ hội của người dân để tận dụng tối đa tri thức khoa học, pháp luật đời sống và sức trẻ của các sinh viên. Việc động viên, khích lệ tinh thần của lực lượng thanh niên tình nguyện sẽ giúp họ trở thành những nhân tố chủ chốt, xung kích trong việc góp phần làm cho các hoạt động văn hóa, lễ hội trở thành nền tảng vững chắc cho sự đoàn kết, tăng cường sự giao lưu, hiểu biết lẫn nhau giữa người bản địa và người nhập cư. Điều này không chỉ giúp nâng cao sự tôn trọng đối với tri thức pháp luật mà còn thúc đẩy sự tôn trọng đối với những giá trị văn hóa tiến bộ của đồng bào dân tộc Raglai.

Sáu là, cần xây dựng cơ chế thu hút các cá nhân, hộ kinh doanh và doanh nghiệp trên địa bàn tích cực, chủ động tham gia vào công tác GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai. Việc tận dụng nguồn tài chính, tri thức pháp luật về kinh doanh, đời sống và luật tục bản địa từ phía doanh nghiệp sẽ đóng góp không nhỏ vào việc nâng cao hiểu biết pháp luật cho cộng đồng. Bên cạnh đó, công tác GDPL cho

đồng bào dân tộc Raglai không chỉ là trách nhiệm của Nhà nước mà còn là quyền lợi và nghĩa vụ của mỗi công dân. Điều này sẽ thúc đẩy sự tương trợ giữa những người có nhiều kiến thức, am hiểu pháp luật chia sẻ cho những người ít hiểu biết hơn; tạo ra không gian trao đổi giữa các lĩnh vực khác nhau, góp phần xây dựng một xã hội dân chủ, hiểu biết, công bằng, minh bạch hơn.

4.2.7. Bảo đảm cơ sở vật chất, phương tiện kỹ thuật và chính sách cho công tác giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Raglai ở Việt Nam

Mục tiêu của giải pháp: tăng cường các điều kiện bảo đảm phục vụ công tác GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai ở Việt Nam.

Chủ thể thực hiện giải pháp: Đảng ban hành các chỉ thị, nghị quyết về hợp tác quốc tế; Nhà nước cụ thể hóa thành các cơ chế, chính sách pháp luật; cấp ủy, chính quyền địa phương là cơ quan chủ trì, các cơ quan khác có trách nhiệm phối hợp triển khai thực hiện trong thực tiễn.

Nội dung, biện pháp thực hiện

Một là, bảo đảm các điều kiện về nguồn nhân lực, kinh phí và cơ sở vật chất, phương tiện kỹ thuật cho công tác GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ công tác. Hiệu lực, hiệu quả công tác GDPL liên quan mật thiết đến việc bảo đảm cơ sở vật chất, phương tiện kỹ thuật, nguồn tài chính và khả năng nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ của lực lượng chức năng có liên quan. Vì vậy, Đảng, Nhà nước, trực tiếp là cấp ủy, chính quyền địa phương cần tiếp tục tăng cường đầu tư hơn nữa nhằm nâng cấp cơ sở vật chất, phương tiện kỹ thuật, bảo đảm nguồn lực tài chính, phục vụ công tác chuyển đổi số trong GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai ở Việt Nam.

Hai là, chủ động xây dựng các chương trình, kế hoạch nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ; tổ chức triển khai nghiên cứu các dự án để ứng dụng hiệu quả vào quá trình GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai ở Việt Nam. Trên cơ sở đó, đề ra phương hướng, nhiệm vụ, mục tiêu, nội dung, phương thức nghiên cứu, ứng dụng và làm chủ các công nghệ hiện đại; đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính trong các khâu của quy trình quản lý. Tham mưu lồng ghép, hoặc đưa các

nội dung nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ vào các chính sách pháp luật, ý kiến chỉ đạo của cấp có thẩm quyền nhằm tạo cơ sở chính trị, pháp lý vững chắc để đẩy mạnh việc nghiên cứu, ứng dụng, làm chủ các công nghệ hiện đại. Bên cạnh đó, cần đẩy nhanh tiến độ khảo sát nhu cầu trang cấp phương tiện kỹ thuật để đáp ứng yêu cầu công tác chuyển đổi số trong công tác GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai ở Việt Nam; có cơ chế, chính sách hỗ trợ, đãi ngộ thích hợp đối với lực lượng tham gia vào công tác này. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, khai thác hiệu quả các văn bản pháp luật cập nhật trên không gian mạng của Chính phủ, mạng Internet, xây dựng và triển khai rộng rãi các cơ sở dữ liệu pháp luật điện tử, đồng thời tận dụng mạng lưới truyền thanh, báo chí và truyền thông để phục vụ công tác GDPL nói chung, GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai ở Việt Nam trong giai đoạn hiện nay và tương lai. Đặc biệt, cần khai thác tối đa các nguồn lực đầu tư cho GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai ở Việt Nam theo tinh thần của Quyết định số 471/QĐ-TTg, ngày 26/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án về Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật giai đoạn 2019-2021 và Quyết định số 749/QĐ-TTg gày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 và Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

Ba là, bảo đảm nguồn nhân lực, kinh phí, cơ sở vật chất phục vụ công tác GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai ở Việt Nam. Trong đó, cần chú trọng bố trí hợp lý nguồn lực, từ kinh phí, cơ sở vật chất đến nguồn nhân lực phục vụ công tác GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai ở Việt Nam, bảo đảm phù hợp với mục tiêu, yêu cầu theo đúng quy định của Luật Phổ biến giáo dục pháp luật, năm 2012 và các văn bản hướng dẫn thi hành. Đồng thời, tranh thủ tối đa nguồn lực từ đội ngũ thanh niên tình nguyện, phát huy vai trò của các già làng, trưởng thôn, cán bộ hòa giải cơ sở và những người có uy tín trong cộng đồng, đặc biệt là những người làm kinh tế giỏi, các chủ doanh nghiệp, chủ hộ kinh doanh. Tiến hành rà soát, xây

dựng các cơ chế, chính sách nhằm thu hút, khuyến khích, động viên các đối tượng này tích cực, chủ động tham gia vào công tác GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai ở Việt Nam. Bên cạnh đó, cần triệt để khai thác các tiềm năng tri thức về khoa học công nghệ, pháp luật, luật tục và các tri thức đời sống của các chủ thể này và các nguồn lực khác để phục vụ công tác GDPL cho đồng bào DTTS nói chung, đồng bào dân tộc Raglai ở Việt Nam nói riêng nhằm giúp người dân hòa nhập nhanh hơn vào dòng chảy chung của công tác GDPL trong toàn xã hội.

Bốn là, tăng cường quan hệ phối hợp với cơ quan chức năng có liên quan trong việc nghiên cứu, rà soát, hoàn thiện các chế độ, quy định về bảo đảm, quản lý, sử dụng kinh phí GDPL. Trong đó, cần rà soát nhu cầu về kinh phí, trang cấp, mua sắm, sửa chữa các phương tiện kỹ thuật; bảo đảm cơ sở vật chất, hạ tầng phục vụ công tác GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai ở Việt Nam. Đồng thời, chú trọng bảo đảm kinh phí in, mua tài liệu pháp luật cấp đến cơ sở và các tủ sách, ngăn sách pháp luật; xây dựng cơ chế hỗ trợ kinh phí phù hợp cho đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật. Xây dựng kế hoạch quản lý, sử dụng hiệu quả nguồn kinh phí đối với từng địa phương, từng nhiệm vụ cụ thể bảo đảm khoa học, hiệu quả, chính xác, từ đó bảo đảm sử dụng hiệu quả từng nguồn thu, chi nhất định, tránh lãng phí; căn cứ quy định của Thông tư số 14/2014/TTLT-BTC-BTP, ngày 27/01/2014 nhằm bảo đảm nguồn kinh phí cho các mặt công tác sau: chi hoạt động của Hội đồng Phổ biến, GDPL; chi thực hiện công tác trên phương tiện thông tin đại chúng; chi biên soạn, biên dịch tài liệu; chi phí xây dựng, quản lý Tủ sách pháp luật ở vùng đồng bào DTTS; chi tìm hiểu pháp luật... Định kỳ, đột xuất tiến hành công tác thanh tra, kiểm tra việc quản lý, sử dụng các nguồn kinh phí, các phương tiện kỹ thuật, cơ sở hạ tầng để kịp thời phát hiện, khắc phục những tồn tại, hạn chế trong công tác quản lý, sử dụng.

Tiểu kết Chương 4

Văn kiện Đại hội đai biểu toàn quốc lần thứ XIV đã xác định nhiệm vụ trọng tâm là: *"Tập trung ưu tiên xây dựng đồng bộ thể chế phát triển, trọng tâm là hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách nhằm tháo gỡ kịp thời, dứt điểm các nút thắt, điểm nghẽn, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, bảo đảm sự đồng bộ..."* [23, tr.384]; thực tiễn đã chứng minh: nâng cao hiệu quả công tác GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai ở Việt Nam là vấn đề mang tính tất yếu khách quan, phản ánh đúng đắn nhu cầu thực tiễn phát triển đất nước và yêu cầu của công tác hoàn thiện chính sách pháp luật về GDPL cho đồng bào DTTS. Vì vậy, quá trình triển khai thực hiện công tác này phải bám sát các quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và các đặc trưng của Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam, cần chú ý những điều kiện đặc thù của đồng bào dân tộc Raglai trong mối quan hệ với cả nước và địa bàn, khu vực.

Trên cơ sở phân tich, đánh giá thực trạng công tác GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai ở Việt Nam, tác giả đã đưa ra dự báo các yếu tố tác động và đề xuất 04 quan điểm, 07 giải pháp cơ bản góp phần bảo đảm công tác GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai ở Việt Nam trong thời gian tới, gồm: (1) Nâng cao nhận thức, trách nhiệm cấp uỷ, chính quyền địa phương, đội ngũ cán bộ về vị trí, vai trò của công tác giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Raglai ở Việt Nam; (2) Rà soát, hoàn thiện cơ chế, chính sách về công tác giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Raglai ở Việt Nam (3) Xây dựng đội ngũ cán bộ thực hiện công tác giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Raglai ở Việt Nam đáp ứng yêu cầu của thực tiễn; (4) Đổi mới nội dung, hình thức giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Raglai ở Việt Nam (5) Đẩy mạnh chuyển đổi số trong công tác giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Raglai ở Việt Nam; (6) Tăng cường xã hội hoá công tác giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Raglai ở Việt Nam; (7) Bảo đảm cơ sở vật chất, phương tiện kỹ thuật và chính sách cho công tác giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Raglai ở Việt Nam.

KẾT LUẬN

Giáo dục pháp luật là một bộ phận cấu thành của khoa học lý luận về nhà nước và pháp luật. Xuất phát từ vị trí, vai trò và ý nghĩa của GDPL, nhất là trong bối cảnh nước ta đang xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền, phát triển nền kinh tế thị trường định hướng XHCN và chủ động hội nhập quốc tế một cách sâu rộng, toàn diện, GDPL nói chung, GDPL cho đồng bào DTTS nói riêng đã được các nhà khoa học, các chuyên gia thực tiễn bước đầu quan tâm nghiên cứu. Đến nay, chưa có một công trình khoa học đã được công bố nào nghiên cứu một cách trực diện, có hệ thống, khoa học về công tác GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai ở Việt Nam. Tuy nhiên, các công trình khoa học này là cơ sở khoa học quan trọng giúp tác giả trong việc nghiên cứu, luận giải các vấn đề lý luận và thực tiễn có liên GDPL nói chung đặt trong mối quan hệ với duy trì văn hóa tốt đẹp của đồng bào dân tộc Raglai ở Việt Nam. Trên cơ sở phân tích, làm rõ cơ sở lý luận về GDPL cho đồng bào DTTS và thực trạng công tác GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai ở Việt Nam, tác giả đưa ra một số kết luận sau:

1. Giáo dục pháp luật cho đồng bào DTTS là một hoạt động giáo dục chuyên biệt, vừa là bộ phận cấu thành quan trọng của GDPL nói chung, đặt trong mối quan hệ gắn bó mật thiết với giáo dục tư tưởng, chính trị, đạo đức, lối sống. Bên cạnh những đặc điểm của công tác GDPL nói chung, xuất phát từ đặc điểm về ngôn ngữ, văn hóa, địa bàn sinh sống nên công tác GDPL cho đồng bào DTTS còn có những đặc trưng riêng. Trong bối cảnh tình hình thế giới, khu vực và trong nước sẽ tiếp tục có nhiều diễn biến nhanh chóng, phức tạp và khó lường, thời cơ, thuận lợi và khó khăn, thách thức đan xen. Các thế lực thù địch, các loại tội phạm sẽ triệt để tìm mọi cách để chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc, lợi dụng các vấn đề về dân tộc, tôn giáo, nhân quyền để dụ dỗ, mua chuộc, lôi kéo, khống chế, kích động quần chúng nhân dân nói chung, đồng bào DTTS nói riêng để chống phá công cuộc đổi mới đất nước, đi lên xây dựng CNXH nhằm xóa bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước nhằm hướng lái nước ta theo con đường tư bản chủ nghĩa.

2. Trên thế giới và ở trong nước đã có một số công trình khoa học bước đầu quan tâm, nghiên cứu các vấn đề có liên quan đến công tác GDPL nói chung. Tuy nhiên, các công trình nghiên cứu trên vẫn còn phân tán, tản mạn, chưa có một công trình nghiên cứu trực diện, khoa học và hệ thống về vấn đề này, hoặc nếu có thì chủ yếu là mang tính giới thiệu các khía cạnh có liên quan. Vì vậy, trên phương diện lý luận và thực tiễn về công tác này vẫn còn nhiều vấn đề phải tiếp tục được nghiên cứu, bổ sung, hoàn thiện. Kết quả nghiên cứu của luận án đã góp phần bổ sung, từng bước hoàn thiện lý luận về GDPL cho đồng bào DTTS, như: khái niệm, vị trí, vai trò, đặc điểm, nội dung, hình thức và các điều kiện bảo đảm. Đồng thời, chỉ ra được các yếu tố cấu thành; kinh nghiệm của một số quốc gia trên thế giới và giá trị tham khảo cho Việt Nam. Trên cơ sở làm rõ các yếu tố tác động và thực trạng công tác GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai, tác giả đã đưa ra dự báo, đề xuất 04 quan điểm và 07 giải pháp cơ bản nhằm bảo đảm công tác GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai ở Việt Nam trong thời gian tới.

3. Trong quá trình nghiên cứu, tác giả đã đưa ra khái niệm sau: *Giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Raglai là quá trình tác động có hệ thống, mục đích, thường xuyên của các chủ thể đến nhận thức của đồng bào dân tộc Raglai nhằm trang bị kiến thức pháp luật, góp phần nâng cao nhận thức, ý thức chấp hành pháp luật; bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người dân.* Trên cơ sở đó, tác giả đã chỉ ra các yếu tố tác động và phân tích, đánh giá thực trạng công tác GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai như: (1) Những kết quả đạt được và nguyên nhân; (2) Những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân. Đây là những cơ sở thực tiễn quan trọng để tác giả đưa ra những dự báo, đề xuất các quan điểm, giải pháp bảo đảm công tác GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai ở Việt Nam trong kỷ nguyên mới của dân tộc.

4. Để góp phần bảo đảm công tác GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai ở Việt Nam trong bối cảnh tình hình mới, tác giả đã dự báo các yếu tố tác động và đề xuất 04 quan điểm, 07 giải pháp cơ bản góp phần bảo đảm công tác GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai ở Việt Nam nhằm đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình

hình mới, gồm: (1) Nâng cao nhận thức, trách nhiệm cấp uỷ, chính quyền địa phương, đội ngũ cán bộ về vị trí, vai trò của công tác giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Raglai ở Việt Nam; (2) Rà soát, hoàn thiện cơ chế, chính sách về công tác giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Raglai ở Việt Nam; (3) Xây dựng đội ngũ cán bộ thực hiện công tác giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Raglai ở Việt Nam đáp ứng yêu cầu của thực tiễn; (4) Đổi mới nội dung, hình thức giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Raglai ở Việt Nam (5) Đẩy mạnh chuyển đổi số trong công tác giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Raglai ở Việt Nam; (6) Tăng cường xã hội hoá công tác giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Raglai ở Việt Nam; (7) Bảo đảm cơ sở vật chất, phương tiện kỹ thuật và chính sách cho công tác giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Raglai ở Việt Nam./.

CÁC CÔNG TRÌNH CỦA TÁC GIẢ
ĐÃ CÔNG BỐ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

1. Nguyễn Nhị Hà (2024), *Nâng cao hiệu quả phát triển kinh tế - xã hội của vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Ninh Thuận,* Tạp chí Quản lý nhà nước, ISSN: 2354-0761, số tháng 12/2024.

2. Nguyễn Nhị Hà (2025), *Nâng cao hiệu quả công tác xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên người dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận,* Tạp chí Quản lý nhà nước, ISSN: 2354-0761, số tháng 4/2025.

3. Nguyễn Nhị Hà (2025), *Xây dựng đội ngũ cán bộ người dân tộc thiểu số tại địa bàn tỉnh Ninh Thuận đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới,* Tạp chí Cộng sản, ISSN: 2734-9071, số ngày 15/4/2025.

4. TS. Nguyễn Mạnh Hùng - Ths Nguyễn Nhị Hà (2025), *Quản lý nhà nước bằng pháp luật về nhập cảnh, xuất cảnh đối với người nước ngoài của lực lượng CAND Việt Nam, Nxb Công an nhân dân,* Hà Nội.

5. Nguyễn Nhị Hà (2026), Du lịch sức khỏe - Động lực mới để hiện thực hóa mục tiêu đưa du lịch Khánh Hòa trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, Tạp chí Cộng sản, ISSN: 2734-9071, số ngày 14/8/2026.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

**** Tài liệu Tiếng Việt***

1. Ban Bí thư Trung ương Đảng (2003), *Chỉ thị số 32/CT - TW ngày 09/12/2003 về việc tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của cán bộ, nhân dân,* Hà Nội.
2. Ban Bí thư Trung ương Đảng (2011), *Kết luận số 04 - KL/TW ngày 19/4/2011 của Ban Bí thư về kết quả thực hiện Chỉ thị số 32- CT/TW, ngày 09/12/2003 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa IX), Về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của cán bộ, nhân dân,* Hà Nội.
3. Ban Tư tưởng - Văn hóa trung ương (2012), *Vấn đề dân tộc và chính sách dân tộc của Đảng Cộng sản Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
4. Bộ Công an (2016) *Nghiệp vụ, kỹ năng tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật trong CAND,* do Cục Pháp chế và cải cách hành chính, tư pháp, Bộ Công an làm chủ biên, nhà xuất bản Lao động.
5. Bộ Tư pháp và Bộ Tài chính (2014), Thông tư số 14/TTLT - BTP - BTC ngày 27/01/2014 *về việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở,* Hà Nội.
6. Bộ Tư pháp (2016), *Hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật ở một số quốc gia trên thế giới*, nhà xuất bản Tư pháp.
7. Bộ Tư pháp - Liên minh châu Âu - Chương trình phát triển Liên hợp quốc - Đồng chủ biên (2024), *Quy trình cơ bản phổ biến, giáo dục pháp luật ở cấp cơ sở,* nhà xuất bản Lao động.
8. Bùi Văn Dũng (2014), *Nâng cao chất lượng giáo dục pháp luật cho học sinh trung học phổ thông hiện nay*, Tạp chí Giáo dục, số 337/2014.
9. Chính phủ (2007), Nghị quyết 61/NQ - CP ngày 07/12/2007 *về việc tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 32/CT-TW ngày 09/12/2003 của Ban Bí thư Trung ương*

Đảng (khóa IX) về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, nâng cao ý thức pháp luật của cán bộ, nhân dân, Hà Nội.

10. Chính phủ (2008), *Chỉ thị số 06/2008/CT-TTg về việc phát huy vai trò người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc*, Hà Nội.
11. Chính phủ (2009), *Quyết định Số 1928/QĐ-TTg ngày 20/11/2009 về việc phê duyệt đề án Nâng cao chất lượng công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trong nhà trường*, Hà Nội.
12. Chính phủ (2013), *Quyết định số 449/QĐ-TTg, ngày 12/3/2013 về việc phê duyệt Chiến lược công tác dân tộc đến năm 2020*, Hà Nội.
13. Chính phủ (2015), *Quyết định số 449/QĐ-TTg, ngày 12/3/2013 về việc phê duyệt Chiến lược công tác dân tộc đến năm 2020*, Hà Nội.
14. Chính phủ (2017), *Quyết định số 705/QĐ-TTg ngày 25/5/2017 về việc ban hành "Chương trình phổ biến, giáo dục pháp luật giai đoạn 2017-2021"*, Hà Nội.
15. Chính phủ (2017), *Quyết định số 1163/QĐ-TTg ngày 08/8/2018 về việc phê duyệt Đề án nâng cao hiệu quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật gắn với vận động quần chúng nhân dân chấp hành pháp luật tại cơ sở của lực lượng CAND, giai đoạn 2021 - 2027*, Hà Nội.
16. Chính phủ (2015), *Phê duyệt Đề án Điều tra, thu thập thông tin về thực trạng kinh tế - xã hội của 53 dân tộc thiểu số,* Quyết định số 02/QĐ-TTg ngày 05/ 01/2015, Hà Nội.
17. Chính phủ (2021), *Quyết định số 1739/QĐ-TTg ngày 18/10/2021 về việc phê duyệt Đề án đẩy mạnh công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và tuyên truyền, vận động đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2017 - 2021*, Hà Nội.
18. C.Mác-Ph.Ăngghen (1993), *Toàn tập*, Tập 6, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
19. Dương Thành Trung (2013), *Giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Khmer trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu,* NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

20. Dương Thành Trung (2016), *Giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Khmer ở vùng đồng bằng sông Cửu Long, Việt Nam,* Luận án, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
21. Đảng Cộng sản Việt Nam (2005), *Nghị quyết số 48-NQ/TW ngày 24-5-2005 của Bộ Chính trị (khóa IX) về Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020*, Hà Nội.
22. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII,* tập 1, 2, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
23. Đảng Cộng sản Việt Nam (2026), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV,* tập 1, 2, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
24. Đại học Luật Hà Nội (2017) *Lý luận chung về nhà nước và pháp luật* (tái bản lần thứ nhất, có sửa đổi, bổ sung), năm 2017.
25. Hoàng Thị Kim Quế (2011), *Bàn về hiệu quả phổ biến, giáo dục pháp luật ở nước ta hiện nay,* Tạp chí Khoa học pháp lý, số 08/2011.
26. Hoàng Nam (2013), *Dân tộc Raglai - Tổng quan văn hóa truyền thống các dân tộc Việt Nam (Quyển 2)*, NXB Văn hóa thông tin, tr.353 - 370, Hà Nội.
27. Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh (2012), *Giáo trình Lý luận chung về Nhà nước và pháp luật*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
28. Hội đồng Phối hợp phổ biến giáo dục pháp luật tỉnh Khánh Hoà triển khai công tác năm 2025, Báo Khánh Hoà online, số ngày 14/3/2025.
29. Hội đồng Phổ biến giáo dục pháp luật tỉnh Bình Thuận (2024) *Báo cáo số 01/BC-HĐPH, ngày 02/1/2024 của về tổng kết công tác PBGLPL năm 2023 và phương hướng nhiệm vụ công tác trọng tâm thực hiện công tác PBGDPL, năm 2024,* Ninh Thuận.
30. Học viện Biên phòng (2016), *Phổ biến, giáo dục pháp luật,* NXB Quân đội nhân dân.
31. Huỳnh Văn Thông (2023) *Phổ biến pháp luật cho đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Bình Thuận và giải pháp hoàn thiện,* Tạp chí Nghiên cứu lập pháp, số tháng 11/2023
32. TS Mai Kim Săng (2023), *Nâng cao hiệu quả phổ biến, giáo dục chính sách, pháp luật về an ninh, trật tự trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số tỉnh Lâm Đồng,* NXB Công an nhân dân.

33. Nguyễn Duy Lãm (chủ biên) (1996), *Một số vấn đề giáo dục pháp luật ở miền núi và vùng dân tộc thiểu số*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
34. Nguyễn Quốc Sửu (2014), *Tăng cường giáo dục pháp luật cho đội ngũ cán bộ, công chức hành chính của tỉnh Đắk Lắk*, NXB Lý luận chính trị, Hà Nội.
35. Nguyễn Thị Tĩnh (2016), *Giáo dục pháp luật cho người dân ở tỉnh Đắk Lắk trong giai đoạn hiện nay*, Luận án, Đại học Quốc gia, Hà Nội.
36. GS.TS Nguyễn Minh Đoan - Nguyễn Minh Đức, *Thực hiện, áp dụng và giải thích pháp luật ở Việt Nam*, NXB Chính trị quốc gia sự thật.
37. Nguyễn Văn Vi (2018), *Giáo dục pháp luật trong Quân đội nhân dân Việt Nam,* Luận án, Viện Hàn lâm khoa học xã hội Việt Nam - Học Viện khoa học xã hội, Hà Nội.
38. Nguyễn Thị Tuyết Hạnh (2019), *Biến đổi kinh tế, xã hội, văn hóa của người Raglai ở tỉnh Ninh Thuận, từ năm 1975 đến năm 2015*, Luận án, Đại học Đà Lạt.
39. Nguyễn Tuấn Triết (1991), *Người Raglai ở Việt Nam,* NXB Khoa học xã hội, Hồ Chí Minh.
40. Nguyễn Tuấn Triết (2016), Nghĩ về việc tiếp tục nghiên cứu tộc người Raglai (Tầm nhìn đến năm 2030), *Kỷ yếu hội nghị Thông báo Dân tộc học năm 2015*, tr.751 - 754, Tư liệu Viện Dân tộc học, Hà Nội.
41. Nguyễn Ngọc Thanh (2018), *Hôn nhân và gia đình của dân tộc Raglai ở Khánh Hòa,* NXB Khoa học xã hội.
42. Nguyễn Công Nam (2019) *Công tác xây dựng mô hình tự quản bảo đảm an ninh, trật tự trong cộng đồng người Raglai, tỉnh Ninh Thuận*, Cổng thông tin điện tử Trường Đại học Cảnh sát nhân dân.
43. Nguyễn Thanh Sơn (2023), *Thực trạng và các yếu tố tác động đến công tác phổ biến, giáo dục pháp luật về văn hóa, thể thao và du lịch cho đồng bào dân tộc thiểu số vùng biên giới phía Bắc*, Tạp chí Dân chủ và pháp luật, số tháng 8/2023
44. Nguyễn Hoà Bình, Bình Thuận, *Nỗ lực đẩy lùi tình trạng tảo hôn*, Báo Dân tộc và phát triển, số ngày 13/11/2023, truy nhập vào lúc 10h00, ngày 08/4/2025
45. Nguyễn Văn Hạnh (2025), *Giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa của dân tộc Raglai ở tỉnh Khánh Hòa hiện nay*, Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh.

46. Ngọ Văn Nhân (2012), *Giáo dục pháp luật hay giáo dục ý thức pháp luật,* Tạp chí Nhà nước và pháp luật, số 12(295)/2012, Hà Nội.
47. Ngô Văn Trù (2015), *Giáo dục pháp luật cho phạm nhân trong các trại giam ở Việt Nam*, Luận án, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.
48. Súc Ni Lăn Đon Kun Lạ Vông (2015), *Giáo dục pháp luật trong các trường đào tạo, bồi dưỡng của Bộ An ninh nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào*, Luận án, Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh
49. Lê Thị Phương Nga (2018) *Giáo dục pháp luật cho trẻ em ở Việt Nam hiện nay,* NXB Chính trị quốc gia Sự thật.
50. TS Lê Vệ Quốc - TS Lê Vệ Đức (2024), *Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi - Thực trạng và giải pháp,* Tạp chí Dân chủ và Pháp luật, Kỳ 1, số 410, tháng 8/2024.
51. TS Lê Vệ Quốc - TS Lê Vệ Đức (2024), *Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi - Thực trạng và giải pháp,* Tạp chí Dân chủ và Pháp luật, Kỳ 1, số 410, tháng 8/2024
52. Lò Châu Thoả (2020), *Phổ biến, giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Thái ở Tây Bắc Việt Nam hiện nay*, Luận án, Trường Đại học Luật Hà Nội
53. Lý Nam Hải (2021), *Phổ biến, giáo dục pháp luật cho ngư dân biển ở Việt Nam hiện nay*, Luận án, Trường Đại học Luật Hà Nội, năm 2021
54. Phan Hồng Dương (2014), *Giáo dục pháp luật cho sinh viên các trường đại học không chuyên luật ở Việt Nam,* Luận án, Viện Hàn lâm khoa học xã hội Việt Nam, Hà Nội.
55. Phú Văn Hân (2022), *Dân tộc thiểu số tại chỗ ở các tỉnh vùng cực Nam Trung Bộ trong phát triển bền vững hiện nay - Một số vấn đề thực tiễn và giải pháp,* Tạp chí Khoa học xã hội, số tháng 8/2022.
56. Phan Xuân Biên, Phan An, Phan Văn Dốp, Võ Công Nguyện & Nguyễn Văn Huệ (1998), *Văn hóa và xã hội người Raglai ở Việt Nam,* NXB Khoa học xã hội, Hồ Chí Minh.
57. PGS.TS Phan Đăng Nhật (2023) *Luật tục Chăm và luật tục Raglai,* NXB Văn hóa Dân tộc.
58. PGS.TS Phạm Tất Viễn (2021) *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về phổ biến, giáo dục pháp luật,* NXB Bộ Tư pháp.

59. Từ điển Giáo dục học (2001), NXB Từ điển bách khoa, Hà Nội, tr97.
60. Trung tâm Ngôn ngữ và Văn hóa Việt Nam (1998), *Đại từ điển Tiếng Việt*, Nguyễn Như Ý (chủ biên), NXB Văn hóa - Thông tin, Hà Nội, 1998.
61. GS.TS Trần Ngọc Đường - Dương Thanh Mai (1995), *Bàn về giáo dục pháp luật*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
62. Trần Hữu Toàn (2023), *Trưởng Công an xã say mê thiện nguyện ở vùng đồng bào dân tộc Raglai,* Báo Công an nhân dân, số ngày 14/7/2023
63. Trần Đức Hưng (2023), *Phổ biến, giáo dục pháp luật cho nhân dân ở khu vực biên giới biển của Bộ đội Biên phòng các tỉnh Tây Nam Bộ,* Nhà xuất bản Quân đội nhân dân.
64. Trương Văn Cường (2015), *Biến đổi kinh tế người Raglai (nghiên cứu trường hợp xã Sơn Hiệp, Khánh Sơn, Khánh Hòa),* Thông báo Dân tộc học năm 2015, tr.61 - 74.
65. Inpeng Younkham (2013), *Giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc thiểu số ở tỉnh Bolykhamsay, nước Cộng họa dân chủ nhân dân Lào,* Luận án, Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia.
66. Quốc hội nước Cộng hòa XHCN Việt Nam (2013), *Hiến pháp nước Cộng hòa XHCN Việt Nam*, NXB Tư pháp, Hà Nội.
67. Quốc hội nước Cộng hòa XHCN Việt Nam (2012), *Luật phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2012,* NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
68. Quốc hội nước Cộng hòa XHCN Việt Nam (2016), *Luật Tiếp cận thông tin,* NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
69. Quốc hội (2012) *Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật,* NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
70. Quốc hội (2016) *Luật Tiếp cận thông tin,* NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
71. Quốc hội (2025) *Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật,* NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội
72. Trương Văn Món (2015), *Chính sách của Đảng - Nhà nước Việt Nam đối với các dân tộc thiểu số vùng Trường Sơn - Tây Nguyên: Những vấn đề đặt ra*, Nhân học và cuộc sống (tập 3), NXB Đại học Quốc gia TP Hồ Chí Minh, tr.118 - 146.

73. Vũ Thị Hoài Phương (2007), *Kết hợp giáo dục pháp luật với giáo dục chính trị - tư tưởng, đạo đức và văn hóa đối với doanh nghiệp Nhà nước ở Việt Nam,* Tạp chí Dân chủ và pháp luật, số 04/2007.
74. Vũ Đình Mười (2015), *Biến đổi kinh tế - xã hội của dân tộc Raglai (1980 - 2014)*, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam, Hà Nội.
75. Vilay Philavong (2017), *Giáo dục pháp luật cho công chức hành chính ở nước cộng hòa dân chủ nhân dân Lào hiện nay*, Luận án, Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
76. Tổng cục Thống kê (2019), *Tổng điều tra dân số và nhà ở Việt Nam*, NXB Thống kê, Hà Nội
77. Trịnh Văn Hưng (2023), *Chất lượng giáo dục pháp luật cho học viên ở các nhà trường Quân đội nhân dân Việt Nam*, Luận án, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.
78. Tỉnh ủy Ninh Thuận (2024) *Báo cáo số 521/BC-TU ngày 15/11/2024 về việc sơ kết 03 năm thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TU ngày 25/01/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XIV về phát triển kinh tế, xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đến năm 2025, định hướng đến năm 2030,* Ninh Thuận.
79. Ủy ban Dân tộc (2012), *Một số văn bản quy phạm pháp luật về lĩnh vực công tác dân tộc (2006 - 2012)*, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
80. UBND tỉnh Ninh Thuận (2004), *Báo cáo Tình hình dân tộc thiểu số tỉnh Ninh Thuận*, Ninh Thuận.
81. UBND tỉnh Ninh Thuận (2020), Báo *cáo số 391/BC-UBND, ngày 1/12/2020 về kết quả PBGDPL, thực hiện hòa giải ở cơ sở, xây dựng cấp xã đạt chuẩn về tiếp cận pháp luật, năm 2020 và phương hướng, nhiệm vụ công tác trọng tâm năm 2021,* Ninh Thuận.
82. UBND tỉnh Ninh Thuận (2019b), *Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019 tỉnh Ninh Thuận (Kết quả toàn bộ)*, Ninh Thuận.
83. UBND tỉnh Ninh Thuận (2020), *Quyết định số 2314/QĐ-UBND về việc thay thế, bổ sung và công nhận người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số tỉnh Ninh Thuận năm 2021*, Ninh Thuận.

84. UBND tỉnh Ninh Thuận (2018), *Sanaut Radlai (Tiếng Raglai) (Tài liệu dành cho cán bộ, công chức, viên chức công tác ở vùng dân tộc miền núi tỉnh Ninh Thuận)*, Ninh Thuận.
85. UBND tỉnh Ninh Thuận (2024), *Báo cáo số 01/BC-HĐPBGDPL ngày 02/01/2024 về việc tổng kết công tác phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2023 và phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm năm 2024* , Ninh Thuận.
86. UBND tỉnh Ninh Thuận (2024), *Báo cáo số 339/BC-UBND ngày 18/12/2024 về kết quả phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2024; hòa giải ở cơ sở; xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận về pháp luật năm 2024*, Ninh Thuận.
87. Viện Nghiên cứu chính sách dân tộc và miền núi (2002), *Vấn đề dân tộc và định hướng xây dựng chính sách dân tộc trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
88. https://www.gso.gov.vn/du-lieu-va-so-lieu-thong-ke/2025/01/mot-so-net-chinh-tinh-hinh-kinh-te-xa-hoi-quy-iv-va-nam-2024/ truy nhập vào lúc 22h00, ngày 08/4/2024
89. Vụ Phổ biến, giáo dục pháp luật - Bộ Tư pháp (2013), *Hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật tại một số nước trên thế giới*, NXB Bộ Tư pháp, Hà Nội
90. Văn Trường Phúc (2025), *Biện pháp nâng cao chất lượng phong trào Toàn dân bảo vệ An ninh Tổ quốc,* Trang thông tin điện tử xã Khánh Bình.

*** Tài liệu nước ngoài**

91. Edward Rubin (2012),*"Legal Education in the Digital Age - Giáo dục pháp luật trong thời đại kỹ thuật số"*.
92. N. I. Matuzova, A. V. Malưko, *Lý luận nhà nước và pháp luật* (tái bản lần thứ hai).
93. *Lý luận nhà nước và pháp luật, Giáo dục pháp luật ở Liên bang Nga*
94. Cristopher Gane, Robin Hui Huang (2016) *Legal Education in the globe context - Giáo dục pháp luật trong bối cảnh toàn cầu*, Pub.Location, London, năm 2016
95. Strailaieva, *Giáo dục pháp luật trong điều kiện xây dựng Nhà nước pháp quyền.*
96. Hội Luật gia dân chủ quốc tế (2006), *Giáo dục pháp luật trong thời đại toàn cầu hóa* (Legal Education in the Age of Globalization), Hội thảo khoa học, Paris, Cộng hòa Pháp

PHỤ LỤC 1

SỐ LƯỢNG NGƯỜI CÓ UY TÍN Ở KHU VỰC NAM TRUNG BỘ

TT	Tỉnh	Số lượng	Ghi chú
1	Khánh Hoà	88 người (*Trong đó: Raglai: 74, Ê đê: 07, Cơ ho: 05, Nùng: 01, Kinh: 01)*	Nay là tỉnh Khánh Hòa
2	Ninh Thuận	124 người *(Trong đó, Raglai: 83, Chăm 35, Churu: 01, Nùng: 02, Cơ ho: 03)*	
3	Bình Thuận	91 người *(Trong đó, Raglai: 26, Chăm: 26, Cơ ho: 18, Chơ ro: 06, Tày: 07, Nùng: 03, Hoa: 04, Hre: 01)*	Nay là tỉnh Lâm Đồng

(Báo cáo của Sở Tư pháp tỉnh Khánh Hoà, Ninh Thuận, Bình Thuận, năm 2025)

PHỤ LỤC 2

SỐ LƯỢNG BÁO CÁO VIÊN, TUYÊN TRUYỀN VIÊN PHÁP LUẬT Ở KHU VỰC NAM TRUNG BỘ

TT	Tỉnh	Số lượng	Ghi chú
1	Khánh Hoà	290 báo cáo viên; 1.500 tuyên truyền viên pháp luật	Nay là tỉnh Khánh Hòa
2	Ninh Thuận	276 báo cáo viên; 1.385 tuyên truyền viên pháp luật	
3	Bình Thuận	201 báo cáo viên 1.112 tuyên truyền viên pháp luật	Nay là tỉnh Lâm Đồng

(Báo cáo của Sở Tư pháp tỉnh Khánh Hoà, Ninh Thuận, Bình Thuận, năm 2025)

PHỤ LỤC 3

ĐỐI TƯỢNG, PHƯƠNG PHÁP THU THẬP THÔNG TIN GIÁO DỤC PHÁP LUẬT CHO ĐỒNG BÀO DÂN TỘC RAGLAI Ở VIỆT NAM

Trong quá trình đánh giá thực trạng GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai ở Việt Nam, tác giả đã nghiên cứu sử dụng các tài liệu thứ cấp, như: báo cáo sơ kết, báo cáo tổng kết, báo cáo chuyên đề của các đơn vị, địa phương và các công trình khoa học khác liên quan. Đồng thời, tác giả sử dụng phương pháp nghiên cứu sơ cấp thông qua điều tra xã hội để đưa ra những phân tích, đánh giá thực trạng GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai ở Việt Nam một cách chính xác, khách quan, như:

- Xây dựng mẫu phiếu khảo sát đối với cán bộ chuyên trách, báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật.

- Xây dựng mẫu phiếu khảo sát đối với đồng bào dân tộc Raglai ở Việt Nam.

1. Đối tượng thu thập thông tin

- Cán bộ chuyên trách, báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật là những cán bộ đang công tác trong các cơ qua chủ trì tham mưu với cấp uỷ, chính quyền địa phương về công tác GDPL cho đồng bào DTTS; là cán bộ, công chức, viên chức, sĩ quan trong lực lượng vũ trang nhân dân được cơ quan có thẩm quyền ra quyết định thực hiện công tác GDPL cho đồng bào DTTS nói chung, đồng bào dân tộc Raglai nói riêng.

- Đồng bào dân tộc Raglai là người dân tộc Raglai ở Việt Nam.

2. Phương pháp thu thập thông tin

Điều tra bằng phương pháp trưng cầu ý kiến

Điều tra bằng bảng hỏi, các câu hỏi đã được in sẵn trên phiếu trưng cầu ý kiến

Bảng 1: Đối tượng trưng cầu ý kiến, số phiếu và tỷ lệ

Đối tượng điều tra	Tổng số phiếu phát ra	Tổng số phiếu thu về	Tỷ lệ % trên tổng số phiếu thu về
Cán bộ chuyên trách, báo cáo viên, tuyên tryền viên pháp luật	100	95	95
Đồng bào dân tộc Raglai	100	90	90
Tổng cộng	**200**	**185**	**185**

(Nguồn: Kết quả xử lý phiếu trưng cầu ý kiến)

3. Cơ cấu mẫu phiếu trưng cầu ý kiến thực trạng giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Raglai ở Việt Nam

Để hiểu thực trạng GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai ở Việt Nam, tác giả đã phát ra **200** phiếu trưng cầu ý kiến dành cho cán bộ chuyên trách, báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật và đồng bào dân tộc Raglai ở Việt Nam. Số phiếu phát ra là 200, số phiếu thu về là 185 phiếu, đạt tỉ lệ 92.5%.

3.1. Cơ cấu về độ tuổi của đối tượng điều tra

Bảng 2. Phân loại đối tượng điều tra theo độ tuổi

Độ tuổi	Tần suất	Tỷ lệ %
Từ 18 tuổi đến 31 tuổi	42	22.7
Từ 32 tuổi đến 45 tuổi	83	44.8
Từ 45 tuổi trở lên	60	32.5
Tổng số	**185**	**100**

(Nguồn: Kết quả xử lý phiếu trưng cầu ý kiến)

Kết quả thống kê trên cho thấy, nhóm đối tượng trong độ tuổi từ 32 tuổi đến 45 tuổi chiếm tỉ lệ cao nhất (44.8%)

3.2. Cơ cấu về trình độ học vấn của đối tượng điều tra

Bảng 3. Phân loại đối tượng điều tra theo trình độ học vấn

Trình độ	Tần suất	Tỷ lệ %
Tiểu học	30	16.5
Trung học cơ sở	42	22,7
Trung học phổ thông	25	13.5
Trung cấp	38	20.5
Đại học	32	17,3
Sau đại học	18	9.5
Tổng số	**185**	**100**

(Nguồn: Kết quả xử lý phiếu trưng cầu ý kiến)

Kết quả thống kê trên cho thấy, nhóm đối tượng có trình độ trung cấp trở lên chiếm tỉ lệ cao nhất (22.7%). Qua đó, có thể khẳng định rằng: các đối tượng điều tra có trình độ chuyên môn tốt, có những hiểu biết nhất định về kiến thức pháp luật có liên quan.

3.3. Cơ cấu trình độ quản lý nhà nước của đối tượng điều tra

Bảng 4. Phân loại đối tượng điều tra theo trình độ QLNN

Trình độ QLNN	Tần suất	Tỷ lệ %
Trợ lý	25	25
Chuyên viên	36	36
Chuyên viên chính	28	28
Chuyên viên cao cấp	11	11
Tổng số	**100**	**100**

(Nguồn: Kết quả xử lý phiếu trưng cầu ý kiến)

Kết quả thống kê trên cho thấy, đối tượng điều tra theo trình độ QLNN chủ yếu tập trung nhiều vào đội ngũ chuyên viên (36%,) và chuyên viên chính (28%), đội ngũ chuyên viên cao cấp chiến tỉ lệ chưa cao (11%.)

3.4. Cơ cấu trình độ lý luận chính trị của đối tượng điều tra

Bảng 5. Phân loại đối tượng điều tra theo trình độ lý luận chính trị

Trình độ lý luận chính trị	Tần suất	Tỷ lệ%
Sơ cấp chính trị	30	30
Trung cấp chính trị	52	52
Cao cấp chính trị	18	18
Tổng số	**100**	**100**

(Nguồn: Kết quả xử lý phiếu trưng cầu ý kiến)

Kết quả thống kê trên cho thấy, trình độ lý luận chính trị của đối tượng điều tra khá cao, trong đó, nhóm đối tượng có trình độ lý luận trung cấp lý luận chiếm tỉ lệ cao nhất là 52%.

3.5. Cơ cấu về chức vụ đảm nhiệm của đối tượng điều tra

Bảng 6. Phân loại đối tượng điều tra theo chức vụ đảm nhiệm

Vị trí công tác	Tần suất	Tỷ lệ %
Lãnh đạo cấp cục	12	12
Lãnh đạo cấp phòng	36	36
Cán bộ	52	52
Tổng số	**100**	**100**

(Nguồn: Kết quả xử lý phiếu trưng cầu ý kiến)

Kết quả thống kê cho thấy, đối tượng điều tra chủ yếu là cán bộ chuyên trách, báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật với tỉ lệ 52%. Đây là nhóm đối tượng trực tiếp tham mưu, tổ chức thực hiện công tác GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai ở Việt Nam.

4. Phương pháp xử lý thông tin

Để có kết quả thông tin phản ánh chính xác, khoa học về thực trạng công tác GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai ở Việt Nam, tác giả đã sử dụng các phương pháp xử lý thông tin sau:

- Sử dụng phần mềm EpiData phiên bản 3.1 để nhập dữ liệu, thiết lập chế độ kiểm tra (File Check) một cách chính xác, khoa học nhằm hạn chế tối đa sai sót trong quá trình xử lý. Tất cả dữ liệu sau khi nhập xong được chuyển sang phần mềm SPSS phiên bản 13.0 để quản lý, phân tích.

- Sử dụng phần mền SPSS phiên bản 13.0 để quản lý, phân tích. Trên cơ sở đó, kết quả phân tích được sử dụng phương pháp thống kê.

- Kết quả điều tra là những cơ sở khoa học quan trọng giúp tác giả trong việc phân tích, đánh giá thực trạng GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai ở Việt Nam.

PHIẾU KHẢO SÁT
CÔNG TÁC GIÁO DỤC PHÁP LUẬT CHO ĐỒNG BÀO DÂN TỘC RAGLAI
(Dùng cho đồng bào dân tộc Raglai)

*Để phục vụ cho đề tài nghiên cứu **"Giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Raglai ở Việt Nam"**. Xin ông/bà cho biết ý kiến về những nội dung dưới đây bằng cách đánh dấu "X" vào những ô thích hợp, hoặc ghi thêm ý kiến cá nhân. Những thông tin được cung cấp chỉ phục vụ cho mục đích nghiên cứu*

Trân trọng cảm ơn sự hợp tác của ông /bà!

Phần 1: Thông tin cá nhân

1. Tuổi……; Giới tính:…….....

2. Trình độ học vấn:.....

3. Nghề nghiệp: …….....

Câu 1: Theo ông/bà, giáo dục pháp luật cho đồng DTTS là:

1.1. Là quá trình tác động có hệ thống, mục đích, thường xuyên tới nhận thức của đồng bào DTTS	35	35%
1.2. Nhằm nâng cao ý thức pháp luật, điều chỉnh hành vi của bản thân theo đúng quy định của pháp luật.	20	20%
1.3. Là quá trình tác động có hệ thống, mục đích, thường xuyên tới nhận thức của đồng bào DTTS nhằm trang bị trình độ pháp lý nhất định để góp phần nâng cao ý thức pháp luật, tôn trọng, tự giác xử sự theo quy định của pháp luật.	45	45%

Câu 2: Theo ông/bà, giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Raglai ở Việt Nam là:

2.1. Là quá trình tác động có hướng của chủ thể GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai	30	30%
2.2. Nhằm trang bị kiến thức pháp luật, góp phần nâng cao nhận thức, ý thức chấp hành pháp luật; bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người dân	35	35%
2.3. Là quá trình tác động có hệ thống, mục đích, thường xuyên tới nhận thức của đồng bào dân tộc Raglai nhằm nâng cao nhận thức, ý thức chấp hành pháp luật; bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người dân	35	35%

Câu 3: Theo ông/bà, đặc điểm của giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc thiểu số là:

3.1. Đặt trong mối quan hệ hài hoà với giáo dục các tri thức tinh hoa của luật tục bản địa.	20	20%
3.2. Đối tượng GDPL cho đồng bào DTTS là nhóm cư dân người dân tộc thiểu số bản địa.	45	45%
3.3. Là quá trình tác động của các chủ thể nhằm bảo đảm bình đẳng của mọi người dân trước pháp luật, góp phần xây dựng xã hội công bằng, văn minh và phát triển bền vững.	35	35%

Câu 4: Theo ông/bà, vai trò của giáo dục pháp luật cho đồng bào DTTS là:

4.1. Góp phần bảo vệ, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người DTTS, bảo đảm lợi ích chung của cộng đồng	30	30%
4.2. Góp phần bảo đảm sự công bằng và thực hành nền dân chủ xã hội.	20	20%
4.3. Góp phần bảo đảm thực hiện nguyên tắc bình đẳng giữa các dân tộc	25	25%
4.4. GDPL cho đồng bào DTTS góp phần bảo đảm thực hiện pháp luật nghiêm minh.	14	14%
4.5. Tất cả các phương án trên	11	11%

Câu 5: Theo ông/bà, mục tiêu của giáo dục pháp luật cho đồng bào DTTS là:

5.1. GDPL giúp hình thành, củng cố ý thức pháp luật	40	40%
5.2. GDPL giúp hình thành thái độ, tình cảm và niềm tin đối với pháp luật	26	26%
5.3. GDPL giúp hình thành hành vi ứng xử tích cực theo pháp luật	20	20%
5.4. Tất cả các phương án trên	14	14%

Câu 6: Theo ông/bà, nội dung giáo dục pháp luật cho đồng bào DTTS gồm:

6.1. Hệ thống các VBQPPL được Nhà nước, chính quyền địa phương ban hành theo đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền	34	34%

6.2. Quán triệt, thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về công tác dân tộc và chính sách dân tộc	22	22%
6.3. Ý thức tôn trọng và chấp hành pháp luật; ý thức bảo vệ pháp luật; lợi ích của việc chấp hành pháp luật; gương người tốt, việc tốt trong thực hiện pháp luật	44	44%

Câu 7: Theo Ông/bà, hình thức GDPL chủ yếu cho đồng bào DTTS là:

7.1. Họp báo, thông cáo báo chí	26	26%
7.2. Phổ biến pháp luật trực tiếp; tư vấn, hướng dẫn tìm hiểu pháp luật; cung cấp thông tin, tài liệu pháp luật	30	30%
7.3. Thông qua các phương tiện thông tin đại chúng; tổ chức thi tìm hiểu pháp luật	24	24%
7.4. Lồng ghép trong các thiết chế văn hóa; tủ sách pháp luật	20	20%

Câu 8: Theo ông/bà, tình hình an ninh, trật tự trên địa bàn vùng DTTS ở Việt Nam như thế nào?

8.1. Ổn định	24	26.7%
8.2. Còn một số vấn đề phức tạp	36	40%
8.3. Rất phức tạp	30	33.3%

Câu 9: Theo ông/bà, việc tìm hiểu, tiếp cận pháp luật của mình được thực hiện khi nào?

9.1. Thường xuyên	28	28%
9.2. Khi gặp vấn đề liên quan đến pháp luật mới tìm hiểu	52	52%
9.3. Không chủ động	20	20%

Câu 10: Thời quan qua, ông/bà có tham gia các hoạt động giáo dục pháp luật cho đồng bào DTTS nào không?

10.1. Tham dự nhiều	32	32%
10.2. Tham dự ít	43	43%
10.3. Không tham dự	25	25%

Câu 11: Theo ông/bà, những luật tục của địa phương có phù hợp với yêu cầu của thực tiễn hiện nay không?

11.1. Không phù hợp	35	35%
11.2. Ít phù hợp	19	19%
11.3. Phù hợp	46	46%

Câu 12: Ông/bà đã tiếp cận chính sách, pháp luật chủ yếu thông qua hình thức nào?

12.1. Phương tiện truyền thông đại chúng	32	32%
12.2. Các cuộc thi tìm hiểu pháp luật	23	23%
12.3. Hoạt động trợ giúp pháp lý, hòa giải	19	19%
12.4. Ấn phẩm tài liệu, cẩm nang pháp luật	13	13%
12.5. Người có uy tín trong cộng đồng	17	17%
12.6. Các hình thức khác	04	04%

Câu 13: Theo ông/bà, công tác giáo dục pháp luật cho đồng bào Raglai có dễ hiểu, dễ tiếp thu không?

13.1. Rất dễ hiểu, dễ tiếp thu	45	45%
13.2. Khó hiểu, khó tiếp thu	17	17%
13.3. Hiểu nhưng không nhớ đầy đủ	38	38%

Câu 14: Địa phương nơi ông/bà sinh sống có thường xuyên tổ chức các hoạt động liên quan đến pháp luật không?

14.1. Thường xuyên	24	24%
14.2. Thỉnh thoảng	28	28%
14.3. Ít khi	32	32%
13.4. Không bao giờ	16	16%

Câu 15: Theo ông/bà, hạn chế chủ yếu trong công tác giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Raglai là gì?

14.1. Ít tổ chức các hoạt động GDPL đến người dân	19	19%
14.2. Nội dung khó hiểu, khó tiếp thu	21	21%
14.3. Hình thức không hấp dẫn	25	25%

14.4. Thời gian, địa điểm tổ chức các hoạt động không phù hợp với các đặc điểm sinh hoạt, nghề nghiệp của bản thân	26	26%
14.5. Trình độ, năng lực của cán bộ quản lý, báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật còn hạn chế	09	09%

Câu 16: Theo ông/bà, báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật còn hạn chế ở những vấn đề gì?

14.1. Kiến thức hạn chế	28	28%
14.2. Truyền đạt khó hiểu	36	36%
14.3. Cán bộ người Kinh không giỏi tiếng dân tộc	23	23%
13.4. Cán bộ không am hiểu phong tục tập quán của người dân	13	13%

Câu 17: Theo ông/bà, giải pháp chủ yếu để bảo đảm giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Raglai là:

14.1. Lồng ghép trong các hoạt động văn hóa, văn nghệ, các cuộc thi tìm hiểu pháp luật	28	28%
14.2. Hoàn thiện thể chế, chính sách pháp luật về GDPL cho đồng bào DTTS	25	25%
14.3. Xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý, báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật bảo đảm về số lượng, chất lượng	29	29%
13.4. Đẩy mạnh chuyển đổi số trong GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai	22	22%

Câu 18: Ông/bà thường quan tâm đến nội dung gì trong một văn bản quy phạm pháp luật?

14.1. Quyền và nghĩa vụ của bản thân	30	30%
14.2. Các hành vi bị nghiêm cấm và chế tài xử phạt	23	23%
14.3. Tổ chức thực hiện	29	29%
13.4. Nguyên tắc áp dung	18	18%

Câu 19: Ông/bà đang quan tâm tìm hiểu pháp luật về vấn đề gì?

14.1. Pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo	29	29%
14.2. Pháp luật về đất đai, bảo vệ rừng	26	26%
14.3. Chính sách ưu tiên đối với đồng bào DTTS	19	19%
13.4. Chính sách đại đoàn kết toàn dân tộc	16	16%
13.4. Chính sách phát triển nông thôn mới	10	10%

PHIẾU KHẢO SÁT
CÔNG TÁC GIÁO DỤC PHÁP LUẬT CHO ĐỒNG BÀO DÂN TỘC RAGLAI
(Dùng cho cán bộ chuyên trách, báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật)

*Để phục vụ cho đề tài nghiên cứu **"Giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Raglai ở Việt Nam"**. Xin ông/bà cho biết ý kiến về những nội dung dưới đây bằng cách đánh dấu "X" vào những ô thích hợp, hoặc ghi thêm ý kiến cá nhân. Những thông tin được cung cấp chỉ phục vụ cho mục đích nghiên cứu*

Trân trọng cảm ơn sự hợp tác của ông /bà!

Phần 1: Thông tin cá nhân

1. Tuổi……; Giới tính:…….....

2. Trình độ học vấn:.....

3. Nghề nghiệp: …….....

Câu 1: Theo ông/bà, giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Raglai ở Việt Nam là:

2.1. Là quá trình tác động có hướng của chủ thể GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai	25	25%
2.2. Nhằm trang bị kiến thức pháp luật, góp phần nâng cao nhận thức, ý thức chấp hành pháp luật; bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người dân	35	35%
2.3. Là quá trình tác động có hệ thống, mục đích, thường xuyên tới nhận thức của đồng bào dân tộc Raglai nhằm nâng cao nhận thức, ý thức chấp hành pháp luật; bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người dân	40	40%

Câu 3: Theo ông/bà, đặc điểm của giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc thiểu số là:

3.1. Đặt trong mối quan hệ hài hoà với giáo dục các tri thức tinh hoa của luật tục bản địa.	23	23%
3.2. Đối tượng GDPL cho đồng bào DTTS là nhóm cư dân người dân tộc thiểu số bản địa.	32	32%

3.3. Là quá trình tác động của các chủ thể nhằm bảo đảm bình đẳng của mọi người dân trước pháp luật, góp phần xây dựng xã hội công bằng, văn minh và phát triển bền vững.	45	45%

Câu 4: Theo ông/bà, vai trò của giáo dục pháp luật cho đồng bào DTTS là:

4.1. Góp phần bảo vệ, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người DTTS, bảo đảm lợi ích chung của cộng đồng	30	30%
4.2. Góp phần bảo đảm sự công bằng và thực hành nền dân chủ xã hội.	24	24%
4.3. Góp phần bảo đảm thực hiện nguyên tắc bình đẳng giữa các dân tộc	18	20%
4.4. GDPL cho đồng bào DTTS góp phần bảo đảm thực hiện pháp luật nghiêm minh.	16	16%
4.5. Tất cả các phương án trên	14	14%

Câu 5: Theo ông/bà, mục tiêu của giáo dục pháp luật cho đồng bào DTTS là:

5.1. GDPL giúp hình thành, củng cố ý thức pháp luật	40	40%
5.2. GDPL giúp hình thành thái độ, tình cảm và niềm tin đối với pháp luật	26	26%
5.3. GDPL giúp hình thành hành vi ứng xử tích cực theo pháp luật	22	22%
5.4. Tất cả các phương án trên	12	12%

Câu 6: Theo ông/bà, nội dung giáo dục pháp luật cho đồng bào DTTS gồm:

6.1. Hệ thống các VBQPPL được Nhà nước, chính quyền địa phương ban hành theo đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền	36	36%
6.2. Quán triệt, thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về công tác dân tộc và chính sách dân tộc	32	32%
6.3. Ý thức tôn trọng và chấp hành pháp luật; ý thức bảo vệ pháp luật; lợi ích của việc chấp hành pháp luật; gương người tốt, việc tốt trong thực hiện pháp luật	20	20%
6.4. Tất cả các phương án trên	12	12%

Câu 7: Theo ông/bà, hình thức GDPL chủ yếu cho đồng bào DTTS là:

7.1. Họp báo, thông cáo báo chí	26	26%
7.2. Phổ biến pháp luật trực tiếp; tư vấn, hướng dẫn tìm hiểu pháp luật; cung cấp thông tin, tài liệu pháp luật	29	29%
7.3. Thông qua các phương tiện thông tin đại chúng; tổ chức thi tìm hiểu pháp luật	25	25%
7.4. Lồng ghép trong các thiết chế văn hóa; tủ sách pháp luật	20	20%

Câu 8: Theo ông/bà, tình hình an ninh, trật tự trên địa bàn vùng đồng bào dân tộc Raglai ở Việt Nam như thế nào?

8.1. Ổn định	40	40%
8.2. Còn một số vấn đề phức tạp	46	36%
8.3. Rất phức tạp	14	14%

Câu 9: Theo ông/bà, việc tìm hiểu, tiếp cận pháp luật của đồng bào dân tộc Raglai được thực hiện khi nào?

9.1. Thường xuyên	32	32%
9.2. Khi gặp vấn đề liên quan đến pháp luật mới tìm hiểu	45	45%
9.3. Không chủ động	23	23%

Câu 10: Theo ông/bà, mức độ tham gia giáo dục pháp luật của đồng bào Raglai như thế nào?

10.1. Tham dự nhiều	20	20%
10.2. Tham dự ít	56	56%
10.3. Không tham dự	34	34%

Câu 11: Theo ông/bà, ưu điểm của công tác GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai hiện nay là gì?

11.1. Thực hiện được mục tiêu đề ra	37	37%
11.2. Nội dung GDPL đã bám sát nhu cầu pháp luật của người dân	23	23%
11.3. Hình thức GDPL phong phú, đa dạng	29	29%
11.4. Tất cả các ý kiến trên	11	11%

Câu 12: Theo ông/bà, nguyên nhân chủ yếu của những kết quả đạt được trong GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai là gì?

12.1. Sự quan tâm, lãnh đạo, chỉ đạo của cấp uỷ, chính quyền địa phương	29	29%
12.2. Đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật ngày càng được kiện toàn theo hướng tinh, gọn, mạnh	23	22%
12.3. Hệ thống chính sách pháp luật ngày càng được hoàn thiện, đồng bộ	19	19%
12.4. Nhận thức của cán bộ, đảng viên về công tác GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai ngày càng được nâng cao	17	17%
12.5. Tất cả các phương án trên	12	12%

Câu 13: Theo ông/bà, hạn chế của công tác GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai là gì?

13.1. GDPL chưa bám sát nhu cầu pháp luật của người dân	32	32%
13.2. Đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyên viên pháp luật ít am hiểu phong tục, tập quán, ngôn ngữ của đồng bào Raglai	28	28%
13.3. Hệ thống cơ sở vật chất, phương tiện kỹ thuật, kinh phí chưa đáp ứng được yêu cầu của thực tiễn	23	23%
13.4. Hiệu quả chuyển đổi số trong công tác GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai chưa cao	17	17%

Câu 14: Theo ông/bà, giải pháp để bảo đảm công tác GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai là gì?

14.1. Nâng cao nhận thức, trách nhiệm cấp uỷ, chính quyền địa phương , đội ngũ cán bộ về vị trí, vai trò của công tác giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Raglai ở Việt Nam	30	30%
14.2. Rà soát, hoàn thiện thể chế, chính sách về công tác giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Raglai ở Việt Nam	28	28%
14.3. Xây dựng đội ngũ cán bộ thực hiện công tác giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Raglai ở Việt Nam đáp ứng yêu cầu của thực tiễn	21	21%
13.4. Đổi mới nội dung, hình thức giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Raglai ở Việt Nam	11	11%

Câu 15: Theo ông/bà, nội dung giải pháp đổi mới nội dung GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai là gì?

14.1. Xác định rõ nhu cầu pháp luật của từng đối tượng cụ thể	39	39%
14.2. Tăng cường tổ chức các cuộc khảo sát, thăm dò ý kiến của người dân	42	42%
14.3. Lựa chọn chọn thời điểm triển khai công tác GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai cho phù hợp	15	15%
13.4. Tất cả các đáp án trên	04	04%